NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 173 • SEPTEMBER 2003

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

Viết về Hà Nội

Trung Tâm Vân Sơn Hân hạnh giới thiệu bộ Video

Vân Sơn 25 - Hoa Hậu Việt Nam Thế Giới Lần II

Một món quà tinh thần vui vẻ nhất trong dịp lễ Labor Day 1 tháng 9-2003

Đã được phát hành rộng rãi khắp nơi bằng DVD & Video Tape.

Điện thoại: (714) 799-1566 * Fax: (714) 799-1577

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

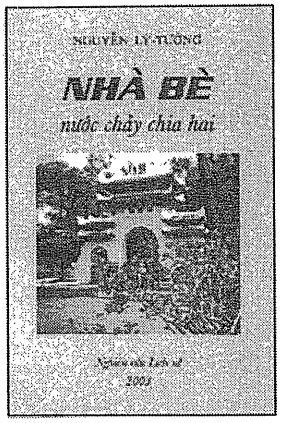

NHÀ BÈ NƯỚC CHẢY CHIA HAI
Nghiên cứu lịch sử của
NGUYỄN LÝ TƯỞNG
Cuốn sách đầy những hiểu biết và tài liệu, hình ảnh liên quan đến những người đã góp công xây dựng và mở mang "Đất Gia Định" và "Đồng Bằng Sông Cửu Long," một di sản vô giá mà chúng ta được thừa kế của tổ tiên. Giá 15 Mỹ kim.

NHỮNG NGÀY CUỐI CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA
Tác giả bản Anh ngữ
***The Final Collapse*: CAO VĂN VIÊN**
Bản dịch của NGUYỄN KỲ PHONG
Được viết trong khoảng thời gian 1976-1978, đây là một trong những cuốn sách trong bộ *Indochina Monographs* (do Trung Tâm Quân Sử Lục Quân chủ trương biên soạn) được nhiều sử gia hiện đại của Trung Tâm Quân Sử Hoa Kỳ trích nhiều trong các sách biên khảo về quân sự và quân sử. Giá 15 Mỹ kim.

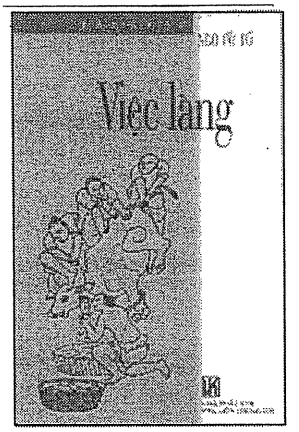

VIỆC LÀNG
Phóng sự của **NGÔ TẤT TỐ**
Bạn muốn biết những phong tục, nhiều khi rất lạ lùng, nơi làng xã miền Bắc Việt Nam thời trước năm 1945? Xin mời bạn đọc cuốn sách này của Ngô Tất Tố, một học giả uyên thâm, một nhà văn, một nhà viết phóng sự xuất sắc. Phong tục cổ dưới ngòi bút của ông trở thành vô cùng sống động...Giá 12 Mỹ

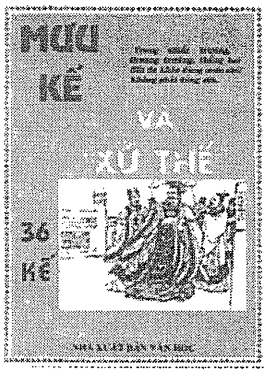

MƯU KẾ VÀ XỬ THẾ
Biên khảo của **MÃ SÂM LƯỢNG**
DƯƠNG QUỐC ANH chỉnh lý bản dịch
Chúng ta thường nghe nói "ba mươi sáu kế" của người Tàu xưa, phải đọc cuốn sách này mới biết 36 kế ấy là gì. Đây là cả một túi khôn của người Trung Quốc, bày ra những mưu kế và cách xử thế ly kỳ, khôn ngoan mà chúng ta phải đọc cuốn sách này mới thấy hết được. Giá 12 Mỹ kim.

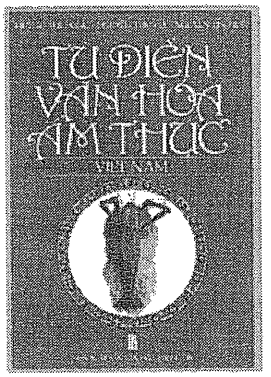

TỪ ĐIỂN VĂN HỌC ẨM THỰC VIỆT NAM
Biên soạn: **HUỲNH THỊ DUNG NGUYỄN THU HÀ NGUYỄN THỊ HUẾ.** Một cuốn sách liệt kê hầu như tất cả các thức ăn, thức uống của dân Việt Nam. Không những mô tả thức ẩm thực mà còn dạy cách nấu ăn. Một công trình nghiên cứu đáng kể về việc làm ra miếng ăn thức uống của cả dân tộc từ Bắc vô Nam. Giá 24 Mỹ kim.

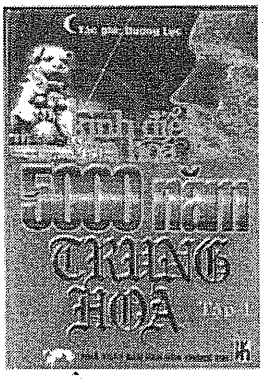

KINH ĐIỂN VĂN HÓA 5000 NĂM TRUNG HOA. Tác giả: DƯƠNG LỰC
Chủ tịch Hội đồng dịch thuật:
TRẦN THỊ THANH LIÊM
Một bộ sách rất đồ sộ gồm bốn cuốn, tổng cộng hơn 4000 trang. Nữ giáo sư Dương Lục người Trung Hoa đã dồn hết tâm lực, trí tuệ, tìm tòi nghiên cứu trong 30 năm mới hoàn thành bộ sách giới thiệu tóm lược toàn bộ nền văn hóa lâu đời của nước Trung Hoa một cách đầy đủ, sâu sắc và khoa học. Giá toàn bộ: 110 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn:
Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình
Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp Chí
THE KY 21
14775 Moran Street, Westminster, CA. 92683
Tel: (714) 585.4666 * (714) 839.8746
EMAIL: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp Chí Thế Kỷ 21 : **Một Tặng Phẩm đầy ý nghĩa**

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên người nhận/ Full mane:.....
Địa chỉ/ Address :.....
.....
Phone/ Fax/ E-Mail:.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order#.....
Số tiền/ Amount:.....

	1năm/1 year	2năm/ 2 years	Ghi Chú
Media Mail (AirMail)	US$ 50.00	US$ 90.00	
Hạng nhất/ First class	US$ 64.00	US$ 120.00	
Canada	US$ 68.00	US$ 130.00	
Âu Châu/ Europe (air mail)	US$ 88 US$ 90.00	US$ 170 US$ 170.00	Mới (new)
Á châu, Úc/ Asia,Austra (air mail)	US$ 98.00 US$ 106.00	US$185.00 US$196.00	Mới (new)

Effective Nov 1, 2002 (có hiệu lực từ 1 tháng 11, 2002) . To be reviewed October, 2003

Muốn quảng cáo hữu hiệu thích hợp với ngân sách tiết kiệm xin hãy đến với TK21

Advertisings

Giá quảng cáo trắng đen trên Tạp Chí TK 21 .(Art work ready) Áp dụng từ 1/11/2002

	Quảng cáo trên Thế Kỷ 21, rất hữu hiệu với độc giả ở nước Mỹ và 153 thành phố khắp thế giới				
Size	Giá trả sau/ Giá trả tiền trước (prepaid)				Kích thước
	1 kỳ/ 1time	3 kỳ/ 3t	6 kỳ/ 6t	12 kỳ/ 12t	Đứng x ngang
Business card	$20/$15	$50/$30	$100/$60	$180/$100	5x9cm
1/4 page	$35/$30	$100/$85	$180/$155	$355/$290	11x7cm
1/2 page	$70/$60	$180/$150	$350/$280	$600/$500	22x7=11x14.5cm
3/4 page	$100/$80	$250/$200	$450/$370	$850/$700	15x14.5cm
1 page	$130/$100	$320/$270	$600/$500	$1000/$900	22x14.5cm
Muốn tòa soạn trình bày, làm art work xin cộng thêm 20% cho hóa đơn đầu tiên (for art work: 20% in first contract)					

Quảng cáo màu (full color,giấy láng): backcover $550; cover inside $450; inside $400/1 page

For full color with special prices, please contact mangement, tel: (714) 585.4666

dermatika

ALL NATURAL DOCTOR FORMULATED

Kem Dưỡng Da Bào Chế Bằng Tất Cả Nguyên Liệu Thiên Nhiên Không Hóa Chất

dermatika
Cosmetics

- Hair Nourishing Natural Shampoo
- Hair Nourishing Leave-In Conditioner
- Renewal Facial Cleanser
- Balancing Facial Toner
- Replenishing Moisturizer
- Revitalizing Microdiamond Scrub
- Reviving Eye Gel
- Skin Whitening
- Sun Block SPF30

Quý vị muốn có một làn da mịn màng tươi trẻ và trắng trẻo. Xin mời dùng dược mỹ phẩm kem dưỡng da Dermatika với một công trình nghiên cứu và thí nghiệm nhiều năm do một nhóm Bác sĩ Y Khoa Mỹ Việt tại miền Nam California lần đầu tiên được ra mắt trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

Dermatika với các loại dược mỹ phẩm đặc biệt, hoàn hảo và công hiệu nhất như:

- **Kem tẩy trắng da (Skin Whitening)**
- **Kem trị nám, tàn nhang, đồi mồi..... Bảo đảm hiệu quả**
- **Kem dưỡng da sẽ giúp cho quý vị có một làn da luôn tươi trẻ**
- **Eye Gel là một loại gel đặc biệt chống nếp nhăn và mở bao chung quanh mắt**

Đặc biệt Shampoo và Conditioner Dermatika là dầu gội đầu giúp chống rụng tóc và giúp nuôi lại mái tóc bị khô gẫy.

Tất cả những dược mỹ phẩm của công ty Dermatika bảo đảm hữu hiệu, làm tại USA và hoàn toàn không hóa chất.

Mọi chi tiết xin liên lạc: **1-866-MỊN-MÀNG hay 1-866-646-6264**

ALPHA FUNDING &

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện**, giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nh**

Thanh Thảo đã được quý vị đồng
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ố
Nay Thanh Thảo đã về phục v

Alpha Funding & R

Tel: (714) 896

8231 Westminster Blvd, Westmi
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện

Hãy đến với
Thanh Thảo tại Alpha Funding
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong vi
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà
hoàn tất đúng theo ý q

Hãy gọi Thanh Thả
tại (714) 896-9
hoặc số pager: (714) 59

ALPHA FUNDING & REA
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn N

REAL ESTATE

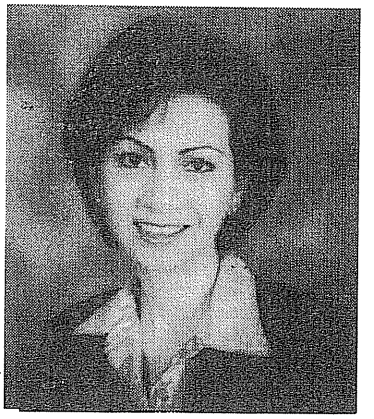

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

ất.

hương tín nhiệm
c trên 10 năm qua.
ụ quý vị tại:

Real Estate

-9000

inster, CA 92683
Westminster Civic Center)

& Real Estate

ệc chọn mua, bán nhà
, khu thương mại
ý vị.

o

000

2-7456

L ESTATE
hà Của Ước Mơ!

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: Hồ Hoàn Kiếm của nhiếp ảnh gia **Tôn Nữ Thu Nga**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Đinh Cường, Thái Tuấn**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Tôn Nữ Thu Nga**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 173 – Tháng Chín 2003

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
9. California recall: hai mặt của nền dân chủ – **Hà Tường Cát**
13. Hệ thống điện lực Hoa Kỳ và mối lo ngại về khủng bố – **Hồng Châu**
16. Nông nghiệp và phát triển nông thôn ở Việt Nam – **Nguyễn Quốc Khải**
23. Thiên đường giữa chốn trần gian - **Cổ Lũy**
VIẾT VỀ HÀ NỘI
32. Hà Nội trong mắt người trí thức – **Đào Tuấn** phỏng vấn GS. **Nguyễn Huệ Chi**
39. Hà Nội: chợ trong chợ – **Nguyễn Trương Quý**
55. Sĩ phu Hà Nội 2003 – **Nguyễn Ái Nhân**
59. Hà Nội năm 2003 – **Trần Ngọc Tuấn**
62. Nhìn lại quê hương – **Bùi Bích Hà**
66. Hà Nội mùa thu – **Tôn Nữ Thu Nga**
70. Phở tổng thống và siêu khuyến mãi – **Đỗ Tuyết Khanh**
74. Xin hãy tin em – **Nguyễn Thị Thu Huệ**
78. Dung và Quyền – **Tô Hoài**
83. Lô sơn yên tỏa – **Trần Doãn Nho**
82. Hà Nội trong mắt tôi – **Phạm Xuân Đài**
CÁC BÀI KHÁC
103. Giá trị chính yếu của tác phẩm nghệ thuật – **Thái Tuấn**
104. Nguyễn Văn Tường có tư thông với bà Học Phi và giết vua Kiến Phúc không? – **Nguyễn Quốc Trị**
114. Ung thư vú và vấn đề thông tin y khoa – **Nguyễn Văn Tuấn**
THƠ
64. Một hơi thở nhẹ lên trời lá bay – **Hoàng Huy Khánh**. 68. FADO – **Nguyễn Tường Giang**. 72. Hương ngọc lan – **Trần Huy Sao**. 82. Quê xưa em đã xa rồi – **Phạm Cây Trâm**. 99. Gởi dòng sông Hoài – **Trần Công Nghị**. 107. Ru giấc cồn mây – **Nguyễn Nam An**. 110. Đắc đạo – **Lê Thị Kim**.
MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết
8. Tòa soạn và Bạn đọc – Thư Trị sự
42. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
48. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**

Khám phá lại Tư Mã Thiên

Tôi đọc bài "Tư Mã Thiên: Sự giàu có của con dân" (Thế Kỷ 21 # 172) với một kinh ngạc rất lớn. Không ngờ Tư Mã Thiên lại "mới" đến như vậy. Thế mới biết chẳng có gì mới dưới gầm trời này, các chân lý trong lòng người, trong xã hội người xưa đã thấy hết rồi. Sở dĩ thấy Tư Mã Thiên mới vì các tư tưởng và cả cách phát biểu của ông về sự làm giàu, hay nói chung làm sao đạt được một đời sống sung sướng, nó gần với quan niệm trong xã hội tự do thời nay quá. Nhất là sau một thời kỳ dài một phần nhân loại bị đè nén trong nền kinh tế chính trị quái đản của cộng sản, đọc Hóa Thực Liệt Truyện mới thấy sao người xưa thông minh thế! Hiểu chính xác bản chất của sự sống, định nghĩa rõ ràng con người phải thế nào mới hạnh phúc, những điều trong sáng mà trong thế kỷ 20 loài người phải mất 70 năm mới dành toàn thắng sau khi loại trừ hẳn một chủ nghĩa ngu muội vào bậc nhất của lịch sử vì đi ngược bản chất của con người. Kể ra cách đây ngót hai ngàn năm mà nghĩ ra được những điều như Tư Mã Thiên thì quả là siêu phàm:

"Thế cho nên, phép trị nước cao nhất của Đế vương là thuận theo ý muốn của trăm họ. Mức hạng nhì là dẫn trăm họ về đường lợi ích. Hạng ba là dùng Đức mà giáo hóa họ. Hạng tư kế đến là lấy hình pháp mà ràng buộc họ. Thấp tệ hơn hết là nhà nước đứng ra tranh giành mối lợi của dân."

Tư Mã Thiên đề ra năm phép trị nước từ tốt nhất đến tệ nhất:

- Tốt nhất, "thuận theo ý muốn trăm họ": đó là hình ảnh một nền dân chủ cao độ như Hoa Kỳ ngày nay, chính quyền chỉ điều hành và giữ gìn an ninh chung, không xen vào hoạt động của dân chúng trong mọi lãnh vực.

- Hạng nhì, "dẫn trăm họ về đường lợi ích": có lẽ với một quần chúng chưa hoàn toàn tự giác và một hoàn cảnh đất nước chưa hoàn toàn thuận lợi, chính quyền cần bày vẽ, chỉ dẫn người dân vào những chương trình phúc lợi, vào những sinh hoạt giúp thăng tiến đời sống tinh thần và vật chất v.v... Điều này khiến ta liên tưởng đến những chương trình cho dân nghèo vay vốn làm ăn, với chuyên viên chỉ dẫn lối chăn nuôi, canh tác sao cho có lợi, những chương trình phát triển cộng đồng dân và chính quyền cùng làm như xây cầu, giếng nước, trường học cho địa phương... dân chúng sẽ có tinh thần trách nhiệm và yêu mến về những công trình mà chính mình có tham gia. "Dẫn trăm họ về đường lợi ích" khiến ta liên tưởng đến công việc của những đoàn Hòa Bình, Thanh Niên Chí Nguyện, Thanh Niên Thiện Chí... từ ba, bốn mươi năm qua trên các nước Phi châu, Á châu.

- Hạng ba là "dùng Đức mà giáo hóa họ": xã hội Nho giáo ngày xưa của ta, của Tàu là theo lối này, nghe thì tốt đẹp lắm, trọng đạo đức lắm, nhưng Tư Mã Thiên chỉ chấm hạng ba. Chỉ vì chỉ ham nói đạo đức mà không chú trọng làm ăn, cho nên nghèo. Đề cao "người quân tử ăn chẳng cầu no" thì nghèo là cái chắc.

- Hạng tư là "lấy hình pháp mà ràng buộc họ": nghe có mùi "chuyên chính" rồi. Cả nước phải theo một kỷ luật sắt, với hết pháp lệnh này đến pháp lệnh khác, và một bộ máy công an thật tinh nhuệ. Trong loại chế độ này, con người không phát triển được vì sợ. Lúc nào cũng sợ. Thám tử đầy trong dân gian, rục rịch là bắt đi... cải tạo. Đời sống vật chất và tinh thần bi đát.

- Hạng bét: "nhà nước đứng ra tranh giành mối lợi của dân." Dĩ nhiên hàng ngàn năm trước đã có nhiều chính quyền phong kiến làm việc tranh dành này rồi nên Tư Mã Thiên mới biết mà đề cập đến, nhưng ngày nay đọc câu này chúng ta tưởng như Tư Mã Thiên nói dùm nỗi khổ đau của bao nhiêu triệu người dân trong các nước cộng sản trong thế kỷ 20 và một số ít còn rơi rớt mãi sang thế kỷ 21.

Chế độ cộng sản mang cả hai điều xấu nhất, thứ tư và thứ năm. Đó là bản chất của nó.

"Khám phá lại Tư Mã Thiên" là một bài cực kỳ có ý nghĩa, cho thấy cái vĩ đại của một đầu óc từ thời thượng cổ. Thật là một khám phá lý thú, bất ngờ. Tư tưởng ấy đối với một nước như Việt Nam bây giờ, khi mà quốc doanh (mà Tư Mã Thiên nói trắng ra là "dành mối lợi của dân") vẫn là "yếu tố chủ đạo" của đất nước, thì vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự. Một thứ thời sự rất đáng buồn.

Lê Phong (Đức Quốc)

Chuyện xưa

Bài "Nguyễn Văn Tường có tư thông với bà Học Phi và giết vua Kiến Phúc không?" có một chi tiết khiến tôi rất kinh ngạc: ngôi nhà thờ lớn ở Hà Nội hiện nay là làm trên nền một ngôi chùa! Đó là một điều từ trước tới nay tôi hoàn toàn không biết, hoàn toàn không nghe một ai nhắc tới. Cho đến khi đọc câu: "Một trong những thành tích phục vụ Pháp khá nổi tiếng hồi đó của ông Độ là việc giúp Đức Cha Puginier xây nhà thờ trên chùa Báo Thiên ở Hà Nội."

Mất nước, nhục thật!

Hoàng Khánh Hùng (Texas)

Sĩ cũng năm bảy đường sĩ

Tôi có một cô cháu đang ở ngưỡng cửa đại học, mùa hè này than phiền với tôi là bà mẹ cô ta cứ một mực bắt ép cô ta phải học

được, trong khi cô ta thì thích theo ngành nghệ thuật. "Có điên không, học dược ra trường lương cả trăm ngàn một năm, còn ba cái vẽ vời thì lấy gì mà sống?!" Cô ta thuật lại lời mẹ cô như vậy.

Chuyện này làm tôi nhớ đến bức thư "Mỗi khi đến hè lòng man mác buồn" đăng trên Thế Kỷ 21 cách đây vài số với sự vinh danh các kẻ "sĩ" thời nay: bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ. Tâm lý chung người Việt Nam chúng ta từ trước vẫn coi trọng ông đốc tờ hay bà dược sĩ, vừa có thớ về địa vị xã hội vừa kiếm ra nhiều tiền – hay nói cách khác vì kiếm ra được nhiều tiền mà về mặt xã hội cũng được người ta trọng nể. Tâm lý ấy càng được củng cố khi định cư ở Mỹ, nơi ngành y ngành dược kiếm được tiền càng bạo nữa. Vì thế chẳng có gì là lạ người ta mừng nhau khi thấy con cái tốt nghiệp những ngành này. Và cũng chẳng lạ các bậc cha mẹ cố khuyến khích con em học y, học dược.

Nhưng tôi nghĩ có ép thì cũng ép vừa vừa thôi. Nên để ý đến năng khiếu của con em chúng ta nữa chứ đừng chỉ thấy có mỗi một viễn tượng giàu sang. Nhiều người khi bị bố mẹ ép thì vẫn học được môn mà mình không thích, vẫn đỗ đạt ra làm có tiền, nhưng đời sống không có hạnh phúc.

Ông Trần Hạnh trong mục Bạn Đọc Viết số báo tháng Bảy 2003 cho rằng người ta chỉ trọng mấy cái "sĩ" mà coi thường "sư" như kỹ sư, giáo sư, kiến trúc sư... Chà chà, nói vậy sợ e đụng chạm đó nghe. Hỏi ông vậy chớ người ta có chúc mừng mấy người nhạc sĩ, văn sĩ, thi sĩ, họa sĩ v.v... không? Cũng "sĩ" vậy chớ! Nói tóm lại gọi là sĩ là sư gì cũng được, nhưng phải kiếm ra được nhiều tiền thì người đời mới trọng, còn có đóng góp tâm huyết bao nhiêu cho đời mà rách mùng tơi thì cũng chẳng ai chào mừng cả!

Lê Thanh (Internet)

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Phạm Cây Trâm, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Quốc Khải, Hồng Châu, Tôn Nữ Thu Nga, Trần Doãn Nho, Xuân Đỗ, Trịnh Nhật, Dương Như Nguyện, Đỗ Hoàng Gia, Võ Đình, Từ Nguyên, Cổ Lũy, Trần Công Nghị, Nguyễn Văn Cường, Chu Vương Miện, Võ Doãn Nhẫn, Khổng-Có-Chi, Nguyễn Tường Giang, Vũ Ngọc Ánh, Mai Văn Chuyên, Trần Huy Sao.

Thưa Quý Bạn đọc và Văn hữu,

Như các bạn thấy, số báo này tập hợp một số bài viết liên quan đến Hà Nội, làm thành một số báo chưa hẳn là có chủ đề về Hà Nội, nhưng có thể coi là gần gần như thế. Ý định làm một số báo về cố đô đến một cách tình cờ, do một cơ duyên hơi đặc biệt mà trong nghề làm báo thỉnh thoảng vẫn xảy ra. Một số bài về chủ đề này, như "Hà Nội Trong Mắt Người Trí Thức" của Nguyễn Huệ Chi, "Hà Nội: Chợ Trong Chợ" của Nguyễn Trương Quý v.v... trước đây đã đăng trên trang web Talawas, và một số bài khác, vì điều kiện cách trở chúng tôi chưa trực tiếp tiếp xúc với tác giả cũng như với cơ quan truyền thông gốc đã đăng tải để xin phép, mong quý vị niệm tình thông cảm. Chúng tôi xin mượn trang báo này để nói lên một lời xin lỗi và xin phép hơi muộn màng.

Thật ra Hà Nội là một chủ đề quá lớn cho một số báo. Các bài tập hợp ở đây chỉ làm nhiệm vụ gợi nên một suy nghĩ, hoặc một tình cảm nào đó đối với một đại địa của Việt Nam mà ảnh hưởng của nó trong lịch sử và dòng sống của dân tộc luôn luôn sống động và lớn lao. Những tư duy và xúc cảm về đất Hà Nội có lẽ là một đề tài miên viễn của con người Việt Nam, dù cho mệnh nước cũng như mệnh người có nổi trôi đến thế nào. Cũng may là chúng ta vẫn còn một cái gì cụ thể để làm mẫu số chung, để thỉnh thoảng cùng nhau nhắc nhở lại, như một cách để cảm thấy rằng... cuống rún chưa lìa!

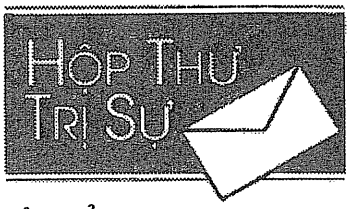

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

University Of California, Berkeley CA – Pham Gia Loc Norway – Nguyen Thi Trang CA – Nguyen Thi Lai Australia – Pham Cong Hien CA – Dang Quoc Chien HI – Le Van Duc CA – Harvard University MA – Pham Phung OK – Nguyen Quy Bong Canada – Tran Q Thai CA – Nguyen Huu Hong TX – Le Duc CA – Do Van Nhan OR – Tran M Huy CA – Nghiem Xuan Hy CA – Nguyen Dinh Sai WA – Phan Duc Loi France – Nguyen Hieu De MI – Nguyen Van Toan CA – Tran Van Phi FL –Tran Van Quang CA.

ĐỘC GIẢ MỚI

Tran Quoc Thai CA – OB. Ha Van Tho France – Tran Trong Hien France – Ton That Thach France – Vu Thanh Thong CA – Lam Van Yen CA – Nguyen Thuy Australia -

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Han Long Toan IL – Phan Ngoc Bau LA – Nguyen Van Hy IL – Nguyen Duc Ban CA – Nguyen Huu Hong TX – Do Cam Vy CA – Do Van Nhan OR – Nghiem Xuan Hy CA – Lib Columbia BR WA -

CALIFORNIA RECALL: HAI MẶT CỦA NỀN DÂN CHỦ

HÀ TƯỜNG CÁT

Mọi thể thức sinh hoạt trong một chế độ dân chủ, từ trong nguyên tắc hay lúc thi hành, đều có những ưu điểm và khuyết điểm. Cuộc bầu cử đặc biệt tại California ngày 7 tháng 10 sắp tới cũng không thoát khỏi quy luật chung ấy.

Cuộc bầu cử - gọi là recall - nhằm bãi chức một Thống đốc mà nhiều cử tri cho rằng không còn đáng tin cậy dù nhiệm kỳ của ông hãy còn trên hai năm nữa. Quan niệm recall một viên chức dân cử là thể hiện lý tưởng về dân chủ trực tiếp trong đó quyền tối thượng thuộc về cử tri qua quyết định bằng lá phiếu. Cử tri đầu phiếu chọn thì tất nhiên cũng có quyền bỏ phiếu bãi chức đương sự. Nhưng vấn đề rắc rối là trong bao lâu có thể làm việc này và với những hoàn cảnh, điều kiện ra sao; đấy mãi mãi là những tranh cãi không dứt dù đã có luật lệ quy định. Những người chống quan niệm recall cho rằng đây chỉ là sự vận động bầu cử lại của những người không chịu chấp nhận kết quả cuộc bầu cử trước, và như vậy tạo nên một tiền lệ sinh hoạt phản dân chủ hết sức nguy hại.

California là một trong số 18 tiểu bang Hoa Kỳ có luật về recall trong hiến pháp, 32 tiểu bang còn lại không có thể thức này. Năm 1911 khi Hiram Johnson, vị Thống đốc California có tinh thần cải cách, đưa ra đạo luật recall, ý nguyện của ông căn cứ trên một số tình trạng thực tế và mang những hoài bão tốt đẹp. Ông muốn tìm phương cách đối phó với sự câu kết giữa viên chức công quyền và các cơ chế có quá nhiều uy lực như công ty đường sắt Southern Pacfic Railroad vào thời kỳ này có thể thao túng mọi hoạt đông chính trị kinh tế. Theo nhận xét của Jeffrey Lewis, giáo sư phụ giảng khoa học chính trị đại học UCLA, thì lập luận của những nhà cải cách lúc ấy thật đơn giản, đó là "mua được phân nửa dân chúng tiểu bang khó hơn mua được phân nửa các nhà lập pháp."

Nhưng các nhà làm luật thời ấy đã không dự trù hết mọi tình tiết phức tạp, cho nên 92 năm sau khi luật này lần đầu tiên được thi hành, người ta có thể nhận ra rất nhiều khiếm khuyết. Sinh hoạt chính trị tiểu bang California lâm vào một tình thế hỗn mang đến nỗi nhiều báo chí nói rằng vụ bầu cử recall sắp tới là "vở kịch dân chủ ngoạn mục nhất thế giới" và người ta đang chờ coi mọi chuyện diễn tiến với những bất ngờ như trong một gánh xiếc.

Theo hiến pháp California, Recall được tổ chức khi có trên 12% tổng số cử tri đã đi bầu trong kỳ trước ký tên vào một hay nhiều kiến nghị yêu cầu. Kiến nghị cũng phải trình bày lý do của sự đòi hỏi thì mới được phép tiến hành thủ tục thâu chữ ký; tuy nhiên lại không có một tiêu chuẩn cụ thể nào để lượng định giá trị của lý do khiếu nại ấy. Thực tế thì điều này cũng không có cách gì quy định được. Chẳng hạn trong trường hợp hiện nay, lý do được nêu lên bao gồm vụ khủng hoảng năng lượng năm 2002, sự thâm hụt ngân sách 38 tỷ dollars, và tình trạng kinh tế sa sút không hồi phục được từ ba năm qua. Phía đảng Dân Chủ bác bỏ những luận điểm ấy vì không coi đó là lỗi lầm của cá nhân Thống đốc Gray Davis; theo họ tình trạng kinh tế khó khăn không phải chỉ riêng của California và nếu nói về thâm hụt ngân sách ở Sacramento thì hãy nhìn về Washington xem sao.

Không rõ gần một thế kỷ trước khi các nhà làm luật quy định 12% chữ ký cử tri là dựa trên sự thẩm định như thế nào so với tỷ lệ đắc cử 50% trong các cuộc bầu cử bình thường. Với những chức vụ địa phương, số cử tri ít, việc thâu đủ chữ ký xin recall không có gì khó lắm. Los Angeles là thành phố đầu tiên đã bãi chức một Thị trưởng trong cuộc bầu cử recall năm 1938. Thượng Nghị Sĩ Dianne Feinstein khi còn là Thị trưởng San Francisco cũng từng phải qua một kỳ bầu cử recall và bà đã vượt thắng. Nhưng thu thập đủ số chữ ký để xin recall một viên chức tiểu bang không phải là đơn giản, bằng chứng là trong lịch sử California đã 32 lần có việc vận động recall Thống đốc mà chưa lần nào đủ điều kiện để đi đến một cuộc bầu cử. Đây là lần đầu tiên ở California và nếu Thống đốc Gray Davis thất bại, ông sẽ là vị

Thống đốc thứ nhì trên toàn quốc bị mất chức giữa nhiệm kỳ.

Nhưng với kinh nghiệm vừa qua, người ta nhận ra rằng sự vận động đi đến bầu cử recall sẽ dễ dàng, chỉ cần có tổ chức, phương tiện và tiền. Các cơ sở đảng Cộng Hoà đã tích cực vận động xin chữ ký ở khắp 58 counties, với phí khoản được tài trợ từ nhiều tổ chức và riêng Dân Biểu Cộng Hoà Darell Issa đơn vị San Diego, một nhà tài phiệt, đã chi tiền túi 1.7 triệu dollars cho việc thực hiện công tác này. Kết quả là với đòi hỏi 897,158 chữ ký hợp lệ, ban vận động bãi nhiệm Thống đốc Gray Davis sau khi được phép tiến hành thâu chữ ký từ ngày 25/3/2003, trong bốn tháng đã đưa về gần 1.7 triệu chữ ký trong đó 1.3 triệu được xác nhận hợp lệ.

Các phân tích gia chính trị cũng như đa số giới truyền thông đều cho rằng vụ recall ở California là màn đầu của cuộc bầu cử năm 2004 và đảng Cộng Hoà không chỉ nhắm vào chức vụ lãnh đạo tiểu bang nhưng mục tiêu tối hậu là làm sao giành được 55 phiếu cử tri đoàn trong kỳ bầu cử Tổng thống. Theo thường lệ, California vẫn là tiểu bang mà đảng Dân Chủ nắm giữ, đặc biệt là vùng vịnh San Francisco và thành phố Los Angeles; đảng Cộng Hoà chỉ mạnh ở một số county ít dân hơn trong đó có Orange County. Trong tình hình ấy, cuộc bầu cử recall là một việc mà đảng Cộng Hoà rất muốn có, nếu thắng sẽ đem đến nhiều lợi thế còn nếu không thì cũng là một thử thách xứng đáng. Về phía đảng Dân Chủ chỉ có thể trong vị trí chống đỡ, thêm vào đó họ còn chịu một bất lợi tình cờ khác, đó là vì mọi chú ý trên toàn quốc đều dồn vào kỳ bầu cử recall, dư luận cũng như truyền thông sẽ rất thờ ơ với các ứng viên tranh cử chức vị ứng cử viên Tổng thống đảng Dân Chủ, và đồng thời nguồn tài chánh quyên góp được cũng sẽ bị phân tán sút giảm. Cuộc bầu cử recall lần đầu tiên ở California như vậy khó có thể tin là một sự thể hiện lý tưởng dân chủ trực tiếp của những người đã đặt ra thể thức ấy, mà thực chất chỉ là sự tranh chấp quyền lực giữa hai chính đảng.

Lá phiếu cử tri trong cuộc bầu cử này gồm hai câu hỏi: (1) Có hay không đồng ý bãi nhiệm Gray Davis khỏi chức vụ Thống đốc. Trả lời YES hoặc NO. (2) Nếu Thống đốc Gray Davis bị bãi nhiệm, chọn ứng cử viên nào thay thế. Dù biểu quyết Yes, No, hay không có ý kiến trong câu 1 vẫn được quyền trả lời câu 2.

Nếu qua câu 1, chỉ có dưới 49% cử tri bỏ phiếu "NO" (không đồng ý recall) thì Thống đốc Gray Davis sẽ mất chức vụ mà ông vừa được tái tín nhiệm qua kỳ bầu cử chưa quá một năm trước đây. Sau đó, qua kết quả định đoạt trong câu 2, chức vụ Thống đốc sẽ vào tay một trong số 135 ứng cử viên, người nào nhiều phiếu nhất, dù chỉ chiếm 40%, 30%, 20% hay ít hơn nữa trong tổng số phiếu bầu. Nguyên tắc căn bản về dân chủ - đa số thắng thiểu số - được thể hiện riêng trong từng câu hỏi. Đúng thế. Nhưng suy nghĩ hơn về kết quả qua cả hai câu hỏi đồng thời này, nếu diễn ra giống sự giả định trên thì rõ ràng có cái gì không ổn. Đó là người chỉ chiếm ít phiếu đã thắng người vẫn còn được nhiều phiếu tín nhiệm hơn.

Theo luật, tên của Thống đốc Gray Davis không được ghi trong số ứng cử viên ở câu 2. Trong cuộc bầu cử này ông chỉ tranh cử với chính mình, nghĩa là làm sao thuyết phục cử tri tiếp tục tín nhiệm ông, bỏ phiếu NO ở câu 1. Do đó chiến lược của ông rất rõ ràng phải bao gồm những điểm chính sau đây: cuộc bầu cử recall là không chính đáng, tỏ bầy giá trị cá nhân mình và khả năng lãnh đạo giải quyết các vấn đề ở tiểu bang. Tất nhiên đôi lúc ông cũng cần đả kích một vài cá nhân ứng cử viên, tuy nhiên đây là điều chỉ có thể hành động hết sức tế nhị và có chừng mực sao cho không đi đến phản tác dụng.

Thống đốc Gray Davis đã lên tiếng tố cáo đảng Cộng Hòa vì lợi ích riêng mà gây lũng đoạn trong sinh hoạt chính trị California và cuộc bầu cử recall là một tiền lệ tai hại cho nền dân chủ. Ông cũng đề cập đến sự tốn kém công quỹ vì cuộc bầu cử này, ước lượng khoảng 67 triệu dollars. Ngoài ra trong những mục tiêu vận động khác, ông đã xuất hiện nhiều hơn so với lệ thường trước kia, trước quần chúng, ở các sinh hoạt, với các tổ chức... Tuy nhiên theo những thăm dò dư luận cho đến nay, triển vọng của Thống đốc vượt qua kỳ recall này rất ít. Tỷ lệ tín nhiệm ông rất thấp và một trong những nguy cơ đáng kể của ông là cử tri Cộng Hoà, ở thế tấn công, sẽ đi bầu nhiều hơn cử tri Dân Chủ trong kỳ bầu cử đặc biệt này.

Một hiện tượng chưa từng thấy trong các cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ là con số ứng cử viên quá đông. Với điều kiện ứng cử dễ dàng – đóng 3,500 dollars và nạp 65 chữ ký ủng hộ - đã có tới gần 600 hồ sơ ứng cử được phát, gần 200 người nạp đơn và cuối cùng 135 ứng cử viên được chính thức công nhận. Ngoài một số đếm trên đầu ngón tay những tên tuổi được coi là ít nhiều có triển vọng, đa số còn lại chỉ là sự có góp mặt vì một ý định riêng tư nào đó. Chắc chắn sẽ không một cử tri nào có thể nhớ hết tên các ứng cử viên gồm đủ mọi thành phần xã hội, chủng tộc – trong đó có giám đốc

một chương trình phát thanh Việt ngữ ở Quận Cam - nhưng một vài tên tuổi lại được nhắc đến nhiều vì sự hiện diện không ai ngờ. Đó là Larry Flynt chủ nhiệm tờ tạp chí dành riêng cho người lớn, Hustler, và cô Mary Carey diễn viên chuyên đóng các phim sex.

Trước ngày mãn hạn nạp đơn, trong nội bộ đảng Dân Chủ đã có những tranh luận gay gắt về việc nên có ứng cử viên hay không. Dồn mọi nỗ lực tranh đấu cho Thống đốc Davis chống recall là nhắm vào mục tiêu hợp lý, nhưng chiến lược này lại có những rủi ro nếu Davis không được đủ phiếu tín nhiệm và lúc đó ghế Thống đốc sẽ hoàn toàn bỏ trống cho những ứng cử viên Cộng Hoà. Còn nếu có ứng cử viên đảng Dân Chủ thì phần

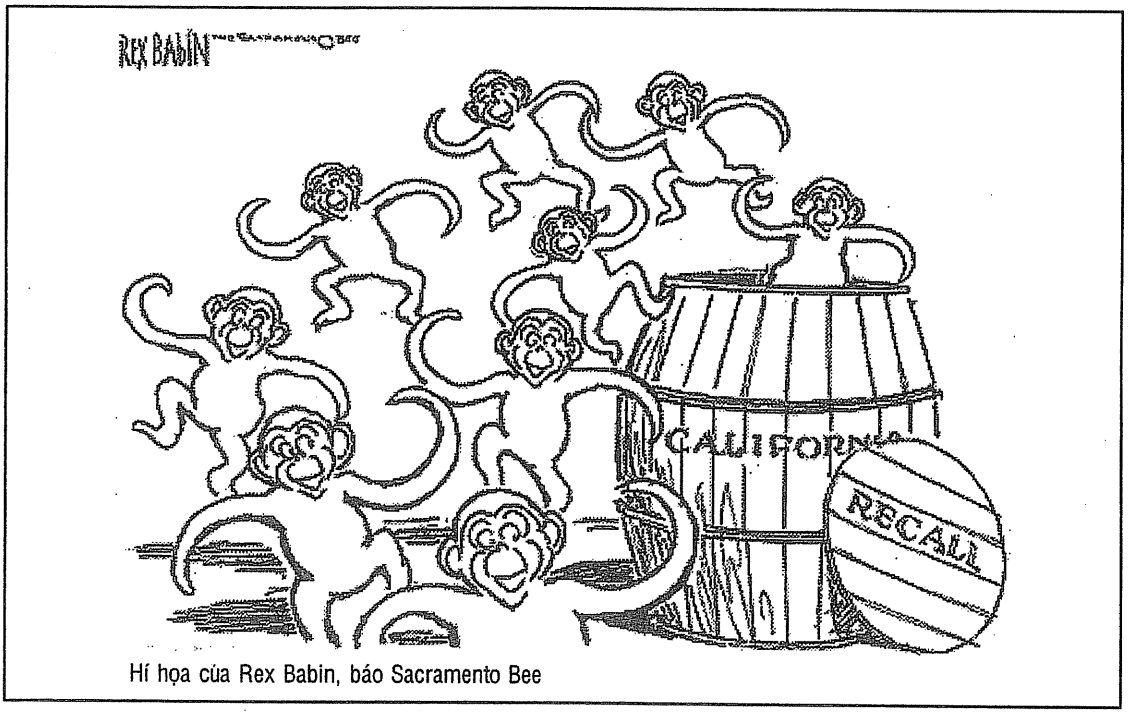

Hí họa của Rex Babin, báo Sacramento Bee

nào cũng làm cho vị thế của Thống đốc Gray Davis suy yếu đi. Trước hạn kỳ nạp đơn bốn ngày, Phó Thống đốc Cruz M. Bustamante bất ngờ tuyên bố ứng cử, với khẩu hiệu mà ông đề ra: Chống recall nhưng bỏ phiếu cho Bustamante. Như vậy vị Phó Thống đốc mà trong quá trình làm việc luôn luôn không phải là người thân cận với Thống đốc, đã trở thành dự bị an toàn cho đảng Dân Chủ.

Về phía đảng Cộng Hoà, ít nhất có tới bốn ứng cử viên đáng kể: diễn viên điện ảnh Arnold Schwarzenegger, cựu ứng cử viên Thống đốc năm 2002 Bill Simon Jr., Nghị sĩ Tom McClintock và Chủ tịch ban tổ chức Thế vận hội Los Angeles 1984 Peter V. Ueberroth. Trong số ứng cử viên độc lập có bà Arianna Huffington, bình luận viên truyền hình và nhà hoạt động chính trị xã hội, vợ cũ của ông Michael Huffington, cựu Dân Biểu và ứng cử viên Thượng Nghị Sĩ California.

Ngay khi vào cuộc, Schwarzenegger đã nổi lên thành ứng cử viên có triển vọng cao nhất. Ngôi sao màn bạc trong các phim Terminator có lợi điểm là một tên tuổi đã sẵn quen biết với quần chúng, thu hút sự chú ý của giới truyền thông, và lại là người mạnh về tiền bạc – theo tin các báo, tài sản khoảng 850 triệu dollars. Việc các nghệ sĩ, diễn viên tham gia chính trị trong các chức vụ dân cử không phải là điều mới lạ ở Hoa Kỳ. P.T. Barnum (1810-1891) nổi danh với đoàn xiệc vĩ đại, đã làm nghị sĩ tiểu bang Connecticut. Ngôi sao điện ảnh Hollywood thập niên '30 George Murphy đắc cử Thượng Nghị Sĩ California năm 1964. Arnold Schwarzenegger, có thể muốn đi theo thành tích của Ronald Reagan, đắc cử Thống đốc California rồi Tổng thống, nhưng diễn viên điện ảnh 56 tuổi này sẽ không bao giờ trở thành Tổng thống Hoa Kỳ vì ông sinh tại Áo. Các đối thủ phê phán Arnold chỉ là người thời cơ chứ không có căn bản về chính trị và khả năng lãnh đạo. Trong khi phía Dân Chủ gọi Arnold là "người Cộng Hoà kiểu Bush" thì những người Cộng Hoà cánh hữu cũng chỉ trích lập trường quan điểm không minh bạch và thậm chí coi Arnold là "một

người Dân Chủ khoác áo Cộng Hoà." Bà Maria Shriver, vợ Arnold, là cháu của Thượng Nghị Sĩ Dân Chủ Edward Kennedy.

Vấn đề gai góc nhất đối với người Cộng Hoà là sự chia phiếu giữa các ứng cử viên trong đảng và sẽ không thắng được Phó Thống đốc Cruz Bustamante nếu như Gray Davis có bị bãi nhiệm. Trong tình hình cho đến nay theo các thăm dò dư luận thì Arnold Schwarzenegger và Cruz Bustamante là hai người đang ngang ngửa và bỏ xa các ứng cử viên khác. Như vậy dù muốn dù không, đảng Cộng Hoà cần ủng hộ một ứng cử viên duy nhất thì người ấy chỉ có thể là Arnold. Nhưng cả ba ứng cử viên Bill Simon, Tom McClintock và Peter Ueberroth không ai tỏ ra có ý bỏ cuộc. Vả lại đến giờ này dù ứng cử viên nào rút lui thì tên vẫn được để trên lá phiếu. Còn một điều lý thú nữa là giữa một rừng ứng cử viên như vậy, cử tri muốn tìm lấy một tên không phải là dễ, nhưng biết đâu Arnold Schwarzenegger có thể lợi thế trong trường hợp này vì cái tên dài nhất.

Dan Walters, bình luận viên của nhật báo The Sacramento Bee nói rằng recall là một màn kịch mà tình hình biến chuyển từng ngày chưa thể nào dự đoán điều gì chính xác. Nhưng theo ông thì có lẽ cuối cùng sẽ thành một cuộc tranh cử giữa hai đối thủ: Schwarzenegger và Bustamante với tỷ lệ phiếu để có thể thắng vào khoảng 40%. Để đạt kết quả ấy, Bustamante cần chiếm khoảng 90% phiếu cử tri Dân Chủ vì khó tin rằng ông chiếm được phiếu Cộng Hoà - ngoại trừ có thể một số phiếu cử tri gốc Mễ nhờ ông là dân gốc Mễ đầu tiên tranh chức Thống đốc California. Về phía Schwarzenegger chỉ cần khoảng 70% phiếu Cộng Hoà, vì cử tri Cộng Hoà có thể đi bầu đông hơn, hơn nữa ông có lợi điểm của một diễn viên điện ảnh được biết tên và nếu tiếp tục đi theo con đường lửng lơ thu hút được cử tri độc lập cũng như một số cử tri Dân Chủ.

Tờ Chritian Science Monitor thì cho rằng Tổng thống George W. Bush "đi giây" trong vụ bầu cử recall ở California. Thắng lợi của Cộng Hoà tất nhiên là thuận lợi lớn cho ông năm 2004 cho nên ông chấp nhận những rủi ro trong cuộc thử thách này. Ngay sau khi Arnold Schwarzenegger chính thức nạp đơn tranh cử, ông đã nói rằng "Arnold có thể là một Thống đốc tốt." Nhưng ông dừng lại tại đó, uy tín của ông tại California đang sút giảm và Arnold Schwarzenegger không hề muốn ông đến đây vận động cho mình để phía Dân Chủ có thể lợI dụng khai thác. Hơn nữa Tổng thống Bush cũng không thể chính thức ủng hộ Schwarzenegger vì như thế sẽ phạm đến căn bản lập trường bảo thủ của ông, những người Cộng Hoà bảo thủ vẫn không chấp nhận Schwarzenegger về những quan điểm trong vấn đề phá thai và quyền cho người đồng tính.

Trong chuyến đến California trung tuần tháng Tám vừa qua, Tổng thống Bush không đề cập đến vụ bầu cử và né tránh các câu hỏi của báo chí. Các phân tích gia chính trị nhận định là ông cần phải thận trọng vì Schwarzenegger hãy còn là một tay mơ có thể vấp váp bất cứ lúc nào, và ông không thể phạm lỗi lầm như đã công khai ủng hộ Thị trưởng Richard Riordan thành phố Los Angeles tranh cử Thống đốc California năm 2002 để rồi thấy Riordan thất bại ngay trong kỳ bầu cử sơ bộ. Do đó hãy cứ thong thả, sau này ông Bush sẽ còn có nhiều cơ hội để can dự. Vả lại có một Thống đốc Cộng Hoà bây giờ chưa chắc đã là tốt bởi vì đảng Cộng Hoà và chính quyền Bush sẽ phải gánh hết những khó khăn ở tiểu bang này mà chưa chắc gì giải quyết khá hơn Gray Davis.

Nhưng nếu Tổng thống Bush cố gắng tỏ ra coi cuộc bầu cử recall là chuyện riêng của California thì đảng Dân Chủ lại muốn tìm cách ràng buộc ông với vụ này trong chiều hướng mô tả đó là một sự việc được đạo diễn từ Washington. Họ cũng muốn làm cho cuộc bầu cử recall trở thành một cuộc tranh cử toàn quốc, một cuộc đương đầu giữa Cộng Hoà và Dân Chủ. Lúc đó Dân Chủ sẽ đem những đề tài của cuộc tranh cử California trở thành đề tài về Washington, rằng hãy nhìn lại những rắc rối lộn xộn trong cuộc bầu cử ở Florida năm 2000, rằng Tổng thống Bush cùng Phó Tổng thống Cheney đã bỏ mặc California trong kỳ khủng hoảng năng lượng ra sao, và rằng tình trạng ngân sách và kinh tế liên bang bây giờ như thế nào...

Còn ứng cử viên độc lập Arianna Huffington thì nói rằng cuộc bầu cử recall ở California là chuyện vừa tốt vừa không tốt. Theo bà, một mặt đây là chuyện được phát động và tài trợ bởi những người phái hữu sau khi đã thua đau trước Thống đốc Gray Davis trong kỳ bầu cử năm 2002. Mặt khác, hoàn cảnh đặc biệt của kỳ bầu cử này là cơ hội duy nhất cho những người độc lập và cấp tiến bầu lên một nhà lãnh đạo mà họ có thể ủng hộ và tin tưởng. Nhưng đó là lời lẽ của một người vận động tranh cử, thực tế cuối cùng Thống đốc California vẫn chỉ có thể là một người Dân Chủ hay Cộng Hoà; và thái độ của cử tri trong chuyện này ra sao, tới ngày 7 tháng 10 mới có thể rõ./

HỆ THỐNG ĐIỆN LỰC HOA KỲ VÀ MỐI LO NGẠI VỀ KHỦNG BỐ

HỒNG CHÂU

Ngay khi vùng đông bắc Hoa Kỳ và một phần Canada bị mất điện hôm Thứ Năm 14/8/2003, thắc mắc đầu tiên của mọi người là: Phải chăng do khủng bố? Trong vòng một vài giờ sau đó, giới hữu trách đã có thể xác định là không. Nguyên nhân vụ này có thể là từ thiên nhiên, sơ sót kỹ thuật hay lỗi lầm của nhân sự điều hành mà thôi.

Nhưng rõ ràng là hệ thống điện ở Hoa Kỳ có chỗ yếu kém. Chỉ trong một thời gian ngắn, tám tiểu bang đông bắc Hoa Kỳ và hai tỉnh ở Canada đồng loạt mất điện, 50 triệu người không có điện sử dụng, hơn một ngày nhiều hoạt động ngừng trệ và thiệt hại kinh tế ước lượng lên tới 5 tỷ dollars. Những sự kiện ấy tất nhiên là sự mời gọi đối với các tổ chức khủng bố như al-Qaeda vẫn muốn tìm mọi cách để có thể tấn công phá hoại ngay trên đất Mỹ. Câu hỏi đặt ra là trong tương lai, liệu khủng bố có thể làm chuyện tương tự như thế không?

Không phải chỗ để sợ khủng bố

Trước hết hãy nhìn lại vụ mất điện ngày 14/8 xem tình trạng đã diễn ra và tác hại tới mức nào. Nói về tổn thất nhân mạng, tại thành phố New York với tám triệu dân, chỉ có một nạn nhân đã chết vì lên cơn xung tim sau khi từ tầng cao phải đi bộ xuống nhiều bậc thang. Không xảy ra rối loạn trật tự xã hội, ngoài ba vụ thừa cơ hội hôi của, nhưng đều là nhỏ. Cảnh sát, chữa lửa và các đơn vị cấp cứu hoạt động điều hoà, số trường hợp khẩn báo có gia tăng không nhiều lắm. Giới hữu trách từ thành phố đến tiểu bang, liên bang đều vẫn tiếp tục phối hợp công tác trôi chảy như tình trạng bình thường, nhờ đã có những cải tiến thích ứng về thủ tục và phương cách hoạt động rút kinh nghiệm từ vụ 9/11. Tóm tắt, vụ cúp điện đem đến nhiều rất nhiều phiền toái, rắc rối cho mọi người và một số thiệt hại kinh tế, nhưng toàn bộ không đến mức là một tai họa nghiêm trọng, sinh hoạt ở tất cả các thành phố lớn đều yên tĩnh.

Như vậy những hiệu quả mà một hành động khủng bố chắc chắn phải nhắm đạt tới – gây tổn thất nhân mạng lớn, tạo tâm lý kinh hoàng trong quần chúng, làm rối loạn trật tự và xáo trộn sinh hoạt xã hội - đều đã không xảy ra qua vụ cúp điện lớn nhất lịch sử Hoa Kỳ. Do đó nếu giả dụ tương lai khủng bố có làm được chuyện gây gián đoạn trong hệ thống cung ứng điện lực tương tự thế, thì cũng sẽ chưa phải là điều rất đáng sợ, trừ khi còn có sự kết hợp đồng thời với những hành động tấn công phá hoại khác nữa. Nhưng thực hiện một kế hoạch tấn công quy mô toàn diện tới mức ấy là việc ở ngoài khả năng của những tổ chức hoạt động bí mật lén lút, và nhất định không thể vượt qua sự đề phòng ngăn chặn của các cơ quan an ninh chống khủng bố.

Người ta vẫn thấy là đến nay mạng lưới điện lực rộng lớn phức tạp ở Hoa Kỳ có những cái lỗi thời và không đủ an toàn, nhưng đấy không hẳn đã là chỗ để lo ngại rằng khủng bố sẽ lợi dụng khai thác và gây ra những chuyện khủng khiếp quá đáng. Hơn nữa khủng bố có thể khai thác những sơ hở và tiến hành tấn công vào lãnh vực này hay không?

Ai cũng có thể thấy rằng dù với những biện pháp an ninh hết sức chặt chẽ thì vẫn không thể nào hoàn toàn bảo đảm ngăn chặn được một vài toán khủng bố võ trang cảm tử đánh chiếm phá hoại nhà máy phát điện hay trung tâm biến thế, gài bom nổ chậm để cùng lúc làm gãy hàng chục trụ điện trên đường tải điện cao thế dài hàng trăm ngàn dặm chằng chịt khắp nơi trên đất Mỹ. Nhưng Bruce Hoffman, chuyên gia chống khủng bố của cơ quan nghiên cứu Rand Corporation nói rằng thực hiện những phá hoại vật chất với tầm mức

ấy sẽ chưa tạo nên hiệu quả ngang bằng như vụ cúp điện vừa qua. Làm gián đoạn hoạt động một phần lớn hệ thống điện lực là việc vô cùng khó khăn về mặt kỹ thuật – phải nói là không thể làm được - với những cơ phận an toàn cùng thiết bị dự phòng đã sẵn có từ trước và được tăng cường kể từ sau vụ khủng bố 9/11.

Nhưng vì sao mà vụ mất điện rộng lớn chưa từng thấy, hơn cả trường hợp năm 1965 cũng tại New York và đông bắc Hoa Kỳ làm 30 triệu người

Các kỹ sư và chuyên viên điều hành cũng chưa biết chính xác lý do của sự việc này. Do đó đã có lập luận rất trớ trêu rằng đấy là một yếu tố đáng mừng. Bởi vì như vậy chứng tỏ là những kẻ khủng bố không cách nào tìm hiểu nổi sự phức tạp của mạng lưới điện lực để có thể tính chuyện phá hoại. Theo các giới chuyên môn, rất khó tìm ra được phương cách hiệu quả nếu muốn tấn công vào hệ thống điện lực, tổ chức khủng bố cần mất rất nhiều công phu dò xét nghiên cứu và với

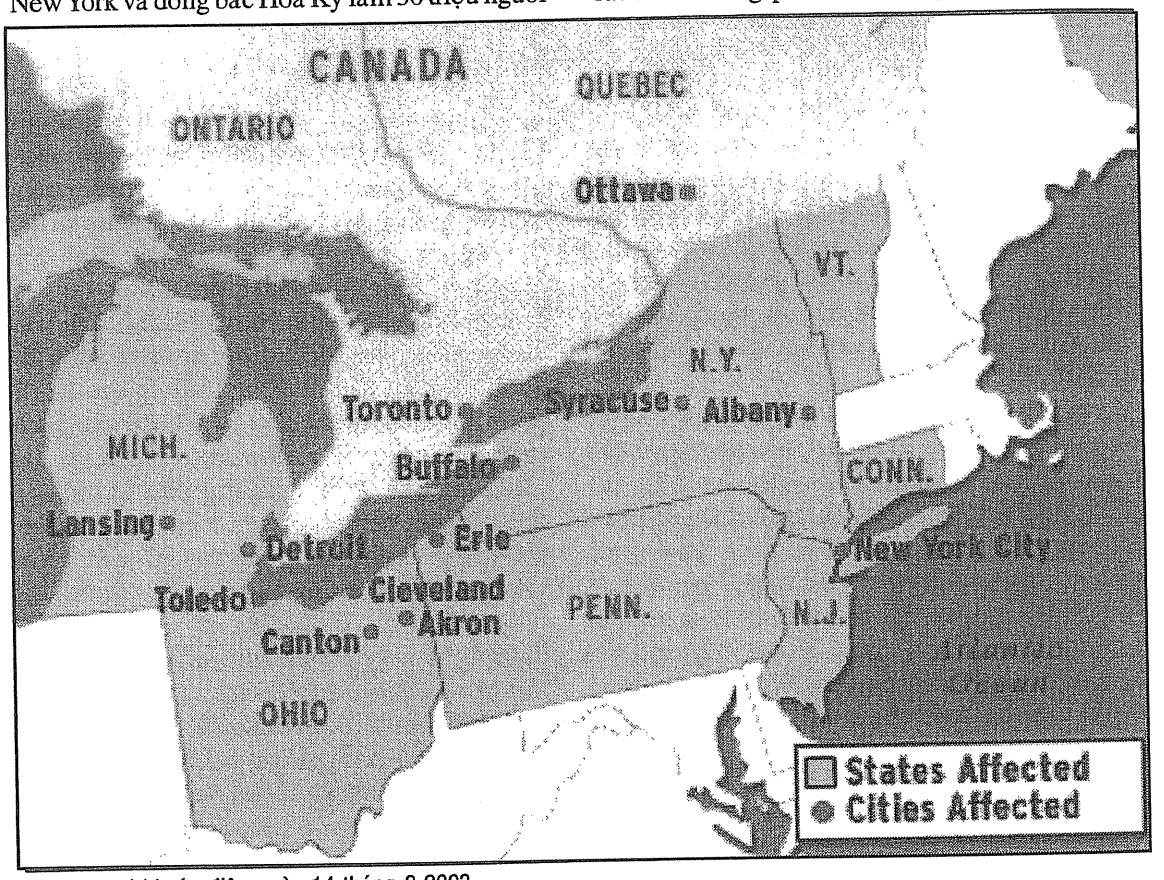

Những nơi bị cúp điện ngày 14 tháng 8-2003

mất điện dùng, lại có thể xảy ra hôm 14/8/2003? Đến bây giờ qua một số giải thích người ta vẫn chỉ tạm coi là nguyên nhân khởi đầu từ Ohio, do có trục trặc ở mấy đường giây tải điện và một nhà máy nhiệt điện, rồi hơn một tiếng đồng hồ sau qua những tác động giây chuyền mà đưa đến tình trạng mất điện trên cả một khu vực rộng lớn. Cũng chưa phải toàn bộ hệ thống điện miền đông Hoa Kỳ ngừng hoạt động – vùng đông Hoa Kỳ từ Washington D.C. và vùng Trung Tây từ Chicago không bị cúp điện. Nhưng tại sao những thiết bị an toàn lại không kịp thời hoạt động sớm hơn để tránh khỏi tình trạng cúp điện trên một vùng rộng lớn đến như vậy?

điều kiện phải có những nhân sự đủ trình độ. Hành động này không đơn giản như chuyện gởi một số không tặc đi học lái máy bay và tổ chức cướp máy bay tự sát.

Dù sao, theo các giới chuyên gia, vẫn còn một lãnh vực đáng lo ngại, đó là một âm mưu tấn công vào hệ thống điều hành điện toán hóa. Richard Clarke, cựu giám đốc an ninh điện toán trong chính quyền Bush tin rằng sự tấn công vào hệ thống điện lực có thể xảy ra qua đường điện toán hơn là bằng cách phá hoại thông thường với việc sử dụng chất nổ. Kẻ phá hoại có thể tìm ra phương cách đi qua Internet len vào hệ thống điều khiển và cùng lúc làm hủy hoại nhiều nhà máy,

trạm biến điện và hệ thống phân phối điện. Tuy nhiên nếu kẻ phá hoại có thể ngày càng có thêm khả năng kỹ thuật cao, thì ngược lại những bộ phận bảo vệ an ninh cũng gia tăng biện pháp đối phó một cách chặt chẽ tinh vi hơn.

Sơ lược về hệ thống điện lực Hoa Kỳ

Ngày nay điện là một phương tiện thông dụng đến mức người ta hầu như chỉ biết là có nó khi bị cúp điện. Qua những động tác đơn giản làm nhiều lần trong ngày, như bật đèn, mở máy truyền hình, nhấn nút microwave..., không mấy ai suy nghĩ về một hệ thống vô cùng phức tạp để đưa năng lượng đến cho chúng ta sử dụng.

Điện năng do các máy phát điện sản xuất từ một nhà máy trước hết được đưa qua những máy biến điện để nâng cao hiệu thế. Dòng điện cao thế - hàng trăm ngàn volts - sẽ không mất mát nhiều điện năng khi chuyển đi xa qua các đường giây. Một loạt các trạm biến thế sau đó sẽ hạ thấp hiệu thế dòng điện trước khi đến nơi sử dụng, với điện dùng ở nhà hiệu thế chỉ còn là 110 volts trong khi các cơ xưởng có thể sử dụng điện thế cao hơn.

Nhưng không phải là chúng tạ chỉ sử dụng thẳng dòng điện từ một nhà máy như vậy. Nhiều nhà máy sẽ cùng đưa dòng điện lên một lưới điện chung vì có như vậy mới đủ công suất sử dụng cho một địa phương, để khi cần dùng nhiều – như ban đêm hay chạy máy lạnh mùa hạ, máy sưởi mùa đông – các nhà máy sản xuất tăng lên và lúc dùng ít sẽ giảm sản lượng hoặc luân phiên cho máy nghỉ. Lưới điện từng địa phương được kết nối với các địa phương khác thành một lưới bao trùm một khu vực rộng lớn hơn, và cuối cùng các lưới điện khu vực lại được mắc liên kết với nhau thành một hệ thống mạng lưới rộng lớn bao trùm nhiều tiểu bang, kể cả các tỉnh Canada. Như vậy các tiểu bang trong cùng một liên mạng có thể mua hay bán điện cho nhau tùy nhu cầu.

Do cách cấu tạo ấy, toàn quốc Hoa Kỳ cùng với Canada chỉ thu vào bao gồm trong ba hệ thống mạng lưới riêng biệt (gọi là power grids): miền đông (từ duyên hải Đại Tây Dương cho đến phía đông dãy núi Rocky), miền tây (vùng núi và duyên hải Thái Bình Dương), và tiểu bang Texas. Khoảng hơn 6,000 nhà máy phát điện vận hành bằng than đá, khí đốt, dầu lửa, nguyên tử lực và đập thuỷ điện cung cấp điện cho ba liên mạng, gồm khoảng nửa triệu dặm đường giây tải điện cao thế - không kể những đường giây dẫn các dòng điện hiệu thế thấp hơn. Cũng nên hiểu một đặc điểm của điện năng là không thể tích trữ, để dành ở chỗ nào đó trên lưới, do đó luôn luôn phải quân bình giữa cung và cầu, tiêu thụ chừng nào thì các nhà máy điện phải sản xuất bằng như vậy, thiếu hay thừa đều đưa đến trục trặc và đó là nguyên nhân gây ra cúp điện khi không điều hoà kịp thời để trục trặc tới mức trầm trọng. Vì vậy mà phải có trên 100 trạm điều hành, hầu hết tự động và điện toán hóa nhưng vẫn có chuyên viên theo dõi kiểm soát, sẽ cân bằng giữa sản xuất và tiêu thụ bằng cách chuyển dòng điện đi lại trên các đường giây cao thế theo nhu cầu của các nơi ở từng thời điểm.

Một điều đáng chú ý là chỉ riêng Texas có mạng lưới điện hoàn toàn biệt lập không liên kết với tiểu bang nào khác. Tình trạng một mình một cõi này có những nguyên nhân về tâm lý, hoàn cảnh cũng như lịch sử. Dân chúng nơi đây vốn chủ trương rằng "đừng có dính dáng gì với Texas," vì vậy tiểu bang này hầu như không mua mà cũng không bán điện đi tiểu bang khác. Trong thời kỳ Thế Chiến II, Texas tập trung nhiều cơ sở sản xuất quốc phòng và lúc đó những giới hữu trách tin rằng một hệ thống điện độc lập của tiểu bang sẽ là bảo đảm an toàn hơn cho sự liên tục trong sản xuất. Nhưng điều chính yếu nhất do Texas giầu tài nguyên năng lượng, đặc biệt là khí đốt, than đá sản xuất đứng hàng thứ năm trên toàn quốc, đứng đầu về sản lượng dầu lửa với trữ lượng 24% toàn Hoa Kỳ. Điện lực sử dụng ở Texas gần gấp đôi California, và giá điện ở đây rẻ hơn giá trung bình toàn quốc.

Hoa Kỳ không có một lưới điện quốc gia mà là những hệ thống gồm các mạng lưới liên kết rất phức tạp như vậy, trị giá toàn bộ 360 tỷ dollars, đã hình thành từ nhiều chục năm nên không tránh khỏi có những thiết bị cũ kỹ và những chỗ yếu kém. Việc cải tiến hệ thống điện đã được đề cập từ lâu và qua nhiều tranh cãi, nhưng chưa thực hiện được vì còn nhiều khó khăn như vấn đề quyền hạn, trách nhiệm điều hành, và sự đầu tư mà thu nhập sẽ như thế nào đối với phí tốn rất lớn lao phải bỏ ra, dự phóng lên tới 60 tỷ dollars.

Thống đốc New Mexico, ông Bill Richardson, cựu Bộ trưởng Năng lượng trong chính quyền Bill Clinton, nói rằng "Hoa Kỳ là một siêu cường quốc nhưng lưới điện thì như các nước thuộc thế giới thứ ba." Tuy nhiên sau vụ cúp điện vừa rồi, nhất định Quốc Hội sẽ phải có thái độ và đạo luật năng lượng đã kẹt lại từ ba năm nay chắc rằng sẽ được đem ra duyệt xét./.

NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Lời Giới Thiệu: *Ông Nguyễn Quốc Khải trước đây là chuyên viên kinh tế tại International Food Policy Research Institute và Ngân Hàng Thế Giới. Ông hiện là giáo sư của School of Advanced International Studies tại Johns Hopkins University, Washington, DC.*

Trong vòng 10 năm kể từ khi đổi mới (1986), Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng đáng kể. Tổng sản lượng nội địa (GDP) tăng gấp đôi và tỷ lệ đói nghèo giảm xuống còn một nửa từ 70% xuống 35%. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 đã làm cho tốc độ tăng trưởng chậm lại, ảnh hưởng mạnh tới nền kinh tế, bộc lộ những yếu kém trong cơ cấu, đặc biệt là trong lĩnh vực ngân hàng và các doanh nghiệp quốc doanh. Một trong những động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế Việt Nam là đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm mạnh. Phải mất bốn năm sau đó nhà nước mới nhận ra rằng cần phải tiến hành một chương trình cải cách sâu rộng và mạnh mẽ hơn để vực nền kinh tế thoát khỏi tình trạng trì trệ, lấy lại đà tăng trưởng. Việc ký kết hiệp định thương mại song phương với Hoa-Kỳ vào năm 2001 đánh dấu một giai đoạn hai đầy khó khăn và thử thách trong thời kỳ chuyển đổi của nền kinh tế Việt Nam.

Mục tiêu quan trọng nhất của Việt Nam trong thập niên đầu tiên của thế kỷ 21 là xoá đói giảm nghèo. Mục tiêu đầy tham vọng này có thể đạt được nếu Việt nam tiến hành các biện pháp chuyển đổi kinh tế mạnh mẽ, nhất là trong các khu vực kinh tế tư nhân và khu vực nông thôn, tập trung nâng cao trình độ dân trí, đầu tư kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường. Bài viết này tập trung vào vấn đề phát triển khu vực nông thôn.

I. Đổi mới và vai trò quan trọng của khu vực nông thôn

Mặc dù Đại Hội Đảng Cộng Sản lần thứ 6 của Việt Nam đã thông qua chương trình đổi mới vào năm 1986 nhưng phải đến năm 1988 sau khi xảy ra tình trạng thiếu hụt lương thực ở nhiều nơi và không còn viện trợ từ khối Xô Viết vào giai đoạn 1988-1990 , nhà nước mới bắt đầu những bước đi cụ thể để xoá bỏ tập thể hoá nông nghiệp và tiến hành mở cửa nền kinh tế thông qua việc ban hành chính sách đầu tư nước ngoài 1987. Dần dần từng bước, vài năm sau đó, Việt Nam chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung bao cấp xã hội chủ nghĩa trước đây sang nền kinh tế thị trường tự do với sở hữu tư nhân, dỡ bỏ kiểm soát đối với giá và lãi suất, đồng thời khuyến khích đầu tư nước ngoài. Chỉ sau vài năm, Việt Nam từ một nước thiếu lương thực trầm trọng, đói ăn trở thành một nước xuất khẩu lương thực. Tỷ lệ nghèo đói cũng giảm. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi người đều hưởng lợi từ chương trình đổi mới, "kẻ thua cuộc" do tiến hành cải cách là những người không nhận được sự trợ giúp từ gia đình, những bà mẹ đơn độc và những người mất đi sự ưu đãi của cơ chế cũ. Còn "người thắng cuộc" đa số là thuộc lực lượng lao động, có sự hậu thuẫn lớn từ gia đình và có sức khoẻ tốt . Với GDP bình quân đầu người năm 2001 là 420 USD, Việt Nam vẫn là một trong những nước nghèo nhất thế giới so với 890 USD của Trung Quốc, 1.930 USD của Thái Lan, 3.630 USD của Malaysia và 9.400 USD ở Hàn Quốc. Nghèo đói và suy dinh dưỡng vẫn là những vấn đề nhức nhối đặc biệt ở các khu vực nông thôn. Còn khoảng 30 triệu người hiện đang sống trong nghèo đói, chiếm khoảng 37% dân số. Hiện nay, gần 25 triệu người, chiếm 60% lực lượng lao động không có việc làm hoặc bán thất nghiệp .

Nông thôn chiếm tới 75% của dân số 80 triệu người và khoảng 80% tổng số người nghèo của cả nước. Khoảng 40% người dân sống ở nông thôn hiện vẫn sống trong nghèo đói (tương đương với 24 triệu người). Nông nghiệp vẫn là nguồn thu nhập chính. Tuy nhiên, năm 2000, ngành nông nghiệp chỉ đóng góp khoảng 24,5% vào GDP, 24% doanh thu xuất khẩu và 67,3% lực lượng lao động . Khoảng cách về thu nhập giữa khu vực thành thị và nông thôn rất lớn. Theo số liệu của Tổng cục thống kê (GSO), thu nhập bình quân đầu người

ở khu vực nông thôn thấp hơn 3,7 lần so với người dân thành thị và còn kém xa so với mức thu nhập của người nghèo 1 USD/ngày của thế giới. Nghiên cứu của Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng cũng cho kết quả tương tự : (a) Giai đoạn từ năm 1991-94, thu nhập bình quân của người dân sống ở khu vực nông thôn chỉ bằng một nửa so với người dân thành thị. Không những thế tỷ lệ thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn trên thành thị lại giảm từ 0,28 năm 1991 xuống còn 0,19 năm 1994. (b) Khoảng cách giàu-nghèo giữa nhóm có thu nhập cao và thu nhập thấp năm 1993 dao động từ 9,5-10,5, cao nhất trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê năm 2002, thu nhập bình quân của 10% dân số tốp trên cao hơn 12,5 lần so với 10% dân số tốp dưới .

Điều kiện thời tiết và địa lý ở các khu vực khác nhau trên toàn lãnh thổ quốc gia có những khác biệt đáng kể, giữa miền Bắc và miền Nam, giữa vùng thấp và vùng cao nguyên. Tình hình chính trị và xã hội ngoài Bắc cũng khác so với miền Nam. Ngoài Bắc do ảnh hưởng của nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung hơn 40 năm nên các dịch vụ công cộng tốt hơn. Tuy nhiên, ở miền Nam cơ sở hạ tầng lại hơn hẳn, nhiều nguồn vốn (đặc biệt là ngoại hối từ những Việt kiều sống ở nước ngoài gửi về), làm quen với kinh tế thị trường lâu hơn, diện tích đất nông nghiệp rộng lớn nên mỗi hộ gia đình có đất canh tác nhiều hơn.

Do những khác biệt như vậy nên các chương trình phát triển nông thôn cần phải được xây dựng theo các quy mô và ưu tiên tập trung khác nhau đối với từng vùng khác nhau. Ngành nông nghiệp phải là trọng tâm trong chiến lược xóa đói giảm nghèo và phát triển nông thôn. Một trong những mục tiêu chính cần phải làm là rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị.

II. Nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Để một chính sách phát triển kinh tế thành công ở một nước nghèo như Việt Nam cần phải tập trung vào hai vấn đề chính, đó là tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo đói. Đối với một xã hội nông thôn như Việt Nam, nông nghiệp là nhân tố chính đóng góp vào phát triển kinh tế và giảm nghèo đói. Cách thức hiệu quả nhất để đạt được hai mục tiêu trên là nâng cao năng suất . Nông nghiệp có năm vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế có ảnh hưởng vượt ra ngoài khu vực nông thôn, đó là: cung cấp thực phẩm tiêu dùng trong nước, cung cấp nhân lực và các nguồn lực khác cho các ngành công nghiệp và phát triển thành thị, tăng gia nhu cầu về các sản phẩm công nghiệp, nguồn tiết kiệm trong nước và đem lại nguồn thu ngoại tệ cho quốc gia . Mối quan hệ giữa một bên nông nghiệp và một bên là các ngành dịch vụ và công nghiệp góp phần tăng trưởng chung qua các tác nhân thị trường. Tuy nhiên, để đạt được mức tăng trưởng có lợi cho cả hai bên, Việt-Nam cần phải đầu tư nhiều vào công nghệ nông nghiệp, kết cấu hạ tầng nông thôn bao gồm cả hệ thống dẫn nước, ấn định mức giá có lợi cho người nông dân và khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

Các nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung theo mô hình Xô Viết, như Việt Nam, đã thất bại trong phát triển. Những nước này đặc biệt nghèo bởi chỉ tập trung vào công nghiệp hoá mà bỏ qua nông nghiệp và chối bỏ thành phần kinh tế tư nhân. Nhiều nước đã xóa bỏ hệ thống kinh tế này từ cuối thập niên 60, đầu thập niên 70. Trung Quốc tiến hành cải cách kinh tế năm 1978 và Việt Nam là năm 1988. Tuy nhiên, trái với Trung Quốc, Việt Nam trung thành với chính sách phát triển công nghiệp theo hướng nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo và chi phối nền kinh tế với số lượng doanh nghiệp nhà nước lên tới 5.200, hầu như chỉ chú trọng phát triển khu vực thành thị. Kinh tế nông thôn và thành phần kinh tế tư nhân gần như bị bỏ rơi. Bằng chứng là chính sách này đã dẫn tới tình trạng thất nghiệp tăng mạnh vào cuối những năm 90. Hậu quả này phù hợp với nhận định rằng việc tạo ra những công việc thu hút nhiều sức lao động ở các khu vực nông thôn có thể sẽ là biện pháp hiệu quả giúp giảm nghèo đói. Bằng cách duy trì giá trị đồng nội tệ cao, giá nông sản thấp trong khi giá các sản phẩm chế biến lại cao, áp đặt mức thuế cao đối với xuất khẩu nông sản và đất đai, ấn định mức hạn ngạch xuất khẩu, Việt-Nam đã thành công trong việc giữ cho mức lương trong sản xuất nông nghiệp thấp, xuất khẩu nông sản không nhiều và giá vật liệu nhập khẩu thấp. Hậu quả dễ hiểu là nhờ vậy các ngành sản xuất công nghiệp trong nước có mức lợi nhuận cao một cách giả tạo và đây là các nguồn tài chính đầu tư cho các doanh nghiệp nhà nước. Thành công trong phát triển lại được đánh giá một cách giản dị qua mức sản lượng cao của các doanh nghiệp quốc doanh này . Đây là một sai lầm căn bản.

Các nền kinh tế thị trường cũng đánh giá thấp

vai trò của nông nghiệp so với công nghiệp theo như cách đã mô tả ở trên. Tuy nhiên trái với các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, các nền kinh tế thị trường cho phép các thành phần kinh tế tư nhân tham gia và cho phép thị trường ấn định giá cả. Vì thế các nền kinh tế thị trường không tự động xóa giảm đói nghèo trừ khi các nhà hoạch định chính sách tập trung vào khía cạnh này. Nhật bản, Hàn Quốc và Đài Loan là ba nước Đông Á mà tại đây kinh tế nông thôn và nông nghiệp là những thành phần chính trong chiến lược phát triển. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển nhưng không can thiệp quá nhiều vào nền kinh tế. Một nghiên cứu của Ngân hàng thế giới đề cập trong bài của Giáo Sư C. Peter Timmer cho thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh tại các nước Đông Á và Đông Nam Á trên có thể liên quan tới việc tăng năng suất trong khi đó ở các nước châu Phi và châu Mỹ La Tinh tình hình lại biến động theo chiều hướng ngược lại. Đài Loan có những đặc trưng nông nghiệp giống như Việt Nam nên đây sẽ là một mô hình lý tưởng mà Việt Nam nên cứu xét.

III. Phát triển nông nghiệp

Giai đoạn 1980-90, tốc độ tăng trưởng hàng năm của ngành nông nghiệp là 4,3% và 4,9%/ năm từ năm 1990-99. Mặc dù tốc độ tăng trưởng thấp hơn ngành công nghiệp và dịch vụ nhưng ngành nông nghiệp Việt nam vẫn phát triển mạnh hơn so với các nước đang phát triển khác. Thành công này là nhờ các cuộc cải cách kinh tế đặc biệt là ba thay đổi lớn về chính sách, tạo động lực cho nông dân. Chỉ Thị 100 ban hành năm 1981, còn được biết đến như khoán hộ nông nghiệp, chính thức thừa nhận sản xuất nông nghiệp chuyển từ hợp tác xã sang hộ nông dân. Cơ chế khoán làm tăng sản lượng nông nghiệp đồng thời cũng nảy sinh nhiều tranh chấp liên quan đến đất đai. Kết quả là, năm 1988 nhà nước lần đầu tiên ban hành Luật đất đai. Luật đất đai cho phép nhà nước phân đất cho các tổ chức cũng như các cá nhân. Đồng thời trao quyền mua bán những thành quả thu được khi đầu tư vào đất . Cũng trong năm này, Việt Nam thực hiện một bước cải cách về đất đai sâu rộng hơn. Việc ban hành nghị quyết 10 năm 1988 đã xoá bỏ hệ thống nông nghiệp tập trung hóa và phân chia lại ruộng đất cho các hộ nông dân tại một số vùng . Thực tế ba nhân tố chính góp phần tăng trưởng nông nghiệp là sự tăng lên về sản xuất gạo, đa dạng hoá cây trồng giá trị cao và mở rộng diện tích canh tác. Chuyển từ trồng lúa sang các loại cây trồng khác cũng giúp cho sản lượng nông sản tăng cao.

Tuy nhiên, lúa gạo vẫn đóng vai trò chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp, chiếm khoảng 60% diện tích đất nông nghiệp và 45% sản lượng nông nghiệp , trong đó riêng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long chiếm tới 60%. Để nâng cao thu nhập cho người nông dân, cần phải thực hiện đa dạng hoá cây trồng hơn nữa (đa canh) đồng thời thực hiện theo hướng thâm canh để tăng năng suất nông nghiệp. Nông nghiệp Việt Nam có truyền thống lạc hậu. Chất lượng và năng suất vẫn ở mức thấp vì thế đây là một tiềm năng lớn để tăng trưởng khi áp dụng các công nghệ hiện đại phù hợp. Phát triển nông nghiệp sẽ vẫn là động lực chính nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân, góp phần xoá đói giảm nghèo.

1. Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp (đa canh)

Việt Nam đặc biệt quan tâm tới vấn đề an ninh lương thực và tập trung vào khả năng tự cung tự cấp lương thực, nhất là nguồn cung lúa gạo. Nhà nước đã đặt ra những giới hạn cho xuất khẩu gạo và không khuyến khích nông dân chuyển từ trồng lúa sang các loại cây khác mặc dù về nguyên tắc nông dân được phép trồng bất kỳ loại cây nào. Do tin tưởng vào hệ thống thị trường nội địa và nhận thức được rằng có thể bán sản phẩm để tối đa hoá thu nhập nên nông dân tự quyền quyết định sản xuất cái gì. Nông dân có thể trồng nhiều loại cây nông nghiệp có giá trị cao, bao gồm những cây công nghiệp quan trọng như cao su, cà phê, trà, hạt tiêu đen, lạc, đậu tương, mía đường, dừa, đay và dâu tằm.

Về mặt kỹ thuật, nếu có thể được, nông dân cần trồng nhiều loại cây khác nhau trên cùng những thửa ruộng. Lợi ích của biện pháp canh tác này được gọi là luân canh nhằm cân bằng hàm lượng hóa chất trong đất gồm ba thành phần chính là nitơ, phốt phát và kali. Đơn cử một trong những biện pháp trồng này là luân canh giữa đậu/ ngô/gạo. Đa dạng hoá cây trồng cũng là một phương pháp tối thiểu hóa ảnh hưởng của thời tiết xấu. Năm 2000, lũ lụt đã gây thiệt hại lớn cho vụ hè thu ở đồng bằng sông Cửu Long . Do vậy, Bộ Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (NN-PTNT) đã đưa ra kế hoạch chuyển đổi 430.000 ha đất trồng lúa của khu vực này sang trồng ngô, rau, bông, nho cajeput, trái cây, nuôi bò sữa và nuôi trồng thủy sản tôm cá .

Phát triển nông nghiệp của Việt Nam chủ yếu là nhờ gia tăng sản lượng gạo và cà phê. Do thị trường thế giới của các sản phẩm này không ổn định nên cần phải tiến hành đa dạng hoá cây trồng tránh tập trung quá vào lúa gạo và cà phê. Thành công của Việt nam trong việc trở thành một nước xuất khẩu gạo và cà phê lớn nhất chắc chắn sẽ làm cho giá các mặt hàng trên thị trường quốc tế giảm mạnh và hậu quả là thu nhập của người nông dân thấp. Theo điều tra về mức sống năm 1993, 1998 mức tăng lên về thu nhập từ sản xuất nguồn thu ngoại tệ lớn hơn nhiều so với hạt tiêu đen trong mấy năm qua. Giai đoạn 1995-2000, kim ngạch xuất khẩu điều bình quân đạt 131 triệu USD/năm, tăng mạnh so với 68 triệu USD/năm của xuất khẩu hạt tiêu đen. Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu điều đã đạt mức cao kỷ lục 214 triệu USD. Với sản lượng 200.000 tấn năm 2002, Việt Nam đã trở thành nước sản xuất điều lớn thứ hai trên thế giới sau Ấn Độ . Đà Lạt, thành phố du lịch quen thuộc của miền Trung Việt Nam nay được biết đến với một tên riêng "bát rau" của

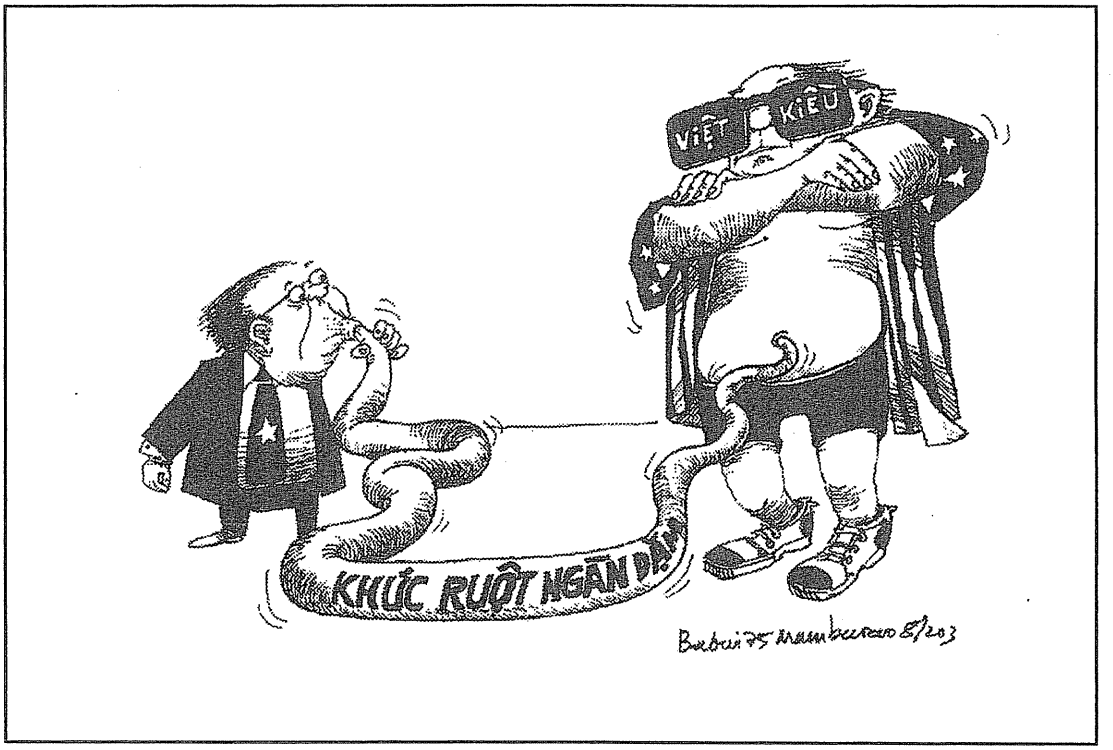

gạo chỉ chiếm khoảng 25% trong tổng thu nhập tăng lên của cả hộ trong khi thu nhập từ chăn nuôi và thủy hải sản chiếm 37%.

Trồng nấm và hoa cũng có thể mang lại lợi nhuận cao bởi nhu cầu của các mặt hàng này ở các thành phố trong nước và ngoài nước ngày càng lớn. Nhu cầu về nấm trên thị trường hàng năm ước đạt 160.000 tấn, vượt xa con số 100.000 tấn năm 2002 . Mỗi năm Việt Nam xuất khẩu được 40.000 tấn nấm rơm và đã trở thành nước xuất khẩu nấm lớn thứ ba trên thế giới sau Nhật Bản và Hồng Kông . Là nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới, Việt Nam có khoảng 20-30 triệu tấn rơm mỗi năm dành cho ngành trồng nấm. Điều cũng là một mặt hàng khá quan trọng, đem lại châu Á. Đà Lạt hiện trồng nhiều rau xà lách xoăn để xuất khẩu sang các nước châu Á, nhất là Singapore. Đây cũng đang trở thành một cái nôi sản xuất chủ yếu các loại rau và hoa.

Nhiều vùng phía Bắc rất thích hợp cho việc trồng các loại hoa phục vụ xuất khẩu, mang lại lợi nhuận cao. Nông dân tỉnh Lào Cai, đặc biệt là huyện SaPa và Mộc Châu đã rất thành công trong việc trồng các loại hoa chất lượng cao như hoa hồng, hoa cúc, lay ơn, gerbera và hoa lan. Huyện ngoại thành Từ Liêm Hà nội cũng rất nổi tiếng với nghề trồng hoa. Theo ước tính của Bộ NN-PTNT, lợi nhuận từ việc trồng hoa mang lại cao gấp 20 lần so với các loại cây nông nghiệp khác như lúa gạo . Các loại cây cận nhiệt đới và ôn đới

như cam quýt, mận, lê, đào, mơ và kaki (một loại hồng phương đông) đã được trồng thành công ở nhiều tỉnh phía Bắc như tỉnh Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Hưng Yên và Nghệ An. Rõ ràng, các dự án này phù hợp với mục tiêu mà Việt-Nam đề ra về xoá đói giảm nghèo một cách triệt để vùng cao phía Bắc và nâng cao chất lượng cuộc sống ở các vùng nông thôn. Thật không may, những cơ hội như vậy chưa được tận dụng.

Nhờ khí hậu, đất đai thuận lợi, chi phí sản xuất thấp và có nhiều kinh nghiệm nên Việt Nam có lợi thế cạnh tranh lớn trong sản xuất cao su. Cao su Việt Nam đã nổi tiếng trên thị trường thế giới với chất lượng tốt. Từ lâu, cây cao su được trồng ở Đồng Nai, Tây Ninh và Sông Bé -miền Nam Việt Nam, phần lớn là những vùng đất đỏ vàng độ ẩm thấp và nhiệt độ tương đối cao. Ngoài ra cây cao su còn được trồng ở những vùng đất đỏ bazan Tây nguyên như tỉnh Đắc Lắc và KonTum, gần vùng núi cao Duyên hải miền Trung. Đề xuất mở rộng ngành cao su rất phù hợp với mục tiêu của Việt-Nam về tái tạo, bảo tồn rừng và xoá đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số tại những vùng đất đai đang bị xói mòn, mất giá trị do hậu quả của thuốc làm rụng lá thời kỳ chiến tranh, do nạn phá rừng và tập quán du canh du cư. Phải mất 6-8 năm cây cao su mới trưởng thành cho mủ và đem lại doanh thu. Như vậy có nghĩa là nông dân ở các vùng trên phải kiếm sống bằng cách đẩy mạnh chăn nuôi, trồng những cây nông nghiệp ngắn ngày như sắn và ngô để làm thức ăn cho gia súc.

2. Tăng cường sản xuất nông nghiệp (thâm canh)

Một nghiên cứu của Ngân hàng phát triển châu Á cho thấy rằng, trong giai đoạn 1996-98, sự tăng lên về lao động và vốn đóng góp tới 87% mức tăng sản lượng nông nghiệp. Tăng diện tích đất trồng chỉ đóng góp 9%. Còn 4% là nhờ vào tiến bộ kỹ thuật. Theo các số liệu thống kê của Việt-Nam, hơn 10 năm qua, việc làm trong ngành nông nghiệp và giá trị tăng thêm của mỗi nông dân gần như không đổi . Những con số này cho thấy năng suất trong sản xuất nông nghiệp chưa được cải thiện. Việt Nam phải nỗ lực hơn nữa để đầu tư nhiều vốn và sử dụng công nghệ cao nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm trong sản xuất nông nghiệp 4-5% trong thập kỷ tới. Sự tăng lên về lao động đang là vấn đề nổi cộm bởi tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm đang rất phổ biến ở nông thôn và trong ngành nông nghiệp. Suy cho cùng triển vọng mở rộng đất canh tác cũng rất hạn chế, chỉ còn lựa chọn duy nhất là tăng năng suất trong sản xuất nông nghiệp bằng việc áp dụng những công nghệ và vốn phù hợp. Vấn đề vốn sẽ được thảo luận kỹ trong phần dịch vụ tài chính ở khu vực nông thôn. Cho đến nay Việt nam vẫn dùng các công nghệ lạc hậu cũ kỹ vào sản xuất nông nghiệp vì thế đây là lĩnh vực còn nhiều khoảng trống cần phát triển.

Trước tiên, Việt-Nam cần đầu tư nhiều hơn cho công tác nghiên cứu khuyến nông. Chi tiêu cho nghiên cứu ở Việt Nam chỉ chiếm khoảng 1,7% tổng chi tiêu nông nghiệp trong khi ở Trung Quốc con số này là 6% và ở Thái Lan, Malaysia là 10% . Việt-Nam chỉ cấp ngân sách khoảng 30 triệu USD và có khoảng 2.000 nhân viên khuyến nông. Giáo sư C. Peter Timmer đã luôn nhấn mạnh sự cần thiết của nghiên cứu nông nghiệp và việc ứng dụng các công nghệ mới .

Quan tâm tới việc tăng năng suất trong sản xuất nông nghiệp như là một ưu tiên hàng đầu, Việt Nam cần áp dụng nhiều dự án bao gồm: dự án phát triển hệ thống dẫn nước ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng núi, dự án phát triển và chuyển giao công nghệ tập trung vào hệ thống trồng trọt chăn nuôi, nâng cao chất lượng hạt giống, cải tiến chất lượng cũng như năng suất của các giống lúa, giới thiệu các giống lúa mới, mở rộng phạm vi và chương trình tiêm chủng và tăng lượng protein (chất đạm) cung cấp cho vật nuôi (bột cá, lạc và bột đậu tương), quản lý vật nuôi, sản xuất sản phẩm vườn và dự án phát triển các khu nông lâm chiến lược ở vùng cao .

Trong đầu thập niên 90, giá gạo xuất cảng của Việt-Nam rẻ và thường có phẩm chất thấp. Nhờ cải tổ kinh tế, phẩm chất gạo đã được cải tiến, ít nhất là về mặt tỉ lệ tấm. Nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long hiện trồng nhiều giống lúa chất lượng cao như IR64, VNĐ 5-20, IR 1490 và M8L250 để xuất khẩu . Năm 1988, khối lượng gạo chất lượng cao xuất khẩu có tỷ lệ tấm 5-10% chỉ chiếm 1,8%. 10 năm sau đó (1998) con số này đã tăng lên khoảng 53% nhờ áp dụng công nghệ xay xát tiên tiến.

Ngược lại, cùng giai đoạn này, khối lượng gạo phẩm chất thấp với tỷ lệ tấm cao 35% trong tổng lượng xuất khẩu giảm từ 88% năm 1989 xuống còn 36% năm 1998 . Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam cũng gần cao bằng gạo của Thái Lan, rút ngắn chênh lệch về giá từ 100 USD/tấn những năm đầu thập niên 90 xuống còn 10-20 USD/tấn (năm 1990, giá xuất khẩu gạo Việt Nam là 170

USD/tấn trong khi gạo của Thái bán được với giá 271 USD/tấn). Chất lượng gạo được cải thiện đã giúp cho kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam tăng mạnh trong thập niên qua . Năm 2002, Việt Nam đã xuất khẩu được 3,2 triệu tấn gạo, thấp hơn so với 3,5 triệu tấn một năm trước đó. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu lại tăng từ 544 triệu USD lên 600 triệu USD. Nguyên nhân chính là do chất lượng gạo đã khá hơn nên được giá (giá bán tăng từ 156 USD/tấn lên 186 USD/tấn).

Do giá trên thị trường trong nước cao hơn so với giá trên thị trường thế giới nên tình hình xuất khẩu các nông sản khác như ngô, đậu tương và lạc không mấy thành công. Chẳng hạn, năm 2000, giá ngô và đậu tương thế giới tương ứng là 75-80 USD/tấn và 180 USD/tấn trong khi giá trên thị trường nội địa lần lượt là 140 USD/tấn và 300-400 USD/tấn. Tình trạng trên cũng diễn ra tương tự với mặt hàng dầu thực vật và bột cá . Việt Nam cần tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng các mặt hàng nông sản, tăng năng suất và giảm chi phí sản xuất để có thể cạnh tranh với các nhà sản xuất nước ngoài.

Cải tiến hệ thống dẫn nước cũng là biện pháp quan trọng nhằm giảm rủi ro hạn hán, nâng cao năng suất và phát triển nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp đủ tưới ở Việt Nam chỉ khoảng 2 triệu ha. Khoảng 1 triệu ha khác được tưới nhưng không thường xuyên bởi hệ thống thủy lợi tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long đều trong tình trạng hư hỏng. Điều này cho thấy mức độ cần thiết phải tái xây dựng hệ thống tưới nước.

Một biện pháp khác nhằm tăng năng suất là cơ giới hoá trồng trọt. Đồng bằng sông Cửu Long là địa bàn rất thích hợp để triển khai chương trình này. Năm 2000, toàn vùng có khoảng 45.000 máy kéo, 40.000 máy đập lúa và 360.000 máy bơm . Cần phải giảm bớt sự hạn chế diện tích ruộng đất cho mỗi hộ khẩu để khuyến khích hình thành các trang trại lớn và thực hiện có hiệu quả hơn việc cơ giới hóa. Nên ưu tiên vào các công đoạn cày, cấy, thu hoạch và bơm nước tưới cũng như sử dụng máy tuốt lúa để giảm hao hụt sau thu hoạch xuống dưới 7%.

IV. Việc làm phi nông nghiệp ở các vùng nông thôn

Việt Nam cần phải rút kinh nghiệm thực tế từ những sai lầm trong quá khứ và tránh phụ thuộc quá nhiều vào nông nghiệp. Kể từ khi số lượng việc làm ở ngành công nghiệp có quy mô lớn giảm từ 3,8 triệu năm 1990 xuống 3,5 triệu 1998 , nên dành ưu cho phát triển cơ sở hạ tầng và tiểu thủ công nghiệp nhỏ ở các thành phố nhỏ nhiều hơn so với ba trung tâm kinh tế lớn Hồ Chí Minh/ Đồng Nai/Vũng tàu, Hà Nội/Hải Phòng/Quảng Ninh và Đà Nẵng/Quảng Nam/ Quảng Ngãi. Các ngành tiểu thủ công nghiệp bao gồm thủ công mỹ nghệ, chế biến và bảo quản các sản phẩm nông lâm sản, vật liệu xây dựng, đồ gỗ, các sản phẩm đặc trưng vùng, đồ gốm sứ, dệt may. Với việc mở rộng các khu công nghiệp ở tỉnh Thái Bình, Việt-Nam bắt đầu khởi xướng chiến lược mới nhằm hỗ trợ các trung tâm thương mại và công nghiệp nhỏ và khuyến khích các dự án đầu tư trong và ngoài nước vào các lĩnh vực như thủ công mỹ nghệ, cơ khí, điện tử, chế biến thực phẩm, dệt may. Theo ước tính của nhà nuóc, đến năm 2005, các khu công nghiệp ở tỉnh Thái Bình sẽ tạo thêm 15.000 - 30.000 công ăn việc làm mới cho người lao động.

Các loại dịch vụ ở khu vực nông thôn như du lịch, xây dựng, vận tải và các dịch khác hỗ trợ sản xuất nông thôn và đời sống người dân cũng tạo thêm nhiều cơ hội việc làm. Tuy nhiên, yêu cầu tối quan trọng để chiến lược phát triển việc làm phi nông nghiệp thành công là tăng thu nhập thông qua việc tăng năng suất lao động. Đây cũng là bước đầu tiên tạo nhu cầu cho các sản phẩm phi nông nghiệp và dịch vụ .

Những nghiên cứu của Ngân hàng thế giới và Ngân hàng phát triển châu Á cho thấy các ngành công nghiệp chế biến nông sản cần nhiều lao động, đặc biệt là ngành chế biến thực phẩm và các dịch vụ liên quan không chỉ làm tăng giá trị và cầu về nông sản mà còn giảm thiểu hao hụt sau thu hoạch, ổn định cung cầu và tạo thêm công ăn việc làm ở khu vực nông thôn. Theo một nghiên cứu ở Mỹ, vào đầu thế kỷ 20 trong 100 USD chi tiêu cho thực phẩm thì 60 USD về tay nông dân và 40 USD thuộc những hoạt động sau thu hoạch. Tỉ lệ là 60/40. Vào cuối thế kỷ 20, tỷ lệ trên đã thay đổi còn 22/78 và phần lớn là của chế biến, bảo quản, vận chuyển, đóng gói và các hoạt động tiếp thị .

Trong 1,4 triệu người tìm việc làm tham gia vào thị trường lao động hàng năm chỉ có khoảng 300.000 kiếm được việc. Hầu hết những người còn lại đều trong tình trạng bán thất nghiệp ở các vùng nông thôn. Việc tạo thêm công ăn việc làm ở nông thôn là vô cùng quan trọng. Mặc dù, mức tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp tương đối cao (hơn 10%/năm từ năm 1990-99) và

tốc độ tăng bình quân của ngành nông nghiệp vào khoảng 4,9%/năm cùng kỳ và dự kiến con số này ổn định ở mức trên 4%/năm trong 5 năm tới, kinh tế nông thôn vẫn có triển vọng khá vững. Dự kiến không có sự di dân lớn bất kỳ nào từ khu vực nông thôn đến khu vực thành thị. Theo ước tính của Uỷ ban dân số quốc gia, hiện nay mỗi năm có khoảng 250.000 người chuyển từ nông thôn ra thành thị sinh sống . Việt Nam có ba trung tâm công nghệ lớn. Hiện tượng phát triển đơn cực sẽ không xẩy ra như tại các nước Phi Luật Tân và Mexico với một Manila hay Mexico City . Tuy nhiên, Việt-Nam cần phải nỗ lực hơn nữa để tạo ra nhiều công ăn việc làm ở các vùng nông thôn và các vùng ngoại ô cạnh các trung tâm lớn trong năm năm tới nếu không ngày càng có nhiều người dân chuyển về thành thị sinh sống. Trong tình trạng này, thất nghiệp và nghèo đói ở vùng nông thôn sẽ chuyển về thành thị làm cho các vấn đề ở khu vực này càng trở nên trầm trọng hơn và sẽ gây nên tình trạng bất ổn định.

V. Kết luận

Đa số người nghèo ở Việt Nam sống ở vùng nông thôn. Chiến lược phát triển kinh tế quốc gia sẽ không thành công nếu không nâng cao được chất lượng cuộc sống của khu vực đông dân cư này, đặc biệt là những người sống ở vùng núi, nơi chiếm tới 70% diện tích đất Việt Nam. Thất bại trong việc nâng cao đời sống nông dân sẽ càng nới rộng khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa khu vực nông thôn và khu vực thành thị, tạo nên những khác biệt lớn về sức khoẻ cũng như về giáo dục giữa vùng vùng trên. Điều này sẽ dẫn tới những thành phố đông đúc chật hẹp quá tải ngoài ý muốn, nghèo đói ở khu vực nông thôn sẽ ảnh hưởng tới khu vực thành thị kéo theo sự sa sút trong sản xuất nói chung và sự tụt hậu về kinh tế. Nwanze Okidlegbe đã từng nói : "Tình trạng trên phản ảnh sự bức bách bất lợi không lối thoát, chính sách áp dụng không phù hợp gây khó khăn quá mức cho người dân nông thôn nhất là phụ nữ, những người không có ruộng đất, các hộ gia đình nhỏ, các nhà chăn nuôi gia súc và những người dân tộc thiểu số".

Trải qua nhiều cuộc chiến tranh liên tục kéo dài hơn 40 năm, vùng nông thôn đã phải hứng chịu nhiều mất mát, khó khăn về người và của, nền kinh tế bị đứt quãng. Trong thời bình, nông thôn đáng nhận được nhiều nỗ lực để tái thiết và phát triển. Việt nam đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới bắt đầu năm 1988. Nền kinh tế phát triển một cách bền vững. Thu nhập bình quân đầu người hàng năm đã tăng lên gấp đôi đạt 420 USD/người/năm. Mặc dù vai trò của khu vực nông thôn là vô cùng quan trọng trong chiến lược phát triển với tiềm năng to lớn, nông thôn thực sự chưa phát triển toàn diện do những thành kiến đối với nông thôn và khu vực kinh tế tư nhân.

Việt-Nam cần thực hiện ngay một loạt các biện pháp trong ngắn hạn để giúp nông thôn tự lực phát triển như (a) cho phép nông dân tự quyết định sản xuất cái gì; (b) dỡ bỏ những rào cản đối với xuất khẩu gạo, bãi bỏ hệ thống hạn ngạch xuất khẩu gạo bằng cách tăng dần lượng xuất khẩu tối đa hoặc thay hạn ngạch bằng thuế xuất khẩu và về lâu dài sẽ giảm thuế suất xuống 0%; (c) cho phép thành phần kinh tế tư nhân tham gia vào thị trường xuất khẩu gạo; (d) chấm dứt các khoản trợ cấp ưu đãi dành cho các nhà máy tinh luyện đường quốc doanh và các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh nông sản nhằm hạn chế thua lỗ và cho phép cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất nội địa; (e) thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân ở vùng nông thôn bằng cách chấm dứt mọi chính sách ưu tiên cho các doanh nghiệp quốc doanh; (f) dỡ bỏ các quy định khắt khe để người nông dân tự do thực hiện các quyền về chuyển nhượng, trao đổi, thuê/cho thuê, thừa kế và cầm cố đất; (g) kéo dài thời hạn của quyền sử dụng đất và nâng tổng diện tích đất được phép sử dụng và (h) cải tổ hệ thống ngân hàng nông thôn và cấp tín dụng cho nông dân thông qua các ngân hàng này.

Về dài hạn, có thể tiến hành các biện pháp sau: (a) nâng cấp kết cấu hạ tầng ở nông thôn; (b) phát triển vùng cao; (c) cải tiến công nghệ kỹ thuật trong nông nghiệp; (d) tạo thêm nhiều công ăn việc làm phi nông nghiệp; (e) quản lý tài nguyên thiên nhiên tốt hơn; (f) tăng cường các hoạt động nghiên cứu và khuyến nông; (g) đẩy mạnh đầu tư cho các vùng nông thôn và (h) thiết lập mạng lưới thông tin về nông thôn - một nhân tố rất quan trọng cho việc hoạch định các chính sách. Con người là nhân tố chính trong công cuộc xoá đói giảm nghèo. Vấn đề này cần phải thảo luận chi tiết cụ thể hơn khi đề cập đến vấn đề giáo dục và các dịch vụ xã hội. Bài phân tích này cũng không bàn tới các vấn đề kết cấu hạ từng, dịch vụ tài chánh, đầu tư và quản lý tài nguyên thiên nhiên vì những đề tài này dành cho những cuộc khảo cứu khác.

4.8.2003

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:

THIÊN-ĐƯỜNG GIỮA CHỐN TRẦN-GIAN?

CỔ LŨY

Năm 1516 ông Thomas More (1476-1535) hoàn-tất quyển Utopia *, một tác-phẩm chỉ-trích xã-hội nước Anh đương-thời, nổi danh không kém gì những kịch-bản của William Shakespeare cùng trong giai-đoạn (Thế-kỷ 16). Quyển* Utopia *mô tả một đảo-quốc tưởng-tượng với một xã-hội dựa trên thuần-lý và khoan-dung, chế-khắc được những bất-công chính-trị và xã-hội bằng cách gom góp đất-đai tài-sản trong nước làm của chung và đòi hỏi mọi người phải làm việc mới có ăn. Khi chọn tên* Utopia *cho đảo-quốc tưởng-tượng Thomas More đã ghép hai chữ Hy-Lạp "eu+topos," có nghĩa là một nơi tốt-đẹp hoàn-hảo , hoặc "ou+topos," có nghĩa là không có một nơi nào như vậy cả—một chỗ không-tưởng, một thiên-đường không thực hay không bao giờ có. Thomas More thực ra không phải là người đầu tiên, và cũng không phải là người cuối cùng đưa ra những eutopos hoặc outopos như lịch-sử nhân-loại cho thấy.*

Bước sang Thế-kỷ 21 nhà vật-lý-học lừng-danh, và cũng là một người thông hiểu chính-trị xã-hội học sâu-xa, ông Steven Weinberg đưa ra, trong nguyệt-san Atlantic Monthly *đầu năm 2000, nhận-xét rằng nỗ-lực đi tìm những giải-pháp chính-trị kinh-tế tốt-đẹp hoàn-hảo cho nhân-loại, dù thực-tế chưa bao giờ thấy - những utopia - vẫn không thiếu gì người theo đuổi.*

Khi còn bé ông Weinberg đọc say mê rất nhiều sách khoa-học giả-tưởng và quyết-định sau này sẽ trở thành một nhà khoa-học. Nhưng khoa-học không phải là cái gì quyến rũ ông trong các câu chuyện giả-tưởng; nỗi đam-mê nằm trong các viễn-tượng về những xã-hội trong tương-lai, không tốt hay xấu hơn nhưng khác hẳn xã-hội đương thời. Từ đam-mê này ông quay sang đọc từ những sách vở chính-trị kinh-tế "viễn-mơ" ảo-tưởng đến những tác-phẩm cổ-điển như Republic *của* Platon, Utopia *của Thomas More*, Looking Backward *của Edward Bellamy*, Brave New World *của Aldous Huxley và 1984 của George Orwell. Từ những căn bản này ông Weinberg đưa cái nhìn về các phong-trào, đường-lối suy-nghĩ về các utopia hiện nay.*

CỔ-LŨY

Trong tác phẩm *Three Sisters* (*Ba Chị Em*) viết năm 1900, nhà văn Nga Anton Chekov có vẻ như hoàn toàn mê mẩn vì những giấc mới đầy ảo tưởng về một thế giới mới trong kỷ nguyên mới. Nhân vật Đại tá Vershinin, trong Hồi II của vở kịch nói:

Trong một hai thế-kỷ, hay trong một thiên-niên, dân-chúng trên thế-giới sẽ sống một lối sống mới, một lối sống hạnh-phúc hơn. Chúng ta sẽ không sống lâu để nhìn thấy điều này —nhưng đây là lý-do tại sao chúng ta sống, tại sao chúng ta làm việc. Đây là lý-do tại sao chúng ta chịu đựng khổ-sở. Chúng ta đang cấu-tạo lối sống tương-lai. Đó là mục-tiêu hiện-hữu của chúng ta. Cái hạnh-phúc duy nhất chúng ta có là nỗ-lực đi đến mục-tiêu này.

Những hy vọng của Đại tá Vershinin đã không diễn ra như ông mơ ước trong thế kỷ vừa qua. Cái lý tưởng đầy ảo ảnh có ảnh hưởng lớn nhất trong hai Thế kỷ 19 và 20 là xã hội chủ nghĩa đã thất bại ở khắp mọi nơi. Dưới danh nghĩa xã hội chủ nghĩa, Liên-bang Nga Xô-viết dưới quyền Stalin và Trung-Hoa dưới quyền Mao-Trạch-Đông không mang đến thiên đường hạ giới cho dân hai nước này mà hầu như một cái gì ngược hẳn thiên đường. Trong thế kỷ 19 đầy những suy tư ảo tưởng Karl Marx xem thường những suy tư này và tuyên bố là ông đặt niềm tin hoàn toàn vào khoa học sử quan. Nhưng dù người ta có thể tin rằng một loại chính quyền hay mô thức kinh tế sẽ xảy ra như lịch sử quyết định —như Marx tin rằng chủ nghĩa cộng sản là điều không tránh được— điều này không có nghĩa rằng đây là điều dân chúng mong muốn. Nếu Marx thực sự là người có mức nhìn

xa trông rộng, và nhận ra trách nhiệm mô tả xã hội mà ông muốn tạo thành, có lẽ ngay từ đầu ta đã thấy là nỗ lực của ông cuối cùng sẽ đưa đến độc tài độc đoán. Nước Đức quốc xã của Hitler cũng bắt đầu bằng một lý luận ảo tưởng: xã hội chủ nghĩa cộng với một viễn tượng đề cao chủng tộc điên rồ.

Hai thế kỷ đã đi qua với xã hội chủ nghĩa; qua thế kỷ mới không có nghĩa là những hô hào kêu gọi về những utopia đã chấm dứt. Hiện nay có ít nhất là năm kêu gọi hô hào về những utopia, dù có chia xẻ pha trộn lẫn nhau nhưng không liên hệ gì đến xã hội chủ nghĩa. Mỗi hô hào kêu gọi sau đây đều gạt bỏ một hay nhiều hơn một những khẩu hiệu lớn lao của các utopia trước đây — như công bằng, tự do, và phẩm chất đời sống cùng công ăn việc làm.

UTOPIA 1: THIÊN-ĐƯỜNG KINH-TẾ THỊ-TRƯỜNG

Trong thiên-đường kinh-tế thị-trường mọi ngăn cản tự-do làm ăn buôn bán do nhà nước đặt ra đều bị bãi bỏ. Nhà nước sẽ không còn quyền-lực hay nhiệm-vụ gì cả ngoài việc duy-trì an-ninh trật-tự, bảo-đảm việc thi-hành các khế-ước làm ăn buôn bán, và bảo-vệ đất nước. Không còn những ngăn-cản giả-tạo, toàn thế giới sẽ kỹ-nghệ-hóa và trở nên phồn thịnh.

Những hô hào *utopia* kiểu kinh tế thị trường này có lợi điểm là kinh tế thị trường không lệ thuộc vào, hay không phải đặt trên căn bản — như những chủ thuyết kinh tế chính trị trước đây— rằng con người có tính bản thiện (như triết gia chính trị Anh John Locke đề ra làm căn bản cho tổ chức chính quyền và kinh-tế cuối thế kỷ 17), hay bản ác (như triết gia chính trị Anh Thomas Hobbes đề ra giữa thế kỷ 17); nhưng đây không có nghĩa là chúng ta phải thích điều này. Những lý thuyết gia kinh tế thị trường thường nhắc đến "tối đa hóa," như tối đa hóa mức sản xuất, tổng sản lượng quốc gia (GNP), hoặc hiệu năng. Nhưng ta cần phải đặt câu hỏi cho chính mình là chúng ta muốn tối đa hóa cái gì mới được?

Một điều chắc chắn kinh tế thị trường không "tối đa hóa" là công bằng bình đẳng. Đây không có nghĩa là công bằng bình đẳng về cơ hội nhưng là công bằng bình đẳng thật sự. Người ta có thể hiểu lý do hay mục đích của việc thăng thưởng những người có tài cao trí rộng, nhưng khó có thể hiểu tại sao những người kém tài năng hơn lại không được hưởng những ngọt bùi. Thật khó tưởng tượng sẽ có công bằng nếu một số đông người bị lọt thỏm khỏi cái võng kinh tế an toàn —trừ phi nhà nước ra tay can thiệp vào kinh tế thị trường.

Dĩ nhiên không có nhiều người đặt công bằng bình đẳng ở một mức giá trị cao. Ông Platon (khoảng 428-348, trước Công nguyên) ở Hy-Lạp ngày xưa không ưa công bằng bình đẳng lắm, nhất là sau khi người ở Athene theo lối dân chủ trực tiếp đã lên án thần tượng của ông là Socrates. Trong tập đối thoại *Republic* ông giải thích tổ chức xã hội cứng ngắc ở Athene bằng cách so sánh xã hội với những cơ phận của con người: người cầm quyền là phần thuần lý; các binh sĩ là phần tinh thần; dân nhà nông và thợ thuyền là những phần thấp kém hơn trong thân thể con người. Không hiểu ý ông muốn dùng con người để so sánh với nhà nước hay nhà nước để so sánh với con người, nhưng rõ ràng những so sánh này trong hai thế kỷ vừa qua đã mang lại nhiều ngọt bùi cho những người vốn đã no ấm tràn trề.

Cùng với thời gian giấc mơ công bằng bình đẳng trở thành một động lực mạnh mẽ thúc đẩy những suy nghĩ ảo tưởng mông lung. Thời Trung Cổ Tây phương khi dân nhà nông và thợ thuyền nổi dậy chống phong kiến ở Anh khẩu hiệu của họ là: lúc khai sinh lập địa ai cũng như ai. Cách mạng Pháp 1789 chọn mục tiêu công bằng bình đẳng (*egalité)* cùng với tự do và bác ái (*liberté* và *fraternité).* Vua Louis-Philippe-Joseph, quận công Orléans, muốn lấy lòng phe cách mạng cực đoan Jacobins tự đổi tên thành Philippe-Egalité. Nhưng cả cái tên rất cách mạng này lẫn lá phiếu của ông đồng ý với việc xử trảm vua Louis XVI cũng không cứu ông khỏi xử trảm: ông cùng vua Louis XVI và hàng ngàn người Pháp khác đều bị chặt đầu rất bình đẳng bởi máy chém do bác sĩ Guillotine chế tạo. Mục tiêu chính của những người theo xã hội chủ nghĩa và nhóm vô chính phủ trong thế kỷ 19 và 20 là chấm dứt những bất công bằng việc phân phối tài sản. Trong tác phẩm *Looking Backward: 2000-1887* (1888) và ngay sau đó là *Equality* ông Edward Bellamy (1850-1898) , một nhà văn xã hội Mỹ, mô tả nhân vật chính Julian West ngủ mơ thiếp từ 1887 cho đến năm 2000 thức giấc để nhìn thấy những thay đổi xã hội lớn lao. Những bất công xã hội không còn nữa, tư bản cá nhân được thay thế bởi nhà nước công cộng. Mọi người làm việc cho, và là một thành phần của nhà nước. Xã hội mới năm 2000 mang đến những phúc lợi xã hội. đạo đức, văn hóa rõ rệt. Tác phẩm này được đón nhận nồng nhiệt và cóp nhặt rất nhiều ở châu Âu.

Trong Thế kỷ 20 những đam mê hứng khởi với công bằng bình đẳng đưa đến những xã hội cộng sản trong đó mọi người đều bình đẳng trong nghèo khó —mọi người, trừ một số người trong nhà nước và giới tài tử nghệ sĩ tiếng tăm có nhà cao cửa rộng, cao lương mỹ vị và dịch vụ y tế siêu đẳng. Những thất bại của chủ nghĩa cộng sản có lẽ là đòn mạnh nhất đập vào công bằng bình đẳng. Ngày nay ai còn nói đến phân chia tài sản công bằng hơn có lẽ sẽ bị xem là muốn xách động đấu tranh giai cấp.

quân đội của hoàng đế Napoléon có mang theo trong ba-lô một cây ba-tông của cấp thống chế, nhưng dĩ nhiên không ai nghĩ rằng ai cũng sẽ có dịp sử dụng cây gậy chỉ huy này. Không ai muốn bác sĩ giải phẫu của mình là người từ ngoài đường đâu đâu bước vào phòng mổ. Nhưng những khác biệt về tước hiệu, danh vọng và quyền lực nẩy sinh từ những bất công về tài năng thúc đẩy người ta có tham vọng. Ta có thật sự cần phải thêm bất công về tài sản tiền bạc vào đây nữa không?

Vấn đề này không thể xét đoán dựa hoàn toàn

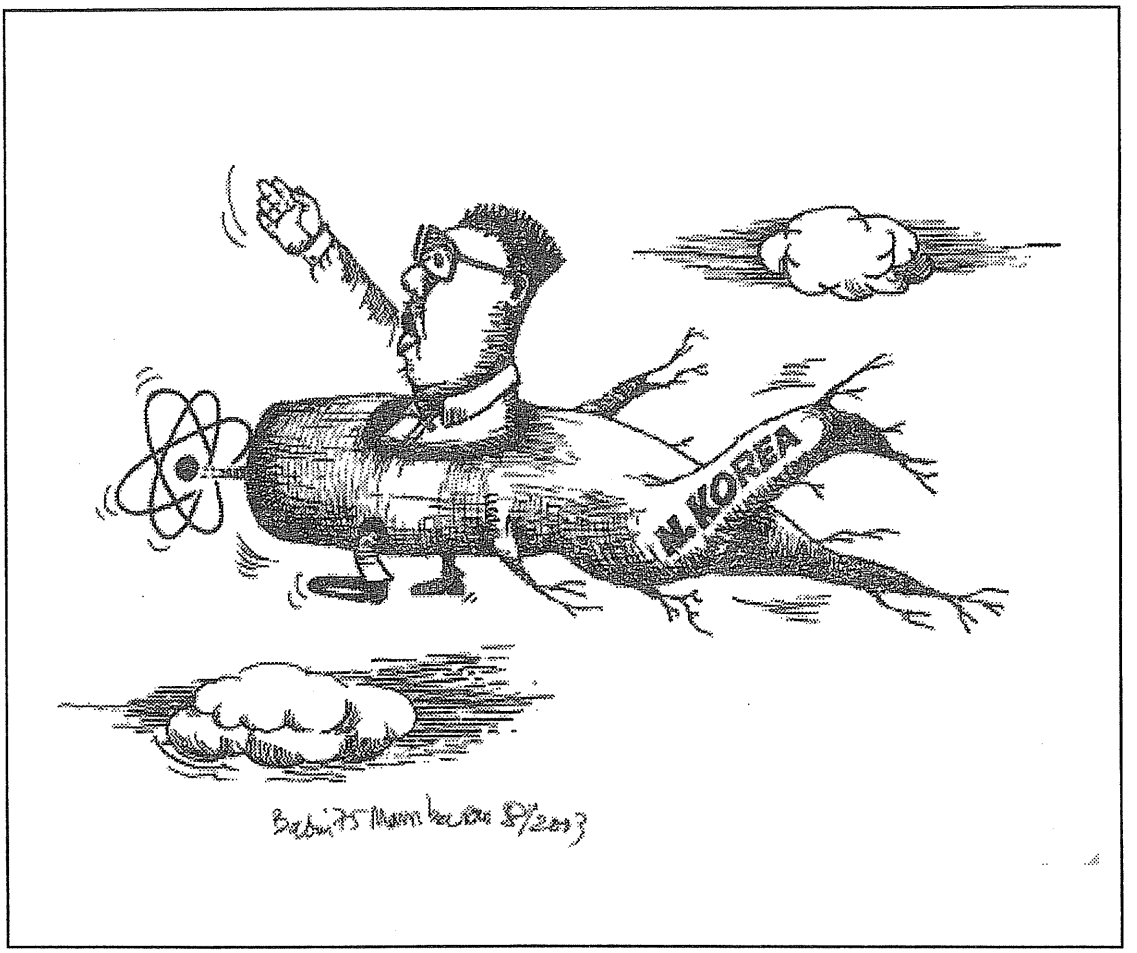

Dĩ nhiên một số bất công chênh lệch là điều không thể tránh được. Mọi người đều biết rằng không phải ai cũng trở thành nhạc công vĩ cầm trong dàn nhạc đại hòa tấu, nhà quản trị xí nghiệp, hay chơi thể thao trong các đội chuyên nghiệp. Nước Pháp từ thời Cách mạng đã bỏ qua lý tưởng công bằng và nhấn mạnh *carrière ouverte aux talents* (nghề nghiệp mở rộng cho các tài năng). Người ta kể chuyện rằng mỗi người lính trong

trên căn bản kinh tế được. Các nhà kinh tế cho ta biết rằng những bất công trong thù lao đóng một vai trò kinh tế quan trọng: cũng như giá cả khác nhau đặt trên thực phẩm khác nhau giúp phân phối tài nguyên canh nông nhằm vào sản xuất những gì người ta muốn ăn, những thù lao cách biệt cho giới lao động và giới tư bản làm chủ có thể hướng người ta vào công việc khác nhau và hướng tiền bạc vào những đầu tư khác nhau để

đạt đến giá trị kinh tế cao nhất. Khác biệt giữa những bất công khác nhau này là, *tự nó* giá cả tương đối giữa lúa mì và lúa mạch không là cái đáng kể; những giá cả này chỉ có mục tiêu giúp việc điều chỉnh sản xuất và tài nguyên. Nhưng dù có những hệ quả kinh tế quan trọng đến đâu khác biệt rộng lớn về tài sản là một cái ung thư lớn của xã hội làm ung thối đời sống cho cả triệu người.

Những người sống trong nhung lụa khó mà có thể hiểu được điều này. Họ xem mọi nỗ lực giảm thiểu bất công tài sản là "ganh ghét kèn cựa." Những người giầu sang phú quí có thể nhìn thấy phần nào tai họa do bất công xã hội gây ra trong văn chương Mỹ—có lẽ vì nước Mỹ dẫn đầu thế giới về việc sử dụng tài sản như tiêu chuẩn chính để sắp xếp giai cấp thứ bậc trong xã hội. Tai họa này được mô tả trong tiểu thuyết của Theodore Dreiser, nhà văn từng sống trong nghèo hèn Thời Mạ Vàng (Gilded Age, 1877-1900), khi mà bất công và thối nát trong xã hội Mỹ lên đến cực điểm. Hoặc đọc chuyện "Paul's Case" của nhà văn Willa Cather, chuyện cậu bé nghèo khổ tuyệt vọng đến độ chịu bỏ cả đời mình để được sống vài ngày xa hoa đầy đủ.

Một cái chắc chắn không được "tối đa hóa" trong kinh tế thị trường là văn minh, văn hóa. Văn minh, văn hóa không chỉ là những viện bảo tàng, đại ca kịch mà nguyên cả những sản phẩm công lẫn tư không những giúp ta sống mà còn cho đời sống nhiều phẩm chất. Ai cũng có thể liệt kê những sản phẩm này; văn minh văn hóa có thể gồm những đài truyền thanh nhạc cổ điển, những thành phố cổ kính. Văn minh văn hóa không có bán hàng qua điện thoại hay Las Vegas. Văn minh văn hóa thường mang tính cách thiểu số ưu việt; họa hoằn lắm nó mới hợp cái "gu" của đa số, và chính vì thế mà nó không phát triển được nếu không có hỗ trợ bằng những hy sinh cá nhân hay hành động của nhà nước—bằng trợ cấp, luật lệ hay chính sách thuế khóa.

Ví dụ như nghiên cứu khoa học căn bản, những luật lệ cơ cấu thiên nhiên, nguồn gốc vũ trụ hay đời sống —những nghiên cứu không có thể biện minh bằng những lợi lộc kinh tế. Cùng với nhiều lợi ích đến từ việc mở rộng kinh tế thị trường ở Đông-Âu người ta không khỏi lo âu vì những tàn phá truyền thống nghiên cứu khoa học ở đây, vì những nghiên cứu này bị xem như không mang lại lợi tức kinh tế nào cả. Ở Hoa-Kỳ khi những thế lực kinh tế thị trường xâm nhập kỹ nghệ điện thoại và hầu như tiêu diệt hoàn toàn những nghiên cứu khoa học thuần túy tại phòng nghiên cứu công ty viễn thông Bell (New Jersey), trước đây được xem là viện nghiên cứu khoa học tư nhân hàng đầu trên thế giới.

Có lẽ nên để cho công bằng và văn minh văn hóa thử sống còn trong kinh tế thị trường, nếu bù vào đây ta có thể mong đợi rằng chính quyền tàn héo đi sẽ là một bảo đảm chống lại áp chế. Nhưng đây chỉ là một ảo tưởng. Vì đối với nhiều người Mỹ ngày nay áp chế không đến từ chính quyền: áp chế đến từ những chủ nhân ông cho ta công ăn việc làm, hay những công ty bảo hiểm, hoặc những tổ chức cung cấp dịch vụ y tế tư nhân —và ta cần có nhà nước để bảo vệ ta chống lại những chính quyền tư nhân này. Có người nói rằng mọi công nhân đều có quyền rời bỏ chủ nhân áp chế bằng cách đi tìm việc nơi khác. Đây có lẽ cũng thực tế như nói rằng mọi người dân đều có quyền từ bỏ nhà nước áp chế bằng cách di cư đến một nước khác!

UTOPIA 2: THIÊN-ĐƯỜNG ƯU-TÚ XUẤT-SẮC

Việc nước được đặt vào tay những thành-phần ưu-tú xuất-sắc, thật thông-minh và thật có học.

Đây là viễn tượng của Platon, triết gia quí tộc Hy-Lạp. Trong tập *The Republic* (một tuyển tập những đối thoại phần lớn giữa ông và những người theo học, viết ra với mục đích trình diễn trước công chúng) cùng những đối thoại khác Platon mô tả một xã hội phân chia trên dưới rõ rệt với tầng lớp nông dân và quân nhân đặt dưới quyền cai trị của một giai cấp giòng dõi gọi là "những người trông coi cai quản." Trong tập *Critias* ông tưởng tượng đây là tổ chức xã hội ở Athenes cổ kính trước cuộc chiến với Atlantis chín ngàn năm trước. Trong thời đại chúng ta Lý-Quang-Diệu, Thái thượng Thủ tướng ở Tân-Gia-Ba, cũng từng nói rằng chỉ có một thiểu số ưu tú, khoảng ba đến năm phần trăm dân số trong xã hội, có khả năng tham gia việc nước. Những người cai trị "Cộng-hòa Nhân-dân" Trung-Hoa có lẽ sẽ đồng ý với xác định này —chỉ hơi khác là có lẽ họ sẽ nghĩ ba phần trăm là ước đoán quá cao. Cả những nước dân chủ như Pháp và Nhật cũng tuyển chọn người cầm quyền nhà nước từ những định chế giáo dục ưu tú và khép kín như những *Grandes Écoles* và viện Đại học Đông-Kinh.

Những phát ngôn của họ Lý cũng như nhiều người khác về mức hữu hiệu của chính quyền ưu tú theo "khuôn mẫu Á-châu" xem ra không đáng

tin mấy sau khi kinh tế đi xuống toàn diện thập niên vừa qua ở Đông và Đông-Nam-Á. Ngay cả trước đó nhà kinh tế châu Á lỗi lạc Amartya Sen và những người khác đã lý luận rằng những chính quyền chuyên chế nói chung không mở mang phát triển kinh tế tốt đẹp hơn —và có lẽ còn dễ tạo ra tai họa kinh tế hơn— chính quyền dân chủ cởi mở. Nhà nước đặt trong tay thiểu số ưu tú lỗi lạc còn có nhiều nhược điểm hơn nữa.

Như nhà quan sát chính trị thâm thúy người Pháp Alexis de Tocqueville (1805-1859) cho thấy, cho dù lãnh đạo ưu tú có thể xem như hữu hiệu và công tâm, giới lãnh đạo này thường có khuynh hướng xem dân chúng như là con trẻ trong nhà. Và có lẽ ngày nay ta đã học được bài học là không thể nào tin tưởng vào chính quyền ưu tú được: đằng sau vị anh quân Marcus Aurelius (161-180) là hoàng tử điên khùng tàn bạo Commodus (180-192) rình rập ngai vàng.

Trong lịch sử thế giới không có thiểu số ưu tú nắm quyền nào mà không —dù trước hay sau— đặt quyền lợi của mình lên trên quyền lợi đất nước hay những người khác. Dù có chọn người ưu tú ra cầm quyền từ một thành phần đặc biệt trong xã hội cũng không khá gì hơn. Người vô chính phủ như ông Mikhail Bakunin đưa ra lý luận chống đối chủ nghĩa Marx như sau: không thể nào để công nhân làm chủ chính quyền được, vì một khi nắm chính quyền họ không còn là công nhân nữa —họ đã trở thành người thống đốc cai quản. Trong quyển *Looking Backward* ông Bellamy, giống như nhiều nhà xã hội khác, lý luận rằng nghiệp đoàn công nhân không còn cần thiết nữa một khi phương tiện sản xuất được trao vào tay đội quân kỹ nghệ trong nước, vì ở giai đoạn này công nhân làm chủ hoàn toàn các xí nghiệp. Kinh nghiệm lao động ở Nga Xô-Viết không chứng minh điều này là đúng. Thiểu số ưu tú nắm quyền rút từ giới chủ xí nghiệp cũng chẳng khá hơn chút nào. Nhà văn khoa học giả tưởng Anh Herbert George Wells (H.G. Wells, 1866-1946) và những người suy nghĩ về *utopia* khác trong nhóm Fabian Society, một nhóm trí thức theo xã hội chủ nghĩa không-Mác-xít ở Anh, đã mơ tưởng đến chuyện trao quyền cai trị quốc gia vào tay các nhà khoa học. Nhưng phần lớn các nhà khoa học thích nghiên cứu theo đuổi khoa học hơn là cai quản người khác, và không có bằng chứng gì cho thấy nhà khoa học có thể cai quản đất nước tốt hơn những người khác.

Quyền hành ở trong tay một thiểu số ưu tú không phải là điều an toàn, nhưng nó cũng chẳng an toàn trong tay toàn nhân dân. Kinh nghiệm dân chủ trực tiếp (direct democracy —ai cũng là nhà nước cầm quyền) ở Athenes ngày xưa và kinh nghiệm dân chủ đại diện trên thế giới ngày nay (representative democracy —trong đó dân chúng cầm quyền qua đại diện chính dân chúng bầu ra) cho thấy nếu không có biện pháp quân bằng quyền hành dân chủ nói chung dễ đưa đến "độc tài của đa số." Ví dụ như hiện nay, nếu chúng ta không có quyền tư pháp trong tay một thiểu số ưu tú độc lập, chắc chắn phân chia chủng tộc và kỳ thị da trắng da mầu vẫn tiếp tục –hoặc ít nhất là chuyện cho phép cầu kinh trong trường học công lập— vì đa số dân chúng ở một số tiểu bang bảo thủ miền nam Hoa-Kỳ ủng hộ chuyện này dù là trái với hiến pháp. Đa số rất lớn ở Algeria, Iran (Ba-Tư) và Afghanistan (A-Phú-Hãn) đồng ý đặt để những luật lệ Hồi giáo (Sharia) khắt khe bắt buộc dân trong nước tuân theo chặt chẽ.

Vậy thì có giải pháp nào chăng? Ai sẽ nắm quyền hành trong nước? Nhà đại ca kịch W. S. Gilbert đưa ra một giải pháp thật giản dị trong đại ca kịch *Utopia, Limited.* Nhà Vua nắm tất cả quyền lực nhưng luôn luôn bị đe dọa bởi Hai Người Khôn Ngoan có quyền xử tử Vua với điều kiện như sau:

Nhiệm-vụ của chúng tôi là theo rõi
Những sai-lạc của nhà Vua,
Và luôn luôn nhòm ngó
Những kỳ-khôi quái-đản của nhà Vua,
Hễ nhà Vua hé ra điều gì
Có vẻ như không được trung-chính,
Lệnh xử-tử chúng tôi ban ra ngay
Mà không cần qua thủ-tục phiền-toái.

Có lẽ trong thế giới thực tế chúng ta phải chấp nhận không có giải pháp nào cả , và chúng ta không thể tin ai được. Cái hy vọng lớn nhất là quyền hành sẽ được phân chia rộng rãi giữa định chế nhà nước và nhiều định chế tư nhân khác nhau —mọi định chế có thể kết hợp với nhau để chống lại những xâm phạm của những định chế khác— như ở Hoa-Kỳ hiện nay.

UTOPIA 3: THIÊN-ĐƯỜNG TÔN-GIÁO

Một phong-trào phục-hồi tôn-giáo trải khắp thế-giới, đảo ngược phong-trào tục-hóa (secularization) bắt đầu từ thời cải-cách và thuần-lý Bừng Sáng (Enlightenment, Thế-kỷ 18). Nhiều nước bắt chước thí-dụ ở Ba-Tư và chấp-nhận các lãnh-tụ tôn-giáo làm lãnh-tụ nhà nước lo cả phần

đạo lẫn phần đời. Hoa-Kỳ quay trở về nguồn-gốc một nước Ki-Tô ngày trước. Nghiên-cứu và quảng-bá khoa-học chỉ được phép nếu không va-chạm đến niềm tin tôn-giáo.

Thật khó tưởng tượng người ta có thể tin rằng tôn giáo là câu trả lời cho mọi vấn đề trên cõi đời này. Trong lịch sử nhân loại người ta hết thời này qua thời nọ đều tranh chấp đâm chém nhau vì tôn giáo —và còn tiếp tục ngày nay ở Bắc Ái-Nhĩ-Lan (Ireland), vùng Balkans, Trung-Đông, Sudan, Ấn-Độ, Hồi-Quốc (Pakistan), Tích-Lan (Sri Lanka), và Nam-Dương. Nhưng những đâm chém tranh chấp này xem ra còn khá hơn là chuyện áp đặt độc tôn một tôn giáo trên con người. Trong tất cả những nhóm ưu tú có thể áp chế con người nhóm nguy hiểm nhất là nhóm vác cờ hiệu tôn giáo. Uy quyền của họ như tuyệt đối vì họ có thể đe dọa trừng phạt cả phần đời lẫn phần hồn, và ảnh hưởng của họ xâm lấn đời sống riêng tư cá nhân như lối sống gia đình hay chọn lựa tình dục. Hiện nay ta có thể nếm mùi thiên đường tôn giáo độc tôn ở nhiều nước như Iran, Saudi Arabia, và Afghanistan, những nơi mà phụ nữ bị kỳ thị và thánh chiến được dạy cho con trẻ.

Người sùng đạo có thể phản đối rằng những điều trên là do băng hoại tôn giáo, chứ không vì chính tôn giáo mà ra. Nhưng lịch sử cho thấy chiến tranh và tàn sát vì tôn giáo luôn luôn đi liền với đời sống tôn giáo từ xưa đến nay. Cái thay đổi có lẽ là ngày nay một số người nhận ra đây là những băng hoại tôn giáo. Có ai khám phá ra những phát giác siêu hình , những kinh bản mới mẻ giải thích tôn giáo theo chiều hướng mới chăng? Câu trả lời rõ ràng là không! Từ thời Bừng Sáng ở châu Âu tinh thần thuần lý và nhân bản đã lan tràn khắp nơi ảnh hưởng lên niềm tin tôn giáo và đưa đến những khoan dung cởi mở về tôn giáo. Không phải là tôn giáo đã phát triển ý thức luân lý đạo đức trong chúng ta; chính những cải thiện trần tục trong các giá trị luân lý đạo đức của chúng ta đã đưa đến cải thiện hành giáo ở nơi này nơi nọ. Con người phải có quyền tin theo hoặc không tin theo tôn giáo tùy theo lòng tin vào các giảng dạy tôn giáo —chứ không phải vì ảo tưởng rằng tôn giáo nâng cao mức độ luân lý đạo đức của xã hội.

UTOPIA 4: THIÊN-ĐƯỜNG XANH

Thế-giới từ bỏ kỹ-nghệ và quay trở lại lối sống nông-dã giản-dị. Những cộng-đồng nhỏ tự sản-xuất thực-phẩm cho chính mình, tự xây lấy nhà cửa, đồ đạc bằng chính tay mình, và chỉ sử-dụng điện-khí lấy từ năng-lượng ánh sáng mặt trời, gió hay nước.

Đây là loại thiên đường thường xuất hiện trong văn chương khoa học giả tưởng hiện đại, như trong truyện của Ursula Le Guin. Nhưng nhiều cây bút hiện đại thường đặt những thiên đường này trên các tinh cầu khác. Người mô tả một thiên đường nông dã ngay trên trái đất này chưa ai qua được nhà văn William Morris (1834-1896) với tập *News From Nowhere* (1890). Chữ *Nowhere* nhắc lại ý *không một nơi nào cả,* cũng như trong tập *Erewhon* (1872) của ông Samuel Butler (1835-1902) chữ *Erewhon* là đảo ngược (không hoàn toàn trật tự đảo ngược) của chữ *Nowhere.* Cả hai đều là nhà văn và trí thức Anh trong phái xã hội chủ nghĩa không-Mác-xít, vừa lãng mạn vừa cách mạng —ông Butler sau cùng từ bỏ tôn giáo và rời bỏ nước Anh tư bản để làm người chăn cừu ở Tân Tây-Lan (New Zealand). Ông Morris mô tả nước Anh trong tương lai: hai thành phố Hammersmith và Kensington, một phần của Luân-Đôn, trở lại nguồn gốc là hai ngôi làng quê; chính quyền quốc gia không cần thiết nữa; và tòa nhà Quốc hội được dùng làm kho chứa phân heo bò. Ông Morris mô tả vùng thôn dã xinh tươi không bị ô nhiễm qua con mắt của nhân vật chính trong chuyện trong một chuyến chèo thuyền du hành ngược sông Thames. Rất là xinh tươi thơ mộng. Nhưng chắc chắn một số không nhỏ độc giả khó quên được những cái hấp dẫn của kinh đô tráng lệ Luân-Đôn.

Thường là người không phải đổ mồ hôi lao động rất dễ lãng mạn hóa lao động cực nhọc, nhất là lao động trong nghề nông. Vua Henry Đệ Ngũ trong kịch bản của Shakespeare tưởng tượng rằng không ai có thể sướng hơn người nông dân cuối ngày làm ruộng,

Với bụng no đầy và đầu trống-rỗng thư-thái
Anh ta ngả mình, bụng đã đầy cơm;
Chẳng trằn-trọc, mộng-mị kinh-hoàng,
Rồi từ lúc trời mọc đến trời lặn
Đổ mồ hôi dưới ánh nắng hồng và quanh đêm
Ngủ giữa ruộng nương; cho tới rạng-đông,
Thức giấc dẫn trâu ra đồng,
Và tiếp tục quanh năm , nhiều năm,
Với sức lao-động hữu-ích, cho đến lúc trở về với đất.

Có lẽ rất ít nông dân thật sự nhìn lao động canh nông theo lối này, theo ông Mel Brooks, đạo diễn và tài tử trong nhiều phim khôi hài Mỹ:

"Làm vua vẫn sướng hơn."

Một số nhà cầm bút mơ mộng—như H.G. Wells trong quyển *The World Set Free* —muốn mang trở lại môi trường thiên nhiên trong quá khứ đồng thời tiếp tục những lợi ích của kỹ thuật hiện đại, bằng cách giảm thiểu tối đa dân số trên trái đất. Điều này có lẽ quá khắt khe đối với những người không được hưởng những ân huệ của thiên đường xanh vì họ chưa được sinh ra đời. Những cây bút khác, như ông Morris, tưởng tượng một thiên đường không kỹ thuật có thể nuôi sống nổi dân số hiện đại. Nhưng sẽ có bao nhiêu người phản đối vì họ vẫn cần bác sĩ và nhà thương mổ tim mổ óc. Có lẽ ông Morris đã không thành thực: ông nhắc đến một số "lực" giúp người ta thực hiện những gì không thể làm bằng tay được; nhưng lấy ở đâu ra những "lực" này nếu không có cơ cấu kỹ nghệ?

Ác cảm với kỹ thuật cũng đưa đến ác cảm với khoa học, và nhiều ác cảm hơn nữa từ những khó chịu vì khoa học đưa ra nhiều sự thực về thế giới và con người. Trong diễn văn đọc tại Dinh Độc-Lập ở Philadelphia nhân lễ Độc lập 1994, nhà văn và tổng thống Tiệp-Khắc Václav Havel phản đối rằng "chúng ta không phải là ngoại lệ tình cờ ... chúng ta có liên hệ mật thiết với toàn thể vũ trụ." Ông kêu gọi "một nền khoa học mới ... hậu-hiện-đại." Một trong những điều ông Havel muốn bao gồm trong khoa học mới là giả thiết Gaia, theo đó trái đất và tất cả sinh vật hỗ trợ bởi trái đất tập hợp thành một cơ cấu độc nhất. Nếu giả thiết Gaia được xem là cái gì cao hơn một lối diễn tả thơ mộng sự việc rành rành rằng con người và môi sinh có xúc tác hỗ tương thì nó biến thành cái huyền bí khó hiểu; nhưng có lẽ giả thiết này mang mầu sắc của Phong trào Môi-sinh Xanh (Green Movement, khởi đầu và có ảnh hưởng mạnh ở Đức, và châu Âu nói chung) mà hình như ông Havel rất chuộng. Chọn lựa để giữ lại những gì dễ chịu của khoa học, và lên án bác bỏ phần còn lại không phải là chuyện mới mẻ. Dân chúng tương lai của nước Anh trong *News From Nowhere* giữ lại một phần khoa học mà ông Morris chỉ mô tả vắn tắt là khác với khoa học "thương mại" trong Thế kỷ 19. Đây có lẽ là phê phán hơi lạ lùng cái khoa học đề ra bởi Charles Darwin (1809-1882, người giải thích thuyết tiến hóa — evolution— bằng nguyên tắc mạnh được yếu thua). Khoa học mà ông Morris muốn duy trì trong thiên đường Xanh có lẽ chỉ gồm khảo cứu hoa thơm bướm đẹp mà thôi.

UTOPIA 5: THIÊN-ĐƯỜNG KỸ-THUẬT

Phát-triển trong tin-học, người máy rô-bô, nguyên-liệu hóa-học và kỹ-thuật sinh-học gia-tăng khả-năng sản-xuất nhiều và nhanh đến mức phân-chia tài-sản đồng-đều không còn là mối bận tâm của ai hết. Ranh-giới đất-nước cũng không còn là vấn-đề đáng bận tâm, vì toàn thế-giới dính liền với nhau bằng mạng lưới giây cáp fiber-optics.

Có nhiều khuynh hướng phóng đại mức thay đổi trong đời sống con người bởi kỹ thuật tân tiến. Cho đến nay chưa biết bao giờ con người mới có thể đáp phi thuyền thương mại đi đến mặt trăng. Kỹ thuật nào cũng đi đến một mức tuyệt đỉnh hạn chế; đi quá mức này thật sự không bõ công. Ví dụ như kỹ thuật giao thông bằng hàng không thương mại chẳng thay đổi mấy, hoặc khá hơn từ khi chiếc Boeing 707 ra đời hơn bốn-mươi năm trước đây. (Chiếc máy bay siêu âm thanh Concorde là một ngoại lệ; nhưng cho đến nay hai nước hợp tác Anh và Pháp phát minh ra chiếc máy bay này vẫn chưa thu hòa vốn phí tổn phát minh, và mới đây đường bay Concorde vượt Đại-Tây-Dương giữa châu Âu và Mỹ đã bị dẹp bỏ hoàn toàn). Kỹ thuật máy vi tính chưa đi đến mức tuyệt đỉnh; nhưng có lẽ sẽ đi tới mức cao nhất khi kỹ thuật thu nhỏ các hệ thống solid-state chạm đến giới hạn do kích thước rõ rệt của từng nguyên tử hạn chế. Những kỹ thuật phổ thông cũng có khuynh hướng tự hạn chế một khi đa số dân chúng có thể mua và sử dụng những kỹ thuật này. Không ai có thể cả quyết rằng ngày nay ta có thể đi từ tây sang đông thành phố Nữu-Ước bằng xe hơi nhanh hơn bằng xe ngựa một thế kỷ trước đây, vì trong thành phố có quá nhiều xe cộ. Internet đã cho thấy dấu hiệu chậm chạp vì số người sử dụng đã quá đông. Thử tưởng tượng hơn hai tỉ máy điều hòa không khí cá nhân ở Trung-Hoa và Ấn-Độ trong một tương lai rất gần phun nhả hơi nóng vào bầu khí quyển địa cầu!

Nhưng dù có chậm chạp những kỹ thuật mới chắc chắn sẽ mang nhiều thay đổi trong đời sống con người. Những thay đổi này thay vì đưa ta đến thiên đường có thể dẫn đến nhiều nguy hại. Rõ ràng là kỹ thuật cho ta sức mạnh tàn phá môi sinh chung quanh chúng ta. Mọi người ta sẽ nghĩ sao khi kỹ thuật y tế tân tiến cho phép một số rất nhỏ những người cực kỳ giầu có sống thêm hàng chục tuổi xuân nữa?

Lại thêm vấn đề nan giải nữa là người ta sẽ làm gì nếu kỹ thuật giúp mọi người không phải làm việc nữa? Như nhà phân tâm học Sigmund

Freud (1856-1939) đã dậy, ta cần nhất hai thứ là tình yêu và làm việc. Công ăn việc làm cho ta ý thức về mình và cái hãnh diện tự mình nuôi sống mình, và nhất là lý do để bước ra khỏi nhà. Trong truyện "The Machine Stops" nhà văn Anh Edmund Morgan Forster (1879-1970) tưởng tượng một thế giới êm ấm nhàn nhã trong đó người sống tách rời khỏi người trong một bộ máy chăm sóc ưu ái. Đời sống nhàn tản thật quá dễ sợ đến nỗi độc giả rất là hân hoan khi bộ máy ngừng chạy như tựa đề của truyện!

Một số người tin tưởng vào thiên đàng kỹ thuật nghĩ rằng vấn đề làm việc, hay đúng hơn là thôi làm việc, sẽ tự nó giải quyết lấy nó. Ông H. G. Wells đề nghị hơi mơ hồ là sau khi kỹ thuật mang đến trù phú khắp nơi mọi người sẽ thành văn nhân nghệ sĩ, và ông Bellamy nghĩ rằng khi tuổi về hưu là 45 người ta sẽ theo đuổi nghệ thuật hay khoa học. Nếu mọi người làm như vậy có lẽ họ sẽ khổ sở ghê gớm. Dù có say mê văn chương nghệ thuật đến mức nào người ta cũng chỉ đọc sách đến một giới hạn nào đó, nghe âm nhạc đến một mức độ nào đó, hay ngắm tranh đến một mức nào đó —và trong nỗ lực tìm cái hay cái đẹp nhất người ta có khuynh hướng chọn cùng một thứ như nhau. Một hậu quả là dù có say mê sáng tác văn chương nghệ thuật đến đâu, đại đa số nhà văn thơ, nhạc sĩ, họa sĩ, điêu khắc gia sẽ qua một đời sáng tạo mà không mấy độc giả, khán giả thưởng thức sáng tác của mình. Các nhà khoa học cũng nằm trong cùng hoàn cảnh. Ví dụ như, ngày nay hầu như không có cách nào một nhà vật lý lý thuyết có thể đọc hết tất cả sách vở dù là rất giới hạn trong một nhánh vật lý thật nhỏ , do đó phần lớn sách vở về vật lý lý thuyết có ảnh hưởng rất hạn chế và chẳng bao lâu bị quên bẵng.

Ông Morris loại bỏ kỹ thuật ra khỏi thiên đường của ông, không chỉ vì ông tương tư với thời Trung-Cổ xa xôi mà còn vì ông muốn con người tiếp tục làm việc. Mặc dù kỹ thuật tân tiến khiến làm việc rất là khó chịu đối với nhiều người, có lẽ ông Morris đã sai lầm khi ông giả dụ rằng đây là điều không thể tránh được. Những công việc tay chân lập đi lập lại nhàm chán trong các cơ xưởng nay đều do máy móc cáng đáng. Kỹ thuật có thể tạo ra công việc tốt hơn cho từ người thợ máy đến phi hành gia. Nhưng không có gì bảo đảm rằng kỹ thuật tiến bộ sẽ cung cấp công ăn việc làm đầy thích thú cho mọi người, và trong khuôn thời gian ngắn hạn thường biến người không thích thú hứng khởi với việc mình làm thành người thất nghiệp.

Một trong những lý do lôi cuốn nhiều người theo thiên đàng kỹ thuật là triển vọng một thế giới hợp nhất trong kỹ thuật. Trong thiên đường kỹ thuật qua quyển *The World Set Free* của H.G. Wells mọi ranh giới quốc gia đều bị dẹp bỏ; sẽ chỉ còn một chính quyền toàn cầu, một ngôn ngữ (dĩ nhiên là tiếng Anh), một hệ thống đo lường, và một suất hối đoái nhất định. Quyển *Looking Backward* của ông Bellamy cho nước Hoa-Kỳ tồn tại, nhưng đi từ từ đến thế giới với một chính quyền độc nhất.

Các nhà vật lý (phát minh ra World Wide Web) đã tham gia vào một hình thức thế giới hợp nhất thí nghiệm. Ví dụ như khắp thế giới hiện nay sử dụng mã hiệu toán học LaTeX, dựa trên tiếng Anh. Nhà khoa học nói tiếng Anh ở Hoa-Kỳ có thể đối thoại với nhà khoa học nói tiếng Tây-Ban-Nha đang hội thảo ở Đông-Kinh bằng điện thư và ngôn ngữ LaTeX.

Không chắc thế giới hợp nhất có phải là điều tốt không. Nó có cái hệ quả làm thu hẹp khoảng cách tâm lý giữa người với người. Vài trăm năm trước nhiều khoảng không gian nằm trên bản đồ thế giới như trống không hoàn toàn và người ta tha hồ tưởng tượng ra các giống người cùng súc vật xa lạ sống ở đây. Ngay cả Nữ hoàng Victoria, người có ý định nếm tất cả trái ngon vật lạ trong đế quốc Anh rộng lớn lúc bấy giờ, cũng không có cơ hội nếm thử quả xoài và sầu riêng. Ngày nay ta có thể bay đến khắp mọi nơi, và ta có thể mua xoài ngay trong những siêu thị địa phương. Đây có thực là thiên đường ta muốn có chăng? Nếu ta chỉ có thể nếm quả xoài ở Ấn-Độ có phải là đặc biệt hơn không? Nếu chúng ta có thể đi đến bất cứ nơi nào thật nhanh chóng, nhưng nơi ta đến chẳng khác gì nơi ta vừa rời bỏ, vậy thì du lịch làm gì?

Thế giới hợp nhất và đồng nhất có thể rất là buồn nản, nhất là khi mọi người đều có thể đi du lịch đó đây. Tách biệt bởi ngôn ngữ và ranh giới quốc gia mỗi văn hóa đặc thù trên thế giới tượng trưng cho cái móc nối quí giá với quá khứ và cơ hội sáng tạo trí thức và nghệ thuật khác biệt. Thế giới hợp nhất và đồng nhất có thể xóa bỏ tất cả những thứ trên.

Sau khi nhìn qua năm thiên đường nói trên với những ưu điểm và nhiều nhược điểm ta biết làm sao đây? Thật khó có giải pháp thỏa đáng. Không có công thức nào giúp ta quân bằng những nguy

hiểm của lãnh đạo ưu tú với những hiểm nguy của dân chủ đa số hoặc kinh tế thị trường, hoặc những hứa hẹn và đe dọa của kỹ thuật. Ông Steven Weinberg mạo muội đề nghị một thiên đường mới.

UTOPIA 6: THIÊN-ĐƯỜNG TƯ-BẢN BÌNH-ĐẲNG VĂN-MINH

Sản-phẩm sẽ nằm trong tay những công-ty tư-nhân cạnh tranh lẫn nhau nhưng có con mắt nhòm-ngó của nhà nước dân-chủ dưới sự giám-sát của những tòa án độc-lập. Những công-ty này tiếp tục dùng lương-bổng cao và địa-vị cùng quyền-lực để lôi-cuốn công-nhân và giới quản-trị có tài-năng đặc-biệt, và chia tiền lời để kêu gọi tư-bản. Những người có lợi-tức cao có quyền giữ một phần lợi-tức này; phần lợi-tức còn lại, để tránh bị đánh thuế, có thể được tặng-dữ cho các viện bảo-tàng, đại-học, hoặc những định-chế khoa-học văn-hóa tùy nghi lựa chọn, nhằm thỏa-mãn nhu-cầu tinh-thần hoặc vật-chất cá-nhân. Những định-chế bất-vụ-lợi nói trên dùng tiền tặng-dữ đầu-tư vào các công-ty, xí-nghiệp để lần-hồi thay chỗ những người giầu-có làm chủ các công-ty, xí-nghiệp này.

Có lẽ đây không có gì độc đáo mới mẻ. Đây chỉ là tiến trình phát triển từ những khuynh hướng đang thấy hiện nay. Trong gần hai-mươi năm qua những định chế bất vụ lợi là phân bộ phát triển nhanh chóng nhất trong kinh tế Mỹ. Nhưng ngọn triều kinh tế Mỹ đương thời có vẻ như dồn về hướng ngược lại. Chúng ta như đang ngoảnh mặt làm ngơ với những biện pháp hữu hiệu nhằm giảm thiểu mức chênh lệch lợi tức cá nhân quá đáng: thuế lũy tiến —như ở châu Âu— đánh thẳng vào mọi lợi tức cá nhân (lợi tức càng cao tỉ số chịu thuế má càng tăng gấp bội), hỗ trợ thêm bằng thuế đánh trên tài sản để lại cho con cháu. Hệ thống thuế lũy tiến gắt gao, cộng với mức miễn thuế rộng rãi cho các đóng góp văn hóa xã hội có một ưu điểm nữa: nó như là một hình thức trợ cấp công lập cho các viện bảo tàng, ban đại hòa tấu, bệnh viện, đại học, những tổ chức nghiên cứu nhân văn, khoa học, và đủ mọi loại các hoạt động từ thiện, vân vân —mà không đặt những định chế, hoạt động này dưới sự kiểm soát của nhà nước. Lạ lùng thay những miễn thuế nói trên từng bị chỉ trích gắt gao bởi những người Mỹ cực kỳ giầu có như Steve Forbes và Herbert Stein, mặc dù đây là lối dùng tiền của nhà nước để hỗ trợ những giá trị văn minh văn hóa mà không gia tăng quyền lực nhà nước chút nào.

Ông Weinberg thật sự cũng không hoàn toàn hồ hởi với khuôn mẫu thiên đường này lắm, vì ông không chắc người ta có thỏa mãn với một đời sống đặc thù cá nhân gồm cả yêu đương, làm việc, tự do và công bằng. Người ta còn có vẻ như có nhu cầu lâu lâu tập hợp nhau lại để làm một cái gì, mặc dù có thể rất tàn hại, để vượt ra khỏi đời sống văn minh buồn nản hàng ngày —giống như nhà văn Anh gốc Ba-Lan Joseph Conrad nói, kẻ không có ảo tưởng thì quá hạ tiện, người có ảo tưởng lại quá tàn hại. Đầu thế kỷ vừa qua, đời sống của đàn ông Âu châu có tiền bạc tài sản rất là thoải mái dễ chịu: họ sống trong một thế giới của những nơi ăn uống hội họp lịch sự, những nhà hát, những nơi nghỉ mát sang trọng, những vùng quê thanh thoải thơ mộng; họ có những đàn bà và người làm công phụng dưỡng; họ có thể theo đuổi những mới mẻ trong khoa học, nghệ thuật nếu họ muốn. Nhưng có nhiều chứng cớ cho thấy nhiều người này rất là chán nản và không có định hướng đến độ họ nhảy vào cuộc Thế Chiến Lớn (1914- 1918) . Ngày nay chiến tranh không phải là cái dễ chấp nhận nữa. Có lẽ chúng ta sẽ tập hợp vào nỗ lực đi chinh phục các hành tinh khác, nhưng điều này khá xa xôi —và ngay cả khi ta có thể làm điều này phần lớn chúng ta vẫn nằm nguyên ở trái đất.

Chúng ta có thể thay đổi chính mình để thỏa mãn thích hợp với một xã hội văn minh chăng? Giấc mơ của những nhà nghiên cứu về cung cách cư xử của con người, và của người Mác-xít muốn thay đổi bản tính con người xem ra có vẻ là những huênh hoang quá đáng về khả năng của khoa học. Trong vở kịch *Three Sisters* ông Chekov cho Công tước Tuzenbach trả lời cho cái thiên đường của Đại tá Vershinin như sau:

Vâng, có thể chúng ta sẽ bay trên những khinh-khí-cầu, mặc những quần-áo khác kiểu, chúng ta có thể khám-phá ra giác-quan thứ sáu, hoặc có thể phát-triển giác-quan thứ sáu—tôi không chắc lắm.

Nhưng đời sống sẽ như cũ —khó-khăn, với đầy những điều chúng ta không biết, và hạnh phúc. Trong một ngàn năm, giống như ngày hôm nay, người ta sẽ thở dài và nói, ôi, sống thật là khó-khăn.

Người ta vẫn sợ chết, và không muốn chết.

Nhìn vào kỷ nguyên mới ta có thể chia xẻ những hy vọng vào thiên đường của ông Vershinin, nhưng khi suy đoán khả năng thay đổi lối sống con người chắc chắn phần lớn chúng ta sẽ đồng ý với Công tước Tuzenbach./.

HÀ NỘI TRONG MẮT NGƯỜI TRÍ THỨC

Trò chuyện với **Giáo sư NGUYỄN HUỆ CHI**
ĐÀO TUẤN *thực hiện*
(Đã được phổ biến trên trang Web Talawas)

Đào Tuấn (**ĐT**): *Thưa Giáo sư, nhiều người nói rằng bây giờ "toàn nhà quê" ra Hà Nội. Nhưng đó vốn là chuyện bình thường, vì Hà Nội là nơi quần anh tụ hội.*

Nguyễn Huệ Chi (**NHC**): Và thanh lọc, quy luật của một trung tâm là thế. Bao giờ cũng là các nơi hội tụ về và thanh lọc đi, cuối cùng những gì lắng đọng lại chính là Hà Nội.

ĐT: *Chắc sẽ không có khái niệm người Hà Nội theo nghĩa thâm niên sống ở thủ đô. Ví dụ như ông Nguyễn Du và bà Hồ Xuân Hương. Họ không sinh trưởng ở Thăng Long nhưng chính môi trường văn hóa Thăng Long đã nuôi dưỡng và phát triển tài năng của họ. Một tài năng thực sự phải đứng được ở Thăng Long, phải được Thăng Long công nhận, bằng không sẽ bị đào thải như Giáo sư vừa nói.*

NHC: Đó là chuyện bình thường, nhưng trong những giai đoạn có xáo động lớn như mấy thập kỷ lại đây, sự thay đổi dân số cơ học tại Thăng Long có làm vợi bớt đi những tính cách được kết tinh từ lâu đời và đưa vào những tính cách chưa thật hoàn hảo, chưa thật đẹp. Những cái như thế thay thế nhau một cách khiên cưỡng, không theo quy luật, và để lại trong lòng những người vốn gắn bó với Hà Nội xa xưa một sự luyến tiếc, và sự luyến tiếc ấy là rất chính đáng. Nhưng cũng phải thấy rằng, trong diễn tiến bình thường, quy luật bổ sung và thanh lọc là tất nhiên. Còn trong những khoảnh khắc lịch sử có những thay đổi không bình thường, sự biến đổi về chất của những tính cách Hà Nội vốn đã được quan niệm, được nhận thức hay đã đi vào tiềm thức cũng là điều dễ thấy. Tiếc là thời buổi xáo động này đã làm mất đi nhiều tinh hoa, trong đó có tinh hoa của tính cách.

ĐT: *Luyến tiếc nhưng không phải là lo ngại?*

NHC: Đúng! Không phải lo ngại vì thực ra một trung tâm lớn nó có khả năng bao chứa hết mọi thứ. Sau một thời gian rất dài tự nó lại thanh lọc trở lại. Những cái không có quy luật phải vào lại quy luật. Tinh hoa sẽ còn lại, phù phiếm sẽ mất đi. Hà Nội là thế. Văn hóa Thăng Long chính là sự bồi đắp từ thế hệ này qua thế hệ nọ để trở thành một cái gì, và là cái luôn luôn vận động chứ không đứng im. Nếu anh quan niệm cái đó là cái đứng im và chỉ có như thế thì đó là sự không hoàn thiện. Thăng Long không phải là một "động hình" cứ thế mãi trong tâm trí bất cứ người nào.

ĐT: *Giáo sư có thấy những con đường của Hà Nội thật đặc biệt không?*

NHC: Những con đường tĩnh lặng của Hà Nội giúp ta chiêm nghiệm về cuộc sống và tự mình hướng nội. Như anh Lê Đạt nói, nó giúp ta đuổi sạch mọi tà khí trong đầu. Những con đường ấy cứu vớt mình. Nó cho mình trở lại sự hồn toàn, trở lại chính là mình. Cách đây mấy năm tôi có gặp một người bạn Hà Lan vừa chân ướt chân ráo đến Hà Nội. Anh ta cứ xuýt xoa rằng Hà Nội mới thực là Việt Nam, Hà Nội mới đầy đủ là Phương Đông. Tôi nói là Sài Gòn rất đẹp, có những góc phố lộng lẫy như ở Paris vậy. Anh ta nói Sài Gòn không là cái gì cả, có đến Hà Nội mới đích thực gặp được Việt Nam.

ĐT: *Phải chăng khi đi trên những con đường của Hà Nội, đường Phan Đình Phùng, đường Nguyễn Du, đường Thanh Niên... ông ấy cảm nhận được cuộc sống của mình và của những người khác. Đó chính là Hà Nội, là Á Đông. Đi dưới những con đường lung linh ánh đèn, những ngôi nhà vút cao với rất nhiều biển quảng cáo, người ta không thể cảm nhận thấy mình, thiên nhiên đất trời như không phải của mình nữa thì chắc không phải là Á Đông, là Hà Nội.*

NHC: Triết lý Á Đông là cuộc sống phải hòa hợp với tự nhiên. Mỗi người là một tiểu vũ trụ hài hòa trong đại vũ trụ. Chính thiên nhiên Hà Nội giúp người ta hòa hợp một cách dễ dàng cái tôi chủ thể với bản thể vũ trụ huyền bí và mênh mông. Tự thân mình trong môi trường ấy đã có

sự hòa hợp rồi. Ở Sài Gòn mình khó tìm thấy sự hòa hợp đó. Tất nhiên là Sài Gòn bề thế, ai cũng phải công nhận; ở đó hội đủ điều kiện cho một sự phát triển về nhiều mặt để trở thành một thành phố công nghiệp tiên tiến; nhưng Sài Gòn có khác với Hà Nội. Đi giữa Sài Gòn mình có cái bồn chồn của một doanh nhân đi tìm mối hàng, hay đi tìm quán nhậu, còn đi giữa Hà Nội tự nhiên ta thư thái như một lãng tử. Ngồi ở một góc nào đấy tại Hà Nội là có thể nghĩ về đất trời, về tất cả mọi thứ và quên đi xung quanh mà không cần phải có một cố gắng nào hết. Hà Nội vẫn giữ được những cái đó. Nhưng mấy chục năm nay người ta đã phá hoại quá nhiều môi trường sinh thái văn hóa tự nhiên lắng đọng từ hàng nghìn năm. Hà Nội bây giờ cũng bươn chải, đua chen một cách ghê gớm. Phải giữ cho được môi trường Hà Nội để mình tìm được sự hài hòa giữa mình với thiên nhiên, giữa mình với đại vũ trụ. Đây cũng là nhiệm vụ cấp bách của tầng lớp trí thức. Chỉ có trí thức mới có nhu cầu giải tỏa mình bằng cách tắm mình vào thiên nhiên như vậy. Người dân thường mà lấn được Hồ Tây kiếm chỗ bán hàng thì họ lấn ngay. Kể cả quan chức cũng ít cần thiên nhiên (tất nhiên họ có thiên nhiên của riêng họ, mênh mông là khác, nhưng hình như họ không nghĩ đến thiên nhiên của cả cộng đồng). May mà dự án thủy cung Hồ Tây thất bại chứ không Hồ Tây cũng đã bị xâm hại rồi. Chỉ anh trí thức mới nhận thấy cái Hồ Tây này là quan thiết tới vận mệnh dân tộc cả về sau này nữa. "Đứng cạnh Hồ Tây có thể quên được trời đất." Đó là lời của ông Tham tán văn hóa Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam nói với tôi trong buổi tối chia tay với ông, một buổi tối Hồ Tây mù sương. Nhưng sau một lúc ngẫm nghĩ ông ấy nói thêm: "Không biết khi tôi có dịp sang lại Việt Nam thì Hồ Tây có còn là Hồ Tây như bây giờ hay không." Nghe câu nói ấy chúng tôi đều trầm hẳn xuống và man mác buồn.

ĐT: *Một tờ tạp chí xuất bản ở Hà Nội giải thích hai chữ thanh lịch của người Hà Nội thế này: Chữ "thanh" trong thanh lịch là thanh tao, thanh tịnh, thanh nhã, thanh đạm, thanh khiết... Chữ "lịch" là lịch lãm, lịch thiệp, lịch duyệt, lịch các kiểu, miễn có nghĩa đẹp là được. Có đúng thế không?*

NHC: Đó chỉ là suy nguyên về mặt ngôn từ thôi, còn muốn hiểu thanh lịch của người Tràng An thực sự thì phải hiểu từ bản chất. Thanh lịch nên được hiểu nôm na là "nền nã" thì đúng hơn. Tràng An là nơi hội tụ của bốn phương đất nước sớm nhất trong lịch sử và đã trải qua gần mười thế kỷ. Chính chiều dày lịch sử đó đã tạo nên con người với một sự ứng xử thế nào cho đẹp và quan trọng là *có được cái ý thức về sự tự do*. Xã hội Tràng An nổi bật lên vì trong cả một cái biển mênh mông là nông thôn và làng mạc với tư tưởng tiểu nông và nền dân chủ công xã "cá đối bằng đầu," bên trên thì rất sợ mấy ông chánh phó lý, không làm gì có sự tự do - giới hạn trong cái gọi là được mặc sức làm ăn sinh sống. Khi anh ra đến môi trường Hà Nội với các nghề thủ công và buôn bán, với các phường hội, anh bắt đầu cảm nhận được vòng dây trói bấy lâu thít chặt nay đã nới lỏng ra ít nhiều. Anh bắt đầu có chút tự do, được cải tiến nghề nghiệp và cạnh tranh với người khác để tăng tiến trong nghề, nên trong ứng xử anh phải cố giữ cho được cái đó. Thế giới của những người thợ thủ công và những người dân buôn bán còn có thêm ảo vọng về việc thoát khỏi cái xiềng tập tục tư tưởng nào đấy mà nông thôn không thoát được. Thế nên càng phải tôn trọng cái đó để xử sự cho đẹp, tôn trọng tự do của nhau tức là tôn trọng chính mình. Những cái đó cứ được cố kết lại, đúc lại dần dần. Đồng thời thêm vào đó là học vấn, là văn hóa; sự cư xử phù hợp với học vấn và văn hóa càng góp phần tạo ra nét thanh lịch của Hà Nội.

ĐT: *Nhưng hình như cái thanh lịch của người Hà Nội giờ đã khác xưa lắm?*

NHC: Hà Nội bây giờ mất thanh lịch đi nhiều. Sự tăng dân số một cách cơ học quá nhanh và quá lớn đã làm văn hóa truyền thống của Hà Nội phai nhạt đi. Cấu trúc gia đình cũ của Hà Nội bị phá vỡ cũng là một nguyên nhân quan trọng. Vào khoảng sau 1954, một ngôi nhà từ đời ông đời cha để lại bị chia xẻ thành năm bảy cái nhà con, cho rất nhiều hộ từ đâu đâu về ở, khiến cho ứng xử của họ không còn giống như khi ngôi nhà ấy còn là một biệt thự êm đềm, trong đó có tôn ti, có nhường nhịn, có đi nhẹ nói khẽ nữa. Trật tự văn hóa đã thay đổi. Để trở lại thanh lịch như mong muốn thì phải chờ thời gian xác lập lại trật tự hợp với quy luật. Không phải bằng giáo dục một cách "nhân vi" mà được. Ngày xưa tôi thấy bố tôi nói, người ta đi ngoài đường không nói những lời sỗ sàng, bây giờ thì chuyện ấy có nhiều, nhất là với những người trẻ tuổi.

ĐT: *Thỉnh thoảng trên đường thấy mấy thanh niên ăn mặc lịch sự thế mà bỗng nhiên quay ngang nhổ toẹt một bãi nước bọt, rồi bình thản đi thẳng.*

NHC: Khi tôi sang Tàu, tới thăm Di Hòa Viên

và Thập Tam Lăng, người các nơi đến tham quan đông nghìn nghịt, nhưng không ai vứt bừa bãi một tờ giấy nào.

ĐT: *Và họ không khạc nhổ theo thói quen Tàu nữa chứ? Họ đã bỏ được thói quen khạc nhổ mấy nghìn năm.*

NHC: Những việc họ làm được như thế khiến tôi nể và sợ. Nhưng ông anh tôi là Giáo sư Từ Chi lại nói tưng tửng: Cậu đừng tưởng thế mà vội mừng. Ở nhà mình tuy rằng thế nhưng còn có một khoảnh được là mình kia đấy. Cái "nhôm nhoam" của mình chính là một chân trời để chúng ta còn nhâm nhi cuộc sống. Còn để vào được khuôn phép, người Tàu đã phải sát phạt nhau kinh khủng, phải đổ bao nhiêu máu từ không biết bao cuộc "đại cách mạng văn hóa" mới tạo được thứ khuôn phép kia. Mà làm thế thì cái giá trả cho nó lớn biết bao nhiêu! Như nước Nga 70 năm xây dựng CNXH đã dựng nên một nền văn hóa mà mình từng thấy cực kỳ đẹp đấy, nhưng nó là "nhân vi" nên khi sụp đổ một cái thì bộ mặt của nó trở nên ghê sợ biết chừng nào. Cô bạn tôi vừa từ Nga về kể rằng, người nước ngoài, nhất là dân tóc đen như chúng ta, bây giờ đến Nga dễ bị bắt cóc như chơi. Cái gì đã là "nhân vi" thì không phải là kết quả của sự diễn tiến tự nhiên, tức là theo quy luật, nó sẽ mất đi rất nhanh thôi. Trong bộ *Tùy tưởng lục* nhà văn Ba Kim cho biết ở tuổi gần đất xa trời của ông mà hễ cứ hồi tưởng lại suốt hai mươi năm "văn cách" (cách mạng văn hóa) ông vẫn thấy rùng mình sởn gáy, vì chưa ở đâu dưới gầm trời này mà người trí thức buộc phải bị biến thành "bò" (vào chuồng bò), phải nhục mạ tất cả những gì tâm huyết mà mình đã viết ra, và quan trọng hơn nữa là phải tự thấy việc hủy hoại nhân cách và trí tuệ mình như thế là một "hạnh phúc," bởi nhờ có sự tận diệt ấy mới xây dựng được một thế giới hoàn hảo gọi là chủ nghĩa xã hội (!!!). Tôi chỉ mong sao có một cơ chế biết thuận theo luật tiến hóa tự nhiên để dân Hà Nội, dân Việt Nam được hưởng một cuộc sống phát triển bình thường, hồn nhiên, hồn toàn để mà đi tới. Cái đó cho dù không đẹp như mình mơ tưởng, cũng sẽ "thật" hơn là nhân vi. Với nhân vi, anh cứ dồn ép cho người ta một cái tốt đẹp nào đó theo ý anh mà người ta không tiếp nhận nổi thì rốt cuộc cũng chẳng được lâu bền. Tuy thế, trong đời sống cũng cần có kỷ luật và nề nếp, không phải ai muốn mặc sức làm gì thì làm. Và cũng phải thấy về nhiều phương diện, nhất là văn hóa nghệ thuật, Trung Hoa hiện nay đã *hết sức cởi mở* trong khi mình chưa theo được, hoặc chưa dám theo. Cứ đọc những cuốn tiểu thuyết của Mạc Ngôn và xem những bộ phim của các đạo diễn tên tuổi của họ nói về chính thời đại họ đã sống và đang sống (xem chui) lại cứ thấy bực và thẹn cho mình.

ĐT: *Còn văn hiến Thăng Long, thưa Giáo sư, chúng ta phải hình dung thế nào về nó?*

NHC: Muốn hình dung cái gọi là văn hiến Thăng Long thì trước hết phải hiểu "văn hiến" là gì. Gần đây có một vị Viện sĩ định nghĩa văn hiến là văn học để hiến dâng cho Đảng. Kể cũng là một cách hiểu không phải không chân thành, xét từ lý thuyết "tiếp nhận." Tiếc rằng trong gốc gác của nó, hai chữ "văn hiến" lại chẳng liên quan gì đến Đảng cộng sản vì hai chữ đó ra đời ở Trung Quốc trước khi Đảng cộng sản Trung Quốc xuất hiện hàng mấy nghìn năm. Có lẽ chữ "đảng" mà ông Viện sĩ nói đây là "hương đảng" dưới thời Khổng Tử chăng. Hiểu thật vắn tắt thì "văn hiến" bao gồm hai thành tố là điển tịch và hiền tài. Đó là hai thành tố không tách rời nhau, làm nên bộ mặt văn hóa của một nước. Thăng Long để lại một truyền thống văn chương sách vở không kém phong phú (ấy là so sánh một cách tương đối trong kho tàng sách vở văn chương của cả nước), mặc dầu trải qua các biến cố lịch sử cũng bị mất mát nhiều. Còn hiền tài thì đương nhiên Thăng Long đời nào cũng có. Không thế đã không có mấy chữ "sĩ phu Bắc Hà."

ĐT: *Tính độc đáo của nền văn hóa Thăng Long nằm ở đâu? Có thể coi văn hóa Thăng Long là đại diện cho nền văn hóa Bắc Hà được không?*

NHC: Cũng có thể coi văn hóa Thăng Long là văn hóa Bắc Hà khi đất nước mở rộng biên giới về phía Nam sông Gianh kể từ thời nhà Trần trở về sau, và dần dần hình thành nên một khu vực dân cư rộng lớn cũng là một khu vực văn hóa quan trọng có tên là văn hóa Nam Hà. Chia nhỏ ra thì Bắc Hà cũng có nhiều tiểu khu vực văn hóa mang đặc trưng riêng như văn hóa Kinh Bắc, văn hóa Nghệ Tĩnh v.v..., nhưng hình như có một hiện tượng xảy ra từ rất sớm, là những tiểu khu vực văn hóa này luôn luôn lấy Thăng Long làm điểm quy tụ để giao thoa, xuyên thấm vào nhau; vì thế vô hình trung tinh hoa của những vùng văn hóa nói trên đều góp phần bồi đắp cho văn hóa Thăng Long thêm rực rỡ. Hơn nữa, nếu bản thân các thành tố văn hóa nói trên chưa được cọ xát, thanh lọc trong môi trường Thăng Long thì trước sau chúng vẫn là một thứ văn hóa "mộc" hay văn

hóa "vườn" mà chưa được "đóng dấu" là văn hóa Đại Việt, nghĩa là chưa nâng cấp vượt bực để trở thành những giá trị phổ biến và có sức sống lâu bền. Ngược lại, văn hóa Thăng Long cũng không còn là một cái gì thuần túy sản sinh trong lòng nó, mà nó mặc nhiên trở thành một dòng sông lớn tiếp nhận nguồn nước của các con sông nhỏ chảy từ xứ Đông, xứ Đoài, xứ Bắc, và xứ "trại" (Thanh, Nghệ, Tĩnh) để thay đổi lưu lượng và hoạt tính trong chất nước của mình. Tuy nhiên, đó quyết không phải là một sự hỗn hợp - đó là cả một quá trình lượng biến thành chất, khiến người Thăng Long như được uống một thứ nước mới, có vị trong trẻo và đậm ngọt hơn hẳn. Tranh Hàng Trống không hơn tranh Đông Hồ, chữ khắc và mô típ trang trí trên bia đá một số ngôi chùa Hà Nội không đẹp hơn chữ khắc và mô típ trang trí trên bia đá nhiều ngôi chùa trong nước, vì đó là sản phẩm của những địa phương đem so sánh với nhau. Nhưng tranh do người Pháp thuê các họa sĩ dân gian bậc thầy tập trung ở Thăng Long vẽ đầu thế kỷ XX thì đa dạng hơn tranh hai địa phương kia rất nhiều; chữ khắc và trang trí trên bia đá ở Văn miếu lựa chọn đội ngũ thợ khắc có truyền thống lâu đời của nhà nước phong kiến rõ ràng là sắc sảo chỉnh tề hơn chữ khắc và mô típ trang trí trên những tấm bia ở nhiều nơi ta đã gặp; và *Truyện Kiều* gắn bó với ngôn ngữ nghệ thuật Thăng Long và cả nước thì khác xa *Thác lời trai phường nón* chỉ gắn bó với ngôn ngữ địa phương Nghệ Tĩnh, tuy đều là tác phẩm của Nguyễn Du. Yếu tố bác học được nâng lên rõ hơn, tính điển phạm cũng được nâng lên rõ hơn. Cho nên cái độc đáo của văn hóa Thăng Long có lẽ nên nhìn ở ba phương diện: 1. Kết tinh được các tố chất của nền văn minh châu thổ sông Hồng trải dài trong lịch sử; 2. Thu hút được sự sống tươi rói từ mọi vùng miền để thanh lọc những yếu tố già cỗi như một chu trình luân lưu không ngừng; 3. Được hệ thống hóa và điển phạm hóa để trở nên cân đối hơn, nền nếp hơn, có bài bản hơn.

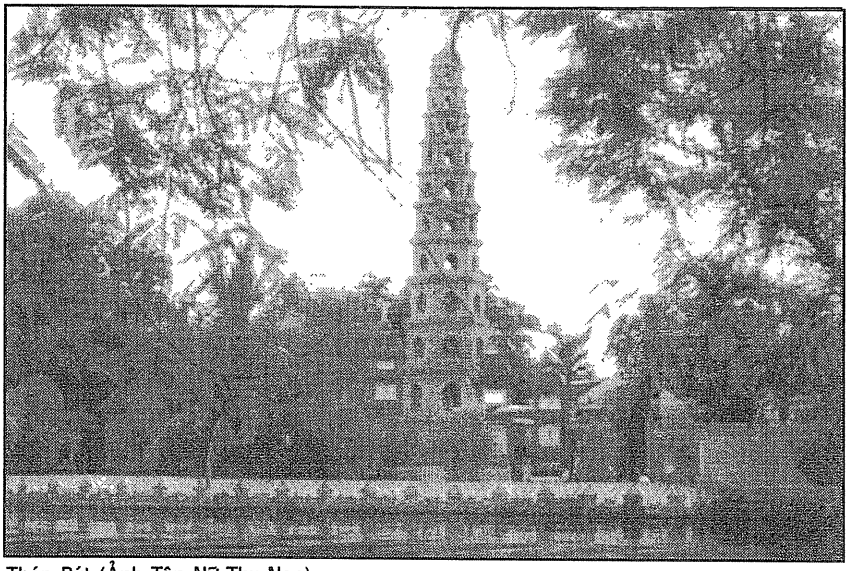

Tháp Bút (Ảnh Tôn Nữ Thu Nga)

ĐT: *Chính nền văn hóa ấy đã sản sinh ra cốt cách sĩ phu Thăng Long. Ai tiêu biểu cho cốt cách ấy? Lý Thường Kiệt được chăng?*

NHC: Sĩ phu Thăng Long có mặt hay và mặt dở. Một mặt, họ được đào tạo chu đáo về học vấn, về nhân cách nên phần lớn biết giữ phẩm chất người sĩ quân tử. Về mặt ứng xử cá nhân có những người tỏ ra rất khí tiết. Nhưng mặt khác họ lại gắn mình với bộ máy hành chính trung ương, là sự nối dài quyền lực của giai cấp thống trị, nên cũng không ít người mang nặng tư tưởng bảo hoàng. Sống giữa một nơi đô hội, lại là nơi tập trung tai mắt của triều đình, họ thường nhạy bén với thời tiết chính trị, nhiều người có được một tầm nhìn khoáng đạt. Nhưng sự trói buộc của cơ chế nhà nước đối với họ cũng trực tiếp hơn ở địa phương nên nhiều người cũng lại cảm thấy rõ thân phận hèn mọn của mình. Đó là những mâu thuẫn tồn tại thường xuyên trong bất kỳ một trí thức Thăng Long nào ở bất kỳ thời nào. Lý Thường Kiệt cũng không ngoại lệ.

ĐT: *Tháp Bút ở Hồ Gươm mang hàng chữ "tả thanh thiên" của cụ Nguyễn Văn Siêu, một trong hai "bồ chữ" của thiên hạ. Không biết cụ Nguyễn Văn Siêu do nghĩ nhiều quá, mong muốn nhiều quá mà không làm được gì hay sao mà đành viết lên trời xanh như vậy?*

NHC: Nguyễn Văn Siêu là hình ảnh lộn trái của Cao Bá Quát. Cao Bá Quát có nói mấy câu đại khái thế này: "Một đêm tôi nằm ngủ bỗng

nghe mùa xuân đến phá tan cái rét cuối đông, sáng mai trở dậy thấy khắp nơi hoa nở thắm rực. Tôi ước sao việc đời cũng giống như việc hoa, sau một cơn giông tố thế là ở đâu non sông cũng đều đổi mới hết thảy." Cần phải có một cơn bão quét sạch bụi bặm để đổi mới chóng vánh mọi cái cũ trên đời, đó là ý thức nung nấu trong lòng Cao Bá Quát. Sĩ phu thuở ấy muốn gì? Muốn có một sự thay đổi và tất cả như dồn lại trong tâm hồn nhà chí sĩ họ Cao. Cao Bá Quát chính là sự bột phát nhãn kiến bén nhạy của sĩ phu Thăng Long. Nguyễn Văn Siêu thì không thế. Mọi điều suy nghĩ ông đều nén lại trong lòng. Nén lại đến mức không còn tìm ra lời giải cho những điều mình nghĩ. Không tìm ra, không biết hỏi ở đâu thì hỏi ở trời xanh.

ĐT: *Tại sao phải nén lại như vậy?*

NHC: Họ là hai người bạn, cùng chí hướng nhưng tính cách có khác nhau. Nguyễn Văn Siêu là một người nhẫn nhục chịu đựng, tự thấy những cái ngưỡng không vượt được. Không vượt được cả chính mình. Ông rất khâm phục Cao Bá Quát. Nhưng hành vi quá khổ của Cao Bá Quát thì tư tưởng của ông không bắt kịp. Khi hai anh em họ Cao tử nạn, ông làm câu đối điếu: "*Thương thay tài điệu tót vời, khó anh khó em, một cặp cùng sinh lại cùng thác; Thôi nhỉ cơ sự đến vậy, đáng thương đáng ghét, nghìn năm dây xấu cũng dây thơm.*" Chỗ đau đớn nhất trong tiếng khóc bạn của Nguyễn Văn Siêu là ông phải thừa nhận theo thói đời lúc ấy, rằng việc Cao Bá Quát làm là để lại tiếng xấu muôn thuở. Nhưng sâu trong tiềm thức, ông lại phải nói với trái tim đang nhỏ máu của mình rằng đó mới thực là tiếng thơm. Đó chính là cái mâu thuẫn ông không giải quyết được cho chính mình. Phải viết lên trời xanh là vì lẽ ấy. Mỗi ông đều có cái hay. Người mà như Cao Bá Quát thì ít.

ĐT: *Số đông trí thức nhẫn nhịn như Nguyễn Văn Siêu là do một thói quen ngàn đời hay do một điều gì khác?*

NHC: Do đào tạo kiểu nhà nho phải chấp nhận cái khuôn, không vùng ra khỏi khuôn nhưng bản thân lại thấy chật hẹp. Cái khuôn luôn ràng buộc mình và luôn phải đi tìm một lối thoát. Lối thoát ấy có thể là quay về với đạo Phật để giải thoát gánh nặng trần tục trong con người phận vị của mình, hoặc là tìm vào với Lão Trang để được hòa mình vào bản thể, được đồng nhất mình với thiên nhiên vô vi tự tại. Những cách thoát ly ấy đều giúp nhà nho trở thành người tự do trong những thời khắc nào đấy, nghĩa là họ được sống trong những giây lát mà trong tâm tưởng, cái khuôn dường như không còn ràng buộc được mình. Nhưng thực tế thì cái khuôn vẫn cứ lù lù khuôn chặt lấy họ. Hai cách giải thoát, Phật hay Lão Trang, đều có tính chất ảo tưởng, nhưng cũng chính là cách mà Nguyễn Văn Siêu và nhiều nhà nho ở nhiều thời đại chọn lựa. Sĩ phu Bắc Hà, sĩ phu Việt Nam ngày xưa là như thế. Văn hóa Việt Nam theo tôi là văn hóa dung hợp, tức là *không chịu ép mình trong một thứ văn hóa độc chuyên.* Luôn luôn tìm cách hóa giải sự độc chuyên bằng việc điều hòa cái học chính thống và cái học phi chính thống, cái vốn bác học và cái vốn dân gian, nó giúp làm mềm mại hơn tư tưởng của mình. Cái độc chuyên - bất kỳ hình thù thế nào, dưới cách gọi mỹ miều nào - cũng là từ ngoài mang đến cho người Việt chứ không phải là sản phẩm gốc của người Việt. Đạo Nho có phải là của người Việt đâu. Đặc điểm tư duy của người Việt là thu nhận tất cả mọi thứ và dung hóa chúng với mục đích thực dụng, và cũng chẳng thứ nào đến đầu đến đuôi. Bản sắc văn hóa Việt Nam phải chăng chính là cái đó.

ĐT: *Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát sống dưới thời phong kiến. Mà thời phong kiến thì không thể nói là có dân chủ được. Nếu có thì chỉ là sự manh nha, nhờ một điều kiện hãn hữu nào đấy. Vậy lý do chính là thiếu dân chủ. Vì thiếu dân chủ mà người ta không nói được nên bị kìm nén. Nhu cầu giải thoát tư tưởng là nhu cầu tự nhiên nhất của con người. Với trí thức, nhu cầu ấy còn mãnh liệt hơn. Cụ Nguyễn Văn Siêu phải bức bách lắm mới phải viết lên trời xanh. Cái áp lực "không được là mình" nó phải lớn lắm đúng không ạ? Hà Nội bây giờ có thế không?*

NHC: Nếu nhìn trên tổng thể, chúng ta đã có một xã hội công dân từ hơn 50 năm nay, bởi vì một nước đã gọi là «dân chủ cộng hoà» tức là có dân chủ. Có xã hội công dân tức là có quyền làm chủ tư tưởng của mình, có quyền phản bác người khác hay là người trên mình, và đặc biệt có một lớp người cấp tiến, đại diện và phát ngôn cho tư tưởng của mình. Nhưng xem kỹ một chút thì mọi thứ ấy đều có mà chỉ chưa có năng động tính. Không có một nền công nghiệp cao, một nền kinh tế thị trường thật phát triển thì cái nhu cầu bức bách vận hành thật hoàn hảo, liên tục và tự động "cỗ máy" xã hội công dân cũng làm gì có. Mà không vận hành thì cỗ máy sẽ hoen rỉ, nhất là không thể từ trong đó, do chọn lọc tự nhiên mà

nẩy sinh ra một tầng lớp ưu tú, có năng lực hướng xã hội đi tới, có tầm nhìn xa, đóng vai trò như một lực lượng xã hội định hướng (groupe social orienté). Ở những nước văn minh, tầng lớp trí thức phải đóng được vai trò này. Ở chúng ta thì ai? Sự chọn lọc tự nhiên không có nên đành thay bằng sự chọn lọc nhân tạo: bộ máy chính quyền và bộ máy Đảng kiêm luôn việc định hướng ấy (nhưng tôi nghĩ, những người nắm quyền lực có thể là giỏi đấy song chức năng của họ lại khác hẳn; còn lực lượng định hướng xã hội là sản phẩm hữu cơ của xã hội công dân, họ được kết tinh từ xã hội công dân như một sự phát sáng về mặt trí tuệ, tinh thần, có khả năng dự báo cao, chứ đâu có nhất thiết cứ phải nắm quyền chấp chính). Bởi thế, trong nếp nghĩ của số đông chúng ta hình như vẫn có thói quen thụ động, hễ đã có người thay mình làm việc quản lý là thôi, cứ phó mặc cho họ thay luôn cả "cái đầu" của mình. Thế là "cái khuôn" dù muốn dù không cũng cứ bắt buộc phải tồn tại. Tôi nhớ trong đám tang của Trung tướng Trần Độ, mọi người đến rất đông, tôi cũng đến, nhưng đến nơi mới biết hóa ra lòng mong muốn được bày tỏ niềm thương tiếc người mình kính trọng cũng có khuôn phép của nó cả. Thế nên khi mà người con trai tướng Trần Độ phát biểu từ chối lời điếu văn vừa đọc trước đấy thì tự nhiên như một tiếng lòng kêu gọi, cả ngàn con người đột ngột vỗ tay như sấm ran. Bởi vì nỗi bức xúc phải dồn nén lại những tình cảm thiêng liêng ở trong mỗi người đã ứ tràn, nên có cơ hội là lập tức bùng phát. Ngay người đọc điếu văn hình như cũng chỉ làm một việc không thể không làm. Giọng đọc đều đều của ông càng khiến người ta bức xúc hơn. Khi nghe đến chỗ phê phán người đã khuất thì nhiều người đều bật khóc, trong đó có tôi. Về sau tôi cứ thử giải thích lý do vì sao mình đã khóc nức nở mà đành chịu, không hiểu vì sao.

ĐT: *Thân phận ông ấy không nói lên hình ảnh của số đông, nhưng nói lên một điều gì đó mà không cần phải nói. Tại sao thân phận sĩ phu Thăng Long lại cô đơn đến vậy. Khi Nguyễn Văn Siêu viết "tả thanh thiên" chắc ông ấy phải cô đơn lắm.*

NHC: Hết sức cô đơn. Phàm là trí thức thì bao giờ cũng cô đơn. Chỉ một mình mình vượt ngọn núi của chính mình. Không ai thay mình được cả. Không thể có bạn đồng hành. Trí thức Thăng Long thế kỷ XVIII nằm ở giữa hai sức ép, một bên là vua Lê, một bên là chúa Trịnh. Như tôi đã nói ở trên, trong xã hội phong kiến, trí thức Thăng Long thế nào cũng gắn mình với quyền lực. Không có trí thức tự do không gắn mình với quyền lực mà tồn tại được. Nhưng là trí thức thì lại luôn luôn ảo tưởng là mình có một khoảng trời tự do. Anh ta nằm ở thế mâu thuẫn ấy. Mà ở đây quyền lực lại được xẻ đôi ra (vua Lê và chúa Trịnh). Anh gắn với quyền lực này thì bị quyền lực kia chi phối. Nó đe nẹt anh cho nên anh phải đi len vào giữa. Và vì vậy trí thức Thăng Long càng cô đơn hơn và càng phải giữ mình hơn rất nhiều.

ĐT: *Họ chấp nhận cô đơn hay là họ hèn?*

NHC: Họ có phần hèn nhưng phần hèn ấy đáng thương hơn đáng trách. Đến một lúc nào đấy, có một chỗ nào đấy anh bột phát và trở lại tính cách hồn toàn của mình mà anh đã giấu đi trong đời sống bình thường. Ở một thời điểm nào đấy, với một điều kiện thích hợp nào đấy anh bột phát và trở lại là anh. Cao Bá Quát cũng thế đấy. Anh trí thức Bắc Hà giữ được cái đó như một điểm sáng của lương tri làm cho người ta kính trọng, nhưng đồng thời cũng làm người ta thương. Bởi vì anh ta bị những sức ép khác nhau giữa những mâu thuẫn không giải quyết nổi.

ĐT: *Tức là những trí thức ấy không hèn. Họ biết họ giỏi nhưng không thắng được mệnh trời. Họ biết con đường phải đi nhưng không đủ sức để đi. Đành chờ cho thế cuộc xoay vần sao?*

NHC: Cũng còn do ở hoàn cảnh. Khoảng năm 1958 sau khi nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bị tai nạn thì người nào cũng giữ mình. Không ai dám lên tiếng bênh ai dù biết rằng những tiếng nói như *Mười năm, Sắp cưới, Mở hầm, Vào đời, Phở* và nhiều bài trên tuần báo *Văn*... chẳng liên quan gì đến Nhân văn Giai Phẩm. Nhưng cũng có một ít người như Nguyên Hồng cương trực bỏ Hà Nội đưa cả gia đình về ấp Đồi Cháy, Hữu Loan bỏ Hà Nội về Thanh Hóa đi cày... Tất nhiên không nhiều. Giữa một xã hội mà ai ai cũng chấp nhận sự cào bằng thì còn ai dám làm một cái gì gọi là sáng tạo độc đáo được. Thứ nữa là mấy chục năm gần như là không được đọc gì cả. Những cuốn sách vô thưởng vô phạt như của *Tự lực văn đoàn* cũng là sách cấm rồi. Nhưng chủ yếu thì vẫn là do người trí thức tự giới hạn mình, tự kiểm duyệt mình và lâu dần điều đó trở thành tiềm thức, như một thứ phản xạ có điều kiện. Giống như con cá trong bể, mới bỏ vào bể nó nhìn ra tưởng ngoài kia cũng là nước liền đâm đầu vào mặt kính và cố nhiên phải quay trở lại, nhưng sau nhiều lần đâm như thế nó biết rằng chỗ này đi qua không

được bèn nẩy sinh một thứ phản xạ có điều kiện, hễ đến sát mặt kính là quay lại thôi. Ông Nguyễn Khắc Viện đã đưa ra ví dụ trên đây để nói trí thức chúng ta tạo được thói quen tự kiểm duyệt mình như thế nào.

ĐT: *Thói quen do anh tạo ra rồi anh cứ tưởng là tự nhiên. Nhưng bây giờ có ai ép buộc anh đâu, anh cứ tự do thoải mái mà suy nghĩ, mà nói, cứ nói đi sao không nói. Nhưng nói thì lại sợ!*

NHC: Nếu trong xã hội anh chỉ được nghĩ có chừng ấy, và cũng chỉ biết xoay quanh có chừng ấy suy nghĩ thì làm sao tạo ra sự khác nhau. Khổng Tử nói: "Quân tử hòa nhi bất đồng." Hòa ái với nhau nhưng không phải anh nào cũng giống nhau như hai giọt nước. Rất cần sự khác nhau trong tư tưởng, trong cách kiến giải những vấn đề đời sống. Nhưng từ lâu rồi, ta đã không được khác, ta quan niệm khác là chống, vì vậy làm gì có điều kiện để bật nẩy thiên tài. Nếu cho rằng ý nghĩ của một ai đấy ban bố ra là giới hạn cuối cùng của sự nghĩ rồi thì làm sao vốn liếng trí tuệ chung của xã hội còn bừng tỉnh dậy và nhân lên được.

ĐT: *Ý Giáo sư nói là về mặt tư duy, cần phải có đua tranh lành mạnh, văn hóa và công bằng?*

NHC: Và phải được coi là một điều kiện đương nhiên. Khác không phải là chống. Khổng Tử cũng nói phải nghiên cứu "dị đoan" tức là những trường phái khác với hệ tư tưởng của mình. Có nghiên cứu thì cái tốt cái đẹp của mình mới lộ ra. Ông khuyến khích học trò như vậy. Theo tôi đã đến lúc cần phải nghiên cứu những cái khác với cái truyền thống, và việc đó phải được coi là bình thường. Nó phải trở thành một học phong. Trí thức Thăng Long giữ được truyền thống đó là rất giỏi. Năm 1956 mà Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường đã yêu cầu xây dựng nền dân chủ pháp quyền. Hay vừa xong cải cách ruộng đất mà Giáo sư Trần Huy Liệu đã viết bài *Thử xét lại hồ sơ của giai cấp địa chủ*, chỉ ra rằng địa chủ việt Nam đại đa số có vai trò là người tổ chức sản xuất và là lực lượng quan trọng ở nông thôn, và họ lại yêu nước. Lại như Nguyễn Khắc Viện từng báo hiệu nguy cơ sụp đổ của nền kinh tế bao cấp nhiều năm trước khi đổi mới xẩy ra. Đó đều là những người có cái nhìn sáng suốt vượt thời đại, là những người có gan, có tài, và gắn bó thiết thân với quyền lợi dân tộc. Sĩ phu Bắc Hà có tầm nhìn xa như vậy đấy. Nhưng tập hợp lại thành lực lượng có thể dự báo và để cho người dân nhìn vào đấy như một chỗ dựa thì lại chưa có.

ĐT: *Chưa có, vậy phải chờ đợi ở đâu?*

NHC: Cả hai phía, ở chính quyền và ở trong lòng xã hội. Tôi cho là ở Việt Nam, yếu tố dân chủ ban đầu có được là do có sự manh nha từ trên xuống. Những người sáng suốt nhất trong giới cầm quyền có tầm nhìn xa (Hồ Chí Minh năm 1945 chẳng hạn) đã đưa dân chủ từ bên ngoài vào cho dân chúng. Nhưng dần dần dân chủ khi đã trở thành một nhu cầu của sự sống, tự nó sẽ nội sinh. Điều quan trọng là hai cái đó phải trở thành một mẫu số chung. Không có được một mẫu số chung thì dù có đưa lên phương tiện truyền thông rằng mình có thừa dân chủ cũng chả mấy ai dám gật, vì đó mới là kiểu "dân chủ" một phía. Còn khi đã có một mẫu số chung rồi thì hẳn nhiên cơ hội cho sự phát triển sớm muộn thế nào cũng đến với mình.

ĐT: *Theo Giáo sư thì có thể phác họa những nét đặc trưng của diện mạo trí thức Hà Nội ngày nay không? Đặc biệt là trí thức trẻ. Khi thế giới đã bước những bước rất dài, chúng ta "dường như" đã bị tụt hậu về tư tưởng, và lỗi đó trước hết thuộc về trí thức?*

NHC: Thì đúng thế. Nhưng biết làm thế nào được. Diện mạo trí thức Hà Nội hôm nay xét cho kỹ vẫn chưa xa sĩ phu Thăng Long thuở xưa bao nhiêu đâu. Cứ ngẫm lấy mình thì biết, mỗi chúng ta đã đâu có được là mình. Đời sống bao giờ cũng có sự kế thừa, và một bước nhảy đứt đoạn là ảo tưởng. Phải tích cực tạo ra những điều kiện xã hội cho bước nhảy ấy.

ĐT: *Thế thì làm sao họ đáng gọi là sĩ phu Thăng Long của hôm nay? Của một thế giới đang toàn cầu hóa và hậu hiện đại?*

NHC: (cười rất to).

ĐT: *Cảm ơn Giáo sư Nguyễn Huệ Chi rất nhiều.*

Hà Nội 8/2002

Chú thích: Giáo sư Nguyễn Huệ Chi sinh năm 1938, hiện sống tại Hà Nội. Trưởng ban văn học Cổ cận đại, Viện Văn học thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. Từng giữ chức Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Văn học trong hai nhiệm kì, 7 năm. Đã xuất bản một số tác phẩm chính "Thơ văn Lý-Trần" nhiều tập; "Mấy vấn đề về sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi"; "Mấy vẻ mặt thi ca Việt Nam thời kỳ cổ cận đại"; "Hoàng Ngọc Phách đường đời và đường văn"; "Nguyễn Trãi khí phách và tinh hoa của dân tộc"; "Văn học Việt Nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung Quốc xâm lược"; "Nguyễn Bỉnh Khiêm danh nhân văn hóa"; "Thi hào Nguyễn Khuyến"; "Hoàng đế Lê Thánh Tông"; "Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù"; "Truyện truyền kỳ Việt Nam" nhiều tập; "Liêu trai chí dị" (nghiên cứu và dịch)...

HÀ NỘI: CHỢ TRONG CHỢ

NGUYỄN TRƯƠNG QUÝ

Hà Nội vui sao
Những cửa đầu ô
Tíu tít gánh gồng
Đây Ô Chợ Dừa
Kia Ô Cầu Dền
Làn áo xanh nâu
Hà Nội tươi thắm
Sống vui phố hè
Bồi hồi chàng trai
Những đôi mắt nào
Quanh co chen chân rộn ràng Đồng Xuân

Nguyễn Đình Thi

Nói không quá cường điệu, Hà Nội là hình ảnh của một đời sống chợ búa. Chợ lớn, từ thời là kinh đô của các triều đại phong kiến. Thành-thị, dù yếu tố "thành" có thể đổi khác, phần "thị" vẫn sống bền và tự xoay xỏa, sinh sôi phát triển. Bảy chục phố từng mang tên Hàng cho thấy phố chợ là một đặc trưng của Hà Nội xưa. Dù tên gọi chính thức của chính quyền có biến đổi, dù có lúc không còn là kinh kỳ, thì cái tên Kẻ Chợ vẫn được dân gian dùng. Đọc lại hồi ký và tạp văn của Tô Hoài, thấy thời những năm 1920, dân vùng Bưởi vẫn gọi đất nội thành (chắc là chỉ khu 36 phố phường) bằng tên ấy. Nghĩa là chỉ cách có chừng 5-6km thì đã thấy xa ngái lắm, vì lối sống và quang cảnh sinh hoạt khác biệt. Một thế kỷ đi qua, vùng đất ấy lại nhập vào nội đô và đô thị hoá chóng mặt. Chỉ khoảng 15 năm trước, lũ học trò đi học thêm nhà ông giáo ở dốc trên đường Bưởi vào làng Vĩnh Phúc đã thấy heo hút, bãi đất cỏ mọc chen nhà tập thể tạm, đây đó những vườn nhà xen lẫn ruộng màu, thậm chí còn có ruộng lúa. Ngôi nhà của bố mẹ tôi mua khi rời khu tập thể cất trên một thửa ruộng. Các cụ nói, kể cũng tiếc, ngày ấy mới ký Hiệp định Paris, nghĩa là im bom đạn, không dám mua gần đường vì lẫn hố bom, lại lắm mồ mả, vả lại quen như kiểu làng mạc thôn xóm quần tụ, mua ở giữa làng, có láng giềng sẵn, thế mà sau người ta xây ầm ầm, chả làm sao, mà ở mặt đường lại làm ăn khấm khá, mình giờ đây hoá ra tít tịt trong ngõ ngách, dẫu đất rộng vẫn cứ kém giá trị. Nói chung, vẫn không buôn bán gì được, và không có lấy ưu thế "nhất cận thị, nhị cận giang." Chung quy vẫn là chuyện cái chợ. Nhà mặt chợ, nghĩa là có đồng ra đồng vào, tiền tươi thóc thật. Không bán bung thì chỉ cần cho thuê cũng đã tươm. Hai lần cháy chợ Đồng Xuân là những ngày tháng "vàng son" của các nhà mặt phố ở ba phường: Cửa Đông, Đồng Xuân và Hàng Mã. Dân buôn có kêu than thiệt hại nhưng họ vẫn sẵn lòng bỏ ra tháng tháng dăm triệu thuê lấy mấy mét vuông chợ vải Phùng Hưng, nghĩa là ta phải hiểu, đất phố chợ không khác gì bờ xôi ruộng mật, lãi lời đến chóng mặt.

Sao Hà Nội nhiều chợ thế, chợ to chợ nhỏ, chợ xanh chợ cóc, chợ đổi vai chợ bắc qua. Dễ thấy đó là nguồn sống của cả triệu người không chỉ nội thành mà còn cả dân các huyện giáp Thủ đô của năm tỉnh lân cận. Có vẻ nhìn thoáng thì thấy lộn xộn và tự phát nhưng nếu ta không sống kiểu quá "đồ hộp" hay "tủ kính" thì ta mới thấy, nó có một trật tự riêng và sự co giãn tuyệt vời với đời sống, mà không siêu thị hay trung tâm thương mại nào đáp ứng cho hết.

Thử làm một bài toán. Nơi tôi ở là một khu dân cư có thể gọi là đông, bị cách với đường lớn bởi một đường tàu. Muốn sang đường lại phải đi một đoạn nữa mới qua được dải phân cách. Mà từ đó đến cái chợ theo quy hoạch gần nhất là 2km. Bà già nội trợ thấy ngại lắm, xách làn đi bộ mua mớ rau về đến nhà thì chắc hết hơi mà cơm chưa xong. Thế thì lộn lại vậy. Khu này có bảy trụ sở cơ quan xí nghiệp, nghĩa là có từng ấy khu tập thể cỡ nhỏ, cùng với khu dân cư làng xóm từ thuở phố chưa có tên. Mô hình trước là ba tổ dân phố, nay đông quá, tách thành 10 tổ. Cơ cấu mỗi tổ có khoảng 50-100 hộ, tức là "cụm dân cư số 4" có 4000-5000 nhân khẩu, kể thêm 2000 người ở trọ là sinh viên, công nhân, người lao động thời vụ, ô sin, cũng đáng nể đấy chứ. Vậy là địa phương và nhân dân cùng làm, một chợ nhỏ được họp ở giữa khu, quanh một ngã ba, lấy xuất phát điểm là một thùng rác dạng container. Thật ra cái chợ đã manh nha từ lâu, từ cái cửa hàng gạo của công ty lương thực ngày xưa, rồi cái canteen của một cơ quan. Đã rất quen với việc có đông người thời xếp hàng mua gạo, nên dần dà cái chợ được hình thành như thế, và dân cư thấy cũng tiện, vả chăng,

chính quyền sở tại cũng trên cơ sở hợp pháp, có thu thuế, có đội trật tự an ninh, có nơi thông báo những chính sách phổ cập hơn là nhà văn hoá hay trụ sở ủy ban thường cửa đóng then cài luôn. Bữa ăn tươi hơn, bà nội trợ nắm vững tin tức trước cả khi bản tin Thời sự tivi loan báo.

Vậy chợ to làm gì? Siêu thị chẳng lẽ mọc lên để trưng bày là chính. Có thể nhiều người cho là dân Hà Nội lắm chuyện, ăn uống thế nào chẳng xong, mà lại ky bo thế, không mấy khi đưa nhau đi ăn hiệu hay là sắm sanh cuối tuần. Lúc nào cũng chỉ chăm chăm vào ăn mặc mà không có biết chơi. Cuối tuần y như rằng các ông anh bà chị lại kéo đàn kéo lũ về nhà ông bà, trẻ con thì hò hét loạn xạ với tranh giành xem phim siêu nhân, các bà rầm rập đi chợ rồi hí húi pha chế, các ông thì ngồi bình luận thời sự, ăn uống no say rồi lơ mơ qua chiều mát lại giải tán. Ông bà già lại thấy vui và lại mong đến cuối tuần tới! Nhà ông bà gần chợ hay thật, ở chợ nhà con đắt rẻ thế này, ở đây hàng quà chán thế. Chợ lớn chỉ còn làm chức năng bán sỉ và đổ hàng đi các tỉnh, ngoài ra bán những đồ đặc chủng của mình: vịt quay chợ Hôm, hải sản chợ Hàng Da... các hàng vải hay đồ gia dụng đương nhiên là có những dãy phố đảm trách. Siêu thị khuyếch trương mãi khía cạnh rau sạch thịt sạch mà vẫn chỉ có ngoại kiều với dân thích "sống Tây" tiếp cận. Tất nhiên là người ta cũng không tiếc chi phí thêm cho chuyện "sạch" kia nhưng hình như các bà các cô vẫn thích nâng lên đặt xuống hay là muốn thể hiện sự đảm lược của mình trong việc chọn được miếng thăn nõn tươi ngon? Siêu thị vẫn mới chỉ tranh được việc bán những hàng gia dụng đặc biệt hoặc đồ mẫu mã đặc biệt, mà thường thì hay mua khi mừng tân gia, khi mới lấy vợ, khi có khách quý sắp đến nhà. Siêu thị vẫn không thắng nổi tâm lý so sánh và tần tiện của người dân, họ so sánh và nhận thức rằng, mặt hàng siêu thị chỉ có thể hơn nước mạ, nhân viên không hơn những kiểm soát viên trật tự, đi chợ cũng có khi mua của con bé xinh xinh ngồi cạnh cột điện bán hàng ngoan lắm hay đừng mua của mụ méo mồm cân điêu. Ra khỏi siêu thị là họ không còn cảm giác liên hệ với nơi bán, vì mặt hàng giống nhau, người bán cũng đồng phục và không phải chào hỏi gì, cùng lắm có mẩu giấy bảo hành, tờ hoá đơn.

Ảnh Thu Nga

Thế các quy hoạch có tính đến xu hướng phát triển không? Mạng lưới chợ và dịch vụ thương mại "rộng khắp" theo nhu cầu dân sinh có ăn khớp với ý đồ vĩ mô? Đồ án quy hoạch quy mô tiểu khu dân cư 30 hecta, các sinh viên thường xếp khu dịch vụ và thương mại ở tầng trệt của một toà nhà cao tầng, kinh doanh ắt phải "đóng, mở cửa kính" hay là "come in, please" chứ không thể có một chợ Mơ, chợ Đuổi ở đây được. Đồ án quy hoạch đô thị, ta hay quan tâm đến yếu tố văn hoá và khai thác cấu trúc hành chính phân tầng hoặc là hay nén những cụm dịch vụ thành các block chứ không lường trước chuyện làm sao những bà con nông dân dù đô thị hóa về địa lý nhưng tâm lý "mua đầu chợ bán cuối chợ" vẫn duy trì, nay bị gò vào mua bán theo kiểu công nghiệp dịch vụ,

rút cục lại bung ra vỉa hè. Các đô thị, tất nhiên cái lõi luôn có một tầng lớp thị dân và công chức tiêu thụ theo quy chuẩn, nhưng đến vòng ngoài là mô hình pha trộn và hình thái mua bán chợ cóc, chợ xanh thắng thế, khi hạ tầng cơ sở và cơ cấu nghề nghiệp dân cư loang lổ da báo.

Chẳng hạn, ta ca ngợi vẻ đẹp của những cô gánh hàng hoa đi vào thành phố, cô có thể đạp xe, chở một thúng vàng rực hoa cúc hay trắng tinh loa kèn, ta thích gọi cô dừng lại và mua của cô cả mấy chục bông, dù cô không có giấy gói và phụ tùng dây nhợ như dân bán hoa ở quầy trong cửa hàng, nhưng hoa rất rẻ và thái độ thì cũng hiền lành như chồng hoa mới cắt, chứ không kênh kiệu hoặc hét giá chói tai như cô bán đầu chợ Kim Liên. Ấy, đứng ở đường hoặc vỉa hè thế này, ta đã vi phạm nghị định 36/CP và 51/CP rồi, rồi cô gái bị lập biên bản, xe hoa bị giữ, tối nay lấy gì mà mua thịt mua rau đây...

Hiện các dự án thay đổi chức năng các khu chợ gặp phải vô số khó khăn. Chợ Hôm chuyển mình thành tổ hợp dịch vụ, có áo cưới ảnh viện, có thẩm mỹ Ê va, có cà phê thời trang... thì buộc lòng vịt quay, thủy sản, rau Đà Lạt phải dạt về chợ song sinh Đức Viên kế cận. Cả tầng 2-3 vắng vẻ và thưa thớt, không mấy ai lặn lội lên tầng lầu để mua sắm những thứ có thể mua ngay mặt phố Trần Xuân Soạn bên kia đường. Chợ Mơ nghe đâu đã có luận chứng hình thành một tổ hợp thương mại đa chức năng, các hộ kinh doanh trong chợ và các nhà bán lẻ quanh ngã tư Trung Hiền nháo nhác đi tìm "cửa" để đặt chỗ ngay từ bây giờ. Hiện tại, chợ này vẫn là nơi tập kết rau xanh và gà qué từ ngoại thành vào ca trước ba giờ sáng (giống chợ Long Biên nhưng chợ kia là đầu mối lớn nhất miền Bắc). Sẽ thay đổi thế nào để việc phân phối này không phải là thứ chẳng dính dáng đến trung tâm thương mại kia, mạnh ai nấy chạy. Nhưng hãy còn lâu lắm, cái việc dẹp chợ nâng lên hạ xuống cũng như kiểu công an đi khỏi hàng phố ùa ra sắp đặt lại. Tháng trước, mới chỉ là kiến nghị thôi, các hàng quà rong chỉ được bán đến 7 giờ sáng là nghỉ. Vì các hàng này làm mất mỹ quan, chỉ toàn tận dụng vỉa hè, sắp Xi Gêm đến nơi rồi, cũng phải thông thoáng thế nào. Nhưng nghĩ thấy cũng sợ, mình đi làm lúc 8 giờ, lại hay ăn sáng muộn, chắc phải vào restaurant quá. Nói vui chứ vẫn có thể điều chỉnh, nhưng các nhà văn mình lại toàn nói sai chính sách, toàn ca ngợi thú ăn hàng quà rong không à. Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Băng Sơn, có viết đấy chứ. Sách du lịch nào cũng kê ra vài hàng quà ở phố ấy phố nọ, mà nhiều hàng cũng đi lên từ vài mét vuông vỉa hè, hai đầu đòn gánh nuôi cả nhà ăn học.

Những ai đi chợ, hay là phải đi chợ? Chắc chắn các vị quan chức được miễn, miễn cho đến ngày vui thú điền viên. Nhưng họ lại có thể hoạch định chỗ nào có chợ và chỗ nào cấm. Đến hôm bà vợ bị ốm chẳng hạn, ô sin về quê, con cái vắng nhà, cụ mới lần đầu xách làn đi chợ và thấy chợ không phải là trung tâm thương mại hay cửa hàng tự chọn, mà là một thế giới chưa biết đến. Ta vẫn phải thấy rằng, chợ là nơi người lao động, người nghèo và dân ngoại tỉnh ngụ cư nhặt nhạnh đồng rau đồng cháo, nơi có thể cho phép chi tiêu vừa vặn với túi tiền eo hẹp. Ăn xin, trộm cắp, lừa đảo, rõ hơn chỗ nào khác. Nhưng chợ cũng là một nơi quen thuộc và xa xưa nhất của dân mình, nếu không nói là thân thương. Những cái tên chợ Chờ, chợ Sủi, chợ Đại Cống Thần nhắc nhở người xa xứ về một điểm hẹn thời thơ ấu theo mẹ lên tỉnh được ăn quà hay một định vị có tính phồn vinh của quê hương. Bóng dáng của chợ đầu làng, chợ huyện dưới cây đa to, quán nước chè, "dăm miếng cau khô, mấy lọ phẩm hồng," mấy ông thợ nề đợi việc, ông thợ ngõa kiêm nghề kể chuyện, bà già hàng xén lắm điều thật vẫn quen thuộc ở chợ Hà Nội. Có điều, đô thị của ta luôn luôn bị giằng co giữa mô hình tiểu khu cho công nhân viên chức hoặc phố lớn cho giới thượng lưu với các xóm ngõ làng phố lao động ngoài tiêu chuẩn thang bậc cơ cấu, nên chợ không có tính giao tiếp như nơi phát sinh ở nhà quê mà cũng không sao môđun hoá thành hệ thống dịch vụ dây chuyền. Chợ Hàng Da, chợ Âm Phủ 19-12 dẫu là chợ nhà giầu nhưng chắc gì dịch vụ đã đủ "văn minh" hay vệ sinh an toàn thực phẩm đảm bảo? Các anh giai Sài Gòn can tội đi chợ Hàng Da lúc 10 giờ sáng hỏi xem hàng mà không mua, bị cô hàng xinh tươi xỉa xói "mới sáng ra đã ám quẻ" rồi lại còn bị đốt vía. "Anh ơi, mua gạo em đi. Gạo em gạo quê đấy," ơ hay, gạo không trồng ở quê thì cày đường nhựa Thủ đô mà gieo chắc. Thì bao năm ăn gạo kho mốc theo sổ, nay thì tiêu chuẩn quê - "hương đồng gió nội" lại là một định tính đầy tốt đẹp. Chỉ ở chợ ta mới gặp những giao thoa của đời sống các nơi phong phú như thế.

Nên đi chợ đi, để khỏi sau này ta lại ngồi trong "Trung tâm thương mại Dừa - Coconut Commercial Center" (!?) mà cảm khái rằng ngày xưa nơi đây là chợ Dừa, Ô Chợ Dừa lừng danh mà ta chưa hề đến.

© 2003 talawas

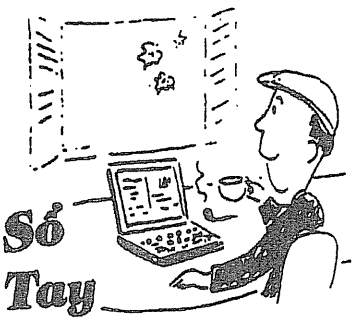

NGÔ NHÂN DỤNG

TIN TỨC TỪ VIỆT NAM

Nếu quý vị lên internet theo dõi tin tức thường xuyên, chắc quý vị cũng biết rằng rất ít khi thấy tin Việt Nam trên mạng lưới những tờ báo ngoại quốc hoặc các hãng thông tấn quốc tế. Muốn săn tin Việt Nam thì phải hỏi các du khách mới đi về. Một ông bạn già của tôi, trên 70 tuổi, mới đi Sài Gòn ba tuần trở về. Hỏi, ông chỉ tuyên bố một câu: "Phồn vinh giả tạo." Khó viết thành tin. Vì không có gì mới cả. Một du khách khác về Hà Nội, kể một chuyện có thể gọi là tin tức (chữ Trung Quốc gọi là Tân văn tức là mới nghe lần đầu.) Ông bạn tôi đi một vòng thành phố Hà Nội, ở trong tình trạng mà các nhà văn báo Nhân Dân gọi là "bức xúc" vì tìm mãi không thấy một chỗ nào để giải quyết cái bụng căng đầy nước cần được tháo gỡ. Đến lúc ông bức xúc quá đến nỗi nghĩ mình có thể sẵn sàng tuyên thệ gia nhập đảng Cộng Sản, chỉ cần đảng lãnh đạo cho ông tìm ra được một cái nhà vệ sinh công cộng, ông hỏi một người qua đường: Xin bác chỉ giúp có cái cầu tiêu, xin lỗi, có cái toa lét hay nhà xí nào gần đây không? Người Hà Nội chỉ tay: Ở đầu Lê Duẩn kia kìa. Quả nhiên, đi theo hướng đến một góc đường thì anh bạn thỏa mãn, như mới giác ngộ được ánh sáng xã hội chủ nghĩa. Nhưng, như vậy có thể coi là một tin tức hay không? Không chắc. Đâu có gì mới?

Tại sao các báo ngoại quốc lại ít tin Việt Nam ? Dễ hiểu. Vì không có chuyện gì để nói. Không lẽ lại loan tin xác ông Hồ Chí Minh vẫn nằm trong lồng kính, ruồi cũng không chui vào được? Xứ Việt Nam thì bình an vô sự. Ai đói vẫn đói, các người có tiền vẫn uống rượu, ăn tiệc chi dăm trăm, một ngàn đô la một tối như chơi! Có một ông Năm Cam đã đem xử mất rồi, còn 9,999 ông Năm Cam kia phải chờ tới khi Bộ Chính trị quyết định mới bắt đem ra lần lượt xử. Mà các tin tức ở Việt Nam đều được đảng Cộng Sản chọn lựa trước giúp các nhà báo.

NGƯỜI CHẾT SỐNG LẠI

Có một tin rất đáng vui mừng trong tháng trước, một chuyện người chết sống lại ở Việt Nam! Tin này được mấy hãng thông tấn quốc tế và báo chí địa phương ở Đông Nam Á cùng loan báo. Mà lại là một tin vui. Tin nói rằng: Cụ Nguyễn Văn Quận, 73 tuổi, sau khi bị đưa vào nằm nhà xác bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Sài Gòn, qua một đêm, sáng hôm sau con cháu khám phá ra cụ vẫn còn sống! Cô con gái vào nhà xác thấy tấm mền cô đắp trên mình cha đêm trước đang chuyển động. Hô hoán lên, nhiều người vào coi, thấy cụ Quận mở mắt ra liếc ngang dọc. Thế mà đêm hôm trước, một bác sĩ đã ký giấy chứng nhận cụ đã tắt thở!

Đây là một tin vui, phải coi là vui, cả thế giới có thể cùng chia vui với gia đình cụ Nguyễn Văn Quận, với cụ bà, 11 người con và gia đình riêng của họ. Không có nhà báo nào đem câu chuyện đó ra hỏi người phát ngôn bộ Ngoại giao ở Hà Nội. Nếu hỏi, nhà phát ngôn mới, ông Lê Dũng chắc sẽ có cơ hội trổ tài phát ngôn của ông. Ông có thể giải thích rằng phương pháp cải tử hoàn sinh bằng cách cho nằm trong phòng lạnh qua đêm là một khám phá mới nhất của nền y học theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản Việt Nam với ba dòng thác cách mạng của đồng chí Lê Duẩn trên con đường tiến tới chủ nghĩa Xã hội do bác Hồ khiêng từ Liên bang Xô viết về. Sau đó người phát ngôn sẽ tiếp tục giảng về con đường tiến tới chủ nghĩa Xã hội vinh quang, nói một hồi thì đến những cụ già 70 chết rồi cũng phải ngồi dậy xua tay, "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi."

Trong đời người ta không có niềm vui nào lớn hơn niềm vui được sống lại sau khi đã chết bẩy tiếng đồng hồ. Nay nhờ ơn đảng lãnh đạo, cụ Quận được hưởng niềm vui đó. Có niềm vui nào lớn hơn niềm vui được thấy cha, thấy chồng mình nằm chết suốt bẩy tiếng rồi lại mở mắt ra liếc? Vào cõi chết rồi mới biết sống là quý! Giống như, nếu không có chính sách tập thể hóa nông nghiệp của đảng làm hàng triệu người chết cuối thập niên 1970, đầu 80 thì làm sao dân chúng thấy được rằng khi dân chúng lại có gạo ăn là một niềm hạnh phúc? Đó là nhờ đảng đổi mới! Cũng vậy, nhờ có đảng hy sinh một triệu thanh niên sinh Bắc tử Nam cho nên bây giờ dân chúng Hà Nội, Sài Gòn được đi học tiếng Anh, hát nhạc Mỹ, coi phim Đại Hàn. Và những cán bộ được dịp đi Mỹ đánh bài ở Las Vegas! Mỗi lần đọc báo thấy các nhà lãnh đạo Đảng hớn hở khoe "Nhờ chính sách đổi mới ..." thì dân Việt Nam lại nhớ đến chuyện cụ Nguyễn Văn Quận

chết đi rồi lại được sống và được thở khí trời như trước!

PHẠM HỒNG SƠN VÀ LÝ KHAI THÀNH

Tháng trước, tòa phúc thẩm ở Hà Nội lại mang Bác sĩ Phạm Hồng Sơn ra xử lại, rồi lại đưa anh vào tù. Ra tòa, bà vợ anh cũng không được phép nói chuyện với chồng. Cuối cùng thì Bác sĩ Phạm Hồng Sơn phạm những "tội" gì? Anh không hô hào đảo chính, không kêu gọi biểu tình, đình công, bãi khóa. Anh đã làm nghề thầy thuốc, rồi chuyển sang nghề kinh doanh và thành công. Nhiều bác sĩ ở nước ta đã quay ra buôn bán, chắc vì thiếu bệnh nhân. Tôi đã gặp một bác sĩ người Hà Nội đang bán hàng quần áo lậu ở Chợ Con Hổ bên Budapest, xứ Hungary. Anh ta cho biết làm thầy thuốc ở Hà Nội không đủ sống nên đi kiếm ăn bằng nghề bán hàng. Anh còn nói ở riêng trong chợ Con Hổ có bẩy bác sĩ Việt Nam đang buôn hàng lậu như anh. Có thể coi là một vụ "xuất não." Phạm Hồng Sơn không xuất ngoại vì tấm lòng tha thiết với đất nước Việt Nam. Anh chỉ có "tội" đã viết và nhận email, trao đổi với người trong nước, ngoài nước. Anh còn bị gán cho tội dịch một bản văn "Dân Chủ là gì?" để phổ biến trên internet. Nếu gọi đó là một cái tội thì trên thế giới không biết bao nhiêu người đáng bị bỏ tù?

Một trong những người đáng bỏ tù là ông Lý Khai Thành, viết là Li Ka Shing, một tài chủ (tycoon) ở Hồng Kông. Ông Lý, được coi là người giầu nhất ở Á châu, là chủ nhân đại công ty Trường Giang (Cheung kong) và cũng là một nhà tư bản vẫn được giới lãnh đạo Trung Quốc tham khảo ý kiến trước và sau khi họ tiếp thu Hồng Kông. Trong tháng trước, ông Lý mới tuyên bố rằng ông rất hãnh diện về cuộc biểu tình ngày 1 tháng Bẩy của dân chúng Hồng Kông. Nếu ông ta ở Hà Nội thì thật là đáng tội chết!

Ngày 1 tháng Bẩy, dân Hồng Kông kỷ niệm ngày Hương Cảng trở về cùng "đất mẹ" Trung Quốc bằng một cuộc biểu tình để phản đối dự luật về "an ninh" và "chống khuynh đảo." Dự luật này đã bị dư luận phản đối vì đưa ra những thứ "tội" rất mơ hồ, thứ luật pháp giúp cho chính quyền muốn gán ghép cho ai phạm tội nào cũng được! Đó là những thứ tội mà Bác sĩ Phạm Hồng Sơn đã bị vu cáo. Khi tiếp thu Hồng Kông, chính phủ Bắc Kinh đã hứa sẽ giữ thể chế lãnh thổ này nguyên như cũ, "Nhất quốc lưỡng chế" nghĩa là dân Hồng Kông được luật pháp bảo đảm một số quyền tự do, trong đó có quyền tự do nói mình bất đồng ý kiến với nhà nước, chứ không bị trói buộc như chế độ mà dân trong lục địa Trung Quốc đang chịu đựng. Dự luật mới đe dọa những quyền tự do như quyền bất đồng ý kiến, quyền đi biểu tình, những tự do mà dân Hồng Kông đã hưởng gần 50 năm dưới chế độ thuộc địa của người Anh, nhờ thế mà tư bản quốc tế đã đầu tư vào, kinh tế nơi này thịnh vượng, trở thành một con rồng nhỏ ở Á châu.

Trước mối đe dọa đời sống Hồng Kông sẽ bị kiềm chế, những ý kiến bất đồng sẽ bị đè nén giống như trong lục địa, dân chúng đã đi biểu tình trước ngày Nghị viện họp để biểu quyết dự luật an ninh. Điều không ai ngờ là cuộc biểu tình đông tới hơn nửa triệu người! Ngay sau đó, chính quyền rút lại dự luật và hai bộ trưởng cũng từ chức.

Ông Lý Khai Thành nhận xét: "Cảm nghĩ của tôi về cuộc biểu tình này rất tốt, người ta biểu tình rất trật tự. Chúng ta cần phải có nhiều chính kiến khác nhau. Trong một xã hội tân tiến, chúng ta phải lắng nghe ý kiến của mọi người." Và nhà tỉ phú, bạn tốt (hảo hữu) của nhiều người lãnh đạo đảng Cộng Sản Trung Quốc còn nói rằng ông đã đầu tư rất nhiều vào các nước Tây phương (thí dụ, nhiều tỷ mỹ kim Canada) là vì "Tôi thích chế độ dân chủ, lối sống trọng luật pháp và có trật tự ở các nước đó." Nếu như Bác sĩ Phạm Hồng Sơn mà bầy tỏ ý kiến về cuộc biểu tình ngày 1 tháng Bẩy ở Hồng Kông như ông Lý Khai Thành thì chắc án tù của ông sẽ là 10 năm chứ không phải 5 năm nữa đâu!

Nhưng nhiều người đang tự hỏi tại sao Phạm Hồng Sơn đã bị kết án 13 năm mà lên tòa phúc thẩm rút lại chỉ còn có 5 năm? Báo chí ở Việt Nam không loan tin, không thấy một lời giải thích nào cả! Có phải vì các nhà báo được lệnh không được nhắc đến tên Phạm Hồng Sơn nữa chăng? Bà Phạm Hồng Sơn hỏi tại sao không xử công khai, quan chánh án bảo có công khai đấy chứ! Phiên xử được gọi là "công khai" nhưng chỉ cấm các nhà báo và người ngoại quốc thôi! Còn các nhà báo Việt Nam có ai được dự không? Không thấy họ tường thuật.

Khi đọc những lời nhận xét của ông Lý Khai Thành khen ngợi nhân dân Hồng Kông, chúng ta cũng cảm thấy hổ thẹn. Không thấy một người Việt Nam nào có địa vị, tầm vóc trong xã hội như ông Lý, nói được một lời bầy tỏ một niềm hãnh diện như thế. Chị Vũ Thúy Ha vợ anh Sơn và các cháu có quyền hãnh diện về anh, hàng triệu người Việt Nam ở nước ngoài cũng

hãnh diện về tấm lòng yêu nước và tinh thần bất khuất của anh. Nhưng nhiều đồng bào trong nước, họ không được biết tin nếu không nghe các đài phát thanh ngoại quốc!

TIN VUI SAU KHI CÚP ĐIỆN

Một bữa Thứ Năm trong tháng trước, nghe tin thành phố New York bị cúp điện cùng với tám tiểu bang vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, ai cũng lo sợ những vụ cướp phá sẽ bột phát giống như năm 1977. Năm đó, điện cúp lúc 9 giờ tối, và bao nhiêu cửa hàng bị đập phá, từng đoàn người đi cướp đồ lũ lượt khiêng vác những cái giường, tủ lạnh, ghế sa lông, vân vân, như đi mua sắm đồ mới, chất lên xe chở về nhà.

Năm nay khác. trong hai ngày hai đêm mất điện, dân chúng thành phố New York trải qua một kinh nghiệm hơi bất thường. Họ tự cảm thấy họ và thành phố họ sống đã thay đổi. Họ thấy nhiều người giúp đỡ nhau hơn, nhiều người tử tế hơn. Họ cảm thấy chủ nghĩa cá nhân biến đâu mất; tinh thần liên đới, cộng tác xuất hiện khắp nơi. Như vậy phải coi là bất bình thường! Nên nhớ: Thành phố này là một trung tâm thương mại và tài chánh của nước Mỹ. Mười triệu dân sống ở đây là tiêu biểu cho tinh thần nền văn hóa tư bản. Nghĩa là lúc nào họ cũng phải tìm coi cái gì có lợi nhất thì làm. Và lo cho chính mình trước hết.

Vậy mà trong đêm mất điện đầu tiên trong tháng trước, cả thành phố chỉ có bốn vụ đào tường khoét nóc vào nhà ăn trộm được báo cảnh sát. Ngay một đêm bình thường, nghĩa là không bị cúp điện, cũng xảy ra nhiều vụ trộm hơn. Bình thường, dân New York đi làm về là chui vào trong nhà, hoặc ra ngồi quán, ít khi ngưng lại chuyện trò với hàng xóm, trừ những khu nhà nghèo gốc di dân từ châu Mỹ La tinh mới qua. Nhưng tuần trước, nhiều người phải ra ngồi hóng gió ngoài đường, vì trong nhà không có máy lạnh. Và nhiều người đã trò chuyện với nhau, vỉa hè biến thành một khu pic nic, người ta ngồi quanh như tham dự một lửa trại, chuyền tay nhau mấy chai bia hay nước ngọt. Đây không còn là một thành phố vô tình của những con người lủi thủi cô đơn nữa. Nhiều người lái xe sẵn sàng cho người khác đi nhờ, mà không sợ bị kẻ gian lợi dụng lúc lên xe sẽ rút súng cướp xe và móc ví, hoặc làm những điều tệ hơn nữa. Nhiều người dân trong đem mất điện đã tự đứng ra điều khiển xe cộ giúp giải tỏa nạn kẹt xe vì cảnh sát quá bận rộn.

Dân New York khám phá ra từ nay nên tập thể dục đều đặn. Nhiều người phải đi bộ năm, bảy tiếng đồng hồ mới về được tới nhà, tuần sau đi làm còn hãnh diện khoe cẳng chân vẫn đau nhừ. Và tự hứa từ nay phải săn sóc sức khỏe, ăn uống lành mạnh hơn. Một cô giáo đi thăm viện bảo tàng và khu Central Park, không có xe điện về nhà. Cuối cùng cô quyết định ngủ lại ngoài đường trong trung tâm thành phố, giữa một đám đàn ông cũng bị kẹt không về nhà được. Cô Christine Nowakowski, 49 tuổi, kể: "Tôi cứ nằm đại xuống cạnh cái ống máng, bên cạnh tôi là sáu người đàn ông. Họ lo bảo vệ cho tôi. Chưa bao giờ tôi thấy yên tâm như vậy ở trong thành phố này!

Đời sống dân thành phố bao giờ cũng lạnh lùng, cô đơn hơn dân sống trong các làng mạc. Vì ở một thành phố ai cũng có vẻ là dân ngụ cư, nay ở mai đi, không ai bám rễ. Sống mãi như thế, trở thành vô tình. Một người bị cướp giật bên đường, những người đi qua thản nhiên không can thiệp. Một người ngồi khóc trên bực cầu thang xuống đường xe điện, không ai dừng lại hỏi thăm. Nhiều khi người ta không dám giúp người lạ vì sợ bị vạ lây, phải mất thời giờ đi làm chứng; hoặc vì không muốn xâm phạm vào đời tư kẻ khác. Thành phố là nơi chủ nghĩa cá nhân ngự trị.

Khi gặp một tai họa chung, hoặc phải sống thường xuyên với những tai hoạ, thái độ của con người đối với nhau sẽ không lạnh lùng nữa. Tôi đã sống 20 năm ở vùng tuyết giá. Mỗi lần có bão tuyết về mùa đông, tự nhiên mọi người đều muốn giúp lẫn nhau. Họ ngưng xe cho nhau đi nhờ. Họ giúp đẩy những chiếc xe chết máy. Có đêm tôi ra chỗ đậu xe thấy xe mình ngập dưới một đống tuyết; trong lúc tôi loay hoay đào tuyết thì có những người qua đường cũng dừng lại giúp, có những người ở trong nhà trông thấy bèn đem sẻng cuốc ra giúp. Trước một tai nạn chung, người ta muốn cộng tác, hòa hợp, sống tử tế với nhau hơn. Tại sao trong nhiều xã hội, những người lạ mặt cũng sẵn sang giúp đỡ nhau?

Lối giải thích của các nhà xã hội học là quan niệm "Hợp đồng được hiểu ngầm." Mọi người trong xã hội như đã ký với nhau một hợp đồng ngầm, nói rằng hôm nay tôi giúp người này, mai mốt thế nào cũng có người khác sẽ giúp tôi. Trong một xã hội nông nghiệp, trong làng xóm hay thành phố rất nhỏ, người ta vẫn giữ được những hợp đồng ngầm đó. Ở một số xã hội Á Đông, ngay trong các thành phố lớn, người ta vẫn giữ được quan niệm sống đó, nhờ tất cả mọi người tiếp tục thi hành cái hợp

đồng ngầm. Không có cảnh sát, không cần quan tòa, vậy cái gì ràng buộc khiến người ta phải thi hành cái hợp đồng ngầm tương trợ lẫn nhau đó? Chỉ có một thứ là dư luận xã hội, là cách người khác nhìn mình, cho thấy họ đang kính trọng hay đang coi khinh mình. Nếu một cụ già hay một em bé vừa té ngã trên lề đường Bolsa hay bên đường Lê Lợi mà anh đi qua anh không thèm ngó, tự nhiên mọi người ngạc nhiên nhìn anh bằng con mắt khinh rẻ. Đó là những con mắt của cảnh sát và quan tòa đang phán xét anh. Trong một xã hội mà mọi người cùng chia sẻ thái độ tự nhiên như vậy thì những người "xé hợp đồng" phải tự hối cải. Trẻ em sẽ bắt chước người lớn, và xã hội sẽ văn minh hơn. Chủ nghĩa cá nhân được điều tiết với truyền thống, tập tục, những thứ biến chúng ta thành một dân tộc văn hiến.

MỘT NGƯỜI MỸ Ở NHẬT

Một ký giả của nhật báo *The Washington Post* đã làm việc năm năm ở Nhật Bản, rút kinh nghiệm viết một cuốn sách tên là "Ông Khổng Tử bên hàng xóm." Ông Tom R. Reid kể một hôm đứa con gái chín tuổi của ông, cháu Penelope đi học về khoe: Bố, Thứ Bẩy này con với con Mikiko đi Tokyo tới Disneylando chơi!" Hai vợ chồng ông Reid nhìn nhau. Hai đứa bé 9, 10 tuổi đi chơi suốt ngày. Mất 90 phút mới đến Disneyland, đổi xe điện ba lần. Trong một thành phố 27 triệu dân!

Ông Reid bèn gọi cho bà mẹ Mariko. Bà Watanabe nói ngay: "Hai đứa bé chúng nó tính đi Tokyo chơi phải không?" "Vâng, thưa bà Watanabesan. Đi tới tối mới về. Bà có đi với chúng nó không?" "Không. Tại sao phải đi?" Ông Reid nghĩ bụng: "Tại sao? Thưa bà chúng nó mới chín tuổi. Chúng sẽ bị cướp. Có thể bị bắt cóc, bị hiếp. Thành phố đông dân nhất thế giới, 27 triệu người thưa bà! Ai đoán trước được chuyện gì sẽ xẩy ra!"

Nhưng tối Thứ Bẩy đó, Mariiko và Penelope về nhà lúc 10 giờ đêm, chỉ nói chuyện "Disneylando vui quá xá!" Ông Reid nghĩ: "Đây là một thành phố 27 triệu người mà cha mẹ có thể yên tâm cho đứa con gái chín tuổi của mình đi chơi suốt ngày, 90 phút xe điện, đổi ba chuyến tầu, mà không lo gì cả. Xã hội này nó tốt. Mà xã hội loài người nên sống như vậy. Mọi người phải yên tâm sai con ban đêm đi ra đầu phố, mua một bịch sữa đem về, mà không lo lắng vì biết thế nào con cũng về nhà."

Ông Reid cho vài số thống kê. Ở nước Mỹ, trong năm 1996 cứ 100,000 dân thì có 7.5 vụ giết người; còn ở Nhật Bản chưa có tới một vụ (0.97 vụ.) Cướp, ở Mỹ có 256 vụ, ở Nhật 1.75 vụ. Hiếp dâm, Mỹ 37, Nhật 1.5. Trộm, Mỹ 1,099 vụ, Nhật 187 vụ. Ông Reid nhận xét rằng ở các nước Á châu tỷ lệ tội ác cũng thấp cả (ông không nói đến Việt Nam.) Và ông cho là do ảnh hưởng của Khổng giáo. Người ta chú trọng đến tu thân và sự hòa hợp trong xã hội, trẻ em vào trường được dậy phải sống hòa hợp và có trách nhiệm.

MUA XE ĐẠP Ở NHẬT

Ông T.R. Reid qua làm phóng viên ở Nhật Bản từ 1990, và trong năm năm quan sát đời sống dân Nhật thì ông đã bắt gặp ông Khổng Tử nhiều lần. Hồi gia đình T.R. Reid tới ở xóm Shibuya, phía Tây thành phố Tokyo, được chừng một năm thì đến lúc ông cần phải mua một cái xe đạp vì cô con gái lớn lên 10 tuổi. Ông tham khảo ý kiến một người bạn chủ tiệm xe đạp ở Colorado, bên Mỹ. Ông bạn khuyên nên mua cho con cháu gái một chiếc Trek 860, giá bên Mỹ là 400 đô la. Xe ráp ở Đài Loan nhưng các bộ phận chính làm ở Nhật Bản, tốt lắm. "Chắc anh mua ở Nhật giá sẽ rẻ hơn," ông bạn nói.

Ký giả Mỹ tìm được một chiếc xe đúng như ông bạn nói trong một cửa tiệm tại Tokyo tên là Tokyu Hands. Ở cửa hàng xe đạp đó các ông đứng chào hàng đều thắt cà vạt và mặc quần áo bộ (suit, complet như người mình đi ăn cưới) chứ không mặc quần jean và áo chữ T như ở Mỹ. Số người đứng bán hàng đông hơn số khách mua, nhìn dưới con mắt "hiệu quả kinh doanh" thì như vậy là rất kém. Một chuyên gia ráp và sửa xe ở một căn phòng phía sau, ông ta đeo găng tay mầu trắng khi ráp cái xe cho con gái ông Reid.

Nhưng giá xe là 500 đô la Mỹ, không rẻ hơn mà còn đắt hơn giá ở Mỹ. Quả thật là hiệu quả kinh doanh rất thấp. Thử coi, trong giá xe có cả tiền thuê nhà mà giá nhà đất ở Tokyo ai cũng biết là cao khủng khiếp. Lại phải tính cả lương bổng của bấy nhiêu nhân viên, mà bên Nhật nếu cửa hàng ế họ cũng không sa thải nhân viên lập tức như ở Mỹ. Nhưng ký giả T.R. Reid đành mua chiếc xe, vì sinh nhật con gái sắp tới, không thể hoãn được. Với một chiếc xe đắt tiền như vậy, lại phải nghĩ tới chuyện mua cái khóa xe. "Khóa xe? Dễ lắm," người bán hàng trả lời, "Chúng tôi sẽ biếu ông." Vị chuyên gia đeo găng trắng lại xuất hiện, ráp vô bánh xe trước một cái gọi là khóa. Nhưng theo con mắt của T.R. Reid thì bất cứ một tay ăn cắp xe nào cũng chỉ cần bẻ nhẹ một cái (không cần đeo găng) là cái "khóa xe" đó

cũng gẫy.

Nhưng sống ở xóm Shibuya bên ngoài Tokyo mấy năm ông Reid mới nhận ra một điều là con gái ông không bao giờ phải dùng đến cái khóa xe cả. Có lúc ông kể thêm rằng trẻ con và người lớn trong lối xóm cứ dựng xe ngoài cửa suốt đêm, hôm sau vẫn còn đó. Ở Nhật Bản cũng có kẻ trộm xe đạp, nhưng hiếm lắm, ông không bao giờ gặp. Nhà cửa bên Nhật rất chật chội, xe để ngoài cửa là chuyện thường, xe đạp cũng như xe hơi, mà không thấy ai kêu mất. Nói đúng ra, có một lần gia đình Reid mất xe. Đó là bữa cô con gái bỏ cái xe ở lại sân trường, sáng hôm sau ra thì không thấy nữa. Nhưng sau đó, có cảnh sát gọi điện thoại, hỏi có phải ông làm chủ cái xe đó xe đó hay không, tới bót lãnh hoặc họ sẽ mang lại cho. Té ra cảnh sát đã đem chiếc xe vô chủ về bót, theo số mục đánh dấu trên xe mà tìm ra ai là chủ để đem trả.

Nếu mua một cái xe đạp ở Mỹ chắc chỉ phải trả 400 đô la, lúc bán "seo" (sale) còn rẻ hơn. Nhưng với một cái xe đắt giá như thế phải mua một cái khóa chữ U 40 đô la. Rồi chắc cũng phải mua bảo hiểm, và trong lòng lúc nào cũng lo ngay ngáy là không biết con mình đem xe đi đâu đó liệu có bị mất cắp hay không. Còn ở Nhật, ông Reid viết, "Đúng, tôi đã trả một giá cao hơn cho chiếc xe đạp đó – nhưng tôi đã mua được nhiều thứ chứ không phải chỉ có cái xe đạp."

Giá xe đạp ở Nhật đắt hơn, mà giá nhiều thứ đồ tiêu dùng khác cũng đắt hơn. Không những giá đất đai đắt, lương bổng nhân viên cũng cao vì chính các nhân viên cũng phải thuê nhà giá cao hơn khiến các chủ tiệm phải tính những món chi tiêu đó trên giá hàng. Nhưng ký giả T.R. Reid nhìn thấy một khía cạnh khác trong xã hội Nhật mà các nhà kinh tế Mỹ không thấy. Đó là một xã hội an hòa, trật tự. Đó là một thứ lợi ích phi kinh tế, nhưng cũng có thể tính ra tiền được.

Ông T.R. Reid gọi tình trạng xã hội hòa hợp đó là "Phép lạ khác." Người ta thường gọi sự phát triển kinh tế ở Nhật Bản và các nước Á Đông là phép lạ. Nhưng ông Reid nhìn thấy một phép lạ khác, đó là những xã hội có kỷ luật, trật tự, và mọi người đối sử với nhau có tình nghĩa. Ông Reid đã mở đầu cuốn sách bằng những số thống kê cho thấy ở Nhật Bản số tội ác thấp hơn, số trẻ con sinh không bố ít hơn, số ly dị cũng thấp hơn. Và ông để nhiều chương sách tả các lớp học trật tự mà cô giáo trao trách nhiệm cho học trò tự điều khiển, nhưng ngôi trường không có gác gian quét dọn vì học sinh tự lo lấy việc vệ sinh (trẻ em không vẽ bậy trên tường vì chính họ sẽ phải lau;) ông cũng tả các buổi giới thiệu nhân viên mới ở các công tư sở, vân vân.

Cuối cùng, cuốn sách của T.R. Reid nói về ông hàng xóm, cụ Matsuda, Tùng Điền, người vẫn giải thích cho nhà báo những câu hỏi "Tại sao người Nhật lại làm như vầy?" Thường thường, ông cụ 72 tuổi này giải thích bằng một câu: Khổng Tử nói rằng...

CALIFORNIA NÊN SỬA LUẬT "RECALL"

Đến giờ đã có 135 ghi danh ứng cử thống đốc tiểu bang California, trong đó có một người Việt Nam là ông Võ Đại Vạn. Trong số ứng cử viên có một cụ già trên 99 tuổi. Có một ông chủ báo khiêu dâm và một nữ tài tử chuyên đóng phim con heo. Có tài tử truyền hình và chiếu bóng. Như vậy có phải là dấu hiệu của sự tiến bộ trên con đường xây dựng dân chủ không? Không chắc. Khi người ta ứng cử như trò đùa, để làm thống đốc đứng đầu một lãnh thổ đứng hàng thứ năm trên thế giới về mặt kinh tế, thì những người tin tưởng ở chế độ dân chủ cũng không lấy đó làm điều hãnh diện.

Người Mỹ thường chế nhạo những nước dân chủ giả hiệu ở châu Mỹ La tinh, nơi hoạt động chính trị đáng gọi là trò đùa, gọi những nước này là "Cộng Hòa Chuối," (Banana Republic). Vì nhiều nhiều vị Tổng thống các xứ đó đúng là những tên hề đóng vai dân cử trong những vở tuồng do các chủ trại trồng chuối từ Mỹ qua xếp đặt và giật dây. Gần đây, trên một tờ báo ở São Paulo xứ Brazil, ký giả Paulo Sotero đã viết về "the banana-isation" (Chuối hóa) chế độ Cộng Hòa ở Mỹ. Mấy năm trước thì nước Mỹ đem một ông Tổng thống ra đàn hặc trước Hạ viện, truy tố và xử trước Thượng viện. Các dân biểu Mỹ đã cho cả thế giới cùng coi và nghe những cuốn băng thủ thỉ những chuyện dâm đãng, có thể xếp vào hàng văn chương khiêu dâm cấm trẻ em dưới 18 tuổi. Rồi cũng chẳng đi tới đâu hết, ông tổng thống vẫn cứ làm tổng thống. Hơn hai năm trước thì nước Mỹ đợi sáu tuần lễ sau khi dân bỏ phiếu xong vẫn chưa biết ai đắc cử tổng thống, và cuối cùng một lá phiếu ở Tối Cao Pháp Viện đã quyết định ai làm tổng thống quốc gia hùng mạnh nhất thế giới. Và bây giờ thì đến màn bầu cử lại ở California. Một phong trào đòi truất phế ông thống đốc, thu được 1 triệu rưỡi chữ ký, thế là phải đem ông ra bầu lại. Nếu trên 50% dân muốn truất phế ông Gray Davis thì ai được

nhiều phiếu nhất trong số 135 người ghi tên sẽ lên làm thống đốc. Rất dân chủ, nhưng hơi quá đáng!

Phải nói rằng nếu các định chế dân chủ ở xứ này không thể sửa chữa được thì những người sử dụng các định chế đó cũng cần phải thay đổi.

Luật "bầu lại" ở California ra đời năm 1911, đây là lần đầu tiên được áp dụng thật. Nhưng khi đem áp dụng thì thấy phải sửa, bây giờ cả tiểu bang đang bận lo tranh cử, phải đợi tới sau khi bầu xong mới bàn đến chuyện sửa đổi, nhưng nên bàn càng sớm càng tốt.

Thứ nhất, trong một xứ dân chủ người dân có nên giành quyền truất phế một người được dân bầu trước khi nhiệm kỳ chấm dứt hay không? Trong chế độ dân chủ tự do người dân có quyền bỏ phiếu, hai năm, bốn năm một lần, họ có thể đợi đến đúng kỳ hạn rồi bỏ phiếu lại. Một vị thống đốc mới đắc cử tháng 11 năm ngoái, tháng Ba năm nay đã có người vận động đòi truất phế, chúng ta phải coi đó là một trò đùa, cốt phá phách chơi. Bình thường, có thể bảo rằng hành động đó khinh thường dân chúng. Bộ cứ ai không vừa ý với ông Tổng thống hay ông thống đốc là dăm bẩy tháng sau lại bỏ tiền ra thuê người đi xin chữ ký vận động đòi bầu lại được hay sao? Nhưng vì ông thống đốc Gray Davis không phải là một trường hợp bình thường, cho nên cuộc vận động mới thành công. Có 17 tiểu bang ở Mỹ có luật bầu phiếu lại, các tiểu bang khác và liên bang thì không, dân lỡ tay bầu ai rồi rán chịu đến kỳ bầu cử sau.

Cứ coi như đồng ý là dân chúng có quyền đòi bầu lại nếu có nhiều người không chịu ông thống đốc. Nhưng không thể đòi bầu lại vì bất cứ lý do nào. Phải nêu rõ lý do tại sao đòi bỏ phiếu lại để truất phế và bầu người khác. Những lý do phải nêu ra các lầm lỗi đủ nặng nề mới có thể bắt người dân đi bỏ phiếu lần nữa, chưa đầy một năm lại đi bầu. Nếu ông thống đốc phạm tội hình, nếu ông ta phản quốc, hay được các y sĩ chứng nhận là bất lực, vân vân, lúc đó nên bầu lại. Trước đây mới chỉ có một vụ thống đốc tiểu bang bị truất phế, nhưng cái tội được nêu ra là tham nhũng và lạm dụng quyền thế một cách trắng trợn. Nhưng nếu đưa lý do là ông thống đốc bất tài thì rất khó quyết định. Vì phê phán về tài trị quốc là rất chủ quan. Nếu bảo rằng một ông thống đốc bất tài vì kinh tế suy yếu hay ngân sách khiếm hụt chẳng hạn, thì Tổng thống Bush có thể cũng bị đòi bầu lại. Từ khi ông cầm quyền kinh tế nước Mỹ không khá hơn, đã có thêm hai triệu rưỡi người thất nghiệp. Nhưng nếu dùng lý do đó để đòi truất phế ông Bush thì phải hỏi, liệu một người khác làm Tổng thống có thay dổi được không? Anh bảo có, tôi bảo không, biết ai nói đúng? Nếu các vị dân cử làm khiếm hụt ngân sách mà đáng bị truất phế để bầu lại thì hầu hết 50 tiểu bang ở Mỹ đều nên bầu lại. Tổng thống Bush với số khiếm hụt 455 tỷ mỹ kim năm nay, 475 tỷ dự trù sang năm, có cần bầu lại hay không? Liệu người lên thay có cân bằng được ngân sách ngay hay không?

Vì vậy, mỗi lần người ta đi thu chữ ký đòi bầu lại, phải nêu các lý do chính đáng trong luật pháp thì mới có hiệu lực. Nếu cần, phải đưa ra tòa xử coi lý do có chính đáng như luật định hay không.

Một điều cần sửa đổi nữa là tỷ lệ số người ký kiến nghị đủ để đòi bầu lại. Tỷ lệ 12% số cử tri đi bầu trong kỳ bỏ phiếu trước là rất thấp. Có những tiểu bang như Kansas đòi 40%, Louisiana đòi 33%, mười tiểu bang khác đòi 25%. Tỷ lệ 12% ở California chỉ cao hơn một tiểu bang, Montana, ấn định là 10%. Nhưng tiểu bang này đất rộng và dân cư thưa thớt, đi kiếm được 10% cũng rất khó!

Thủ tục bầu và các câu hỏi cũng nên sửa lại. Câu hỏi đầu là "có truất phế hay không?" Nhưng không thể bắt một ông hay bà thống đốc đương nhiệm phải có trên 50% ủng hộ mới giữa được chức vụ, rồi sau đó trong câu thứ hai "Bầu người nào thay thế?" ai được nhiều phiếu nhất, bất kể bao nhiêu phần trăm đều đáng thắng cử. Nhìn thấy ngay là không công bằng. Người đắc cử với 25%, 30% số phiếu sẽ mất hết uy tín. Có thể thay đổi bằng cách coi ông thống đốc cũ như một ứng cử viên trong số các ứng cử viên khác, và chỉ đặt một câu hỏi thôi: bầu cho ai? Nếu không, ngay sau cuộc bỏ phiếu và nếu ông thống đốc đương nhiệm bị thua, ông ta có thể sẽ vận động đòi bầu lại ngay người vừa đắc cử! Cứ như thế thì phải coi là "Cộng Hòa chuối!"

Nếu tất cả những điều trên không sửa được, thì xin các đại biểu quốc hội California ít nhất cũng sửa một điều: Đặt điều lệ khắt khe hơn cho những người ghi tên ứng cử, về số chữ ký cũng như tiền lệ phí. Trong kỳ này chỉ cần 3,500 đô la đóng lệ phí và 65 chữ ký để cử là được ghi danh tranh cử rồi. Thời gian vận động tranh cử cũng nên kéo dài hơn, vì 2 tháng không đủ để dân chúng nhớ được tên và phân biệt được nét mặt của hơn 100 ứng cử viên! Nhưng luật chơi dân chủ đã đặt ra từ thế kỷ trước, bây giờ dân California cứ phải thi hành. Nên có một phong trào đòi sửa luật sau khi cuộc bỏ phiếu này ngã ngũ./.

LỜI TÒA SOẠN:

Mục Đời Sống Quanh Ta từ bao năm qua vẫn do hai người phụ trách một cách đều đặn, đó là cô Thanh Thảo và nhà văn Trần Quán Niệm. Từ số báovừa rồi, quý độc giả nhận thấy mục này có thêm phần THƯ PARIS của tác giả TỪ NGUYÊN. Nhiều vị hỏi Tòa soạn Thư Paris có sẽ xuất hiện thường xuyên hay là chỉ lâu lâu ghé chơi một lần. Xin thưa: từ nay, nhà báo Từ Nguyên, một công dân của thành phố Paris, sẽ đóng góp đều đặn mỗi tháng, để Đời Sống Quanh Ta được mở rộng tới nước Pháp và có lẽ, cả Âu châu nữa.

TỆ NẠN GÁI MÃI DÂM VỊ THÀNH NIÊN TẠI MỸ

THANH THẢO

Là bậc phụ huynh, có lẽ quí vị đã nghe con than vãn "chán quá, không có việc gì làm cả!" trong mùa Hè ít nhất vài lần.

Mùa Hè mang cho cha mẹ sự thoải mái tạm thời không phải thức dậy sớm và lo chở con đi học trong vài tháng, nhưng cũng đem lại nhiều thời giờ rảnh rỗi cho trẻ em trừ các chuyến nghỉ mát đi chơi với gia đình.

Có nhiều thời giờ, các em tuổi dậy thì, nhất là con gái, thường xin cha mẹ cho đi mua sắm, hoặc đi "xem vòng vòng" trong các thương xá lớn. Bận rộn quá, nhiều gia đình cho con đi chơi giới hạn giờ về với suy nghĩ cho các em đi chơi ban ngày đâu có hại gì.

Nhưng cho con gái đi chơi không có người kèm như vậy quí vị có thể đã tạo cơ hội cho con mình trở thành nạn nhân của một tệ nạn xã hội mới: Gái mãi dâm vị thành niên tại Hoa Kỳ. Một điều khó tin nhưng có thật!

Theo tạp chí *NewsWeek*, tệ nạn gái mãi dâm vị thành niên không phải chỉ là vấn đề của những gia đình di dân mới định cư tại Hoa Kỳ, những gia đình nghèo, những gia đình có nhiều trở ngại về ngôn ngữ, tập quán khác với người Mỹ hoặc chỉ là vấn nạn của những em gái bỏ nhà đi hoang.

Trái lại, rất nhiều trẻ vị thành niên tại các tiểu bang toàn quốc trở thành gái mãi dâm thuộc những gia đình từ trung lưu đến giàu có với cả cha lẫn mẹ đi làm. Các em gái này tuổi trung bình khoảng 13, nhưng cũng có em chỉ mới lên chín tuổi. Điều đáng quan tâm là các em thường không gặp trở ngại gì về tâm thần, thể chất nào. Các em là những cô gái khỏe mạnh, con nhà lành, sa ngã vì ham vui trong chốc lát.

Theo cơ quan điều tra liên bang, tỉ lệ gái vị thành niên hành nghề mãi dâm đã tăng đến 70% so với ba năm về trước. Các em vào nghề một cách vô tình và đáng thương, nhiều khi chỉ vì ham một bộ trang phục cha mẹ không cho tiền mua trị giá độ $200 Mỹ kim. Các em bị những tên ma cô chuyên nghiệp theo dõi trong các thương xá (mall) khi các em đi mua sắm, nhìn ngắm các món hàng bày đầy trong các cửa tiệm.

Điều tra viên cho biết thương xá lớn chính là những nơi an toàn nhất cho kẻ gian lập mưu dụ dỗ gái vị thành niên vì những kẻ gian này có thể ngồi chờ đợi bên ngoài các cửa hàng hàng giờ mà không bị ai chú ý.

Những tên ma đầu làm chủ những đường dây điều hành gái mãi dâm vị thành niên thường theo dõi, chọn những cô gái nào trông có vẻ ngây thơ, khờ khạo rồi tìm cách làm quen bằng cách ra vẻ muốn trở thành bạn và tạo cho cô gái trẻ cảm giác được chú ý đặc biệt với những món quà mua trong thương xá.

Sau một vài lần hò hẹn trong thương xá, tên ma đầu sẽ hỏi thăm gia cảnh, rủ cô gái dọn ra ở riêng, chung sống với anh ta. Những cô gái dại dột làm theo sẽ bị chở đi khỏi tiểu bang, và bắt hành nghề mãi dâm trên đường phố hoặc ngay tại những thương xá lớn. Những tên ma đầu này dùng vũ lực để giữ chân nạn nhân.

Cơ quan điều tra liên bang cho hay từ khi vấn nạn này được chú ý năm 1994, năm 2003 có thể là năm kỷ lục về con số các em gái vị thành niên hành nghề mãi dâm bị bắt giữ. Các em gái bị cảnh sát chìm bắt cho biết chính việc bị giam trong nhà tù thiếu niên là cơ hội các em được giải thoát khỏi cuộc sống khốn khổ của một kẻ bị bắt làm gái mãi dâm trong những đường dây lớn bao gồm nhiều tiểu bang.

Trước đây những tên ma cô bị bắt thường bị tuyên án nhẹ vì các kẽ hở của luật pháp nên tệ nạn gái mãi dâm vị thành niên vẫn trên đà gia tăng. Nhưng nay, nhờ nỗ lực chung của các cơ

quan hành pháp, những tên ma đầu bị truy tố loại "tội ác có tổ chức" trước nay thường dành cho những băng đảng tội ác nên nhiều tên ma cô trong các đường dây điều hành gái mãi dâm vị thành niên đã bị tuyên án từ 30 đến 40 năm tù giam.

Cơ quan điều tra liên bang hiện công bố 13 thành phố lớn trên nước Mỹ là những nơi tập trung của các đường dây điều hành gái mãi dâm vị thành niên trong đó có Los Angeles, Las Vegas, New York, Chicago, Miami, Minneapolis, Detroit, Stockton (phía Bắc tiểu bang California) và Dallas. Dĩ nhiên, đây chỉ là những thành phố tập trung tệ nạn này. Sống tại những thành phố khác không có tên trong danh sách trên không có nghĩa là con cái chúng ta hoàn toàn không bị tệ nạn này đe dọa.

Lập pháp Liên Bang vừa chấp thuận một ngân khoản trị giá $4 triệu Mỹ kim dành cho chương trình Innocence Lost National Initiative nhằm giúp các cơ quan điều tra liên bang và địa phương có phương tiện phổ biến nguy cơ của tệ nạn trẻ vị thành niên hành nghề mãi dâm và bắt giữ những tên ma cô sống bằng cách điều hành những đường dây bất hợp pháp này. Cơ quan hành pháp cho rằng ngoài sự cám dỗ vật chất xuất hiện hàng ngày trên các quảng cáo thương mại, nhiều bài nhạc "sủa" (dịch từ chữ nhạc Rap) hiện hành ca ngợi hành vi của những tên ma cô và điều này có thể góp phần củng cố tệ nạn xã hội này.

Ngoài những biện pháp công cộng, cơ quan điều tra vẫn cho rằng cha mẹ cần biết rõ con mình làm những gì với thời gian có trong ngày và chú ý đến loại nhạc nào, sách báo nào các em thường đọc, bạn bè nào các em thường gặp gỡ. Nếu các em có tính e dè, hay ít nói chuyện với người thân trong nhà, nên tìm cách gợi cho các em sự thoải mái để các em tìm được người tâm sự trong gia đình. Tập cho các em lối suy nghĩ vật chất không thay thế được nét đẹp của tâm hồn từ tuổi còn thơ.

Nhưng nếu có con cái thích mua sắm quần áo hoặc chỉ thích đi ngắm các cửa hàng trong các thương xá thôi, quí vị nên chở con đi, đón con về, và nếu có thể được hãy dành thời giờ cùng đi mua sắm hoặc đi chơi trong thương xá với các em. Thời giờ bỏ ra tuy đáng kể nhưng để đánh đổi lấy sự an toàn phần nào cho các em, so ra vẫn là một sự đầu tư sáng suốt nên làm.

NHẤT NGHỆ TINH NHẤT THÂN VINH

Tục ngữ Việt Nam có câu "ăn theo thuở ở theo thời." Trong thương trường tục ngữ này được áp dụng triệt để.

Chẳng hạn vào ngày 15 tháng Bảy vừa qua công ty Sears & Roebuck công bố bán toàn bộ chi nhánh tín dụng của công ty với giá thỏa thuận là $3 tỉ Mỹ kim. Công ty mua là Citigroup, một công ty chuyên về tài chính và đầu tư.

Nếu chú ý tin tức trong vòng vài tuần lễ nay chắc quí vị cũng đã biết tin nhiều công ty kinh doanh lớn đang rao bán dịch vụ cho vay bằng thẻ tín dụng của công ty đó. Circuit City, nơi chuyên bán sản phẩm điện tử với rất nhiều chi nhánh toàn quốc, đang rao bán khoản nợ tương đương $3 tỉ Mỹ Kim nhưng chưa có người mua.

Điều gì khiến các công ty kinh doanh trên quyết định bán dịch vụ tài chính một thời là nguồn lợi đáng kể của các công ty?

Là người tiêu thụ, quí vị chắc không khỏi hơn một lần được mời chào điền đơn xin thẻ tín dụng của các cửa hàng từ trung bình đến lớn lúc đứng chờ tại quầy tính tiền.

Những nhân viên các cửa hàng như Target, Kohl's, Mervyn's, Nordstroms, Macy... thường hỏi khách mua có muốn xin thẻ tín dụng không mỗi khi người khách mua hàng trên $100 Mỹ kim. Lợi điểm của việc xin thẻ tín dụng tại chỗ thường là người mua được bớt từ 10% đến 15% toàn bộ số hàng đang mua.

Những ai thích xin thẻ tại chỗ thường tỏ ra vui mừng mình tiết kiệm được một số tiền kha khá, nhất là trong những dịp mua sắm nhiều món hàng từ quần áo, giầy dép và học cụ cho con trong mùa tựu trường hoặc trong các dịp lễ lớn như Giáng Sinh.

Điều những người tiêu thụ, đa số phụ nữ có con nhỏ, không để ý đến là một khi có thẻ tín dụng của cửa hàng sẵn sàng trong tay, họ sẽ thường trở lại cửa hàng mua thêm nhiều món hàng khác trong năm. Cho dù có được mua hàng hạ giá trong những lần sau, những người tiêu thụ này cũng mang lợi cho các cửa hàng.

Mà thông thường, trong những lần ghé mua hàng kế tiếp sau lần đầu được bớt giá, người tiêu thụ chọn mua hàng với giá bán bình thường. Các cửa hàng yên tâm có khách trung thành trong tương lai. Người tiêu thụ trước sau gì cũng trở thành các con nợ. Vừa bán được hàng vừa thu tiền lời trong khoản nợ người mua trả góp, các công ty kinh doanh có được thương vụ lợi đôi

ba mặt.

Vì lợi điểm giữ chân được khách trong tương lai, các cửa hàng mới tung chiến dịch bớt giá cho người xin thẻ tín dụng tại chỗ. Khách hàng có sẵn, chỉ tốn khoảng 10 phút điền đơn là có ngay một con nợ mới. Nhưng đó chỉ là mối lợi của thời kinh tế thịnh vượng của đầu thập niên 1990s và với điều kiện các công ty phải biết cách điều hành chi nhánh đòi tiền nợ sao cho hợp lý, đúng cách. Thời này khác!

Trong giai đoạn kinh tế khó khăn những năm gần đây, nhiều con nợ là những người khách trung thành của các cửa hàng bị thất nghiệp hoặc mang nợ nần nhiều quá phải trả trễ tiền hàng tháng hoặc khai phá sản.

Các công ty kinh doanh học được bài học đắt giá rằng nhiều khi mình chỉ giỏi mua bán chứ không rành về việc đòi tiền nợ. Đây là một ngành hoàn toàn khác hẳn.

Về lâu dài, nhiều món nợ bị trễ đều đặn hoặc bị giật vì con nợ khai khánh tận trở thành những vết đen trong hồ sơ tài chính của những công ty kinh doanh. Hồ sơ tài chính kém khiến cổ phiếu của công ty mất giá. Lợi đâu chưa thấy chỉ thấy thiệt hại đôi ba mặt, vừa bị giật nợ, vừa bị mất giá cổ phiếu, có đáng buồn không!

Tạp chí *Newsweek* ghi nhận vì lý do trên cho đến tháng Bảy năm 2003 tổng số nợ tín dụng các công ty bán ra đã gần vượt qua con số kỷ lục của tổng số nợ tín dụng bán trong trọn năm 1998. Hồi đó, số nợ kỷ lục là $8.4 tỉ Mỹ kim, nhưng đến cuối năm nay, con số này có thể lên đến trên $10 tỉ, theo dự kiến của công ty Thomson Financial, một công ty chuyên ghi nhận các vụ mua bán nợ tín dụng.

Những công ty đã bán toàn bộ nợ tín dụng thuộc nhiều ngành khác nhau. Từ công ty chuyên cung cấp năng lượng như Aquila đến công ty dịch vụ viễn thông như Alltel đều đã bán hết số nợ thẻ tín dụng trị giá khoảng $7 tỉ Mỹ kim trong năm nay.

Ông Richard Peterson, chuyên gia kế hoạch của công ty Thomson Financial cho biết lãnh vực mua bán nợ tín dụng là một trong những lãnh vực tài chính vẫn phát triển mạnh trong thời kỳ kinh tế chưa hết khó khăn như hiện tại.

Ngoài các công ty kinh doanh đã bán hoặc đang rao bán số nợ thẻ tín dụng đang giữ, những công ty được kể là đắt giá như Target và Kohl's cho biết không có ý định bán dịch vụ tài trợ khi được ngỏ ý mua. Có thể hai công ty này còn treo giá, có thể dịch vụ đòi tiền của các công ty này đạt hiệu quả tốt, hoặc có thể số con nợ không trả tiền đúng hạn kỳ của họ vẫn còn là con số nhỏ.

Công ty Sears & Roebuck cho biết chỉ 5 ngày sau khi công bố bán nợ thẻ tín dụng cho Citigroup, cổ phiếu của Sears tăng 14% lên đến $40 Mỹ kim. Điều này cho thấy trong tương lai không xa những công ty đang gặp trở ngại thu tiền nợ tín dụng sẽ theo gót Sears, chỉ chú tâm bán hàng thôi, phần tài trợ để người khác lo!

Trong trường hợp của các công ty từ nay chỉ chú tâm bán hàng kể trên có lẽ câu tục ngữ Việt "nhất nghệ tinh, nhất thân vinh" áp dụng đúng quá đi chứ!

NHỮNG NHẦM LẪN TAI HẠI

TRẦN QUÁN NIỆM

Dựa theo tin tức từ báo chí Hoa Kỳ, chúng tôi đã viết hai bài về vấn đề y tế, sức khỏe, nay trở lại một lần nữa chỉ với mục đích báo động đến độc giả hầu khi họ là bệnh nhân hay có thân nhân là bệnh nhân thì biết rõ quyền lợi của mình và có những đề phòng thích nghi để tránh khỏi những hậu quả dở khóc dở mếu như các nhân vật trong bài này, hoặc không bị những thương vong do nhầm lẫn của y sĩ hay giới hành chánh tại bệnh viện.

Bị cắt dương vật

Ông Hurshell Ralls, 67 tuổi, thợ máy, nhập viện để giải phẫu cắt bỏ bàng quang (bọng nước tiểu) bị ung thư.

Khi tỉnh dậy, vợ ông ngồi cạnh giường bệnh, cầm tay ông, ân cần nói: "Cưng ơi, xong hết rồi, bộ phận ung thư đã bị cắt bỏ." Bà ngừng lại vài phút: "Nhưng họ cắt luôn dương vật của mình nữa" Burshell chới với, dù chưa tỉnh táo hẳn dưới ảnh hưởng của thuốc mê. "Tôi giận muốn điên lên," ông cho biết như vậy, khi xuất hiện trên chương trình Good Morning America của đài truyền hình ABC. Ông cho hay, bác sĩ không hề đề cập với ông hay vợ ông là dương vật và dịch hoàn cần được cắt bỏ trong cuộc giải phẫu tháng 11 năm 1999. Hershell đã đầu đơn kiện Clinics of North Texas tại Wichita Falls và toán y sĩ giải phẫu về sự sơ xuất, chểnh mảng nói trên. Vụ kiện sẽ ra trước tòa ngày 25 tháng 8, 2003.

"Bác sĩ không hề nói với chúng tôi là dương vật và dịch hoàn của chồng tôi có thể bị cắt bỏ. Ít ra ông ta cũng cần cho chúng tôi biết qua để chúng tôi cân nhắc trước khi chồng tôi lên bàn mổ chứ," bà Theima Ralls nói như vậy. Y sĩ giải phẫu bào

chữa là ông ta nhận thấy ung thư đã lan qua dương vật khi ông ta cắt bỏ bàng quang của Ralls. Điều trớ trêu ở đây là các y sĩ trong toán giải phẫu chỉ gửi tế bào mẫu của dương vật đi thử nghiệm sau khi cuộc giải phẫu đã hoàn tất. Một y sĩ tại Dallas sau khi giải đoán dương bản (slide) cuả tế bào dương vật cho hay không có triệu chứng ung thư.

Trường hợp của Ralls mới nghe qua thật đáng phẫn nộ, nhưng trên toàn quốc Hoa Kỳ, số bệnh nhân bị ung thư và các bệnh nhân khác, thường xuyên gặp phải sự nhầm lẫn tai hại của y sĩ.

The Robert Wood Johnson Foundation báo cáo trong năm 2001 có 95% y sĩ trải qua (đích thân phạm, tham dự trong toán hay chứng kiến) các sai nhầm trầm trọng và trong nhiều trường hợp liên quan tới bệnh nhân ung thư. Khi đại học y khoa John Hopkins duyệt lại những dương bản thử nghiệm tế bào mẫu của nhiều ngàn bệnh nhân ung thư trên toàn quốc HK, họ khám phá ra rằng cứ 71 trường hợp thử nghiệm thì có một trường hợp bị chẩn đoán sai.

Bị cắt nhũ hoa

Đó là trường hợp của bà Linda McDougal đã bị cắt hai nhũ hoa tại bệnh viện United Hospital of St. Paul, Minnesota tháng 5, 2002. Xuất hiện trong chương trình Good Morning America, bà cho hay: "Bác sĩ của tôi bước vào phòng và nói tôi không bị ung thư. Thoạt đầu tôi không hiểu rõ ý nghĩa của lời bà ta, nên phản ứng đầu tiên của tôi là: 'Tốt lắm, bà cắt bỏ hết rồi chứ gì?' Bà ta nói: 'Không, bà không hiểu, Bà không hề bị ung thư.' Tôi bị chấn động mạnh mẽ và bất ngờ, không biết phải phản ứng ra sao."

Khi bà McDougal được chương trình Good Morning America phỏng vấn, bệnh viện gửi lời xin lỗi. Nữ bác sĩ Laurel Krause thuộc bệnh viện cho hay dương bản thử nghiệm của một bệnh nhân khác không biết vì lý do gì lại nằm trong hồ sơ bệnh lý của bà McDougal.

Krause nói: "Chúng tôi vô cùng áy náy về sự nhầm lẫn trên." Và dĩ nhiên Linda tức giận vô cùng, và bà ta có lý do để giận dữ như vậy.

Với nạn nhân của các sự nhầm lẫn, lời xin lỗi không mang lại các bộ phận đã mất. Nhiều khi lời xin lỗi đến với họ thì họ đã mồ yên mả đẹp.

Tí nữa thì nguy

Ông Frank Barerra may mắn hơn một chút. Ông đang nằm trên bàn mổ chờ được cắt bỏ phần ruột già bị ung thư thì một cú điện thoại đến từ phòng thử nghiệm cho hay, họ đã nhầm lẫn, dương bản thử nghiệm không cho thấy dấu hiệu bị ung thư. Ông ta nói: "Thử tưởng tượng mà xem. Trường hợp của tôi có khác nào một cơn ác mộng. Tôi không bao giờ nghĩ rằng phòng thử nghiệm lại có thể nhầm lẫn trong một trường hợp quan trọng như thế này."

Hiểu rõ y sĩ

Y sĩ Rache Simmons, chuyên giải phẫu ung thư nhũ hoa thuộc bệnh viện Weill Cornell Medical Center tại NewYork, cho biết có những biện pháp mà bệnh nhân có thể thi hành để tự bảo vệ.

Thứ nhất, bệnh nhân nên nghe kỹ những điều y sĩ giải thích và những phương cách chữa bệnh cũng như lời đề nghị. Nếu không hiểu y sĩ nói gì nên tìm một y sĩ khác. Simmons nói: "Một y sĩ giỏi là một y sĩ có khả năng truyền đạt để bệnh nhân thấu hiểu rõ ràng. Nếu bệnh nhân không hiểu, không nên ngần ngại yêu cầu ông ta giải thích lại. Nếu lần thứ hai, bệnh nhân vẫn không hiểu, tốt nhất là tìm một y sĩ khác."

Thứ hai, khi được thông báo là cần giải phẫu, bệnh nhân nên hỏi ý kiến của một y sĩ khác. Chương trình bảo hiểm y tế nào cũng trả tiền để bệnh nhân tái khám tại y sĩ thứ hai. Nếu hai y sĩ không đồng ý, tìm đến ông thứ ba, sau khi đã gọi cho chương trình bảo hiểm xem họ có đồng ý trả phí tổn cho y sĩ thứ ba hay không.

Khi đã quyết định chịu giải phẫu, bệnh nhân cần dẫn theo thân nhân hay bạn bè khi gặp y sĩ trong buổi hẹn gặp tiền-giải-phẫu (pre-surgical appointment), để người này ghi chép các tin tức và đặt câu hỏi.

Y sĩ Simmons nói: "Tôi luôn luôn đưa cho bệnh nhân mảnh giấy ghi chép điều tôi giải thích và cả video để họ xem khi về nhà. Bệnh nhân khó giữ được xúc động để bình tĩnh ghi nhớ tất cả những chi tiết tôi thảo luận với họ trong buổi hẹn gặp."

Thứ ba, một điều quan trọng là trước khi giải phẫu, bệnh nhân cần đề cử một người đại diện mình. Người này sẽ thi hành những lời căn dặn của bệnh nhân khi bệnh nhân bất tỉnh vì thuốc mê.

Khi chịu giải phẫu, bệnh nhân phải ký một bản đồng ý (consent form). Bệnh nhân cần đọc kỹ và hiểu rõ các điều khoản trong đó. Bản đồng ý ghi chính xác những điều y sĩ có thể làm, và y sĩ có thể tiếp tục tiến hành cuộc giải phẫu hay không khi ông ta khám phá thêm những tình trạng quan trọng khác.

Bản đồng ý cần nêu rõ thật chi tiết những điều bệnh nhân bằng lòng, do đó y sĩ chỉ được thi hành những điều đã ghi.

Thêm một văn kiện quan trọng nữa bệnh nhân cần soạn thảo là chúc thư sống (living will). Chúc thư này bảo vệ quyền của bệnh nhân và các điều bệnh nhân mong muốn nếu tình trạng nguy kịch đến mạng sống xẩy ra khi y sĩ giải phẫu trong khi bệnh nhân bị đánh thuốc mê.

Thêm một chuyện khó tin nhưng có thật

Ai mà không từng nghe đến tên công ty bảo hiểm sức khoẻ Tenet Healthcare, đặt bản doanh tại California và có hợp đồng điều khiển 114 bệnh viện tại 16 tiểu bang trên nước Mỹ. Nhưng có điều không ai ngờ là các bác sĩ của công ty này đã mổ tim của hàng trăm bệnh nhân dù không cần thiết. Nói một cách chính xác hơn có 366 bệnh nhân đã bị mổ tim và 51 trong số những người này đã chết - một số chết tại trung tâm y tế Redding thuộc miền Bắc California. Công ty Tenet đang bị các nạn nhân kiện ra tòa. Hồ sơ kiện, chỉ đích danh tám y sĩ, được nộp tòa hôm thứ sáu (thượng tuần tháng 8, 2003) vừa qua.

Cách đó một tuần, Tenet thuận nộp phạt 54 triệu MK để giàn xếp các vụ tố giác từ mùa Thu năm 2002. Tenet đã bị kiện trên 100 vụ sau khi các nhà điều tra liên bang khám phá hai y sĩ tại trung tâm y tế Redding đã mổ tim người lành mạnh. Tenet cũng bị rắc rối tại các nơi khác ngoài California. Ông Haggard, 66 tuổi bị mổ tim hai lần trong năm 1997. Ông nghi ngờ lần giải phẫu khẩn cấp là không cần thiết.

Biết ăn gì đây?

Từ lâu nay chuyên viên dinh dưỡng cũng như các y sĩ đều cho rằng cá là một loại thực phẩm gần như toàn hảo, nhiều chất bổ dưỡng, có khả năng ngăn ngừa bệnh đau tim, bệnh lú lẫn và bệnh xuống tinh thần (trầm cảm). Không nên ăn nhiều thịt đỏ (súc vật) mà thay thế bằng thịt trắng (cá).

Bây giờ thì trái lại, các y sĩ và các nhà môi sinh lại khuyến cáo giới tiêu thụ là cá chứa một mức độ thủy ngân khá cao, có thể gây nguy hại đến sức khỏe.

Những người thường xuyên ăn cá tại tiểu bang California cho hay, họ đã bị bệnh vì tiêu thụ nhiều cá quá, và Cơ Quan Khoa Học Quốc Gia cũng tiết lộ nhiều ngàn trẻ em bị hư hại thần kinh vì bà mẹ ăn nhiều cá khi mang thai. Do đó nhiều nhóm môi sinh đã thúc đẩy Bộ Kiểm Phẩm (Food and Drug Administration) cần lưu ý kiểm soát mức độ thủy ngân trong thực phẩm và ấn định mức thủy ngân mà cơ thể có thể chấp nhận.

Tất cả những bàn cãi trên gây hoang mang cho giới tiêu thụ. Họ có nên tiếp tục ăn cá không và cá loại nào?

Trước hết cần biết là mức thủy ngân từ đâu ra. Những nhà máy kỹ nghệ đốt bằng than thải chất thủy ngân vào không khí. Người ta thường lầm tưởng chỉ các nước chậm tiến, kỹ nghệ yếu kém mới dùng than để chạy máy. Thật ra Hoa Kỳ vẫn khai thác than đá và dùng trong kỹ nghệ. Năm 1995 các nhà máy tại HK thải ra không khí 55 tấn thủy ngân, bằng một phần ba tổng số trên thế giới. Năm 2001 là 46 tấn. Núi lửa, suối nước nóng cũng tạo chất thủy ngân. Thiêu hủy các sản phẩm kỹ nghệ như nhiệt kế (thermometer) hay pin đèn, bình điện xe hơi (batteries) cũng là nguồn hơi thủy ngân. Mưa hoà tan chất thủy ngân tản lạc trong không khí rồi rớt xuống mặt đất vào hồ ao sông biển. Rong rêu, cây cối dưới nước hấp thụ chất thủy ngân. Cá tép nhỏ ăn rong rêu, thấm nhập chất thủy ngân vào cơ thể. Rồi cá lớn nuốt cá bé, chất thủy ngân tích tụ càng nhiều trong cá lớn như cá thu (king mackerel), cá hồi (salmon), cá kiếm, cá mập v.v. Do đó tốt nhất là ăn cá nhỏ (cá vụn, cá cơm, cá chim, cá rô Phi v.v.). Ngày trước, cá hồi được coi là ngon và an toàn nhất trong các loại cá, nhưng nay người ta cho hay, cá hồi nuôi trong hồ, ao chứa nhiều thủy ngân (vì ăn thực phẩm do người biến chế) hơn cá hồi sống trong thiên nhiên.

Còn nhớ trước đây giới tiêu thụ không dám ăn trứng, thịt heo, thịt bò và chuyển qua ăn gà, ăn cá, nay cá cũng độc, riết rồi chẳng biết ăn gì.

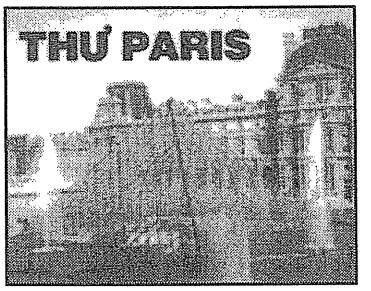

TỪ NGUYÊN

Tại Pháp, Vì Hạn Hán CẢ VẠN NGƯỜI CHẾT

Chưa thấy có nơi nào giống như nước Pháp - trong hai tuần đầu tháng tám. Hơn 10 000 người chết vì trời nóng, trong một xứ tiến bộ, tiến bộ về y tế và mọi ngành nói chung. Con số được bộ Nội vụ đưa ra (khiến người đọc sững sờ) thế mà cũng chỉ mới là sơ khởi. Chết vì không chịu nổi sức nóng của hàn thử

biểu hay chết vì thiếu hơi ấm tình người?

«Nhiều người yếu đuối đã từ trần, cô đơn, trong nhà của mình. Thảm trạng ấy một lần nữa nói lên cảnh cô quạnh của những người lớn tuổi hay bị tật nguyền.» Tổng thống Jacques Chirac nói trên đài truyền hình và kêu gọi tình gia đình, hàng xóm láng giềng, nhưng chắc gì thay đổi được một sớm một chiều?

Nạn hạn hán hoành hành nước Pháp và vùng nam Âu Châu từ cuối tháng 7 tới hai tuần đầu tháng 8. Các nước láng giềng cũng bị thiệt hại nhiều nhưng số tử vong không nơi nào cao bằng nước Pháp. Nhiệt độ trung bình của hàn thử biểu lên xuống khoảng 40 độ C trong bóng râm.

Hơn 13000

Theo nhà đòn *Pompes funèbres générales* thì con số tử vong cao hơn nhiều: toàn quốc có hơn 13 000 người chết vì hạn hán. Số người chết trên đây là do sự dự phóng từ số người đã chôn cất trong ba tuần qua dựa trên căn bản hoạt động của công ty này (chiếm vào khoảng 25% thị trường trên toàn quốc và 40% tại Paris.) Tại Paris số người thiệt mạng vì hạn hán lên tới 3 000. Con số đầy đủ cũng phải chờ tới cuối tháng.

Số tử vong dự đoán trước đây chỉ từ 1 500 đến 3 000 và được coi «đã là nhiều». Hơn một nửa của số 10 000 là người già trên 85 tuổi. Nếu so sánh với số tử vong trong vụ khủng bố tại Nữu Ước ngày 11. 9 (3 091), số người chết nói đây nhiều hơn gấp bốn lần, và hơn cả số tử vong vì tai nạn xe cộ trong năm 2002 là 8000.

Tại sao nhiều vậy?

Làm sao đã xảy ra đến mức đó ? Có mấy lý do:

- Năm nay nóng quá sức, từ trước tới nay ít thấy có. Các thành phố, công thự, nhà cửa, phương tiện công cộng, nhà ốc không hề được trang bị – hay chỉ trang bị một cách thô sơ – để chống nóng. Quạt máy, họa hoằn lắm mới có máy lạnh. Không ai thấy có nhu cầu đó, vì ngày nóng trên đất Pháp chỉ là mươi ngày trong một năm. Các viện dưỡng lão công cộng lại càng yếu kém về phương tiện trang bị.

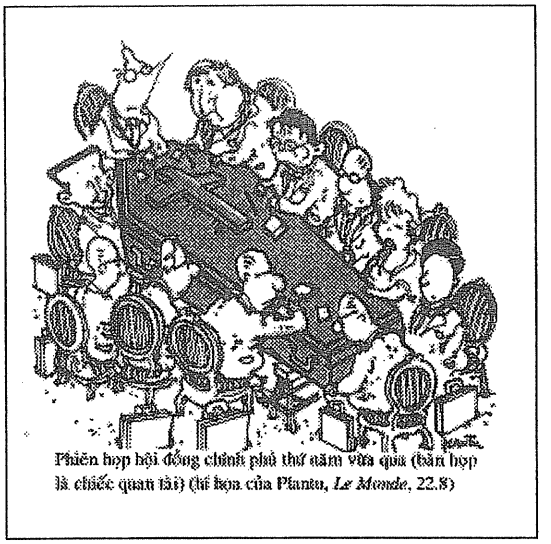

Phiên họp hội đồng chính phủ thứ năm vừa qua (bàn họp là chiếc quan tài) (tế họa của Plantu, *Le Monde*, 22.8)

- Tai nạn xảy ra đúng vào giữa mùa hè khi mọi người chỉ nghỉ tới một việc: nghỉ hè, kể cả bệnh viện, y tá, cấp cứu và... chính phủ. Theo tập quán có từ đời thuở nào, đi hè là bỏ lại hết, kể cả... người già, và những vấn đề chưa giải quyết. Chờ đến ngày trở về, đầu tháng 9 hẳn hay. Các bệnh viện, phòng cấp cứu đã không đủ nhân viên vì giảm giờ làm việc (còn 35 giờ) không có người điền khuyết, càng thêm thiếu người trong mùa hè.

Thiếu Khả Năng?

Dân chúng đương nhiên chờ đợi nhà nước tích cực và hữu hiệu hơn để giải quyết những khó khăn xảy ra trong lúc dân chúng đi hè. Bộ trưởng Y tế nói trên truyền hình : Bộ không hề nhận được dấu hiệu báo động về vụ này thì cũng đúng thôi. Nhưng ít ra cũng phải có người chịu trách nhiệm? Tổng giám đốc Y tế từ chức.

Trong cuộc thăm dò dư luận của Viện CSA, 51% những người được hỏi cho rằng chính phủ Jean-Pierre Raffarin «không đủ khả năng» để đối phó với biến cố đã xảy ra.

Trở về từ Québec sau hơn hai tuần lễ nghỉ hè và im hơi lặng tiếng, tổng thống Chirac đã được các bộ trưởng liên hệ báo cáo tình hình trong phiên họp hội đồng chính phủ hằng tuần ngày 21.8. Sau đó, trên truyền hình, ông kêu gọi tình liên đới giữa những người trong gia đình, trong khu phố, tại địa phương và cả nước.

Ông Chirac nhấn mạnh :

- Có sự thiếu sót trong việc quản trị y tế, trong vấn đề cấp cứu khi đối phó với biến cố vừa qua. Rồi đòi chính phủ phải phân tích tình hình một cách trong sáng để rút tỉa những bài học.

- Cần chuẩn bị kỹ để đối phó với một biến cố tương tự sẽ có thể xảy ra.

Vẫn Là Vấn Đề Tiền

Tất cả mọi kế hoạch đều cần đến phương tiện, nói rõ hơn là tiền. Ngân sách quốc gia năm 2004 đã lập xong với nhiều khó khăn như là không giữ được mức

thâm thủng dưới 3% tổng sản lượng quốc gia theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Âu Châu. Ngân sách đó còn chưa đáp ứng đòi hỏi của tổng thống Chirac muốn giảm thuế nhiều hơn theo lời hứa hẹn tranh cử, ngày nay sắp có món phải chi thêm để đối phó với tình thế.

Bộ trưởng đặc trách về người già nói rằng cần một «Plan Marshall» cho những người lớn tuổi với chi phí điều hành vào khoảng 250 triệu euro. Theo ông thì xã hội Pháp «không được chuẩn bị» để đối phó với vấn đề của người già. «Các viện dưỡng lão và cơ quan trợ giúp người già không đầy đủ, 80% viện thiếu nhân viên trông coi, 20% giường phải tân trang, 5% viện phải đóng cửa.»

Mùa hè năm nay còn nhiều vấn đề khác. Cháy rừng, nông thôn bị hư hại. Các nhà nông bị hạn hán mất mùa, thiệt hại cây trái gia súc từ 1 đến 4 tỉ euro. Chính phủ tháo khoán 500 triệu euro giúp đỡ. Tình hình kinh tế quốc gia lại không khả quan: tổng sản lượng quốc gia trong ba tháng vừa qua giảm – 0,3%. Kiếm đâu ra tiền để trang trải những chi phí mới, cũng là chuyện của chính phủ - chuyện khó khăn nhất.

EURO XUỐNG GIÁ

Chỉ có một chuyện mừng nhưng chừng này... thấm béo vào đâu! Euro xuống giá so với đồng đô la. Khi đang viết bài thì giá euro là 1.0921$, so với hôm trước là 1.111$. Các chuyên gia tài chính phỏng đoán rằng giá đô la còn lên nữa so với euro vì tình hình kinh tế của khu vực euro yếu kém (Ý, Đức và Hòa Lan cũng không khá trong sáu tháng đầu năm).

Du khách đi Âu châu từ đây có thêm nhiều đô la hơn trong khi những công thương kỹ nghệ gia có hàng bán ra ngoại quốc thu về bằng đô la được nhiều euro hơn trước.

HỌC TRÒ CHUẨN BỊ TỰU TRƯỜNG

Học trò trung học, mẫu giáo nhập học ngày 2.9 tới đây, cả nước bắt đầu trở lại làm việc. Mùa hè năm nay, thiệt là lắm chuyện, rồi cũng trôi qua. (Có người gan lì chờ tới tháng 9 mới đi hè cho nó vắng vẻ, nhưng số này ít, xin miễn nói tới).

Mấy ngày rày, các em nhỏ theo mẹ (hay dẫn mẹ) đi sắm sửa: sách, vở, bút giấy, cạt táp... Lớp lớn hay lớp nhỏ, em nào cũng đòi muốn mua thứ đắt tiền có hình *Harry Potter* hay những mẫu hàng được quảng cáo trên truyền hình Pháp: *Mohamed Dia, Lola Espeleta, Jordi Labanda*. «Star Academy» gắn nhãn hiệu của mình hàng loạt tất cả dụng cụ cho các em, được các em chiếu cố rất nhiều! Giá hàng vì nhãn hiệu đó đắt gấp đôi. Cũng phải đành chiều con – một năm một lần - chớ nói sao?

Mỗi gia đình có con đi học được trợ cấp 253,30 euro, chi phí tiêu ra cho mỗi em còn hơn cả số đó cho kỳ nhập học năm nay.

Những đòi hỏi tăng lương, tăng thêm nhân số của các nghiệp đoàn giáo chức trước ngày nghỉ hè đang còn đó. Vấn đề sẽ được đặt lại và chuyện có thể xảy ra cho những ngày tựu trường là những cuộc đình công.

Tại Pháp, không bao giờ thiếu chuyện đình công và đình công, như bạn đọc thấy đó, bao giờ cũng nhằm đúng lúc. Cả năm không hề thấy bóng dáng sở Lục lộ sửa đường: họ chỉ sửa đường vào mùa hè, lúc mà xe cộ chạy nhiều. Ngày hôm qua, các gia đình đi nghỉ lục tục về chuẩn bị cho các em đi học. Sở hỏa xa đình công ngon lành !

ĐÃ CÓ NGƯỜI MỸ CHÔN

Trong vụ hạn hán vừa qua với cả vạn người chết, Công ty Mỹ đã giúp chôn... người Pháp. Bạn nghĩ rằng vì người Pháp đang bận nghỉ hè nên người Mỹ phải ra tay đỡ đần? Hay là một dịp để bộc lộ tình đồng minh lúc sống cũng như lúc chết ? Không phải vậy đâu, tương quan giữa hai nước này vẫn còn *man mát*, chưa trở lại mức bình thường. Vậy thì chuyện ra làm sao? Đầu đuôi là như thế này:

Ngành mai táng của nước Pháp được tự do cạnh tranh kể từ năm 1993, trước đó là độc quyền của các tòa thị chính. Gần 850 công ty mọc lên sau năm đó nhưng quan trọng nhất là tổ hợp OGF (gồm Pompes funèbres générales, Roblot, Dignité funéraire, Henri de Borniol), chi nhánh của Công ty Lyonnaise des eaux.

Và khi tự do cạnh tranh thì không tránh khỏi chuyện toàn cầu hóa. Năm 1995, tổ hợp Hoa Kỳ Service Corporation International (SCI) đã có mặt tại Âu Châu (Ý, Hòa Lan, Na Uy) mua đứt tổ hợp OGF. Lúc đó OGF chỉ còn chiếm 25% thị trường tại Pháp với số thương vụ là 500 triệu euro, 6 300 nhân viên, 976 chi nhánh, vẫn là công ty Mỹ dẫn đầu tại Pháp.

Mới đây, có tờ báo nói ngược lại: người Pháp chết cho công ty Mỹ được hưởng. Dù sao thì cổ phần của SCI xuống giá trên thị trường chứng khoán tại New York khiến cho công ty đang có kế hoạch bán bớt các chi nhánh.

Trích lại Nhật báo Người Việt và Nguoi Viet On Line trong mục 'Lá thư hằng tuần' của

Từ Nguyên

SĨ PHU HÀ NỘI 2003

NGUYỄN ÁI NHÂN

Cả cuộc họp bỗng im phăng phắc. Im đến mức nghe thấy hơi thở của bản thân và cả của người khác. Không khí cuộc họp ngột ngạt như bị nén dồn lại. Hầu hết mọi người đều cúi nhìn cuốn sổ tay ghi chép trước mặt (Một thói quen cố hữu ở mọi nơi. Khi đi họp ai cũng mang theo và tỏ vẻ ghi chép gì đó. Đặc biệt, người ta có vẻ ghi chép càng nhiều mỗi khi người nói là một ông cấp trên chức to. Thường rất nhiều khi, chức càng to chuyện nói càng dở). Sau vài chục giây im lặng vì bất ngờ, ông Tổng giám đốc cố thản nhiên lên tiếng dù vẫn không dấu được chút nét gượng gạo: "Có đồng chí nào có ý kiến không?"

"Giỏi!"- Hùng thầm nghĩ, "Dù sao ông ta cũng đã trưởng thành qua vô số các cuộc họp nên hẳn đã gặp và biết cần xử trí thế nào trong những lúc thế này."

Không khí cuộc họp căng thẳng ngột ngạt bất ngờ vì Hùng phát biểu và tuyên bố sẽ không ký vào văn bản xác nhận các tiêu chuẩn kỹ thuật của hệ thống máy kiểm tra chất lượng sẽ mua. Lý do ai cũng biết thừa. Hệ thống máy kiểm tra lỗi thời của Hàn Quốc tất nhiên không thể phù hợp với những yêu cầu kỹ thuật to tát do chính công ty đề ra khi đấu thầu, đã thế giá còn được đội lên cắt cổ. Người ta ngạc nhiên vì Hùng dám "không ký" và còn dám nói lên chuyện đó. Tất cả ai cũng nghĩ, Hùng là kẻ biết điều, tuy có bất đắc chí nhiều chuyện nhưng ít khi có ý kiến riêng, nhất là chống lại ý kiến chung của cả ban lãnh đạo công ty. Tất cả họ đều nghĩ đúng. Hùng cũng biết rõ điều đó. Nó buộc phải lên tiếng để cho mọi người hiểu rằng không có gì có thể kéo dài mãi và điều gì cũng có giới hạn. Mọi điều phải có lúc kết thúc. Nó cũng muốn nhân dịp này thông báo cho mọi người biết, nó tuy không muốn can dự vào việc làm ăn, móc tiền của công ty nhưng cũng không phải ngu và ba phải như tất cả tưởng. Nó biết tất cả điều họ làm. Nó không muốn có ý kiến nhưng mọi người nên hiểu và đừng mượn cá nhân nó làm bình phong cho những tính toán của họ.

Sau khi đi học ở Ba Lan về, một thời gian lâu Hùn không xin được việc. Cuối cũng nhờ ông chú họ, Hùng mới xin được vào chân trong phòng kỹ thuật của công ty này, dù có trái nghề. Lặng lẽ đi làm và cũng không muốn thân thiết với ai ở đó cả. Ở công ty và trong xã hội phần nhiều ngươi ta sống hai mặt. Ở nhà họ là người khác, đến cơ quan, ra đời họ đóng vai kịch khác. Nó cũng không tham gia vào các hoạt động đoàn, đội, đảng của công ty. Nó biết thừa tất cả nhưng trò đó chỉ dành cho đám thanh niên hoặc ham tiến, hoặc còn nhiệt tình và một nhóm khác muốn lợi dụng cho bản thân mình. Nó đã từng làm Bí thư đoàn suốt Phổ thông trung học và cả hai năm đầu đại học. Nó biết quá rõ các hoạt động đó. Hùng không ủng hộ và cũng không ý kiến chống lại những điều gì được nêu ra và thông qua ở công ty. Nó cố tạo ra vẻ khách quan với mọi người và điều đó khiến không ít người bắt đầu lợi dụng tính khách quan đó cho quyền lợi của họ. Hùng biết, nhưng nó vẫn thản nhiên tránh hoặc hạn chế để gây ảnh hưởng ít nhất cho bản thân và cho cả những người khách hàng của công ty. Nhưng khổ lắm! Nhiều người không hiểu, cố tình không hiểu hoặc ngu dốt nên tưởng nó sợ hay không biết gì. Buổi họp hôm nay chỉ là cớ và dịp để nó cảnh tỉnh những người đó và tất cả những người khác.

Họp xong, lên phòng Hùng bày sẵn mấy tập tài liệu đang xem giở ra và ngồi vào máy tính xem tin thời sự. Nó biết, từ nay sẽ bị để ý hơn, nhưng mặc kệ! Hơn nữa, nó thật sự thiếu gì chuyện nghĩ ra để làm cho hợp lý ở cái công ty này. Từ nay phần lớn mọi người trong công ty sẽ nhìn nó với con mắt khác. Nhiều người sẽ bực mình vì mất một phần tiền do chuyện mua máy xảy ra. Rồi họ cũng tìm cách mua được cái hệ thống kiểm tra cũ giá cắt cổ ấy thôi. Sẽ phải nghĩ ngợi, vất vả thêm một chút và điều đó sẽ làm họ khó chịu. Nhưng khó chịu hơn là thái độ của Hùng đã gây

tổn thương mạnh như cái tát vào tính sĩ diện, lòng tự ái và cả thể diện của họ. Đó là những cái rất quan trọng mà họ nghĩ là họ có. Hơn thế nhiều người trong số họ coi những điều đó là rất quan trọng với xã hội, với gia đình, họ hàng và cả bạn bè v.v. Nó cũng biết, không ít người sẽ ngầm đồng ý và khen nó. Nhưng họ cũng sẽ khuyên thầm nó: "Có tính cách đấy! Nhưng như thế chỉ sẽ khổ thôi, sẽ không ngóc đầu lên được cho mà xem. Rồi lại làm khổ gia đình, người quen. May mắn thì chuyển sang công ty khác mới yên chuyện."

Người bực, cảnh làm sao vui được! Tin tức trên Internet chẳng có gì mới và đáng đọc cả. Toàn chuyện nhảm nhí, lộn xộn và cãi nhau. Báo chí cứ như là mấy bà bán buôn ngoài chợ, ngày nào vẫn mấy chuyện như thế, chỉ khác người , khác lúc và khác chỗ. Năm nào cũng vẫn chuyện thi đại học bát nháo, lôn xộn do không rõ ràng. Tham nhũng, cướp giật khắp nơi mà chẳng ai làm gì được nhau. Quốc hội thì liên tục sản xuất ra những đạo luật mà chẳng ai nghe và làm theo: Nào mũ bảo hiểm, nào bảo hiểm bắt buộc, nào không đăng ký xe, v.v. và v.v. Đảng thì suốt ngày toàn họp, họp và chỉ đạo. Rồi lại họp và chỉ đạo hay kiểm điểm những sai sót vừa gây ra. Hùng thấy buồn cười, nó nghĩ: Đảng hình như chỉ toàn họp để làm sai, rồi lại kiểm điểm và cứ thế mãi, cứ thế hoài! Mỗi lần vậy nó lại nhớ đến sự so sánh của ai đó về vai trò lãnh đạo của Đảng: "Đảng ta như người chỉ đường cho một đám đông đi giữa rừng. Phương hướng thì không biết, la bàn, bản đồ cũng không. Cứ đi mò hoặc nghe thiên hạ đồn mà đi theo. Thỉnh thoảng đảng lại dẫn bà con thụt xuống hố, xuống vũng nước, đầm lầy hay đi lạc vào ngõ cụt. Đành phải thoát ra khỏi ngõ cụt hay chui lên khỏi hố sau. Cứ mỗi lần thoát nạn như thế đảng lại tự hô và bắt tất cả cùng hô là vừa lại 'thắng lợi' lớn. Mà thực ra là vừa thoát nạn." Phần lớn các tin toàn là về đủ thứ nạn. Thế mà chưa ai truy tố, kết án các đài, báo, phương tiện thông tin là tuyên truyền nói xấu xã hội, đảng và nhà nước. Kỳ lạ thật! Nói kiểu gì cũng được. Nạn mãi dâm, hối lộ thì vẫn thế. Xét cho cùng, dẹp làm sao được. Còn người muôn mua dâm, muốn hối lộ thì ắt phải có người cung cấp. Quy luật tự nhiên và sự đời là thế, chống sao được! Đọc chẳng được bao lâu, Hùng mệt mỏi nhấc máy gọi điện cho anh Đức.

*

Nghe xong chuyện vừa xảy ra, anh Đức bảo:

- Mày dại thế! Không ký thì thôi, mặc kệ nó. Chứ nói thế thì bằng chửi vào mặt cả ban giám đốc công ty à?

- Em biết là vậy. Nhưng em cũng muốn thông báo cho họ biết những điều em thực nghĩ về họ. Trước sau cũng phải làm một lần. Em định đợi đến khi rời khỏi cơ quan sẽ mời tất cả đi ăn và chửi cho họ một trận. Nhưng hoàn cảnh lại khác, thôi thì "chửi" hôm nay cũng được chứ sao.

- Ừ! Cũng chẳng biết thế nào là hợp lý. Tao cũng đang bị rắc rối đây.

- Chuyện gì vậy, anh làm sao mà có thể bị rắc rối được?

- Tại tin và để cho mấy tay giáo viên trẻ chủ động trông thi. Bọn nó không biết điều, làm bậy và kết quả là anh sẽ phải chịu trách nhiệm.

- Ồ, lại thế nữa! Trưa mai anh rỗi không, anh em mình đi ăn cơm và nói chuyện đi. Em không muốn nói chuyện qua điện thoại. "Tổ sư" mấy thằng tổng đài lại nghe trộm mất!

- Khoảng 12 giờ gặp nhau ở gần sân bóng đi.

- Vâng, 12 giờ em sẽ qua đó.

Buổi trưa Hùng bỏ ra ngoài ăn cơm "bình dân," nó không muốn vào nhà ăn của công ty để thấy thái độ lịch sự nặng nề và giả tạo của mọi người. Hùng gọi điện thoại cho Hạnh, nó muốn gặp cô phần để nói chuyện, phần để giải tỏa bức bối cho bản thân. Hai người hẹn nhau sẽ đi ăn tối, chơi tối và rồi về nhà Hạnh. Đúng 15 phút sau khi kết thúc giờ làm việc buổi chiều, Hùng dắt xe ra khỏi công ty. Nó không về thẳng nhà mà đến thẳng quán 4L, nơi các cụ "Cách mạng lão thành" hay tụ họp. Bia ở đó rẻ tiền, không khí thoải mái và cả rất "cổ". Chọn một cái bài dài, gần hàng cuối cùng sát hàng rào và nhìn thẳng vào nhà vệ sinh. Vừa ngồi xuống, một cô phục vụ đem ra ngay một cốc bia, một đĩa lạc luộc và vứt tờ giấy ghi một gạch xuống bàn. Đấy là cái gạch bia đầu tiên của buổi chiều hôm nay.

Lúc này quán bia cũng đã khá đông. Hầu như các bàn đã chật kín và những khuôn mặt đều đã đỏ gay, tiếng nói chuyện, tranh cãi cũng đã rất to, át cả tiếng nhạc cũng khá điếc tai. Một đám hỗn độn âm thanh, mùi vị, khói thuốc và cả sự quyện đặc của không khí ngột ngạt như kết lại. Tất cả tạo nên khoảng không kỳ lạ, quen thuộc và đặc quánh cho dù từ sáu bảy phía những cây quạt gió cao, khổng lồ, thô kệch (loại thường dùng để quạt lò trong nhà máy) chạy và quay hết cỡ.

Bàn bên cạnh, một thanh niên trẻ đang vung tay chân kể chuyện gì làm Hùng phải để ý. Nó

quay lại và chú ý nghe. Anh ta đang kể về số phận may mắn của bản thân: "May quá! Hôm qua phải sửa cái máy giặt xong, hết sạch tiền. Sáng nay hai vợ chồng mỗi người chỉ còn đúng hai mươi nghìn để đổ xăng. Đúng ngày hôm nay tao phải ra công trường để 'sát giám.' Đường nào thì bọn nó cũng làm bậy và ăn bớt. Sẵn đang túi rỗng, lại bực mình nữa nên tao ra quát nhặng lên, chỉ hết chỗ này đến chỗ nọ làm sai yêu cầu, không đúng. Cậu phụ trách thi công thấy thế sợ quá, vội rủ đi ăn sáng và nó vào nói gì đó với cô thủ quỹ. Ăn sáng xong, ra về nó xin lỗi, hứa sẽ làm cẩn thận hơn và đút vào túi tao cái phong bì. Tao cũng chẳng buồn xem là bao nhiêu, về nhà vợ mở ra mới biết là nửa triệu. Thỉnh thoảng ra cáu kiểu này được phết đấy chứ!"

Ngồi uống hết hai cốc bia nó mới thấy ông Tuấn ra. Nhìn thấy nó, ông Tuấn vui vẻ:

- Sao lâu rồi không thấy mày ra đây? Dạo này chán các cụ già rồi à?

- Không, cháu vướng toàn những chuyện không tên tuổi và cả cũng không có hứng nữa.

- Hôm nay có hứng rồi sao?

- Vâng, hứng lắm, sắp bùng lên phát điên rồi đây, bác ạ.

Ông Tuấn giơ tay sờ lên trán Hùng làm vẻ quan tâm và bảo:

- Phải mấy cốc bia nữa, vẫn còn lạnh lắm!

- Vâng! Phải vài chục cốc nữa ấy chứ. Chỉ ngại phải đi vào nhà vệ sinh bẩn thỉu ghê sợ ấy nhiều lần mà thôi.

Ông Tuấn cầm cốc bia bảo Hùng: "Nào chạm cốc cái! Kệ bố nó, chuyện gì cũng mặc. Cứ phải sống lâu là chính!" Hùng cười thoải mái: "Vâng. Cháu cũng đang cố."

Ông Tuấn năm nay gần 70 tuổi. Ông đã từng tham gia đủ các lần lên xuống hố và lạc đường với đảng từ ngày cướp chính quyền, vụ cải cách, thời tem phiếu v.v. Chính ông là người kể cho Hùng về chuyện sa hố-thành công của đảng. Ông được cử đi học ở Nga từ những năm 60, cùng thời và cả lớp với nhiều ông Bộ trưởng, bộ phó bây giờ. Cái lũ mà ông toàn gọi bằng thằng. Học xong, ông về tham gia giảng dạy ở các trường đại học, viết sách, viết báo và nghiên cứu. Nhưng ông cả đời không lên được chức gì. Phần vì ông không ham, phần vì bực, phần vì còn "ham chơi, ham sống" và cả vì có "tí kiến thức" nước ngoài nên bướng. Ông tâm sự với Hùng: "Thực ra bọn nó ghét bác. Lý do chỉ vì bác giỏi hơn và không chịu quỵ lụy chúng nó. Mà cơ chế kiểu đảng này thì thằng nào ngoan, vào vây cánh thì mới được cất nhắc, trước kia là phiếu C, mua hàng ở cửa hàng riêng. Ngày nay là tiền, là quà, là bổng." Hùng thường cười và bảo:

- Họ ghét bác không phải vì bác giỏi. Họ cũng nghĩ là họ giỏi. Họ ghét bác vì bác "láo." Ai lại ví quần chúng là thùng rác bao giờ!

Đấy là Hùng muốn nhắc đến sự kiện ông Tuấn phát biểu chân thực trong một cuộc họp đảng. Trong buổi họp đó người ta bàn về chuyện kỷ luật khai trừ đảng viên. Toàn những lý do rất vớ vẩn. Ông Tuấn thấy không hài lòng và đã dám phát biểu, tuy chân tình nhưng pha chút hài hước khiến nhiều người không hiểu và quay sang lên án ông. Ông chỉ bảo: "Đề nghị đảng xem lại thái độ với quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân không phải là các thùng rác để bất kỳ ai tội lỗi, rác rưởi của đảng là cứ tự động ném vào đó." Sau đó ông bị kỷ luật vì hai tội: Xuyên tạc chính sách của đảng và thái độ không đúng với quần chúng. Từ ngày đó, ông không "ngóc đầu lên" được dù người ta vẫn để ông giảng dạy, nghiên cứu vì không có người khác thay thế.

Ông Tuấn cứ sống vậy. Sống theo ý ông, kiểu lập dị của bản thân. Ông luôn cố gắng làm tốt việc giảng dạy và "ngâm cứu sựu đời và khoa học" của mình. Ông cũng tận tâm truyền lại những hiểu biết và cả phần nào tính cách cho các thế hệ học trò. Tuy thỉnh thoảng ông thường xuyên bị nhắc nhở về nhiều điều ông giảng cho sinh viên là không đúng chính sách, quan niệm của nhà trường, nhà nước. Ông về hưu trước thời mở cửa. Nghịch lý lớn nhất là sau khi mở cửa kinh tế chuyển sang kinh tế hỗn loạn định hướng XHCN (ông thường gọi vậy) thì ông lại kiếm được nhiều tiền nhờ viết bài, sách và phát biểu trong các cuộc họp hơn trước rất nhiều. Hơn cả lương và thu nhập của các giáo viên hiện hành. Ông là người "giàu nhất," thoáng và nhiều tư tưởng mới nhất trong đám các cụ lão thành ở quán 4L này. Ông không cần phải chịu tiền bia như mấy cụ kia.

Nghe xong chuyện của Hùng, ông Tuấn bảo:

- Kệ mẹ nó. Trước sau cũng phải nói , phải xảy ra cơ mà. Họ làm gì được mày. Cứ xem tao đây có chết đâu. Kinh tế càng hỗn loạn định hướng lại càng có tiền. Chẳng qua có muốn làm hay không mà thôi. Cứ làm tốt việc và lo cho bản thân, kệ họ.

Hùng cảm thấy nhẹ nhõm vì ông Tuấn đã nói hộ điều nó đang phân vân. Bản thân cuộc đời ông Tuấn có thể là một tấm gương cho nó theo.

Cái thằng có tí chữ bao giờ chẳng thế. Nó thấy được sự mênh mông của trời đất, nhìn thấy nhiều chuyện hơn người khác. Nhưng chính điều đó làm nó khổ. Nó vẫn không vượt qua, dám vượt qua hay không thể vượt qua được cái khung của định mệnh. Định mệnh ở đây là cơ chế bị kiểm soát của chế độ. Ngày xưa là kiểm soát bởi quyền sinh sát vô biên của Vua, chúa. Ngày nay họ kiểm soát bằng Đảng thông qua chính quyền, qua tiền, chức, bổng lộc... Sống trong một cái giếng như vậy quá lâu con người ta cũng tự hình thành thói quen tự kiểm duyệt. Như phản xạ sống còn. Điều dễ thấy, đi họp, hội nghị hay cả đi nghe ca nhạc, người ta luôn tránh ngồi hàng đầu và cùng lắm thì đứng hàng sau cùng. Như thế vừa tránh xa con mắt soi mói của đảng, lãnh đạo và vừa dễ bỏ ra ngoài khi buồn, khi chán không muốn nghe.

Ông Tuấn, anh Đức và cả Hùng đều có tâm trạng giống nhau. Mang tiếng là có đi học mà sống nghèo thì bị khinh. Nếu đâm đầu vào kiếm tiền mọi cách, mọi giá thì họ có thể giàu nhanh nhưng mặt họ lại không đủ dầy, đủ trơ. Người ta sẽ bảo, cái lũ trí thức gió chiều nào, xoay chiều ấy. Họ có nỗi cô đơn, hèn hạ vô vọng không lối thoát. Không mấy ai hiểu sự khổ tâm, uẩn khúc của họ mạnh thế nào. Họ chỉ dám làm được một điều nhỏ của người trí thức: Thỉnh thoảng dám lên tiếng chỉ ra những cái vô lý, xu hướng xấu hay những điều không phải trong xã hội. Thực ra, giới trí thức cũng chỉ làm được đến đó là giỏi: Họ lên tiếng chỉ ra những điều bất ổn được nhìn thấy trong xã hội và đề ra vài phương thức để cải biến. Nghe hay không là việc của đám lãnh đạo. Khi ý kiến của họ được nghe thì xã hội bớt khổ, không thì họ kiếm cớ rút lui về ẩn trong thời ngày xưa hay tìm chỗ yên phận ngày nay.

"Mày lại nghĩ ngợi vớ vẩn gì về đám trí thức đấy! Chưa già mà đã hâm rồi! Dẹp hết đi và nghĩ xem hôm nào dậy sớm đi đánh bóng bàn cùng bọn già tao rồi đi ăn thịt chó". Ông Tuấn phũ phàng cắt đứt suy tư của Hùng. Ông đang muốn lôi kéo nó đi đánh bóng bàn cùng ông. Nó hứa nhiều lần nhưng chưa bao giờ đến được vì các cụ không ngủ được nên toàn đi đánh bóng bàn từ bốn giờ rưỡi sáng. Bố ai dậy được giờ đó!

*

Họ ngồi trong quán ăn nhỏ, nhìn chéo ra Hồ Tây. Hạnh hôm nay ăn mặc đẹp và nhẹ nhàng hơn lần gặp trước. Hạnh không đẹp nhưng rất có duyên. Đã thế Hạnh còn có kinh nghiệm biết trang điểm và ăn mặc của một cô gái đã ngoài đầu ba mang vẻ từng trải. Hạnh biết chiều người khác, nhất là chiều Hùng. Cô vẫn còn sự đam mê của một cô gái. Ở tuổi Hạnh, người phụ nữ vẫn còn rất trẻ nhưng kinh nghiệm và biết kiềm chế ham muốn không nói ra của bản thân. Tuy hơn Hùng một tuổi nhưng Hạnh vẫn có nét trẻ, hồn nhiên hơn Hùng. Mặc dù thực tế nhiều khi ngược lại. Họ là gì với nhau, chẳng ai trong hai người hỏi. Họ cùng ngầm hiểu và không bàn đến chuyện đó. Không phải vợ chồng, chưa hẳn tình nhân, bạn thân cũng không đúng. Mà quan trọng gì trong thời kinh tế định hướng hỗn loạn này. Hạnh ở Hải Phòng lên học văn nhưng bây giờ đang làm kế toán. Cô thuê nhà riêng để ở và mong tìm được tấm chồng, có một gia đình êm ấm bình thường như mọi phụ nữ khác. Nhưng bên cạnh đó, đã qua nhiêu mối tình đổ vỡ và cả cuộc sống tự lập lâu ngày nên Hạnh không chịu được cánh đàn ông An Nam "độc đoán và ngu xuẩn" thường gặp. Cô thậm chí đã có lúc tự nhủ, buồn thì buồn chứ cùng lắm không lấy chồng còn hơn phải lấy chồng kiểu vậy. Đáng ra gặp người chồng tương lai thì Hạnh lại gặp Hùng trong lớp học tiếng Anh. Hùng là người "tử tế" và "dáng văn minh" như cô thú nhận. Hai người mến nhau, không ước hẹn và thỏa thuận gì với nhau. Họ gặp nhau một hai lần mỗi tuần và Hùng thường ngủ lại nhà cô. Hùng cũng muốn giữ tiếng cho Hạnh và cũng thành tâm mong cô tìm được người chồng tốt cho bản thân. Vì thế họ chỉ đến với nhau một hai lần mỗi tuần dù nhiều khi Hùng muốn đến nhiều hơn và Hạnh cũng thích vậy. Thế nhưng, càng quan hệ với nhau thì càng khó cho Hạnh. Ngoài nhu cầu chăn gối cô càng thấy khó tiếp cận với những người đàn ông khác nhưng cũng không muốn ràng buộc Hùng. Đành cứ để vậy, đến đâu hay đến đấy. Cứ mỗi sáng sau đêm gặp nhau tỉnh dậy, nhìn Hùng bên cạnh cô lại buồn vô vọng và cảm thấy lo sợ với thời gian.

Ăn tối xong, lòng vòng ôm nhau trên chiếc xe máy qua các phố phường và dừng chân ở một vài quán chè Lipton quen thuộc, họ ngồi phía bên này bờ Hồ Trúc Bạch nhìn sang Hồ Tây và đường Thanh Niên. Họ không muốn qua bên đó dù tấp nập vui vẻ hơn. Tì sát bên nhau, Hạnh kéo tay Hùng quàng qua người và ôm ghì lấy như sợ mất. Lúc nào cô cũng lo vậy. Trời chiều nóng nhưng bên cạnh bờ hồ, nơi người ta vừa làm vỉa hè mới xong, thì gió mát lạnh. Hạnh bảo Hùng: "Thôi kệ nó, chuyện đó đã xảy ra rồi. Nếu khó chịu quá

thì tìm công ty khác và chuyển đi. Có gì Hạnh sẽ giúp." Hùng rất cảm động và biết Hạnh rất thật tâm, nó kiềm chế không phát ra câu nói đùa sẽ phũ phàng: "Hạnh mà giúp Hùng thì làm sao lấy chồng được!" Họ cùng ngồi im lặng, quả bưởi bóc vỏ nằm dưới chân mà không ai đụng đến. Hùng cảm thấy áy náy. Rất nhiều lần nó muốn rứt ra và chấm dứt chuyện này. Nó cảm có gì không phải và như có lỗi. Nhưng nó không cưỡng lại được, hơn nữa nó cũng không coi những chuyện đó thuộc phạm trù đạo đức. Những buổi tối vui vẻ lang thang các quán cà phê nghe nhạc, ngồi nắm tay nhau ở bờ Hồ Tây, sự ấm áp quen thuộc của người Hạnh từ sau xe máy những hôm mưa phùn mùa đông và cả những đường nét mềm mại, nóng hổi và đầy sự ham muốn không kiềm chế sau đó ở nhà Hạnh. Những lúc đó nó sẵn sàng làm tất cả và nó biết Hạnh cũng sẵn sàng làm mọi điều để lặp lại những giây phút đó. Tì ngón tay vuốt nhẹ dọc thân thể phát triển đầy đủ ở tuổi vừa ngoài 30 của Hạnh nó biết Hạnh cho phép nó làm mọi điều với thân thể và cả linh hồn của cô. Hùng biết, càng để lâu càng khó cho Hạnh nhưng nó cũng không dám cắt bỏ, sự ích kỷ của bản thân, sự hèn của nó vẫn chiến thắng. Hạnh thọc bàn tay lạnh ngắt vào áo Hùng và bảo: "Về nhà thôi Hùng, lạnh quá rồi!"

*

Người bải hoải vì sau môt chầu bia ở quán 4L với ông Tuấn. Một buổi tối đầy tình cảm mãnh liệt với Hạnh. Hình như những lúc vui, buồn, lo lắng hay sợ hãi người ta thường có cảm xúc mãnh liệt hơn. Tối hôm đó về Hạnh để cho Hùng cào cấu, cắn từng góc trên người cô đến mức cả hai lăn xuống đất làm Hùng đập đầu đau điếng. Hùng đến trước sân bóng lúc gần 12 giờ vì nó biết anh Đức vẫn giữ

TRẦN NGỌC TUẤN

Hà Nội Năm 2003

Không còn những con đường vắng lặng
Cho chúng ta dạo bước lúc đêm về
Hà Nội năm 2003
Đầy ặp âm thanh
Tiếng xe công an rú còi ầm ĩ

Em đừng hỏi anh sao những bức tranh Phố Phái?
Của Hà Nội xưa đã tẫm tiết hết rồi
Người Hà Nội hôm nay nói ngọng
Ngôn ngữ vỉa hè đuổi Hà Nội đi xa

Hà Nội năm 2003
Em gái buổi đầu có kinh
Lún phún lông cửa mình
Đi làm điếm để lấy tiền nuôi mẹ

Hà Nội hơn nghìn năm tuổi
Đắm mình trong huyền thoại con rùa
Trong cái ao tù Hồ Gươm đầy những rong rêu

Hà Nội năm 2003
U ám trời mây
Nhưng anh vẫn tin em hồi sinh trở lại
Dẫu em có hơn một nghìn năm tuổi
Vẫn gọi Hà Nội bằng em khi anh tỏ tình

2003

thói quen đúng giờ. Trong sân, một đám thanh niên đang tranh nhau quả bóng giữa trời trưa hè nắng gắt. Chúng nó đá bóng ăn tiền. Vừa đá, vừa chửi và khích bác lẫn nhau. Hùng ngồi trên xe, tựa vào gốc cây và nó cảm thấy nôn nao, mệt mỏi. Cái đập vai của anh Đức làm nó giật mình: "Đi ra quán góc đằng kia ăn lẩu đi. Trông mày có vẻ mệt mỏi quá. Hôm qua lại hành em chứ gì?"

Ngồi xuống chiếc bàn gỗ vừa được lau vội, còn ướt nguyên, anh Đức lấy giấy ăn lau lại một vài chỗ và hỏi:

- Còn uống bia được không hay hết sức rồi? Mà quan hệ mày với con bé Hạnh thế nào rồi?

- Có chứ! Chẳng thế nào cả. Nó giống như đảng và nhà nước ấy. Cả hai cùng không tuyên bố gì, dựa vào nhau mà sống, mà ái ân!

- Ái chà, hiện đại ghê. Thế nó không định lấy chồng và mày không định lấy nó à?

- Thôi, anh đừng hỏi vớ vẩn nữa. Chuyện đó em cũng không biết. Hạnh vẫn muốn lấy chồng và em chưa muốn lấy vợ.

- Chuyện đó cũng nên nghĩ. Mày cũng già rồi và con gái cũng chỉ có thì. Mà vợ rồi ai cũng giống nhau hết, đừng hy vọng là sẽ tìm được người khá hơn, tốt hơn, hay hơn. Mày thấy Hạnh nó dở ở điểm gì?

- Chẳng điểm gì cả. Chỉ em chưa có tiền, chưa ổn định nên không muốn lấy thêm gánh nặng cho cả hai bên.

- Vớ vẩn! Kiểu Âu châu quá! Hoặc không lấy, hoặc trước sau cũng phải lấy thì lo cho sớm mà còn làm việc khác.

- Anh lại muốn nhắc đến chuyện "Cứt trâu để lâu hóa bùn của anh chứ gì?"

- Đúng vậy. Ông bố vợ tao nói có sai đâu.

Anh Đức tốt nghiệp đại học loại giỏi, sau làm giáo viên tại trường và yêu một cô học trò rất lâu. Cũng chỉ vì lương giáo viên đại học lúc đó chỉ có tiêu chuẩn 17 cân gạo tháng không đủ cho anh ăn. Anh ăn rất khỏe nên anh không chịu lấy vợ. Sau nhiều năm yêu nhau, bố vợ tương lai thấy không có gì mới bèn mời anh đi uống bia và bảo: "Làm thằng con trai trước sau cũng lấy vợ. Cháu đừng hy vọng gì nhiều vào phụ nữ. Thà làm cho xong đi để thời gian còn làm chuyện khác. Hơn nữa, 'cứt trâu để lâu hóa bùn' đấy!" Sau này kể lại với tôi, anh nói anh rất ngạc nhiên và buồn cười vì những điều bố vợ tương lai nói. Đặc biệt, ông không đề cao con gái mình mà thậm chí còn coi chỉ là "cứt trâu." Sau đó họ lấy nhau, cùng chịu khổ bao năm, có một cậu con trai thông minh. Cách đây mấy năm mới lại có tiếp cậu con trai nữa cách nhau đến 14 năm. Tôi thắc mắc, sao lại có con muộn thế, anh giải thích: "Thằng lớn bị chó cắn. Sợ nhỡ nó bị làm sao nên phải đẻ đứa nữa cho nhà đỡ vắng vẻ."

Đời anh Đức ba trầm bảy nổi cũng lắm chuyện buồn. Buồn nhất với anh là chuyện bố anh khi mất , không cho anh gặp mặt mà lý do chỉ vì... anh không phải là Tiến sĩ. Nguyên do vì bố anh rất coi trọng chuyện học hành. Khi anh được đi nghiên cứu sinh làm tiến sĩ ở Ba Lan, cả họ hàng và đặc biệt bố anh không muốn điều gì hết, chỉ mong anh dốc sức học xong và mang bằng tiến sĩ về nhà. Không may, năm cuối cùng chuẩn bị kết thúc và bảo vệ luận án thì Ba Lan lại lộn xộn chuyện thay đổi, biểu tình và chế độ cũ bị lật đổ nhường chỗ cho chế độ mới. Ngành của anh học lại liên quan đến chính trị. Luận văn cũ không bảo vệ được (nhất là trong lúc đó) còn đề tài mới thì không ai cho tiền để ở lại làm. Lúc đó người dân Ba Lan không còn thương yêu và bao cấp đám sinh viên mấy nước XHCN nghèo anh em nữa. Đã thế, anh còn tham gia thảo luận, họp hành ủng hộ đám sinh viên bồng bột đua đòi cũng muốn và hy vọng sẽ có thay đổi tương tự ở Việt Nam. Anh phải về nước, không bằng Tiến sĩ và cả tiền. Về nước anh chán, cũng chẳng thèm đi học lại bằng tiến sĩ dù anh đã rất thành công sau đó, viết, dịch nhiều sách và giảng dạy rất tốt ở trường. Đồng nghiệp, bạn bè ai cũng tin và công nhận điều đó. Nhưng bố anh vẫn coi anh là kẻ... hèn kém và bảo với gia đình không muốn gặp mặt anh khi ông mất. Nỗi đau lớn nhất của anh. Hiện nay anh đã bảo vệ xong bằng Tiến sĩ ở Việt Nam, nhưng chưa thèm lấy bằng về. Lý do thực tế hơn, anh bảo: "Tao không có bằng Tiến sĩ ghi trên đầu sách nên bọn nó trả ít tiền nhuận bút hơn và hơn thế, không được đứng tên làm chủ đề tài, lấy được tiền các dự án viết sách. Thế nên đành phải đi làm cái việc tốn kém và vô bổ này!"

- Này ăn đi mà lấy sức chứ. Anh gọi thêm hai đĩa mì sào cho chắc dạ nhé! – Anh Đức bảo.

- Vâng! Em cũng cần phải ăn mà sống. Ăn xong anh em mình sang quán cầu thanh uống nước chè đi. Bên này đông đúc, gần đường ngột ngạt quá.

- Ồ, thế không sợ về công ty muộn à?

- Sợ gì. Em đã báo là đi tìm tài liệu ở tận Gia Lâm kia. Đã gọi điện báo trước bọn bên đó nếu ai hỏi hay gọi điện thì bảo em đang ở đó và bận xuống tìm mấy hồ sơ kỹ thuật.

Hai anh em sang quán chè bẩn thỉu dưới cầu

thang ở Khu tập thể đông đúc gần cạnh trường. Khác hẳn không khí ồn ào của quán ăn, quán bia cạnh đường và đối diện với ngõ nhỏ chui vào trường, ở đây thật sự vắng vẻ. Vợ anh Đức và vợ ông Tuấn cấm cả hai người đến đây vì thấy quán bẩn thỉu và sợ uống chè không bảo đảm vệ sinh. Gọi là quán, thực ra chỉ là gầm cầu thang và một cái bàn nhỏ cùng vài cái ghế nhựa và một ấm chè xanh để trong cái giỏ nhét rơm. Tất cả trông bẩn thật. Ông Tuấn đã phải bực mình giải thích với vợ, các con và cả cháu ông: "Mẹ nó, bẩn thì cùng lắm bằng ở mấy quán có vẻ sạch kiểu khuất mặt trông coi là cùng. Bà và bọn mày biết họ nấu, họ pha và làm gì sau bếp không mà đòi phán xét!" Thấy khách quen, ông già mang ra hai cái cốc có vẻ sạch nhất, rót đầy và kéo hai cái ghế nhựa loại rẻ tiền ra để khách ngồi.

Nhấm xong ngụm chè, anh Đức hỏi:

- Dạo này có hay gặp cụ Tuấn không?

- Em vừa gặp hôm qua để giãi bày về sự vụ.

- Ông ấy bảo gì?

- Ông ấy bảo, kệ bố nó! Trước sau cũng xảy ra, chỉ là sớm muộn lúc nào mà thôi. Cụ có vẻ không coi trọng chuyện đó lắm và chỉ muốn lôi kéo em dậy sớm từ bốn giờ sáng để đi đánh bóng bàn với các cụ.

- Trời ơi! Bố ai dậy được lúc đó. – Anh Đức kêu.

- Em cũng bảo thế!

- Còn chuyện kia, anh nghĩ ông ấy nói đúng đấy. Quên đi, rồi cũng chẳng xảy ra cái gì đâu. Khỏi lo. Cái chuyện cần nghĩ là mày nên ngẫm suy về Hạnh và quan hệ với nó. Không rồi lại ân hận, gây uẩn khúc về sau cho cả hai.

Dừng lại, anh bảo thêm sau một hồi nghĩ ngợi:

- Nói cho cùng, trí thức bây giờ làm được gì nào? Tao nghiệm ra rồi, nếu bây giờ mà thả nổi dân chủ kiểu ở châu Âu thì chắc chắn loạn mấy chục sứ quân là ít nhất. Dân trí còn thấp quá, người ta chưa được biết thì khó kiểm soát lắm. Rồi cũng như mấy nước châu Mỹ –la-tinh mà thôi.

Tôi không có ý định tranh cãi với anh, nhất là lúc này. Chỉ mệt mỏi hỏi anh:

- Anh thấy ăn lẩu lúc nãy ngon không? Mì xào được không?

- Ngon chứ. Quán ấy nấu khá lắm.

- Thế bây giờ bảo anh đi ăn lại mấy món phở mậu dịch ngày nào hay gạo mốc mua phiếu ngày xưa anh thích không?

Hiểu ý tôi, anh không trả lời. Với tôi, thật đơn giản người ta phải thử, phải trải qua trước đã thì mới biết nó là gì và hay dở thế nào. Khi chưa có cơ hội nếm thì khó có thể bảo họ thích hay không. Dân chủ cũng chẳng khác gì món ăn ngon hay dở- tùy theo cái lưỡi của mỗi người.

Chúng tôi chia tay nhau. Anh Đức bảo: "Có gì hay bất kỳ lúc nào cần gì cứ gọi điện nhé. Anh rất bận nhưng sẽ luôn tìm được thời gian cho em."

*

Hai tuần sau công ty phát tiền thưởng cho quý đó. Tôi vẫn được nhận như thường lệ, họ không cắt tiền thưởng của tôi. Trước đó tôi được biết, ban giám đốc công ty đã tìm ra cách giải quyết việc tôi không ký vào bản xác nhận các tiêu chuẩn kỹ thuật của hệ thống kiểm tra chất lượng nọ. Họ thuê một công ty giám định "khách quan" khác bên ngoài làm việc đó. Một người trong số họ cho tôi biết, ông phó Tổng giám đốc chửi tôi trong một cuộc họp: "Chỉ tại thằng Hùng điên ấy mà công ty mất thêm mấy chục triệu để lấy chữ ký của công giám định." Công ty vẫn mua hệ thống điều khiển đó với giá như cũ nhưng sẽ bị lỗ (nhất là một số người sẽ bị mất một ít tiền kiếm chác được vụ này) mấy chục triệu. Tiền công ty vay ngân hàng nhà nước mà, chỉ dại mới không mua. Ngân hàng nhà nước lại vay tiền dự án của nước ngoài, nhà nước nợ lo gì!

Chuyện làm Hùng buồn phiền hơn là không thấy Hạnh đâu. Suốt hai tuần nó chưa gặp Hạnh. Gọi điện đến nơi làm cô cùng phòng bảo đi công tác ở ngoài Hà Nội. Gọi về nhà Hạnh thuê chẳng thấy ai nhấc máy. Mãi sau khi lĩnh tiền thưởng xong, Hùng đành phải phóng xe xuyên qua mọi phố phường đông nghịt và bát nháo phía tận bên đầu kia thành phố, đến tận nơi Hạnh làm mới được biết: Cô đã xin chuyển hẳn vào Đã Nẵng làm việc cho chi nhánh của công ty ở đó. Nhà cô thuê ở đã trả lại, chủ nhà chưa tìm được người thuê mới nên không ai nhấc điện thoại. Hùng buồn chán, mệt mỏi và cả thấy nhớ. Chẳng hiểu nó nhớ gì, Hạnh, những phút giây cùng Hạnh hay những đường nét mềm mại của thân hình phụ nữ ở lứa tuổi phát triển đầy đủ (như một anh bạn nhiếp ảnh chụp hình khỏa thân nghệ thuật nói) của Hạnh. Nghĩ mãi, Hùng càng nghĩ càng mệt và vô vọng không lối thoát. Nó chẳng biết phải làm gì. Dễ khoản tiền thưởng vừa nhận lại đi bay cho chuyến vào Đã Nẵng mất. Thôi, lại gọi điện cho anh Đức và ra quán bia 4L vậy. Dù sao đám "sĩ phu" mới của Hà Nội cũng dễ thông cảm với nhau hơn.

NHÌN LẠI QUÊ HƯƠNG

BÙI BÍCH HÀ

Rời Huế, chúng tôi đi Hà Nội bằng máy bay Hàng Không Việt Nam. Phi cơ đáp xuống phi trường Nội Bài dưới một bầu trời mây thấp và cơn mưa nhẹ. Khác với Tân Sơn Nhất và Phú Bài, sân bay Nội Bài ngăn nắp, tươm tất, do được bảo trì liên tục. Đường từ sân bay về thành phố dài khoảng 30 cây số, khá tốt vì là xa lộ tân tạo. Hai bên đường, ruộng lúa xanh ngăn ngắt, những con cò trắng lốp, cẳng dài, cất lên nền trời chiều những đường nét đẹp sắc sảo như tranh thủy mặc. Nếu Sài Gòn ngày càng có thêm nhiều xi măng, gạch ngói và bụi bặm, nếu Huế bợt bạt, tàn tạ như một tấm áo sờn rách, Hà Nội còn giữ được cho nó cái thơ mộng trong trời đất, cái nền nếp của giấy rách giữ lấy lề, cái phong vị của hương cốm lá sen thời Tự Lực Văn Đoàn. Lúc xe vào đến thành phố, tháp rùa mờ trong màn sương, mặt hồ Gươm phẳng lặng và bóng loáng như cẩm thạch. Hà Nội mà tôi chỉ biết, chỉ nghe nói tới qua sách vở thời mới lớn, đã ngỡ mãi mãi là thế, nay đang dàn trải trước mắt và dưới bước chân tôi, như một cơ duyên kỳ lạ. Có chút gì lay động khẽ trong lòng tôi, bồn chồn, rạo rực, qua những con đường "đi dăm phút đã về chốn cũ," rì rào những tiếng thầm của một thời chưa đành lòng mồ yên mả đẹp. Bên cạnh khách sạn Daewoo cao ngất ngưởng, là tiêu chuẩn của nền văn minh vật chất hiện đại du nhập vào Hà Nội thời mở cửa, bên cạnh các khu nhà mới ở ven đô của hàng ngũ cán bộ số đỏ hoặc của thành phần ăn theo họ, bên cạnh mấy cửa ô đã bị lấn chiếm và san bằng, bên cạnh những cửa hàng ăn đèn đuốc sáng choang dành để chiêu đãi ngoại kiều và người có khả năng chi tiêu như ngoại kiều, trái tim Hà Nội còn sót lại hiếm hoi những nhịp đập yên ả dưới cái mái nhà thấp và tối, một cụ ông áo dài tề chỉnh, một cụ bà tóc vấn khăn tươm tất, ngồi cạnh cái bàn nhỏ bán nước vối, kẹo lạc và chuối cho người qua đường. Những hàng phố chật, nhà cửa xiêu vẹo nép vào nhau trông ra những hè đường lầy lội dưới cơn mưa, tưởng chừng như trong một bức tranh cổ. Thời mở cửa nên nhà nào cũng mở cửa, cố bày bán bất cứ thứ gì họ có để kiếm tiền. Thành phố này từng in dấu chân của cha mẹ tôi. Những cái địa chỉ chỉ đọc thấy trên phong bì vẫn còn ghi đậm nét trong ký ức tôi nhưng

"những người muôn năm cũ,
hồn ở đâu bây giờ?"

Mẹ tôi quê Bắc Ninh, lấy chồng Hà Nội. Từ khi theo chồng, mẹ tôi không bao giờ có cơ hội trở về nguyên quán nữa, cho đến lúc chết. Trong trí tôi, Hà Nội-Bắc Ninh hẳn nghìn trùng xa cách nên mẹ tôi không có đường về. Hóa ra Bắc Ninh sát nách Hà Nội, chỉ cần cầu Chương Dương đang sửa, xe ô tô lớn từ ngoại thành về phải chạy vòng qua Bắc Ninh để vào Hà Nội là tôi được đi qua quê ngoại. Nhìn những ô ruộng sũng nước, tôi tự hỏi nơi nào mẹ tôi đã sáng chiều xắn quần cấy mạ? Nhìn những mái nhà xa khuất dưới vòm cây, tôi tự hỏi nơi nào mẹ đã sống, đã lớn lên, có hay không có một ước mơ buồn vui thời con gái?

Trong cái nghèo đói chung của cả nước, Hà Nội có một phong cách riêng. Đường từ ngoại thành vào các phố trung tâm, lác đác có những cô hàng hoa thồ hoa trên xe đạp. Dưới thời tiết giống như Đà Lạt, hoa ở Hà Nội có mầu sắc tươi thắm hơn, những bông hoa đủ loại nở mơn mởn, mượt mà, nây nả, bắt mắt người qua đường vì vẻ đẹp mời gọi rực rỡ của chúng.

Nếu Sài Gòn thời kinh tế thị trường giống như một nồi nghêu hấp, sôi sục, lăn lóc, hỗn độn những anh chị nghêu há mồm; nếu giòng sông Hương linh hồn của Huế, giờ đây như một tấm gương ố thủy, Hồ Gươm Hà Nội vẫn còn thướt tha dáng liễu, mơ màng nét sương. Mặt hồ êm, không gợn mảy may cái lao xao ven bờ, phảng phất nỗi u hoài của án thư tịch lặng, của "mực đọng trong nghiên sầu." Ban đêm, Tháp Rùa được thắp sáng từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, lóng lánh như một viên kim cương khổng lồ đặt trên nền nhung đen thẫm, là sự xác quyết bất ngờ, kỳ lạ, giữa một Hà Nội lam lũ, cơ cực, về một điều gì tựa như niềm phấn khích, nâng dắt người dân Hà Thành đi qua thời mạt sử.

Ra khỏi vùng sáng của Tháp Rùa, ra khỏi vài khu phố sang trọng nhờ vào những ngôi biệt thự do người Pháp để lại, kiến trúc mỹ thuật, được bảo quản kỹ, Hà Nội trải mình trên những con phố lao xao chuyện buôn bán vặt. Tiệm ăn quốc

doanh với các cô hầu bàn trẻ mặc áo tứ thân lòe loẹt bên cạnh con ngõ tối tăm, mấp mô, khuất khúc, xì xụp khách ăn phở đêm. Ông chủ xe phở mặc bộ com-lê màu xám, chắp tay sau lưng, nhìn trời nói đổng *"Cứ nhao lên với Chùa Hương, giời này là khốn nạn."* Trên cái bàn gỗ dài đen xỉn, ngoài ống đũa, còn một cái bát đầy ắp bột ngọt trộn với muối hẩm. Một bà cụ già đặt quang gánh xuống, gọi tô phở bánh và nước, ăn nhoáng cái là đứng dậy đi liền. Hình như tất cả những nền văn minh rực rỡ nhất của nhân loại trên địa cầu này không mảy may tác động đến cuộc sống của bà cụ, kể từ miếng thịt bò treo lủng lẳng ở cái xe phở mà bà cụ vừa ghé lại ăn một bát phở không. Cuối phố Cầu Gỗ, vài cái khách sạn bỏ túi đèn sáng choang như rạp hát, nhộn nhịp người qua lại. Bà hàng miến gà ngồi đằng sau cái mâm xếp những con gà luộc cao có ngọn, xung quanh bà la liệt dụng cụ lỉnh kỉnh phục vụ cho cái quán lề đường của bà. Những đứa bé trai và gái bưng thức ăn cho khách vẫn là những đứa bé đã được mô tả trong tiểu thuyết của Nam Cao hay Trương Tửu cách đây năm sáu thập niên, còm cõi, nhọc nhằn, cơ cực, chỉ biết cúi đầu vâng dạ và sống quen với lo âu, sợ hãi.

Ngày thứ ba ở Hà Nội, chúng tôi mua vé đi thăm Vịnh Hạ Long. Nơi tổ chức chuyến du ngoạn là một căn phố chật, trông ra cái chợ xép họp ngay trên vỉa hè. Sáng sớm khi chúng tôi đến địa điểm theo hẹn, chỉ có bà chủ nhà cao lêu đêu đi vào đi ra, chẳng thấy làm gì. Vài cái bàn có vẻ như để bán hàng ăn nhưng nay chắc đã thuộc về quá khứ, chỏng chơ mấy cái ly úp trên một cái đĩa. Khách lục tục kéo đến, gian nhà đầy người, càng chật thêm vì hai dãy bàn kê sát vách, trên đặt máy vi tính cho thuê theo giờ, những bộ máy nhìn thấy cả sự ẩm ướt rịn ra trên dàn phím quá tải lượng tay người sử dụng. Gần một tiếng đồng hồ chờ đợi trôi qua mới thấy một cô dáng còm cõi, mặt xanh lè, đi xe gắn máy đến. Mọi người nhao lên hỏi. Cô trả lời bằng cái giọng Bắc bỏ dấu cao thấp, lên xuống, uốn lượn, chua như cơm thiu: quí vị yên trí ạ. Xe sắp tới rồi đấy ạ. Cái "sắp tới" của cô làm mất thêm nửa tiếng nữa với điện thoại cầm tay trước khi, ngay giữa lòng đường mặt tiền tiệm, chiếc xe ca to bằng với một căn phố, mang nhãn hiệu Hyndai, gầm gừ, lừng lững đậu lại chờ. Nhìn quanh quẩn hành khách ngồi sẵn trên xe toàn người ngoại quốc, hành khách lục tục lên xe toàn Việt kiều. Nhớ lại mẩu giấy nét chữ thật đẹp, do cô tiếp viên khách sạn chuyển lên phòng đêm trước, nội dung thật lễ độ, cho biết vì có quá nhiều người tham dự chuyến đi nên xe ca không đón được theo hợp đồng lúc đầu, xin "Cô Chú" vui lòng đến trụ sở. Đón hay không đón cũng không sao, chỉ ngộ nghĩnh ở chỗ sự dối trá của lớp trẻ ở đây được quan tâm thực hiện với nghệ thuật làm đẹp mắt để che đậy thực tế Việt kiều chỉ là công dân hạng nhì ngay trên đất nước mình.

Xe ca khởi hành trong cơn mưa bụi của Hà Nội đang mùa xuân, đi qua những đường phố thức khuya dậy sớm, nôn nao chút hy vọng đầu ngày, đi qua hồ Gươm mờ sương, băng ra ngoại thành, chẳng mấy chốc đã thấy thị xã Hải Dương, quê hương của bánh đậu xanh và bánh khảo, trải mình hai bên vệ đường với những tấm bảng hiệu chiếm hết bề ngang căn tiệm. Đó đây, lác đác những ngôi nhà lầu mới cất, sự hiện diện của chúng cũng hoang đường và vô lý như lịch sử cuộc đời những người kiến tạo chúng. Đó đây, sừng sững những xác nhà cũ vỡ toang, cháy nám, như những thân người cụt đầu "đứng giữa trời đổ nát," đòi hỏi một lời giải thích lương thiện cho cuộc chiến vừa tàn.

Đường sá từ Hà Nội đi Hạ Long khá tốt, ngoại trừ đoạn cuối khoảng mươi cây số còn gập ghềnh. Những địa danh như Uông Bí, Cẩm Phả, nhắc nhở trong tôi biết bao công trình khai phá tài nguyên thiên nhiên của phụ thân mà tôi từng được nghe nói tới suốt một thời thơ ấu. Có chút gì bồi hồi, đau xót trong đáy lòng tôi, dài theo vết bánh xe lăn khập khễnh trên đường. Tôi ý thức sự khác biệt giữa mình và đám đông du khách ngoại quốc cùng đi chuyến xe. Họ đang vãn cảnh, có thể đang so sánh những gì họ đang nhìn ngắm với một vài xứ sở khác từng du lịch qua, không giống tôi, trái tim thổn thức, tâm hồn khắc khoải, mơ hồ cố hít thở mùi đất đá dưới cơn mưa, đâu đó vẫn còn lưu giữ mồ hôi và hơi thở của cha tôi ngược xuôi cũng trên đoạn đường này một thời nào. Trong hư vô tịch lặng, rì rào tiếng lăn trầm của chuyến xe một ngày, một đời, gọi dậy cả ngàn năm đã qua, liệu ngàn năm sau, có còn ai lắng được những âm xưa?

Bỏ lại sau lưng bãi đậu xe khá rộng và rộn rịp, gian nhà gọi là trạm dịch vụ, nhếch nhác nhiều lượt người qua lại vào mùa mưa, ồn ào tiếng gọi, tiếng cười nói của khách vãng lai và công an làm việc, chúng tôi được hướng dẫn bước xuống chiếc thuyền máy sơn phết hào nhoáng, có cả rèm mỏng che cửa sổ, để ra vịnh. Tùy kích thước của thuyền và tùy thuộc con nước cao thấp, có khi khách phải "quá cảnh" một hoặc hai, ba thuyền khác đậu

được sát bờ để qua tới thuyền của mình. Một người đàn ông da trắng, hói tóc, không biết tại sao, có một vết thương khá sâu ngay giữa vùng da láng bóng trên đỉnh đầu, đang chảy máu. Ông ta có bà vợ theo sau, bươn bả leo trèo qua các thuyền kế cận để vào bờ, không một ai khác cùng lo vết thương cho ông. Hai người khách trong đoàn của tôi, tới từ Úc Châu, nói rằng chuyến đi thật thú vị nhưng thiếu an toàn. Tai nạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào, thông thường nhất là té ngã. Té rồi, đứng dậy đi tiếp được hay không là chuyện của nạn nhân, người hướng dẫn đoàn không có cả một miếng băng dán chỗ bị sây sát hay trầy trụa, cũng không có thuốc sát trùng.

Đi viếng thăm Hạ Long để thấy một kỳ công của Tạo Hóa. Giữa vùng trời nước mông mênh, các hòn đảo ngâm mình trong vịnh, sừng sững, được cư dân ở đây đặt cho những cái tên gọi dựa vào hình thù các khối đá, nhỏ thì gọi là hòn, hòn Con chó gác biển, hòn Ngòi bút, hòn Trái đào, hòn Con cóc; lớn thì gọi là núi như núi Yên ngựa; hòn hay núi rỗng ruột thì gọi là hang như hang Con bướm, hang Sửng sốt. Trong hang có thạch nhũ. Nghe nói hệ thống đèn màu trong các hang là do Hàn Quốc mới viện trợ (chắc để tạ ơn chuyện các sản phẩm của Huyndai và Daewoo tràn ngập đường sá và tư gia ở cả ba miền của nước Việt Nam ngày nay). Mặt ngoài, cây xanh mọc bám vào đá, có chỗ buông lơi như mái tóc cô thiếu nữ, có chỗ đều đặn như bức thêu, có chỗ lác đác như một thứ trang sức đầy mỹ thuật và duyên dáng, ở đâu thì sự xuất hiện bất ngờ của cây lá xanh trên màu đá tối cũng là hiện thân của niềm hy vọng ngay trong cảnh khốn cùng, của sự sống như một phép lạ vượt khỏi tầm hiểu biết hay khả năng lý giải của con người. Từ trên cao nhìn xuống, toàn cảnh vịnh Hạ Long trông giống một cái hồ nước với những ngọn giả sơn khổng lồ. Máy cánh buồm nâu đỏ trên những con thuyền gỗ là mấy chú cá vàng rong chơi lượn lờ giữa các khe núi. Thanh bình trên trời, mây nước, cỏ cây và trong lòng người.

Hạ Long có một số cư dân sống ngay trong lòng vịnh, làm nghề đánh cá từ đời này qua đời khác, không hề bận tâm đến những phần địa cầu ngoài tô giới của họ mặc dầu, hàng ngày, nơi họ ở luôn luôn tiếp nhận biết bao sứ giả mang đến đây những tín hiệu tốt đẹp từ những nền văn minh đầy sức thuyết phục của nhân loại. Họ sống quần cư thành từng xóm nhỏ hay riêng biệt. Có khi chiếc thuyền gỗ thô sơ được cải biến thành cái mảng, bên trên lợp mái, có sân để chum nước và trồng cây, có chó, có gà cùng sinh hoạt với người và trẻ con. Cái xã hội khép kín này sống yên ả, hạnh phúc với đời chài lưới. Họ có một nền văn hóa và luân lý riêng, đóng góp cho thắng cảnh này vẻ đẹp hoang dã và phóng khoáng của những con người lựa chọn ở lại với thiên nhiên tự do.

Trên mặt đất liền cách họ không bao xa, cheo leo ở một đầu dốc cao, một dúm thợ ướt át trong những manh áo mưa ngắn đến gối, đang lao động cật lực để phục vụ một công trình xây cất khách sạn của tư nhân. Những anh chị phu hồ vẫn làm việc bằng những cung cách từ nửa thế kỷ trước. Họ chuyền tay nhau mọi thứ vật liệu. Cát, đá và sạn đựng trong những cái rổ, đà gỗ vác trên vai. Một ngày dầm mưa hay đổ mồ hôi như thế của

HOÀNG HUY KHÁNH

Một Hơi Thở Nhẹ Lên Trời Lá Bay

Nhớ mẹ nhớ lá vàng sân
Những chiều thu ấy mỗi lần gió qua
Mẹ trong khung cửa nhìn ra
Mắt buồn rơi với dăm ba lá sầu
Thương làm sao! nhớ về đâu!
Dư âm kỷ niệm sắc màu thời gian
Nhớ mẹ nhớ những đêm trăng
Trăng rơi mái ngói trăng len qua thềm
Trăng soi ngày tháng êm đềm
Có cha bên mẹ có niềm vui tôi
Ôi! Những mùa trăng xa xôi
Bao giờ thấy lại một trời trăng xưa
Nhớ mẹ, nhớ phố Hội mưa
Mưa qua dĩ vãng mưa đưa nhớ về
Mưa xưa khúc hát vô đề
Như hình bóng mẹ bốn bề mưa vây
Ngày mẹ như lá lìa cây
Như cơn gió thoảng như mây ngang trời
Thiêng liêng người lúc xa người
Một hơi thở nhẹ lên trời lá bay.

một người phu hồ trị giá một đô la và một bữa ăn trưa thanh đạm. Hơn một phần tư thế kỷ thực hiện "chủ nghĩa xã hội ưu việt" trong nước, hơn một phần tư thế kỷ kêu gào tự do và nhân quyền của khối người Việt lưu vong hải ngoại, chẳng có chút ánh sáng nào rọi vào những góc đời phiền muộn tối tăm này.

Đêm cuối cùng ở Hà Nội, nằm trong phòng khách sạn lắng nghe cơn mưa thả những giọt nước mơ hồ, buồn bã quanh nhà, tôi ý thức sự tạm bợ của đời người qua cuộc hành trình nhân gian, những bến bờ dừng chân ngắn ngủi không thể nán lại, những nơi chốn có mặt chẳng đặng đừng, đầy ray rứt và ăn năn.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi làm thủ tục trả phòng khách sạn ở quầy lễ tân. Cô tiếp viên, trong bộ đồng phục cốt cách, cầm tờ giấy 100 đô la tôi vừa đưa ra, săm soi nhìn một lúc rồi ngẩng lên nói "tôi rất tiếc không nhận được tờ giấy bạc này." Sửng sốt, kinh ngạc, tôi hỏi lại cô "cô cho biết tại sao, được không?" Câu trả lời tiếp theo của cô càng làm tôi kinh ngạc hơn "Ông X.Y.Z nói từ hôm qua là những giấy bạc in từ năm 1965 về trước không còn lưu hành nữa, bị bỏ rồi." Liếc nhìn tấm bảng nhỏ đặt ngay trên quầy, có mấy chữ "đại diện ngân hàng thu đổi ngoại tệ," tôi kiên nhẫn tiếp tục cuộc đối thoại "tôi không biết ông ZYZ của cô là ai và nguồn tin quái gở kia từ đâu mà có, tuy nhiên ở đây có đại diện ngân hàng, cô cần phối kiểm lại hoặc để tôi làm cho cô." Đến đây, một người nào đó chen vào, chắc là cấp trên của cô, xin lỗi chúng tôi về sự ngộ nhận của nhân viên vừa rồi và giải quyết mau lẹ những chuyện còn lại trước khi ân cần chào từ giã. Tôi cười thầm, nghĩ tới cái huyền thoại đồn thổi rằng toàn bộ cán bộ phục vụ tại các khách sạn công tư doanh đều là chuyên viên được huấn luyện điệp vụ kỹ lưỡng. Ở ngưỡng cửa thế kỷ 21, cô tiếp viên trong câu chuyện dớ dẩn vừa kể không có cả sự hiểu biết căn bản về luật tiền tệ ở các quốc gia dân chủ, ổn định và trọng pháp, như Hoa Kỳ. Cô thiếu những thông tin nghiêm chỉnh và chính xác để học hỏi, để làm việc. Mặt kia, cô quen với những suy nghĩ trong một đất nước mà một khẩu lệnh ban ra có thể làm cho những thứ hôm qua còn giá trị, hôm nay vụt trở thành vô dụng. Tôi cũng biết không riêng một mình cô mà rất đông bạn trẻ lứa tuổi cô cũng có sự hạn chế về kiến thức phổ thông như cô, nó làm ngăn trở tầm nhìn, khả năng hội nhập vào tri thức thời đại vốn là nguồn khởi động, là lực thúc đẩy nhiều cao trào tư duy đưa đến cải thiện xã hội. Một chính thể không ủng hộ, không đặt nặng vấn đề mở rộng chân trời hiểu biết của người dân sống dưới chính thể ấy, không cho phép việc tìm kiếm và xây dựng những trào lưu tư tưởng ra ngoài khuôn khổ được coi là mẫu mực muôn đời đúng, đó là một chính thể độc hại, đồi trụy, sa đọa.

Trên đường bay trở lại Hoa Kỳ, lòng tôi đớn đau, vụn vỡ. Khu vườn tuổi thơ của tôi ngày xưa xanh như ngọc, mượt như nhung, rộn rã tiếng chim, thánh thót cơn mưa, ngào ngạt hương cau, hương bưởi và hương dạ lan, nay trở thành một khu xóm tối tăm, tiêu điều, rác rưởi. Những đứa trẻ tiếp tục chào đời, chui rúc trong cái xó xỉnh không một chút ánh sáng, may mắn còn sót lại từ ngôi nhà đổ nát của cha tôi. Người thanh niên làm chủ cái ổ chuột ấy, ở tuổi 25, làm nghề đạp xích lô ban đêm, ban ngày nhậu say bí tỉ và ngủ. Người phụ nữ cùng chia mọi thứ với anh ta ở cái ổ chuột ấy, nhếch nhác hai đứa con thơ, có đồng nào lại sà vào chiếu bạc giải khuây. Một cái lều mỗi bề chừng thước rưỡi, dựng bằng đủ thứ vật liệu tạp nhạp, thay vào chỗ cái chuồng bồ câu soi bóng xuống hồ nước ở mặt tiền ngôi nhà cũ của chúng tôi, được dùng như cửa tiệm làm tóc để săn sóc dung nhan cho kiều nữ quanh vùng. Một bà mẹ, trong câu chuyện với tôi, thản nhiên nói "Nhờ có hai đứa con gái làm ở quán bia ôm và nhạc disco chớ lấy chi mà sống?" Đã đói nghèo, cơ cực cỡ nào để trái tim bà mẹ chai lì, bình yên chấp nhận miếng ăn miếng uống hàng ngày nuốt vào là sự rứt rỉa sầu đau, tanh tưởi thịt da con cái mình? Nghĩ cho cùng, cảnh thương tâm đất nước nào chẳng có, huống chi Việt Nam của tôi như một con bệnh lạc hậu đang cố chạy chữa bằng phương tiện ít ỏi có sẵn trong tầm tay, những vết thương trí mạng từ nhiều cuộc chiến đã tàn phá khốc liệt hình hài, thân thể nó: súng đạn, tham vọng và dốt nát.

Người ta chỉ cần một hay hai thập niên để vực dậy một nền kinh tế sa sút nhưng để xây dựng lại niềm tin cho cả một dân tộc, cụ thể như dân tộc tôi, nay chỉ còn mong cầu phép lạ gieo xuống thửa đất hoang hóa này những hạt giống mới để bắt đầu lại.

Vẫn còn nóng hổi trong tôi Sài Gòn náo nhiệt, rỗng không, vẫn còn ray rứt trong tôi Huế cạn kiệt, cam chịu, vẫn còn bồi hồi trong tôi Hà Nội tự hào và cay đắng nhưng tôi biết rõ chuyến đi vừa qua là vĩnh biệt một quê hương không bao giờ còn tìm thấy lại.

3-2001

HÀ NỘI MÙA THU

TÔN NỮ THU NGA

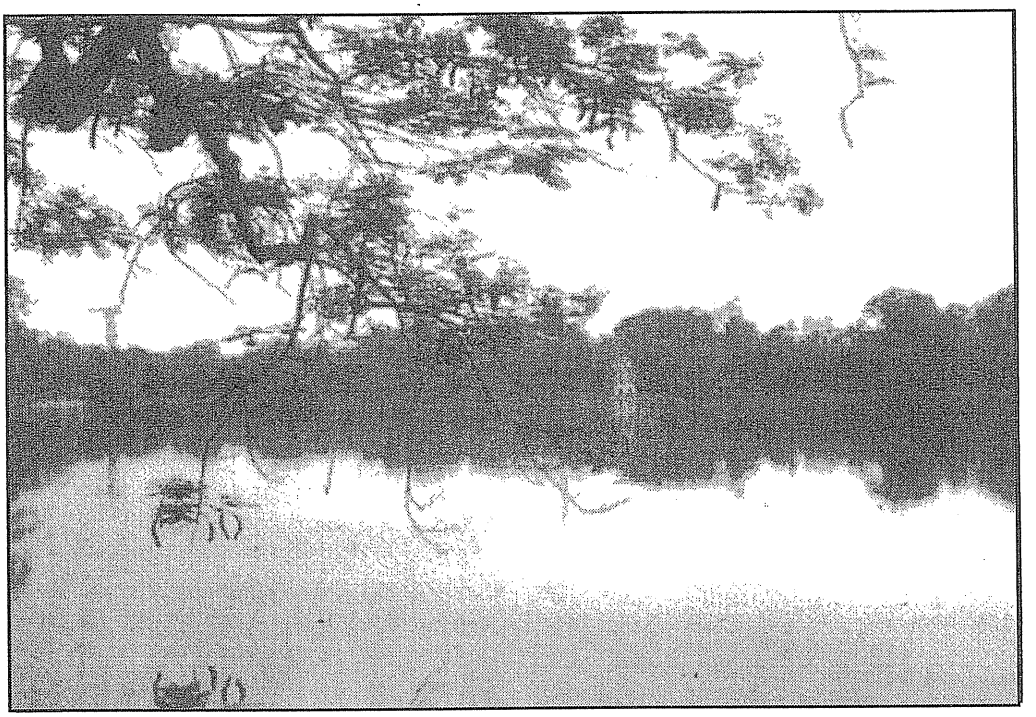

Ảnh của tác giả.

"Có phải em là mùa thu Hà Nội. Nghìn năm sau ta níu bóng quay về...".(1)

Nghìn năm thì lâu quá, vì thế năm nay chán cảnh lá vàng miền Đông Bắc Hoa Kỳ, tôi và Tuấn tự dưng muốn tận hưởng mùa thu Hà Nội, nên chúng tôi lại trở về đây. Các hình ảnh cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ, hồ Tây tím mơ và gió heo may lạnh bỗng dưng quyến rũ hồn lãng tử. Tôi nhớ người nữ nhạc sĩ dương cầm đêm đêm thả những tiếng tơ ngọt ngào trong khách sạn Galaxy và nhớ căn phòng với cửa sổ nhìn ra công viên nhỏ. Lá vàng có rơi đầy lối không? Cây bàng tựa bên cửa có mang đầy lá đỏ không và những đóa hoa cúc vàng có còn tươi thắm trên tay cô bán hoa góc phố Hàng Giấy? Hà Nội kiêu sa như người thiếu nữ khuê các vẫn đứng lặng lẽ mong chờ.

Dường như chúng tôi về Hà Nội không đúng lúc, vào tháng mười rồi mà mùa hạ còn nấn ná quẩn quanh. Cây trên đường lá vẫn xanh um, cơn mưa giông ào ạt lau sạch những chiếc lá. Ngồi thẫn thờ sau khung cửa sổ, tôi nhìn dòng nước mưa chảy xối xả từ máng xối căn nhà bên cạnh, tiếng mưa rào rạt trên những tàng lá chuối lảo đảo, chơi vơi trong gió, chen lẫn với tiếng người đối thoại, tiếng trẻ con kêu khóc... Cơn mưa thật lớn, sấm chớp đì đùng, trời âm u xám xịt thê lương thế ấy, nhưng chỉ khoảng một giờ sau thì trời quang mây tạnh, những tia nắng vàng rực rỡ lại tràn ngập phố phường. Hoàng đến khách sạn, đưa chúng tôi đi thăm Văn Miếu và chùa Trấn Quốc. Đến hồ Hoàn Kiếm, chúng tôi rủ nhau đi bộ quanh bờ hồ, leo lên cà phê sân thượng uống nước để đón hoàng hôn. Ngồi trên cao, tôi dõi mắt nhìn cầu Thê Húc đỏ bắc qua đền Ngọc Sơn, trước mặt là tiệm kem bờ hồ, và những dãy phố cổ còn lại từ thời Pháp thuộc. Mặt trời chiều như cái dĩa vàng từ từ lặn sau dãy nhà rêu xám, thay thế vào đó là những ánh sáng đèn của phố phường Hà Nội. Dưới đường, xe cộ nườm nượp, trẻ con chạy

tung tăng theo bố mẹ, vòi vĩnh mua bong bóng hoặc các chong chóng màu xanh đỏ quay vù vù. Nhiệt độ còn nóng hực dù trời đã hoàng hôn, ngồi hóng gió mà mồ hôi vẫn lấm tấm trên trán. Vì thế dù yêu thích Hà Nội với *phố cổ nhà xưa, mái ngói thâm nâu, quán cóc liêu xiêu*...(2) Tâm tư tôi vẫn còn hướng về với khí hậu mát mẻ tuyệt vời của Sapa sương khói.

Sáng hôm sau, ngồi đọc sách bên khung cửa sổ, nhìn xuống đường phố. Người và xe nhộn nhịp như các con kiến dưới hàng lá cây xanh. Phố cổ Hà Nội êm đềm hơn phố Sài Gòn và không nhiều bụi bặm, có lẽ nhờ thành phố nhiều cây. Tuấn mê tiếng hát Hồng Nhung, muốn tìm đường Cổ Ngư để đi bộ, có lẽ anh muốn sống lại thời trẻ tuổi, muốn chầm chậm theo chân các thiếu nữ Hà Thành(3), tiếc thay không tìm ra được đường Cổ Ngư trong cái bản đồ bé nhỏ của tôi.

Buổi chiều có hẹn với Sao Khuê và Long, hai người đến đón chúng tôi trên hai chiếc xe gắn máy. Sao Khuê có giọng nói nhẹ như tiếng gió. Tôi sung sướng trèo lên xe cô, vòng tay ôm cái eo nhỏ xíu. Bên kia, Tuấn cũng chễm chệ ngồi sau lưng Long, người con trai Hà Nội mặt trắng thư sinh. Chúng tôi giống như hai cụ ễnh ương được hai con nhái cõng đi chơi vãn cảnh Hà Thành. Ngồi trên xe gắn máy gió thổi mát rượi, chúng tôi đi vòng vo các con đường xanh lá cửa Hà Nội. Sao Khuê cho biết: đường Cổ Ngư bây giờ đổi lại thành đường "Thanh Niên", và là một trong những con đường các thanh niên thiếu nữ Hà Thành thích du dương bằng xe gắn máy. Đường cây cối nhiều, khá rộng và sạch. Có khi thấy cả gia đình chồng chất lên một chiếc xe gắn máy chạy hóng mát. Người đi bộ rất ít, phần nhiều là các kẻ buôn hàng rong. Sao Khuê hỏi tôi:

- Chị có thích hoa lan không? em mua cho chị nhé!

Cô chỉ cho tôi thấy các hàng hoa bên lề đường, các cô bán hoa ngồi cắm những đóa ngọc lan lại với nhau trên những cành khô . Không muốn bận bịu lúc đi chơi và sợ tốn tiền của cô nên tôi từ chối. Xe chạy vòng quanh hồ Trúc Bạch, mặt hồ tối đen, hàng cây ven hồ rủ lá thơ mộng. Con đường nhỏ hẹp, buổi tối ít xe nên không khí trong sạch hơn ban ngày. Các tiệm ăn, tiệm cà phê giăng đèn màu xanh đỏ vàng quyến rũ.

Chúng tôi chạy lên đê Yên Phụ hóng mát, đường đê rộng rãi nên các cô cậu Hà Thành tha hồ lượn xe gắn máy. Tôi nhớ lại những ngày xưa còn trẻ, cùng bạn bè chạy xe hóng mát trên đường Duy Tân, Nha Trang hay xa lộ Biên Hòa. Ba mươi năm sau, lại cũng ngồi xe gắn máy với các bạn trẻ để quẩn quanh trên con đường Hà Nội. Một điều không thể nào tưởng tượng được trong những năm chinh chiến cũ.

Chúng tôi rủ nhau đi ăn tối, cơm lam chấm muối mè, thịt nai xào lăn và thịt heo rừng nướng. Hai cô cậu thanh niên Hà Nội ăn như hai con mèo, hai Việt Kiều ăn như hai con cọp. Thấy thức ăn ngon và rẻ, tôi cứ thúc giục hai người bạn nhỏ kêu thêm các món ăn. Thấy họ nhỏ thó gầy còm tôi thương xót lắm vì cứ nghĩ tới hai đứa con của mình bên Mỹ. Con tôi tự do bay nhảy, học hành, vô tư, không thiếu thốn bất cứ điều gì từ tinh thần đến vật chất, so sánh với hai người bạn nhỏ này...

Long đi làm trong một cô nhi viện, Sao Khuê lưu lạc khắp miền, làm đủ thứ nghề để kiếm sống. Tuy vậy, chắc gì họ đã thiếu thốn vật chất và tinh thần, chắc gì họ biết so sánh vì họ không có gì để so sánh cả. Họ tiếp đãi chúng tôi với một tâm hồn trẻ, thật hiền hậu và tự nhiên. Phải chăng vì tôi đã đi nhiều và sống nhiều nên trong tâm tư mang nhiều niềm khắc khoải?

Ăn tối xong, tôi ngỏ ý muốn ra hồ Gươm để chụp ảnh Tháp Rùa ban đêm. Anh Tuấn thì đòi dẫn hai người bạn nhỏ đi phòng trà ca nhạc. Tôi hơi buồn nhưng ráng làm vui vì muốn cho hai người bạn nhỏ này một chiều hoàn toàn vui vẻ. Chạy tới phòng trà, thấy tối om, nhằm hôm nay phòng trà đóng cửa. Tôi mừng quá, quả thật "*ở hiền gặp lành.*" Không còn ai phản đối chuyện chụp ảnh đêm của tôi nữa, Sao Khuê chở tôi ghé khách sạn lấy dụng cụ và chân máy. Tôi hí hửng ba chân bốn cẳng chạy lên phòng, khoác ba lô, vác chân ba càng hân hoan ra đi. Bên phố đối diện phòng tôi ngủ, tiệm lẩu dê tưng bừng náo nhiệt khách khứa, xe cộ ra vô ồn ào, tôi nhìnTuấn:

-Giờ này đi ngủ cũng không được, phòng trà đóng cửa, ra bờ hồ chơi là thích nhất rồi!

Chú gác cửa khách sạn và các anh xe thồ tò mò nhìn tôi với dụng cụ nhiếp ảnh nhưng không hỏi. Tôi sung sướng leo lên xe gắn máy của Sao Khuê, khoan khoái hít mạnh mùi hương của mười tám cây hoa lan khi xe bon bon chạy trên đường Quan Thánh.

Xe ra bờ hồ, chúng tôi chọn được địa điểm tốt chụp ảnh bèn ngồi một hàng bốn người trên thềm đá. Sao Khuê mua hạt dẻ rang và bưởi cho tôi. Trong lúc cô loay hoay lo quà vặt thì tôi gắn phim, dàn chân máy, chuẩn bị chụp ảnh. Long ngồi bên tôi, chăm chú nhìn tôi sửa soạn máy móc, hỏi kỹ

thuật chụp ảnh. Tôi vừa chụp vừa giải thích cho Long phương pháp chụp ảnh đêm không đèn chớp và cách lấy bố cục. Tôi cho Long nhìn qua máy để thấy ví dụ cụ thể của các loại ống kính. Sau đó Long lại được anh Tuấn giảng giải về các loại máy hình, phim... Long tỏ ra rất thích thú nhưng tôi nghĩ rằng đêm nay, thế nào anh ta cũng không ngủ được vì sẽ bị nhức đầu, sau các bài học cấp tốc về nhiếp ảnh vừa nhận được.

Giữa mặt hồ đen, tháp Rùa sáng rực màu đèn trắng viền theo từng ô cửa. Dưới nước tháp phản chiếu rõ ràng lồng lộng trên tấm gương nước đen tuyền. Xa xa bên bờ hồ đối diện, long lanh ánh điện xanh đỏ của các khách sạn và các biển quảng cáo. Các đốm đèn màu ấy nhỏ và yếu nên tạo được thêm nét duyên dáng của hậu cảnh.

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

FADO

tặng Hùng và H.

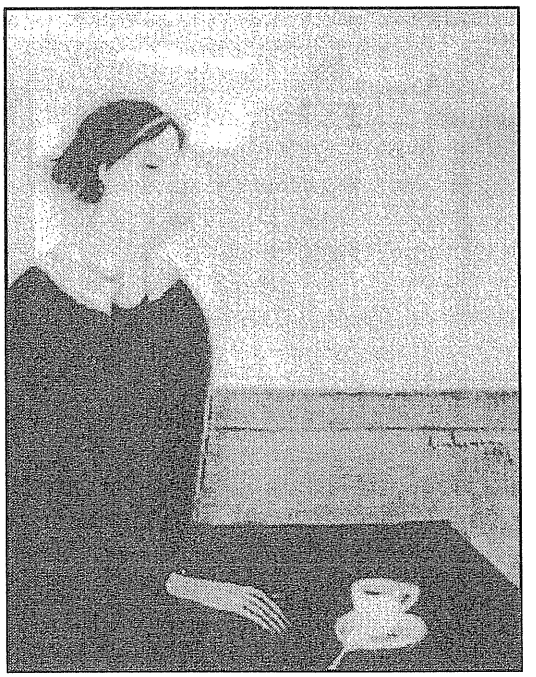

hai năm người ca sĩ cũng già
những bản nhạc tình thêm tuổi

em ngồi bên tôi
tấm thân mảnh dẻ như sợi gió
phất phơ
lời thở than bay trong gió
(nhạc fado đã bao lần
chúng ta cùng nghe)
như những giọt lệ tình đọng lại
trên mi
tức tưởi
khôn nguôi

người yêu đã bỏ đi rồi
xa, rất xa và mãi mãi

mùa thu đang trở lại
khi đi bên em trời ươm hơi lạnh
chiếc khăn quàng đỏ
như đốm lửa
một mùa hè đã qua

tôi và em vào tiệm Bistro
ở đường M. không biết em có nhớ
mỗi lần em đến thăm tôi
người hầu bàn mang hai ly rượu đỏ
chút bánh mì/đĩa pâté foie nhỏ
ở D.C., ở New York, ở Montréal
ngồi bên em mà sao tôi vẫn sợ
em rất gần và cũng rất xa

khi tôi về thì trời đang mưa
những ngọn đèn đường vàng âm nhòa nhạt
không biết vì trời mưa
hay nước mắt
em đã lại đi rồi
và tôi khóc
nhớ em

bao giờ lại có người hát nhạc fado
cho tôi ngồi bên em áo đỏ

7/02 – 7/03

Quanh tôi, cảnh vật thật êm đềm, các gánh hàng rong rảo quanh nhẹ nhàng dò ý khách mà không kèo nài thúc giục. Trên các băng ghế đá, các cặp tình nhân rủ rỉ tâm tình. Bọn trẻ con tò mò bước tới nhìn chúng tôi, chán rồi kéo nhau đi, lượm đá ném lõm bõm trên mặt nước. Nhiều anh chụp ảnh dạo cũng lảng vãng đến gần, im nghe chúng tôi nói chuyện, chiêm ngưỡng cái ống kính dài của tôi rồi lại lẳng lặng ra đi lầm lũi trong bóng tối. Tôi rất thích khi gặp các anh nhiếp ảnh trẻ đang kiếm khách du lịch tại các công viên. Đôi khi họ chỉ đến gần, phần lớn tưởng tôi là người Hàn Quốc nên không nói gì cả, sau này biết ý, tôi chào hỏi bằng tiếng Việt, thế là các anh cười ồ lên, khoái chí nói chuyện thả ga. Họ thường hỏi han về máy móc, bàn luận cách chụp ảnh rất thân mật và tự nhiên. Khi nào tôi mệt, nóng hoặc khó chịu trong người, tôi ngậm miệng không nói năng nữa, trước mặt các người lạ, tôi lại trở thành người Hàn Quốc, chỉ bị các em nhỏ bán post card quấy rầy mà thôi.

Anh Tuấn than phiền với Sao Khuê:

-Anh tưởng về đây để thấy mùa thu Hà Nội thơ mộng như lời hát của Hồng Nhung, ai ngờ Hồng Nhung đang hát trong Sài Gòn, còn anh ngồi đây giữa trời thu Hà Nội mà không thấy lá vàng lá đỏ chi cả!

-Không có Hồng Nhung thì để em hát cho anh chị nghe nhé.

- Ừ, cô hát cho anh Tuấn nghe đi.

Sao Khuê cất giọng hát bài Nhớ Mùa Thu Hà Nội. Giọng hát đơn sơ vương vấn trong làn gió nhẹ, thoang thoảng bay trên mặt hồ Gươm, cô chợt ngưng hát, hỏi tôi:

-Chị biết "bầy sâm cầm nhỏ" là gì không?

Thấy tôi nhìn cô chờ đợi, cô bảo:

-Đó là tên những con chim tên là Sâm Cầm, thường bay từng đàn... À, chị vào Phủ Tây Hồ chưa?

Tôi lắc đầu, cô chắc lưỡi tiếc rẻ:

-Uổng quá, mai chị đi rồi không thôi em dẫn chị vào đó chụp ảnh. Trong ấy nhiều con hẻm nhỏ quanh co, nhà xưa rất đẹp, buổi chiều Hồ Tây có những đàn chim xoải cánh bay trên mặt nước, ánh sáng chiều lấp lánh trên đôi cánh...

Tôi rên rỉ:

-Thôi thôi Sao Khuê đừng nói nữa làm chị tiếc, lần sau thế nào chị cũng trở về...

Trời đã khuya, đèn Tháp Rùa đã tắt, tôi thu dọn máy móc, phụ Sao Khuê đẩy xe xuống đường, bên kia có ngôi biệt thự cổ, chắc xây từ thời Pháp thuộc, tiếng nhạc vọng ra du dương. Tôi nhìn vào khung cửa sổ rộng mở, dưới ánh đèn vàng, từng cặp trai gái dìu nhau.

-Lớp khiêu vũ đấy chị ạ.

Tôi hơi ngạc nhiên nhưng không nói. Tiếng nhạc và bộ điệu lả lướt của các vũ công, tay trong tay, tấm áo người con gái xòe tròn quấn quít nhịp nhàng trong vũ điệu tango. Tính chất phóng khoáng và lãng mạn của hình ảnh trước mắt, mang lại cho lòng tôi một tia sáng, tuy nhỏ nhưng vô cùng ấm áp.

Buổi sáng hôm sau, lúc chờ xe lên phi trường, tôi cầm máy ảnh đứng trước khách sạn rình chụp chị bán hoa. Thấy tôi chụp hình chị, chị nhìn tôi:

-Cô mua giùm em bó hoa hồng...

Tôi hơi lúng túng, không biết làm sao giúp chị vì mình đâu có đem hoa theo được. Tuy nhiên những nụ hồng nhỏ xíu thật xinh tươi quyến rũ tôi quá chừng.

-Chỉ có bốn ngàn thôi, hai mươi bốn cái hoa đây cô ạ.

Tôi gật đầu, nhìn chị gói hai bó hồng vào tấm lá chuối, buộc sợi lạt chung quanh rất mỹ thuật. Trả tiền cho chị, tôi cầm bó hoa quay vào phòng khánh tiết trước đôi mắt ngạc nhiên của anh Tuấn. Tôi trao bó hồng cho cô tiếp viên duyên dáng của khách sạn:

-Tặng cô bó hoa hồng này...

Cô gái Hà Nội nở nụ cười tươi, ánh mắt vừa lúng túng vừa ngạc nhiên...

Tôi vẫy tay chào, bước lên xe, lòng mang theo một niềm vui nho nhỏ.

Hà Nội ơi! Thế nào tôi cũng trở về như tôi đã hứa, dù chỉ để trầm ngâm trong chiều vàng Hồ Tây, nhìn cánh vạc trắng bay, nhìn sương lam trên Hồ Gươm, nhìn hoa bằng lăng phủ tím trời Hà Nội. Hôm qua, lúc Sao Khuê ngừng tiếng hát, tôi hỏi:

-Sao Khuê ơi, cây cơm nguội nó như thế nào vậy?

Cô ta cười ngặt nghẽo:

-Cái cây hoa ngay trước phòng ngủ của chị đấy, vào đúng mùa hoa rụng đầy sân, tơi bời như những hạt cơm nguội...

Tôi chưa được thấy cái hoa cơm nguội, và đó cũng là một lý do thật chính đáng để níu kéo tôi về.

Chú thích:

1. Bản **"Có phải em mùa thu Hà Nội"**- Thơ **Tô Như Châu**, Nhạc **Trần Quang Lộc**

2&3. Bản **"Hà Nội mùa vắng những cơn mưa"**- Thơ **Bùi Thanh Tuấn**, Nhạc **Trương Quý Hải**

PHỞ TỔNG THỐNG VÀ SIÊU KHUYẾN MÃI

ĐỖ TUYẾT KHANH

Tôi về lại Thành phố Hồ Chí Minh lần này là sau sáu năm và trở lại Hà Nội sau... 21 năm. Ngày tôi đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất, 1.12.2000, cũng là đúng 30 năm sau khi tôi khăn gói lên đường đi du học, ngày 1.12.1970. Nếu không sợ "phạm húy" thì chắc tôi đã ngêu ngao hát: "Từ thành phố này mình đã ra đi. Bao nhiêu tháng năm xa cách lại về." Ba mươi năm ấy, đất nước thăng trầm, trải qua bao nhiêu đổi thay nhưng dường như lại quay đủ một vòng, cho tôi thấy lại nhiều cái quen thuộc, có khác chỉ ở mức độ, tầm vóc. Sài Gòn vẫn hối hả đông nghịt người, xe, vẫn ồn ào hỗn độn, toát ra một sức sống mãnh liệt, là cái thường đập vào mắt tôi đầu tiên mỗi khi về. Vẫn những con đường chật ních những người và người, những cửa hàng thi nhau đổ hàng hoá ra tới tận vỉa hè. Có khác chăng chỉ là đông đúc hơn nữa, bon chen hơn nữa.

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.

Làm sao tôi không khỏi có cảm tưởng ấy khi từ xứ Thụy Sĩ nhỏ bé và yên tĩnh về lại đây. Đã từ lâu rồi tôi nghe nói TP HCM có khoảng năm triệu dân, có lẽ bây giờ còn hơn thế nữa và nếu chưa thì cũng chả bao lâu nữa sẽ bằng cả dân số toàn nước Thuỵ Sĩ, chỉ có hơn bảy triệu dân. Lúc máy bay sắp hạ cánh, tôi nhìn xuống một diện tích mênh mông chỉ toàn là nhà và nhà san sát nhau, thấp lè tè nhưng trải dài đến tận chân trời. Sài Gòn đấy, nối liền với Thủ Đức, Nhà Bè, Gò Vấp, Thủ Thiêm, v.v. thành cả một vùng đô thị hóa khổng lồ. Từ nhiều năm, báo chí thường xuyên lên tiếng về sự ô nhiễm "đã đạt mức độ báo động," càng ngày càng có nhiều người đeo mặt nạ, khẩu trang khi đi ra ngoài, nhưng dường như không có gì có thể cản được sức sống và đà phát triển của thành phố này. Giống như không có gì cản trở được sinh hoạt của người Sài Gòn. Người xe túa ra không ngừng và từ mọi phía, coi rất kinh, nhưng xe hơi vẫn luồn lách nhích lên được, bà lão gánh hàng vẫn chậm rãi qua tới lề đường bên kia và chiếc xe ba gác vẫn chở nổi cái tủ kềnh càng đến nơi đến chốn. Và chỉ sau một hôm, tôi cũng phải học cách qua đường thản nhiên như người ở đây. Nhưng không sao quen nổi với tiếng còi bóp không ngớt, từ tiếng pin-pin chua lét của xe honda đến tiếng còi trịch thượng điếc tai của xe hàng. Người đi bộ yếu thế nhất về đủ mọi mặt kể cả vì chỉ có cái miệng không cạnh tranh nổi với tiếng còi. Nếu ai chế ra cái còi tay cho người đi bộ chắc cũng bán chạy, biết đâu phát tài.

Từ Ilioutchine đến Boeing 737

Sau ba ngày ở Sài Gòn, tôi ra Hà Nội. Vừa qua các chuyến bay của Air Viet Nam hay trễ có khi cả năm, sáu tiếng hoặc bị hủy, nên người trong nước lo xa đã giữ chỗ cho chúng tôi chuyến sớm nhất, 7 giờ sáng. Rốt cuộc chuyến bay đi đúng giờ, thủ tục lẹ làng, các cô chiêu đãi viên xinh như mộng trong chiếc áo dài đỏ đậm may khéo, cả cái tạp dề khoác lên khi các cô cho ăn uống cũng rất đẹp, vừa tân thời vừa mang nét dân tộc. Ăn sáng cũng được chọn giữa hai món hẳn hoi (xôi chả hay miến xào). Phục vụ tươi tắn, thật khác hẳn với thái độ lạnh lùng của các cô dáng khắc khổ trong bộ đồ kaki trên chiếc Ilioutchine tôi đi năm 1979. Nhưng cái vô kỷ luật của hành khách thì vẫn còn. Năm 1979, tôi giật mình khi thấy một mùi khét lẹt trong khi máy bay đang cất cánh, hoá ra là một ông đang thoải mái ngả ghế hút thuốc rê, mà không ai phản đối, kể cả phi hành đoàn. Năm 2000, cô chiêu đãi cau cặp mày xinh xắn và ôn tồn trách một ông đang thoải mái gọi điện thoại di động. Cái cũ trong cái mới, nhưng cũng đánh dấu một sự tiến bộ nhất định.

Đất văn vật từ khi mở cửa

Sân bay Nội Bài vẫn nhỏ hơn Tân Sơn Nhất, không hiện đại bằng (tại vì là khu dành cho đường nội địa?) nhưng cũng khang trang hơn trước nhiều lắm. Thửa ruộng có con trâu tôi thấy bên kia đường năm 1979 bây giờ là nhà cửa, văn phòng. Và đường về Hà Nội không còn qua cầu Long Biên mà qua cây cầu mới. Tuy thế vẫn còn nguyên những hình ảnh muôn thuở của miền Bắc: hai cô

tát nước bằng gầu bên mảnh ruộng nhỏ, những cái lưng cúi gập cắm mạ hay mò cua, những ngôi nhà nhỏ xưa cũ.

Đến Hà Nội, sau khu cầu Giấy, xe đưa chúng tôi qua phố cổ, những phố Hàng Bông, Hàng Gai, đến khách sạn ở Hai Bà Trưng, gần hồ Hoàn Kiếm. Khách sạn của Xunhasaba, ngay bên cạnh hiệu sách, đơn sơ nhưng cũng tạm được. Hai hôm sau, chúng tôi quyết định đổi sang nơi khác sau một đêm bị ồn ào vì phòng bên cạnh trở thành nơi tranh chấp giữa các "chị em ta" và khách (làng) chơi xấu. Chuyển đến nhà khách của ban Việt Kiều, ở phố Bà Triệu, chúng tôi thấy dễ chịu hẳn. Phòng rộng rãi, sạch sẽ và tiện nghi hơn, yên tĩnh, và không khí cũng "nghiêm chỉnh" hơn. Đâu đó cái gốc "phong trào" làm chúng tôi cảm thấy như "về nhà." Khách ở đây gặp nhau như muốn chào mà không dám, nhìn nhau cười cười, và trong ánh mắt hai bên như có câu hỏi "Việt Kiều nước nào đấy?", thay cho câu ngày xưa "Anh ở Hội nào?" Cả khách ngoại quốc cũng như mang dáng dấp "phong trào": họ đeo ba- lô, thuê xe đạp đi chơi và có một cặp chị đội mũ tai bèo, anh diện cả áo T-shirt màu đỏ sao vàng.

Ở Hà Nội, ông nhà tôi và hai người bạn họp hành liên miên với hội thảo Linux, còn tôi rảnh rang đi chơi, thăm gia đình. Tối đến thì tôi được ăn theo, đi dự vài buổi chiêu đãi, nghe các nhà tin học bàn cãi về tương lai, đường đi nước bước của nền công nghệ thông tin Việt Nam. Công nghệ thông tin, đề tài nóng hiện nay, dịp may lớn nhất và có lẽ cuối cùng để Việt Nam vươn lên, thoát khỏi lạc hậu. Báo chí phân tích, nhà nước ra hàng loạt quyết định, người nào cũng muốn cho con em học " vi tính," và sách về tin học cùng với tự điển các thứ tiếng nhưng nhiều nhất là tiếng Anh chiếm cả một khu trong các nhà sách. Hà Nội cũng như Sài Gòn có rất nhiều hiệu sách, lúc nào cũng đông người, và cơ man là sách, đủ loại, in đẹp đẽ. Một biểu hiện rất đáng mừng của sự ham học vốn có của người Việt và sự cởi mở trong chính sách với rất nhiều sách dịch của các tác giả Âu-Mỹ. Thế giới gần hẳn lại không phải chỉ với sự có mặt của rất đông người ngoại quốc mà còn qua sự giao lưu văn hoá này. Ở Hà Nội còn tương đối ít nhưng ở Sài Gòn, các quán Internet nhan nhản là một trong những cánh cửa bắt đầu mở rộng của Việt Nam ra bên ngoài.

Mở cửa, hai tiếng thần chú tôi nghe ở rất nhiều người. Từ bà bác kể lại những ngày cơ cực lúc trước rồi kết luận "từ khi mở cửa, đỡ khổ lắm cháu ơi" đến ông đạp xích-lô già, còn gọi đường theo các tên thời Tây, thủng thỉnh nói "may mà có ông Linh đấy, nhờ ông mở cửa nhiều người mới sống nổi tới ngày nay." Ở trong nước hơn hai tuần, chỉ tiếp xúc với một số nhỏ người trong con số gần 80 triệu dân, tôi không dám nói là ai ai cũng đều hoan hô mở cửa và không ai nghĩ ngược lại, nhưng tôi chắc rằng đấy là ý kiến của đại đa số. Tôi chỉ có một băn khoăn là làm sao các thay đổi lớn lao của Việt Nam sẽ không đào thêm khoảng cách giữa thành thị và nông thôn như tôi có dịp thoáng thấy khi về thăm quê.

Về làng

Tôi gốc ở Hà Nội, gia đình bên nội ở phố Hàng Đồng, quê ngoại ở làng Bần, tỉnh Hưng Yên. Ông bà ngoại tôi thời xưa khi ở Hà Nội, khi ở Hải Phòng, có lúc ở tận Tourane (Đà nẵng ngày nay) tùy theo công việc của ông tôi nhưng vẫn hay về làng. Sau này, trong Nam, những lúc giỗ Tết, tôi vẫn thấy có người đến biếu xén, trông lam lũ và cung kính nhưng được bà tôi tiếp đãi ân cần và sau đó mở tủ cho quà. Hỏi thì mẹ tôi bảo đấy là người làng, không cùng họ nhưng cùng làng. Lũ trẻ chúng tôi lờ mờ hiểu rằng người làng là một mối quan hệ đặc biệt, không bằng gia đình, không hẳn là bạn bè nhưng hơn người dưng nước lã. Ngoài việc chia sẻ một niềm hoài vọng cố hương ("làng ta"), người làng còn duy trì cả một quá khứ đầy kỷ niệm và liên hệ xã hội. Sau khi vào Nam, ông tôi về hưu, gia đình sống đầy đủ nhưng giản dị như trăm ngàn gia đình di cư khác. Nhưng người làng vẫn gọi ông bà tôi là cụ tham, nhắc nhở đến những ân nghĩa ngày xưa. Gia đình tôi cũng quí họ, và khi tôi hát nghịch "làng Bần có ông Bân ở bẩn túng bấn ..." thì bị mẹ mắng là vô duyên. Không được đùa với chuyện làng.

Kỳ này tôi được một ông cậu, em họ của mẹ tôi, đưa về làng. Gọi là cậu nhưng ông chỉ bằng tuổi tôi là cùng. Làng Bần cách Hà Nội chỉ 25 cây số nên cậu chở tôi bằng xe Honda, đi khoảng 40 phút là đến nơi. Đi ra ngoại thành tôi để ý nhìn các khu nhà mới xây, quả là rất nhiều nhà có chóp. Em ơi Hà Nội chóp, đúng quá. Chỗ nào cũng chóp, thậm chí bên cạnh một căn nhà mới xây cao to, đỏm đáng, tua tủa năm, sáu cái chóp, một căn nhà nhỏ xưa cũng cắm một cái chóp bé tí lẻ loi như chặc luỡi bảo: "Ừ thì đấy, làm một cái cho khỏi khác người."

Làng Bần nằm trên đường đi Hải Phòng. Qua một số địa danh ngộ nghĩnh như Trâu Quì, Chợ

Đường Cái, cậu tôi chỉ về phía trước bảo "Đây là quê rồi. Làng kia kìa." Rẽ vào con đường phụ, qua một vài dãy nhà là vào đến làng. Một làng như tôi vẫn thấy trong tranh ảnh, trong sự miêu tả của sách vở. Cái ao vuông thả bèo, những ngõ lát gạch đỏ men theo hàng giậu dẫn đến từng khu xóm, ngôi đình nhỏ bên cây cổ thụ. Chiếc xe Honda có lúc phải đi thật chậm vì theo sau một bà vác cày dắt trâu, đi đủng đỉnh xuống ao như dắt tôi ngược thời gian về một thế kỷ trước. Ở làng tôi phải đến thăm một người bác anh ruột mẹ tôi và một ông là em ruột bà ngoại rồi ra nghĩa trang "thăm các cụ." Ông tôi tuổi gần 80 nhưng khoẻ mạnh cao lớn, giọng sang sảng và nói rất vui. Cậu và ông dắt tôi đi từng nơi, giới thiệu từng cụ, tôi chẳng rõ ai với ai nhưng vẫn gật đầu vâng dạ. Bảo vái đâu tôi vái đó, cậu thắp hương đưa cho tôi vái rồi cắm vào từng mộ trong khi ông chỉ đạo nghi lễ. Có nơi cụ ông nằm giữa hai cụ bà, tôi nhớ loáng thoáng ai là vợ cả ai là vợ hai nên cũng cẩn thận tôn ti trật tự vái cụ lớn trước cụ bé. Ông bà ngoại tôi cũng được đưa về đây "xum họp với cả nhà," nhìn những giòng tên quen thuộc trên hai cái mộ cạnh nhau, lòng tôi dấy lên niềm cảm xúc, thấy như ông bà tôi thật sự ở quanh đây. Từ nơi chốn này đã phát xuất cả gia đình tôi, tất cả những người hiện nay sống rất xa nhau, từ Sài Gòn đến Mỹ, Úc, và Âu Châu nhưng đều nói quê mình là làng Bần. Ở đây người sống gần gũi với người chết, và những người mất đã từ lâu lắm vẫn được nhắc nhở đến thường xuyên. Về làng tôi mới thấy khái niệm tổ tiên, gia tộc, gốc gác cụ thể thế nào.

Ăn nhanh xong bữa cơm gia đình cho bác tôi vui, cậu chở tôi về lại Hà Nội. Chỉ hơn nửa giờ sau tôi lại đi qua cái ngã tư gần khách sạn chăng ngang tấm biển ngữ quảng cáo với hàng tít lớn "Cùng Heineken nối mạng với thế kỷ 21." Giữa con trâu làng Bần buổi sáng và dãy máy vi tính trưng bày các sản phẩm ở Hội thảo Linux buổi chiều hôm ấy, chỉ có 25 cây số nhưng cả một vài thế kỷ.

Hăm hở bước vào thế kỷ 21

Quá khứ chung sống hoà bình với tương lai. Cậu tôi là chuyên gia bảo tồn di tích lịch sử, đi khai quật các nơi, nghiên cứu sâu về văn hoá cổ nhưng làm việc trên máy vi tính ở nhà và sắp sửa nối vào Intemet để tiện liên lạc với gia đình ở nước ngoài qua email. Ở Hà Nội vẫn có nhiều người già, trẻ tập thể dục bên bờ hồ, vẫn thấy các bà già cô gái chiều chiều ra giặt giũ ngoài đường vì nước không vào tới nhà trong, vẫn còn nhiều người răng đen chít khăn vuông mỏ quạ, nhưng cạnh đó là Hanoi Hilton tráng lệ, cao vòi vọi, là những siêu thị đầy đủ những mặt hàng mà năm 1979 không thể tưởng tượng thấy ở đây: chảo Teflon, rượu Bordeaux, Maggi Thái Lan (!) v.v... Và giá tiền cũng được in bằng code barre hẳn hòi. Ở Sài Gòn, tôi thấy sự buôn bán phát triển thêm nhiều sau sáu năm nhưng ở Hà Nội thì so với 21 năm trước quả là một sự bùng nổ, sự thay đổi gần như về bản chất chứ không còn ở mức độ. Hàng hoá cái gì cũng có, chất lượng khá, chỉ buồn một điều là hàng Trung quốc thống trị thị trường, hàng Việt Nam biết có sống nổi không. Nhưng trước mắt tất cả đều đua nhau bán buôn, hăm hở làm ăn, hối hả học Anh văn, tính toán cho tương lai. Dường như ai cũng hi vọng thế kỷ

TRẦN HUY SAO

Hương Ngọc Lan

Từ chùa Linh Quang, ngày đó...

Đi vô cửa Từ Bi, cúi mặt
Giấu cái tâm vọng động đời thường
Thấy em quỳ thành tâm lễ Phật
Hương trầm thơm thánh thiện mười phương

Chỉ thương tôi nghiệp chướng sâu dày
Trái tim lạc giữa lời kinh kệ
Đuôi con mắt biển tình sóng dậy
Ngó sân si chặn lối em về!

Hương Ngọc lan quyện hồi Bát nhã
Chiều nghiêng chao vạt nắng lưng đồi
Chân hụt hẫng rượt vùi hương sắc
Cõi-tình-em, từ đó, dong chơi!

Và từ đó Đời cho nhập cuộc
Đẩy đưa nhau vào chốn phù vân
Hương Ngọc lan của tôi thời mới lớn
Còn nương quê vãng cảnh sân Chùa...

Tháng 6/2003

sắp đến là thời cơ của Việt Nam, phải mau mau bắt kịp để thoát khỏi cái nghèo dai dẳng cho đến nay, vất những đói khổ lại sau lưng cùng những vướng mắc còn tồn tại để nhìn về phía trước. Bàn đạp cho thời cơ ấy là kinh tế thị trường với hàng loạt danh từ mới như "đi tiếp thị" (marketing), "khuyến mãi" (promotion) và "siêu khuyến mãi" (super promotion). Đấy chỉ là câu chữ hiện đại, để hợp với thế giới toàn cầu hoá, cho những cách dụ khách hàng có từ ngàn xưa. Ngày trước các ông lang mãi võ làm xiệc thu hút đám đông rồi hứa mua một tặng một, và các bà bán hàng hay mời ăn thử miếng bưởi ngọt để thuyết phục khách mua cả chục quả thì ngày nay các cô trẻ và xinh mặc váy ngắn đội mũ in Heineken đi tới đi lui trong các tiệm ăn để quảng cáo, gọi là đi tiếp thị, và chỗ nào bu đông người làm đường sá càng kẹt xe là chỗ ấy đang làm khuyến mãi tức tặng quà để giới thiệu mặt hàng hay khuyến khích tiêu thụ. Và người ta càng hi vọng sẽ còn bung ra thêm nữa với viễn tượng nước ngoài đầu tư vào Việt Nam sau hiệp ước thương mại Mỹ-Việt và chuyến đi của ông Clinton.

Theo dấu chân ông Cờ Linh Tơn

Chúng tôi đến Việt Nam khoảng một tuần sau chuyến đi của ông Clinton. Ở Sài Gòn cũng như Hà Nội, nhiều người mau mắn hỏi chúng tôi: "Bên ấy cháu/chị/anh có theo dõi chuyến đi của ông Cờ Linh Tơn không? Ở đây thiên hạ đổ xô ra xem, chật đường, kẹt xe quá trời... " "Này, cái ông Klinh-tông ấy mà, ông ta đi đâu là dân họ biết được, kéo ra đầy đường vui đáo để." Và một bà cô rủ đi ăn sáng đề nghị: "Mình đi ăn phở tổng thống nhé?" Tôi hiểu ngay là quán phở đã hân hạnh được đón tiếp gia đình Clinton cùng đoàn tuỳ tùng. Quán này ở ngay xế chợ Bến Thành, tên là Phở 2000. Cô tôi bảo: "Mới đầu cô tưởng là 2000 đồng, rẻ thế thì chẳng ra gì, một bát muốn ngon phải cả l0 nghìn. Hoá ra là năm 2000." Bây giờ thì ai cũng gọi là Phở Tổng Thống và giá đã tăng lên 14 nghìn. Đi ăn cho biết và để khỏi thua Clinton nhưng nhiều người chê phở ở đây. Tôi thấy cũng ngon và dễ chịu nhất là chỗ ngồi thoáng mát, bàn ghế và bát đũa đều rất sạch sẽ, bảo đảm an toàn cho bao tử Việt Kiều. Chả thế mới đón được tổng thống Mỹ vào.

Ở Hà Nội thì chúng tôi vào đúng tiệm bán vải và may quần áo bày hai tấm ảnh con gái và mẹ, vợ tổng thống đi shopping đến mua hàng ở đấy. Nhờ có cô bạn sống ở Hà Nội đã có nhiệm vụ đưa các phu nhân đi mua sắm, tôi còn được xem thêm vài tấm hình chụp cô ta với Hillary và chụp một cô thợ may nhỏ thó đang cố giang tay để đo vòng mông rất đồ sộ của bà Rodham, cả hai cùng cười ngặt nghẽo. Đo người để may áo nhưng cũng đo cả chiều dài chiều rộng của cái khoảng cách giữa hai nước khách và chủ nhà.

Good Morning Viet Nam!

Giống như tấm hình vô tình nói rõ hơn cả một bài phân tích kinh tế chính trị dài dòng, nhiều hình ảnh tôi bắt gặp đó đây đánh mạnh vào tâm tư tôi. Len lỏi giữa hàng người và xe cộ, một người đàn ông gầy nhỏ gò lưng đạp xe lên dốc, gió thổi phồng chiếc áo khoác bằng ni-lông in hàng chữ to "Tiến lên, Việt Nam!" Tất cả sự nhẫn nại bền bỉ, sự quyết tâm và những hi vọng lẫn nhọc nhằn của xã hội, con người Việt Nam dường như đọng trên tấm lưng ấy. Ở góc đường, trong khi chờ khách, hai ông đạp xích lô ngủ khoèo trên xe, đầu dựa vào tấm nệm ghi hai chữ "Sans souci." Rất nhiều xích lô ở Hà Nội mang tên "Sans souci" có lẽ là cùng một chủ và đặt tên như thế có lẽ là sau hội nghị francophonie... Sans souci, vô tư. Làm tôi liên tưởng đến một chuyện tiếu lâm nghe ở Sài Gòn. Một ông mua giày hỏi cô bán hàng giày có tốt không, đi được bao lâu. Cô trả lời "Vô tư!" Có thể hiểu hai cách. Giày rất tốt, cứ việc dùng không phải nghĩ ngợi. Hoặc hơi đâu mà thắc mắc, nó tốt xấu thì chừng nào hỏng là biết ngay. Vô tư. Như cô bán áo T-shirt ở phố Hàng Bông, treo đầy áo in đủ thứ hình ảnh, câu chữ, từ chùa Một cột đến "Tintin au Viet Nam." Và treo sát cạnh nhau là một chiếc in hình bác Hồ mỉm cười và một chiếc vui vẻ rao "Good Morning Viet Nam!" Quá khứ và hiện tại cũng chung sống hoà bình.

Au revoir Saigon

Sau chín ngày ở Hà Nội, chúng tôi vào lại Sài Gòn ở vài hôm rồi về lại Thụy Sĩ. Hai va-li đầy nhóc sách vở, thức ăn, quà cáp, chúng tôi lo dư ký nên chuyển bớt sang xách tay, lặc lè. Nhưng ở phi trường cô nhân viên Lufthansa vui vẻ cho qua êm ru, các thủ tục hải quan, xét hộ chiếu cũng nhanh chóng đơn giản, dễ chịu. Ra, vào Việt Nam càng ngày càng gần giống như đi lại ở các nước khác, nhưng có lẽ ngay cả khi đã hết cái hồi hộp của các thủ tục khó khăn ngày xưa, trong lòng người Việt đến và rời đất nước mình, cái xốn xang cũng sẽ vẫn còn. Máy bay đi đúng giờ, lúc 9 giờ đêm. Ngoài trời tối mịt không thấy gì nhưng khi máy bay rời mặt đất, ông xã tôi vẫn ghé nhìn qua cửa sổ và cười: "Au revoir, Saigon!"

Tháng 12.2000

XIN HÃY TIN EM

NGUYỄN THỊ THU HUỆ

- Đừng đi anh. Em xin anh. Hãy nghe em, em chưa biết van xin ai bao giờ, chưa biết xin lỗi ai bao giờ, nhưng lúc này, em xin lỗi anh và van anh hãy tin em!

Hoài chạy theo, túm lấy tay chàng trai, níu kéo.

Chàng trai hất tay Hoài ra, đi nhanh ra cửa. Chàng ngồi lên chiếc xe 82-89 mới cứng nổ máy êm rì, phóng vụt đi.

Hoài tựa người vào khuôn cửa nhỏ, nước mắt thánh thót rơi. Cô cứ đứng như thế, khuôn mặt mờ mịt đau khổ. Hoài không biết đám bạn vừa tan học đang kéo về. Tiếng Phương "hoắng" reo to:

- A, chúng mày ơi, về xem bà thủ tướng "thớt trơ" khóc kìa. Nghìn năm có được một lần, có lẽ sắp bão to.

Tiếng cười rộ lên. Những người bạn học cùng khóa của Hoài ùa vào. Họ quăng cặp, túi, ba lô lên những chiếc giường tầng rồi xúm lấy ôm Hoài. Hoài mím môi và hất đám bạn bè ra, trèo lên giường nằm, khóc nức nở. Mọi người tản đi hết. Còn lại mình Thanh đang thay quần áo, vừa thay vừa véo von "Em ơi, Hà Nội phố, ta chờ em, mùi hoàng lan, ta chờ em, mùi hoa sữa..."

- Im đi cho tao yên, s ao mày không đi nốt cho tao thoát? -Hoài hét lên.

- Đi đâu? Rau mua rồi, nhà tắm thì đông, không ở nhà nấu cơm cho cái lão họ Trư nó ăn, nó chửi cho! -Thanh đang cười thoắt nghiêm trang.

- Thằng họ Trư nhà mày thiếu gì tiền mà không đi ăn hàng, lại cứ phải rúc ở cái xó này ăn cơm nhà bếp? -Hoài quay người ra, thôi khóc.

- Nó tiếc tiền ăn ngoài quán vì nó kiếm tiền cũng có dễ đâu mà quăng tiền ra cửa. Đêm qua đi với nhau về khuya, tao và nó vào ăn phở. Nó đói, nó làm hai bát, tao một bát, mất đứt chín nghìn, nó bảo với bà chủ quán "sướng nhé, móc được tiền của tôi bà sướng mất ngủ nhé." Bà bán phở vừa cười vừa chửi nó là đồ mọt ăn cứt sắt.

- Nó vừa ki, vừa trư như thế, mày đánh đu làm gì?

- Nó không ki với tao, nó làm ăn được toàn đưa tao giữ để chi tiêu, với lại thằng này tuy cục súc thật nhưng được cái thật thà, chỉ ăn với ngủ và với tao, chứ không để ý đến con khác, trong khi các khóa sau mình bao con hơ hớ ra đấy. Không yêu nó, mày bảo yêu ai, tuổi tác bọn mình thế, lại năm thứ năm rồi, biết từ giờ tới lúc ra trường có thằng nào nó rước cho kịp để còn ở lại Hà Nội?

- Làm sao mày khóc? Tao thấy đến mẹ mày ốm ở quê mày cũng không khóc cơ mà? -Thanh ngây mặt nhìn Hoài đang chống tay, lồm cồm bò dậy.

- Anh Thắng bỏ tao rồi! Giọng Hoài hơi ngạt đi.

- Sao, ông ấy yêu mày thế kia mà? Thanh hốt hoảng.

- Tại tao, tại tao hết Thanh hết Thanh ạ, bây giờ làm thế nào? -Hoài khóc.

- Cái số chúng mình thật khốn nạn. Tại sao chúng mình lại không sinh ra ở Hà Nội? Chúng mình là cái loại cao không tới, thấp không xong. Về quê còn khốn nạn hơn. Đàn bà con gái mà không biết làm ruộng và đẻ con, lại ti toe học

"dững" đại học trở lên, kiếm đâu ra? Những ông học ít thì không dám mơ tới bọn mình vì sợ không "ngang phân," thế là bọn mình thành đứng đường. Bọn tao đang mừng cho mày, vậy mà...

- Chào hai em, hai em to nhỏ gì đấy? -Đàm vừa nói vừa dắt thẳng chiếc xe mini Tầu, trên xe thò ra chùm dâu da xoan.

- Bọn em đang tâm sự, chàng họ Trư yêu dấu! -Thanh vụt đứng dậy đón Đàm, co chân hôn chút vào má anh trước mặt Hoài. Hoài quay mặt vào tường, nước mắt thánh thót rơi.

- Anh đói quá, có gì ăn không, tối nay đi xem nhé, phim "xác chết trên cao nguyên," thấy bảo như phim ma của Mĩ mà ở các quán giải khát mình vẫn ngồi uống và xem ấy.

- Sắp xong cơm rồi, hôm nay em làm món nộm rau muống có cả muối vừng, ngon tuyệt.

Họ tâm sự, chàng kể về số tiền kiếm được hôm nay, nàng kể về những chuyện trên giảng đường. Họ không cần quan tâm đến Hoài. Đây là phòng nội trú nữ, năm năm nay họ sống như trong một gia đình, không có một chuyện gì họ giấu nhau, kể cả những chuyện tế nhị nhất.

Hoài vùng dậy, ra sân. Sân trường mát rượi, nắng tắt từ lúc nào. Những tốp sinh viên đi cùng nhau lấy cơm ở nhà bếp về, người xách xô ra máy nước công cộng, tiếng hát ngang ngang quê quê của một cô nào đó trên tầng hai. Mất Hoài nhoè nước.

*

- Đố ai đọ được với Hoài cao thủ nào, tao là trọng tài, bên nào thắng được bao ba số, bên nào thua mất một chầu nước mía, trọng tài ở giữa cổ động viên và chi tiền thuốc lào.

- Đáng gì cái tiền thuốc lào, mày khôn thế, chỉ ăn người nó quen đi, mày cá em Hoài xinh đẹp được hay thằng Toản cụt được?

- Cá chó gì, tao chỉ tin em Hoài em thôi, anh chả cần cá cũng thắng bởi biết em quá, chúng mình vào sinh ra tử có nhau rồi, hôm liên hoan với bọn K34 mà không có Hoài nốc hộ tao nửa lít rượu, tao toi từ lâu rồi.

Hoài cười khật khừ, má cô hóp lại vì rít thuốc, mặt Hoài tràn đầy một nụ cười ma quái, đầy vẻ bề trên.

Tiếng hò reo nổi lên, chả biết bọn lau nhau cổ động viên lôi ở đâu ra đến năm cái điếu cày, mỗi thằng một chiếc, cắm cúi vê thuốc cho vào nõ. Hoài bắt đầu rít trước. Mắt cô lim dim như say thuốc phiện, rồi rít sòng sọc, tiếng rít nghe giòn tan. Cô làm động tác từ từ như tạo dáng, điềm tĩnh rít và khoan khoái thả khói như thể hút thuốc lào ngon thật sự. Đến điếu thứ mười thì Toản cụt gục, Hoài vẫn tiếp tục rít, càng sau càng ngon lành hơn. Mặt Hoài như có sương phủ, mơ màng một vẻ đàng điếm và đĩ thoã. Cuối cùng là tiếng hò reo và những tiếng chút chít của những cái hôn bọn đàn em tặng Hoài vì cô thắng cuộc.

- Hoan hô đệ nhất phu nhân của Badôca, hôm nọ bà phu nhân đã chiến thắng trận rượu, nay lại đoạt cúp vô địch về thuốc lào, bọn em xin đãi bà chị một chầu ba số và bia hơi thịt chó, đi thôi.

Cả bọn như một cơn lốc kéo nhau ra quán thịt chó ở cổng kí túc xá. Bụi bay mù mịt theo chân họ.

Hoài sống như thế đã hai năm nay, sau khi vào trường được một năm, Hoài đã chứng tỏ bản lĩnh của một cô gái thành thị tỉnh lẻ: ngang tàng bất chấp tất cả. Cô muốn mình làm được tất cả mọi thứ không thua kém ai. Hoài học thông minh, nhạy cảm nhưng lười. Cô lại xinh, hai mắt to tròn sắc sảo, khoé miệng lúc nào cũng như bĩu ra, thêm với cái dáng luỳnh khuỳnh như con trai, Hoài ít được lòng của phái nữ, cô chỉ được đám đàn ông tung hô thôi.

Hoài bắt đầu nổi tiếng từ khi cô bị điểm hai môn Nga văn. Cô chỉ thích tiếng Anh vì cô bập bẹ học hát được vài câu tiếng Anh. Do số giờ lên lớp thiếu nhiều quá, cộng với tính ngang tàng của mình, trong giờ kiểm tra, Hoài làm được một câu hỏi xong cô đề ở dưới "không biết cách chia động từ vì rắc rối quá, đề nghị cô giáo thông cảm và toàn quyền phán xét, xin cảm ơn." Thế là Hoài xơi điểm hai. Chiều hôm đó, sau khi trả bài kiểm tra học kì, cả lớp có mình Hoài điểm hai. Cô liền về nhà, nhằm lúc giờ đi ăn cơm của sinh viên nội trú, cô mang tất cả tự điển và giáo trình ra giữa sân cỏ, chỗ mà bắt buộc ai cũng phải đi qua, chất chúng lại thành một đống và tưới một chai rượu quốc lủi lên. Chai rượu bán ở các quán pha nhiều cồn cộng với cái gió của buổi chiều đã mau chóng bén vào nhau và tạo nên một đám cháy con con như đám cháy của một đống rác nhỏ. Chưa xong, Hoài còn mặc một bộ soóc bò, tóc buộc đuôi gà và nhảy disco xung quanh đám lửa, có lúc ngoáy mông lắc vai như nhảy xếch, rồi uốn éo như lambada. Một lúc sau, quanh cô là cả một đám đông. Có thằng nào lấy một cái đàn ghita, đứa lấy hai cái đĩa sắt, đứa lấy cái bàn gỗ, tất cả tạo thành một giàn nhạc sống mà nhạc trưởng là Hoài, vừa chỉ đạo vừa diễn luôn.

Sinh viên đại học khác học sinh phổ thông ở chỗ sống và học tập một cách tự giác.

Thầy giáo chủ nhiệm là người tế nhị, thầy có thể hùng hồn giảng bài chứ nói đến chuyện sinh hoạt cá nhân, lại là của sinh viên nữ thì thầy hay ngại.

- Em uống rượu hay hút thuốc lá, thuốc lào thì bận đến ai? Em có làm sao thân em chịu chứ em có phiền vào ai đâu mà bọn chúng nó mách thầy? Em có phải thò lò mũi xanh đâu mà chúng nó phải lo cho em? -Khi thầy giáo góp ý, Hoài cãi.

- Không chạm đến ai nhưng nó chướng lắm. Những trò đó là của đàn ông, em là con gái, phải giữ những bản tính của con gái chứ?

Hoài không trả lời thầy chủ nhiệm mà về, xông thẳng vào buồng hét lên:

- Con nào hớt lẻo với thầy chuyện của tao? Từ nay trở đi tao cấm đứa nào đụng đến tao, tao có quắp thằng nào nằm giữa cái phòng này thì đấy cũng là chuyện của tao, chỉ trừ bây giờ tao cướp người yêu của chúng mày hay cắp ăn trộm tiền bạc quần áo, chúng mày mới được quyền nói! - Hoài nói và bỏ đi qua đêm hôm đó.

Đến năm thứ tư thì Hoài trở thành một nhân vật nổi tiếng khắp trong trường và lan ra cả khu vực quanh trường. Hoài có thể uống cả chai rượu trắng không say, hút thuốc lào không mệt mỏi, nhảy đầm qua đêm và đánh đu với những người đàn ông nào chịu được cô. Nhà trường không có lí do để thi hành kỉ luật vì học lực của Hoài cũng tương đối khá, những chuyện riêng tư thì chỉ nghe trong đám sinh viên chứ tận mắt các thầy chưa ai trông thấy.

Rồi bỗng một hôm, Hoài dẫn về phòng một chàng trai lạ hoắc. Cả phòng ngơ ngác vì vẻ con nhà lành của chàng trai, ăn mặc sang trọng và lịch sự, nói năng chững chạc và ra chiều mến Hoài lắm. Hoài giới thiệu đó là Thắng, một kĩ sư vô tuyến điện đang công tác tại một viện nghiên cứu, do có việc phải về Vinh, tình cờ gặp chị của Hoài, chị ấy gửi quà cho cô và anh ta mang đến. Họ gặp nhau lần này là lần thứ ba. Cả phòng nữ ngạc nhiên trước cử chỉ lời ăn tiếng nói của Hoài, cô như một người khác, giống như một tiểu thư khuê các ngoan ngoãn tuyệt vời chứ không như cô Hoài "thớt trơ" mọi người vẫn gọi.

Và sau đấy họ yêu nhau. Tình yêu quả là một phương thuốc thần tiên. Trước đây, mỗi khi nghe tin con gái vừa xảy ra một vụ việc như đánh nhau, uống rượu suốt đêm với đám con trai và nhảy thoát y vũ, bố mẹ cô liền tức tốc gửi thư và số tiền còm do trồng rau nuôi gà ở quê lên cho cô con gái học đại học thanh toán tiền cắm quán, Hoài chỉ ra bưu điện nhận tiền chứ chẳng ngó đến thư. Vậy mà bây giờ, suốt từ tết, cô viết về nhà đến chục lá thư, tiền bố mẹ cho không tiêu hết vì có dám xuống quán nữa đâu. Hoài như con cua bể, tự lột xác thành người khác. Bạn bè và thầy giáo mừng cho Hoài và ra sức vun vén cho hạnh phúc của cô. Cuộc tình của họ kéo dài được một năm trong sự thu vén che đậy cái quá khứ không lấy gì làm đẹp đẽ của Hoài.

Buổi tối, Thắng bảo Hoài:

- Mai sinh nhật mẹ, anh muốn chính thức ra mắt cả gia đình chuyện của chúng mình, rồi tuần sau nghỉ làm luận văn, chúng mình về Vinh xin phép bố mẹ em, có lẽ gần hết học kì II và trước khi ra trường chúng mình sẽ tổ chức lễ cưới. Sẽ rất vui vì bạn bè em có đủ cả.

Hoài sung sướng mê đi trong vòng tay Thắng. Cô nghĩ tới lúc được mặc váy trắng, ôm một bó hoa to bước lên xe hoa trong tiếng pháo, tiếng nhạc dìu dặt. Cô sẽ làm vợ và luôn được sống bên anh, người mà cô tin, yêu và nghe lời hơn cả bố mẹ.

Tối hôm sau, Hoài dồn tất cả tiền của mình cộng với một trăm nghìn vay của mấy đứa trong lớp đi ra chợ vải, chọn ba mét vải sa tanh vàng in hoa chìm rất lịch sự và một chiếc bánh gatô to bê đến nhà Thắng. Tất cả gia đình anh chờ đón cô và nhìn cô đầy trìu mến. Rồi họ mở sâm banh uống chúc mừng sinh nhật bà mẹ Thắng. Hoài như bước vào cõi mơ bởi ánh sáng của những ngọn nến, của mùi thuốc lá ngoại lâu nay cô nghiến răng cai, của những li rượu màu ngọt ngào mê đắm khác hẳn những chiếc cốc thủy tinh rượu trắng ngày trước cô thường nốc. Cô bắt đầu cười nói tự nhiên và uống rượu. Lần đầu tiên Hoài uống rượu trước mặt Thắng, trước đây, thỉnh thoảng cùng đi dự sinh nhật với anh, cô đã được đám bạn bè dặn trước lúc đi là tuyệt đối không uống một hụm nào, không được lộ cho Thắng biết cái quá khứ của mình. Lúc này thì không, Hoài tin rằng chỉ một thời gian ngắn ngủi nữa cô sẽ thành vợ Thắng, sẽ không cần giấu giếm mọi chuyện. Rượu sâm banh hoa quả rất ngon, lại nhẹ hơn bia, cô tự nhiên uống hết những li mà mọi người rót cho mình. Rồi mọi người ra nhảy, bản nhạc vanxơ vang lên dìu dặt, quyến rũ, tất cả mọi người ôm nhau ra, Hoài thì đứng im lìm, nhìn ngắm. Thắng giơ tay lịch sự mời cô, lúc ấy, quên những lời dặn dò trước đây của bạn bè, quên giữ ý tứ hàng ngày, Hoài gần như quay lại cái bản năng của mình. Phần vì lâu không uống rượu nên tửu lượng của cô kém đi, cộng với cái giống sâm banh pha cô nhắc rất dễ say, Hoài bảo:

- Em không biết nhảy van hay tăng gô, đó là điệu nhảy của bọn trưởng giả học làm sang, em không bao giờ học nhảy cả, chỉ nhìn chúng nó nhảy là em bắt chước, em chỉ nhảy disco hay lămbada thôi.

Hoài say sưa nói và không nhìn thấy mặt Thắng hơi đờ ra.Anh hỏi:

- Sao không bao giờ anh thấy em nhảy, mà những lần đi sinh nhật cùng anh, em có nhảy đâu?

- Lúc đó khác, bây giờ có anh, em sắp làm vợ anh, cần gì giấu nữa.

Hoài mím môi và im lặng. Bản vanxơ vừa hết, rồi đến một bài nhạc kích động, đám con cháu thanh niên lao ra, quay cuồng, đảo điên trong ánh đèn màu. Hoài từ từ tiến ra. Cô hơi say, chân cô nhẹ bỗng như không bén đất, một cảm giác như bay lên ở các bước chân xâm chiếm Hoài. Cô lao vào cơn lốc của tiếng nhạc. Người Hoài giật đùng đùng, tóc cô rũ rượi, tay vung vẩy theo nhịp chân. Thắng chết lặng đứng nhìn Hoài như một cô gái rẻ tiền thỉnh thoảng đến các vũ trường nhử khách. Anh cay đắng lại chiếc giàn cát xét, tắt phụt bản nhạc trước con mắt ngạc nhiên của mọi người. Anh hô to:

- Thay băng lămbada đi.

Có tiếng reo và một thoáng sau bản nhạc lămbada quyến rũ khêu gợi vang lên. Trong khói thuốc mờ ảo, trong ánh đèn xanh đỏ và không khí đầy mùi rượu và hoa quả, Hoài lắc lư, uốn éo mông và run rẩy thân hình. Cả nhà đứng chết lặng nhìn như hút vào cô, rồi mọi người nhìn Thắng, nhìn Hoài, ánh mắt của cả nhà hốt hoảng và sợ hãi lẫn ngạc nhiên như nhìn thấy một bệnh dịch. Thắng cắn chặt môi, im lìm như hoá đá thôi miên Hoài. Cô như thoát xác bay lên bởi men rượu, bởi lâu không nhảy hết mình và đang hạnh phúc. Tất cả mọi người ra bàn, bà mẹ Thắng lại gần Thắng, nói nhỏ một câu "con định rước ai về nhà này thế? Mẹ mong là không bao giờ phải gặp lại nó một lần nữa. Con làm hỏng buổi sinh nhật của mẹ rồi" và bà đi lên gác. Không ai bảo ai, tất cả lặng lẽ ra về. Họ ra đi lặng lẽ chứ không ồn ào như trước, Thắng tắt nhạc, Hoài vẫn trong cơn say, cô còn uốn éo thêm một lúc nữa rồi thôi, ngơ ngác nhìn quanh. Thắng lại gần bên Hoài, anh nghiến răng:

- Tôi không ngờ cô giỏi như thế, tôi xin lỗi là đã dám sánh đôi cùng cô một năm nay. Tôi xin phép được đèo cô về.

Và Hoài hiểu mọi chuyện. Trên đường về, cô đã kể tất cả quãng đời trước kia của mình cho anh nghe vì nghĩ rằng sắp là vợ chồng của nhau thì cần gì phải giấu. Cái quan trọng là cô đã thay đổi.Thắng cay đắng nghe Hoài nói, và anh thả cô vào trường không một lời hẹn. Hoài đau khổ cứ định ôm Thắng thì anh lại hất cô ra vì kinh tởm thật sự. Anh dứt khoát rũ cô ra sau khi nói lại một câu:

- Tôi nhầm về cô ! Cũng may là tôi kịp biết là cô lừa tôi một cách tinh vi, cái lừa lọc của một có người có học nguy hiểm hơn của thằng vô học. Cô quên tôi đi, giữa chúng ta sẽ không có một chuyện gì nữa. Tôi không thể là một con chó ngu si gặm khúc xương thừa.

*

- Đi ăn cơm với tao, Hoài. - Thanh kéo tay Hoài, ngó nghiêng sau Thanh là ông bồ họ Trư.

Có lần Hoài hỏi Thanh , tại sao mày lại yêu hắn trong khi mày gọi hắn là họ Trư ? Thanh trả lời: những thằng họ Trư là giống Trư bát giới,vừa háo sắc lại tham ăn, yêu nó, mình không mất gì miễn là cho nó ăn ngon và thoả mãn, nhưng tao chỉ yêu những thằng giầu thôi. "Tại sao ?" "Tại nó đủ sức lo cho mình. Chúng mình. Chúng mình không hi vọng gì về quê với cái bằng đại học hão này, mà sống ở Hà Nội thì phó tiến sĩ nhiều không đếm xuể, mình học là cốt để ngoi lên Hà Nội, và phải ở lại chứ không về quê nữa. Không phải những thằng họ Trư thì ai thèm mê mình?"

- Tao không muốn ăn - Hoài trả lời.

- Quên hắn ta đi. Đời mình còn dài, tao sẽ kiếm cho mày một ông đồng hương cùng họ Trư với bồ của tao. Đơn giản thôi em ạ. Có số hết mày chống làm gì ?

Nghe tao mà vứt cái mơ mộng hão của mày đi, phải thực dụng. Tối đi xem phim và quên nó đi, mày yêu nó thế còn là lâu đấy.

Nước mắt Hoài trào ra. Bố mẹ ơi, sao bố mẹ không dạy con rằng mọi chuyện đều xảy ra có một lần trong đời, cái gì qua đi không lấy lại được? Sao bố mẹ chỉ nhăm nhăm gửi tiền cho con mà không ở bên con mỗi sáng mỗi chiều cho con bớt cô đơn? Bây giờ học mà làm gì khi trong đầu con rỗng tuếch chẳng còn tí kiến thức nào ngoài sự lo toan cho cuộc sống sắp tới ?

Tiếng hát ngang ngang quê quê trên tầng hai vang lên "ta chờ em cây bàng mùa đông mồ côi, góc phố mùa đông mồ côi, vầng trăng mồ côi,mùa đông năm ấy..."

Hoài vùng chạy, cô lao ra đường, xuống quán. Sau một năm, bà chủ quán lại thấy Hoài uống rượu./.

DUNG VÀ QUYỀN

TÔ HOÀI

Phố Hàng Ngang, Hàng Buồm cũng chẳng khác xưa bao nhiêu. Mặt đường, đôi chỗ vẫn cái nắp gang đậy cống ngầm còn đề tên sở thời Pháp. Không kể mấy bảng điện nhấp nháy, cái nhà tầng nông lòng đột ngột chon von lên như những đồ chơi của trẻ con. Chỉ có một cái khác. Xe đạp, xe máy liên liến khin khít đan nối nhau. Ngày xưa thì lòng đường, vỉa hè toàn những chân người đi, chân người ngược xuôi như lồng vào nhau.

Họa sĩ Ngô Thúc Dung vẽ cho báo Hà Nội Tân Văn in ở phố Hàng Buồm.

Anh Vũ Ngọc Phan bảo tôi:

- Anh Dung tốt nghiệp số một đại học Mỹ thuật Đông Dương, anh Nguyễn Đỗ Cung giới thiệu làm cho báo ta đấy.

Anh Phan muốn gợi sự chú ý và kính trọng của tôi. Thì ra đỗ nhất lại bạn của những Nguyễn Đỗ Cung, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, những mét đỉnh rồi. Nguyễn Đỗ Cung đương chùm cubit lập thể vẽ cái chân người như bắp chuối và người đi hai vai ngang như cua bò, tôi phục lắm, dẫu chẳng hiểu gì cả. Ngô Thức Dung minh họa báo, vẽ tay người to hơn đầu người. Ồ, trường phái ông Cung mà. Nhưng rồi tôi thấy Dung vẽ cái mu bàn tay nào cũng tròn như quả bưởi, lại để ý Dung không vẽ cho báo nào khác ngoài báo của anh Phan. Về sau quen Dung nhiều hơn, tôi nghĩ: thằng này không biết vẽ, chẳng ai thuê.

Thì tôi thấy Dung cũng hết oai, Dung chỉ vừa vừa như tôi thôi. Vì, giỏi hay dốt cũng là may rủi thế nào đấy. Như ông Thịnh del chỉ có mỗi báo "Tiểu Thuyết Thứ Bảy" mượn ông vẽ cái mặt nào cũng tréo giống nhau, thế mà ông đỗ đầu Mỹ thuật Đông Dương, ông làm thông phán sở Canh Nông cả ngày cả tháng ngồi truyền thần phóng to con tằm, con nhộng, con bướm, cái kén. Ông Thịnh del chẳng có bức tranh nào, giới vẽ có lẽ chẳng hề biết ông là ai, mà ông có cần gì đâu.

Dung bảo tôi:

- Bát phố một lúc, được không?

Tôi chẳng có việc gì, để chối là không được. Chúng tôi ở nhà in đi ra và tôi hiểu bát phố là chẳng đi đâu cả, chỉ lê gót hết phố nọ sang phố kia, nhìn nghênh nhìn ngáo rồi nhìn xuống đường thấy chân người chen nhau đi qua đi lại. Người đi xem phố, người đi kiếm ăn, nhiều người quá, chỉ thấy chân, toàn người đi chân đất. Đôi khi, người đàn bà trong làng ra kẻ chợ, có đôi dép Kẻ Noi quai ngang và nếu là dân thầy thì có đôi giày vải như chúng tôi. Những người chân đất đi ngoài phố nhiều, nhớ mãi đến tận bây giờ.

Tôi hỏi Dung:

- Chiều rồi. Phải làm cái gì cho no bụng chứ?

- Túi tớ cạn cả có thế mới phải đi phố ăn tiệc nhìn.

- Nhịn a?

- Hôm nào có tiền thì lại ăn, ăn bù.

- Thôi được, đi với tớ.

Tôi cũng chẳng đủ tiền mua hai bát cơm úp. Tôi nói mạnh bạo vì tôi nghĩ đến Quyền. Có thể Quyền có. Chúng tôi rẽ về phố Hàng Trống. Sang phố này đã thưa những bàn chân đi. Mấy nhà bán đồ thêu ren sách cũ. Tắt qua cửa đền vào một góc phố có một gian hàng chỉ bằng sải chân. Những cái chụp đèn bày la liệt như nón úp. Ở trong nhà, một thanh niên vạm vỡ sơ mi trắng cộc tay đương soi gương nắn cái múi cà vạt đen.

- Giới thiệu...

Quyền nói to:

- Họa sĩ Dung, quen rồi. Đã vẽ chụp đèn cho nhà này.

- À...

Họ biết nhau, tôi nhẹ hẳn người, nói luôn:

- Đương định đi ăn mà chưa trữ được đủ tiền.

- Có đây, có đây.

Quyền chạy sang cửa hàng bên cạnh xem nhờ đồng hồ.

- Năm rưỡi, đóng cửa được rồi.

Chúng tôi giúp Quyền vác những tấm cánh cửa lắp đóng lên kín gian hàng. Tôi hỏi khẽ Dung:

- Đã cộng tác với Quyền à?

- Có một lần, đã lâu. Thằng cha nhớ dai gớm.

- Cái kiốt đằng Hàng Da của cậu mà treo bán những cái chụp đèn này cũng nên lắm.

- Có thể, có thể. Đằng ấy bảo nó cho mượn

mấy cái bày thử.

Đã lắp cửa xong, chúng tôi ra chỗ đầu Hàng Giò, xuống dốc Hàng Kèn, tạt sang ngả hồ Thiền Cuông.

Chỗ ấy có mấy hàng cơm, sau lưng trông xuống bãi cỏ lau. Đằng kia là Vân Hồ, nhưng quãng nay lầy lội, phải vòng lên Thể Giao mới có lối xuống. Thành phố chưa bắt điện đến vùng đấy. Trong búi cỏ lau đen lù lù, ánh đèn ba dây, đèn hoa kỳ lốm đốm to nhỏ như những con đom đóm. Mấy quán cơm đầu ghế đón người đi làm bên ga Hàng Cỏ về các đầu Ô Thanh Nhàn, Ô Trung Hiền, đôi khi có những xe chở gỗ dưới Phà Đen lên. Ấy vậy mà hàng quán đỏ đèn suốt sáng. Bởi vì những con bạc rúc ráy trong bụi lau lần ra ăn đêm.

Chúng tôi cũng đã nhẩn mặt ở đây.

Thấp thoáng một cái đầu chó treo dưới mái tranh. Tôi hỏi Quyền:

- Vào làm mấy chén mừng gặp nhau, được không?

Quyền nói:

- Không. Tớ là sì cút (scout - hướng đạo viên). Và tớ thương loài vật, con chó thân thiết với người nhất, tớ không ăn thịt chó.

- Thế thì ăn gì?

- Cơm, đậu rán, canh cà chua, như mọi khi. Được không?

Hai thằng không có tiền, thế nào mà chẳng được. Nhoáng một cái xong bữa chẳng có gì để kề cà, chúng tôi bước ra ánh điện loáng thoáng ngoài hè phố. Tôi chẳng hỏi ai, cũng không nghĩ đi đâu tối nay. Đứng cửa sổ rạp Hiệp Thành nghe cải lương, lượn nhà thổ ngõ Yên Thái cũng chỉ nghĩ và kể ra thế thôi. Không đi đâu thì đi ngủ vậy. Có ba nơi. Về nhà tôi trên Bưởi thì xa mà đã hết tàu điện. Đến cái kiốt của Dung ở chợ Hàng Da thì ôi thôi, khi sáng ra có thể đã gãy đầu gối. Cái kiốt bốn mặt cửa nhưng hẹp quá, đêm phải đổi hai thế nằm. Lúc thì khoanh chân, lúc thì duỗi gác hai chân lên vách. Dung thấp bé người, suốt đêm nằm khoanh hai chân, đêm nào cũng thế. Đến nhà Quyền thì được ngự trên mảnh ván. Rộng rãi, chỉ phải cái không có màn.

Gian bán chụp đèn, đèn bàn, đèn treo trần cũng không phải của Quyền ông chủ. Không biết cửa hàng của ai, chắc của người nhà, Quyền trông hàng, bán hàng ghi sổ. Những khung nan, khung gỗ thợ gò, thợ tiện ở phố Hàng Tiện đem đến, Quyền dán giấy bồi, lụa hoa, lắp bật điện. Cũng không thấy chủ hàng bao giờ chỉ có mình Quyền, sáng ra xuống bờ hồ rửa mặt, còn ỉa đái chỗ nào thì tùy. Ấy thế nhưng đã phong lưu nhất hội rồi.

Mưa sầm sập cả đêm như xay thóc. Mưa đêm ở làng, trong bóng tối bốc lên mùi rơm rạ ải, mùi hoa lý thơm ủng. Mưa rào, mưa to ở thành phố, tiếng mưa nghe mỗi tai mỗi khác, cứ như gõ thanh la, lại như liên hồi đập cái thùng sắt tây. Nhưng đã dịu được cơn oi bức ban chiều. Nhờ thế, đỡ muỗi, sáng ra mặt mũi không lấm tấm mẩn đỏ.

Quyền cho Dung xách đi mấy chiếc chụp đèn. Cái kiốt của Dung dựng đứng như chiếc thùng gỗ vuông, trông sang bãi cỏ chợ Hàng Da. Trên bãi, thỉnh thoảng hiệu tạp hóa Tây Lùn ra căng bạt mở xổ số cò quay ăn tiền, ăn thưởng áo may ô, lọ nước hoa Con Voi, khăn mùi xoa. Đôi khi gánh Lê Thành Các về làm xiếc. Có cả ban xiếc nước Anh với hai con la thồ đồ, lưng phủ bạt, đến cắm cọc dựng rạp. Cái kiốt vẫn đứng đấy, bốn mặt sơn xanh trổ lỗ cửa vuông, phía nào cũng thông thống.

Kiốt bày bán lắm thứ lỉnh kỉnh. Những ống bút, một thếp giấy mới, gói bột màu. Có khi bày tranh phong cảnh. Cũng có buổi cho bà bán quà sáng để nhờ mẹt khoai lang luộc.

Tôi bảo Dung:

- Treo bảng vẽ truyền thần, có khi ăn tiền hơn.

Dung xua tay:

- Mày dốt bỏ mẹ. Họa sĩ không vẽ truyền thần.

Nhưng tôi nghĩ cứ như Dung vẽ cái tay to hơn cái đầu thì có khi Dung cũng không biết vẽ truyền thần. Bốn mặt quang vắng, không biết đồ đạc, quần áo Dung cất đâu. Chẳng thấy cái hòm, cái bọc chỗ nào.

Dung nói:

- Mày nhà quê cũng có khác. Ở Hà Nội bây giờ văn minh giống bên Tây. Hết mùa rét thì cái áo dạ gửi nhà cầm đồ Vạn Bảo phố Mới. Giờ đương nắng nóng, chỉ cần nhất bộ, tối đi ngủ thì cởi ra giặt cho tiện.

Tôi đã quen lối nói tiếu lâm chày cối bịa tạc ra cách sống thành phố. Bốn cái chụp đèn Dung để bốn cửa. Hai chụp treo, hai chụp đèn bàn đặt trên mỏm hòn gạch nhô cái chóp lên. Đi cả bốn bên đều trông thấy, cũng vui vui mắt.

Một hôm tôi đến chẳng thấy cái chụp đèn nào.

- Bán hết cả rồi à?

- Mất cắp hết thì có. Không gắn được con mắt đằng lưng thành thử cứ trông cửa trước thì nó phỗng đằng sau.

Đến năm kháng chiến, phố xá tản cư đi khắp nơi. Người ta như con kiến khi gặp nhau thế nào đôi bên cũng đụng râu chụm lại như chào hỏi, trò

chuyện rồi mới lại tăng tả bò đi. Cho nên ai ở đâu rồi cũng được tin, mình không gặp thì thế nào cũng có người gặp, người biết. Tôi cũng láng máng biết tin tức bè bạn và người quen, xóm giềng, ai tản cư vùng nào, công tác ở đâu, ai chết bom, ai lại về thành. Nghe nói Quyền đã lấy vợ, vợ chồng đem nhau lên Phú Thọ.

Năm ấy, tôi có việc về Gia Điền. Việc vui và cũng nực cười. Tôi đi dự đám cưới họa sĩ Nguyễn Văn Tỵ. Anh Tỵ ở vùng văn nghệ sĩ tản cư trong khu Bốn. Trường Mỹ thuật của anh Tô Ngọc Vân mở ở Việt Bắc, anh Tỵ được mời ra dạy. Tỵ cũng đã cứng tuổi. Chị trẻ hơn, gia đình cũng ở Hà Nội tản cư đi. Tiếng đồn thế nào đấy, có thể bên nhà gái nghi ngờ, mà nhà trai nhà gái đều đương trong cảnh xa lạ không biết đâu mà hỏi han dò la được. Tôi được giao việc đại diện cơ quan đi dự đám cưới. Tôi có nhiệm vụ nói thật nhưng nói khéo thế nào để họ nhà gái tin tưởng tôi là bạn anh Tỵ từ xưa và anh Tỵ chưa có vợ bao giờ.

Mọi việc đều xong xuôi, êm đẹp. Hôm về, tôi không ra theo đường bờ sông. Tôi đi đường trong, qua làng đồi chè, rừng sơn, rừng cọ từ Gia Điền sang Ao Châu. Tôi đã được biết Quyền ở Ao Châu.

Tôi vào xưởng giấy Ao Châu hỏi Quyền. Người ta bảo: ông Quyền thôi việc ở đây rồi. Bác ra ngoài đầm, hỏi ông Quyền Chài thì ai cũng biết - Quyền Chài là thế nào? Người ta chỉ cười.

Ao Châu, một vùng đầm nước mênh mông như hồ Tây bọc một dãy đồi ở giữa. Tôi được chỉ vào một cái lều lá gồi bên bờ nước. Quyền cởi trần, da bắt nắng đỏ xạm, vẫn cao lớn và để bộ râu quai nón xồm xoàm đen kịt, chỏm mũi đỏ sần sùi nhô lên quen thuộc.

Cái lều một gian một chái, một người đàn bà ra chào tôi. Chị mặc quần thâm, áo trắng nhuộm nâu non, cũng như mọi người tản cư thường gặp ở dọc đường và trong chợ.

Quyền nói to:

- Nhà tôi đấy. Chúng tớ nghề chài lưới, nên làng nước gọi là Quyền Chài. Nhờ giời cũng đủ chén, cứ xuống nước thì có cá đem bán.

Chị ấy đi chợ. Quyền bảo tôi ở nhà chơi, Quyền thả cái thúng đi bắt mấy con cá về nhắm rượu. Tôi bảo cho tôi ra hồ với. Cái thuyền thúng, Quyền ngồi đằng mũi, tay cầm bè chèo lái, bàn tay kia bơi. Tôi thả lưới từng quãng ngắn, Quyền vòng thuyền cầm bè chèo gõ xuống đòn ngang. Tiếng cành cạch xua cá dồn vào mắt lưới.

Trên thuyền, chúng tôi chuyện.

- Bọn tớ đã lấy nhau từ khi còn ở Hà Nội.

- Ờ... ờ...

- Chắc đằng ấy không biết vợ tớ là con nhà thổ ở ngõ Yên Thái. Tớ vớt ra.

Tôi không biết thật. Nhưng cái tình, cái tính khí khái và nghĩa hiệp của Quyền thì tôi không lạ.

- Thế sao lại bỏ làm xưởng giấy?

Quyền cười nhạt:

- À bọn ngồi bàn giấy trong xưởng chữ nghĩa lỗ mỗ, cũng dân thành phố ra, thế mà chó lại chê mèo lắm lông, chúng nó chửi mình là tiểu tư sản, đội cái mũ sì cút chúng nó cũng bảo là đội cứt đế quốc. Lộn ruột, tớ hét vào mặt chúng nó: ông đây học trường kỹ nghệ, công nhân hẳn hoi chứ

không như chúng mày đội lốt. Công nhân thì không sợ cái gì hết. Ông đố chúng mày dám bỏ cái xưởng này ra đi tăng gia, hay chỉ là đồ ôm chân bàn đẽo cơm Nhà nước. Ông không thèm, cái mặt chúng mày chỉ bẩn mắt ông.

Quyền đặt bè chèo vào lòng thuyền, nhấc từng mảng lưới lên. Có con cá rô như hạt bưởi, Quyền lại ném xuống nước.

- Thế là tớ ra đây. Tớ chẳng cần đứa nào đâu.

Lát sau, thu hết lưới, được mấy con chép nhỡ. Quyền cười hê hê:

- Đầu đuôi để nấu dấm quả dọc, còn chặt khúc ra nướng uống rượu, hay lắm.

Tôi giễu:

- Cậu là sì cút chửi rượu cơ mà.

- Ở đời cũng có lúc cần rượu.

Chốc đã mấy chục năm qua. Rồi tôi cũng không gặp lại Quyền ở Hà Nội. Biết có còn sống, vẫn ở Ao Châu hay lại đi đâu.

Họa sĩ Ngô Thúc Dung thì đôi ba khi còn biết tin.

Các cơ quan mới ra khỏi thành phố lên Việt Bắc đều đóng ở Đại Từ trên Thái Nguyên. Có người cơ quan ở xóm bên cạnh - chỗ cục quân nhu đóng, sang hỏi tìm tôi và nói :

- Chúng tôi có đồng chí họa sĩ Dung...

- A họa sĩ Ngô Thúc Dung! Tôi có quen... Tôi sẽ sang, tôi sang... Thế ra Dung đã vào bộ đội, lại bộ đội quân nhu... có thể Dung vẽ mẫu áo trấn thủ... Dung cho lính sang tìm tôi... Oách thế, họa sĩ Dung, đồng chí Dung...

Rồi không nhớ tôi bận gì, mấy hôm sau mới sang được xóm có quân nhu ở? Tôi thấy những nhà kho, những lán ở trống hoác. Vào trong làng hỏi, bà con cũng chỉ biết bộ đội đã đi từ nửa đêm hôm kia. Bộ đội thường đi đến bí mật thế. Rồi sau tôi biết thủ trưởng cơ quan ấy là Trần Dụ Châu đã bị bắt vì tội hống hách, tiêu pha tiệc tùng bán giời không văn tự. Tôi chột dạ hỏi lại nó là thằng Trần Dụ Châu hay thằng Ngô Thúc Dung. Lẩm cẩm đâm hốt hoảng mới ngờ cái tai nghễnh ngãng chú Châu với Dung thì nhầm với nhau sao được. Nhưng tôi lại nảy ra cái lo khác. Hay là thằng Dung đã lấy bí danh là Trần Dụ Châu. Đi kháng chiến, nhiều người lấy bí danh tên khác, kể cả tôi...

Đến khi hòa bình tôi mới lại được tin về Dung. Có người trông thấy, có người đã gặp Dung ở Hà Nội. Dung không làm họa sĩ nữa. Mà Dung bây giờ bán vé xe điện, Dung nghiện thuốc phiện nặng, thảm hại lắm!

Ôi Dung. Sao mà tôi nhớ thằng Dung cũng như tôi nhớ cái tàu điện, những kỷ niệm xa xưa của tôi đã già lão, sắp vứt đi cả rồi. Cái tàu điện cũng có sự tích lúc trẻ lúc xế bóng chẳng khác con người sinh ra ở thành phố này. Cái tàu điện mới đi từ Bưởi xuống chợ Mơ. Lúc qua Bờ Hồ thì có đường rẽ về Giám vào Hà Đông. Hơn ba mươi năm sau mới đẻ thêm đường ô Đồng Lầm ở Kim Liên lên ô Yên Phụ. Đường tàu điện đầu tiên ra đời năm 1899 - khi tôi được sinh ra thì tàu điện đã ở tuổi hai mươi, hai mươi tuổi thanh xuân hơn hớn, cái về tàu điện tôi được nghe kể và tôi đã hát suốt thuở tấm bé.

- ... *Thằng Tây ngồi nghĩ cũng sành*
Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường
La ga thì ở Thụy Chương...

Cái ngày khai trương tàu, cưới tàu mới linh đình sao, Tây mở tiệc nhảy đầm ở chỗ đình Thụy bên hồ Tây. Các cụ kể: khánh thành đường tàu điện các làng được một tháng đi tàu không mất tiền vé. Cả vùng Bưởi chúng tôi lên ngồi tàu điện xuống đi chơi Bờ Hồ. Cái câu cuối bài vè tàu điện chẳng biết là mỉa mai hay ba lơn: *Năm xu ngồi ghế đệm bông. Hỏi mình có sướng hay không hả mình?*

Thanh niên thì không thèm lên tàu điện khi tàu đỗ, mà chúng tôi rún chân lấy dáng lả lướt nhảy tàu xuống tàu khi tàu đương lượn vào hay đã rời bến.

Thế mà cái tàu điện đã rong ruổi đến tận khi Hà Nội chống Mỹ. Báo động cứ việc, tàu chạy suốt ngày, qua các phố Hàng Than, Quán Thánh, cạnh nhà máy điện - trọng điểm máy bay Mỹ thả bom. Cái tàu vẫn chạy. Chỉ còn người lái tàu, người bán vé tàu và mỗi một người hát xẩm, không biết sợ là cái gì, cứ ngất ngư trong lòng tàu nghêu ngao cất tiếng hát giữa tiếng bánh xe rít trong đường sắt, tiếng chuông leng keng ầm ầm và tiếng bom rơi.

Rồi cái tàu điện về già. Cái tàu cái toa được tẩu tán đi rồi mới bóc đến đường sắt. Nó cũng như cái cầu Long Biên, mấy năm đau yếu sau bao nhiêu trận bom đạn, thì đến cái tàu điện rách rưới, tả tơi nhất. Nó ốm cả tinh thần lẫn thể xác. Chẳng ai thiết nó nữa, chẳng ai ngó ngàng chữa chạy cho nó nữa, chẳng biết số phận còn bắt rật rờ thế này đến khi nao.

Những tiếng leng keng ầm ầm đã hết hơi, không còn giục giã vui tai như thời xưa. Mà nó rè rè như những con cóc đêm kèng kẹc nghiến răng gọi mưa. Các ông lái tàu thì say bia, say rượu tối

ngày. Tay ông cầm cái mở máy bằng đồng đã mòn vát. Tàu đến ngã tư Hàng Khay, Hàng Bài thì đỗ. Chỉ vì những nơi ấy ven hè có quán bia hơi nhà mậu. Ông khóa lại số không rồi rút cái trùy đồng xách xuống đứng uống đôi ba vại bia, mặt dần dần đỏ lựng. Có khi đến chợ Mơ, đỗ lâu đợi khách thì cả ông lái, ông bán vé cùng xuống làm chén nước trắng, lại châm điếu thuốc lào ngồi lơ mơ.

Cái tàu điện lại giống như bà lão đã mõ ra rồi còn làm đỏm. Cũng chẳng phải tôi còn nhớ đến Dung đâu. Mà một hôm tôi chợt nghĩ: "Cái tàu đương ốm thập tử nhất sinh thế kia cũng xuống lỗ đến nơi rồi. Ta đã đi tàu từ thuở bé, thuở trẻ, bây giờ ta đi một chuyến tàu điện dối già xem sao. Có còn nhảy tàu lên xuống được không nhỉ?" Chỉ nghĩ chơi đã thấy ngượng. Thân già này mà trổ tài điệu nghệ thì chỉ có đưa chân vào bánh tàu mà thôi.

Chặp tối hôm ấy, uống vại bia ở bờ hè Hàng Khay rồi, tôi làm cuộc du lịch lên cái tàu điện ngàn xưa. Người bán vé tàu như đứng sẵn rình tôi, chộp tôi. Người ấy hiện ra trước mặt tôi, giọng khao khao mơ hồ: "Tiền vé! Tiền vé!"

Trông đích là thằng Dung! Không thể nhìn nhầm không thể sai được mặc dầu đã khác lạ hẳn. Khuôn mặt chảy xị, tái xám, môi nhờn bóng, cửa tay áo về vệt đen nhãy. Rõ một con nghiện già. Chẳng ra thằng Dung một mảy nào, nhưng cái sẹo ở thái dương bên trái thì vẫn đỏ tía như đồng xu úp vào, nguyên như thế như người tù khổ sai chung thân thời trước bị thích chữ lên mặt.

- Dung đấy hả? Có phải Dung không?

Người ấy ngước đôi mắt đục lờ đờ nhìn tôi rồi lại cất giọng cũng rè rè đùng đục:

- Vé nào! Tiền vé!

Tôi đưa đồng tiền vé. Lão ta bỏ vào túi áo vét rồi lù rù quay vào, trong khi tôi còn hỏi với...

- Có phải Dung... có phải...

Biết làm thế nào. Chán đến không còn muốn nhận ra nhau nữa./.

PHẠM CÂY TRÂM

Quê Xưa Em Đã Xa Rồi

Sấm tháng giêng đưa gió nồm về lại
Cơn giông đầu mùa thơm nắng tháng ba
Tiếng tu hú chao nghiêng đồng cạn nước
Mùi rạ quê ngai ngái trú muôn nhà.

Ai lưu lạc nghe gió nồm về lại
Ngột thở trong tim muôn điệu nhớ nhà
Vẫn nỗi nhớ muôn năm quen thuộc cũ
Mơ màng về... tối hạnh phúc quê ta.

Nhớ tuổi thơ mê gió nồm về lại
Mở khung trời túi sạn, ná cao su
Theo dọc bờ sông chiều chiều câu cá
Trưa tắm truồng thiên hạ ngó như không.

Chừ viễn xứ cơn gió đâu chợt đến
Texas nung người bỗng nhớ quê xưa
Xuyên ký ức con gió nồm về lại
Đầm tiếng mẹ ru theo nhịp võng đưa.

Ôi! mới đó hơn nửa phần thế kỷ
Ngàn dâu ngó lại biển cả xanh xanh
Mái tóc xưa đen nay đầu bạc trắng
Người đi kẻ ở nửa vòng biệt tăm.

Cuối tháng giêng nghe gió nồm về lại
Giêm Phổ quê xưa em đã xa rồi.

Arlington, tháng Hai 02

LÔ SƠN YÊN TỎA

TRẦN DOÃN NHO

LTS. *Bài này đã được đăng trên Thế Kỷ 21 cách đây sáu năm, vào số 101, tháng Chín năm 1997. Số tháng Chín năm nay, nhân tập hợp một số bài viết về Hà Nội, một lần nữa chúng tôi mời độc giả đọc bài Lô Sơn Yên Tỏa để thấy lại một số hình ảnh của Hà Nội qua con mắt của một người miền Nam, đã có dịp thăm Hà Nội từ đầu thập niên 1980 khi thành phố này còn mang đầy đủ các đặc tính xã hội chủ nghĩa, rồi sau đó gần mười năm lại đến với một Hà Nội đã được "mở cửa." So với bản in cách đây sáu năm, bài đã được tác giả sửa chữa, thêm bớt một số chỗ.*

Trong nỗi tuyệt vọng cùng cực của một người đứng ở phía bại trận vào tháng 4-1975, tự dưng tôi cảm thấy vui với một ý tưởng mới: thế là mình sẽ có dịp về thăm Hà Nội. Tôi không hình dung được cái sự "về thăm" đó, nó sẽ như thế nào, khi đang đứng giữa Sài Gòn, một Sài Gòn vốn là "của tôi" bây giờ đổi chủ, trở thành một Sài Gòn của "người khác". Sài Gòn đổ ra đường, cờ bay rợp trời đón bước chân chiến thắng của "người Hà Nội". Người Sài Gòn hớn hở hay ngậm ngùi? Sung sướng hay hoang mang? Vui mừng hay sợ hãi? Bao nhiêu thứ cảm giác lẫn lộn nhau ngày ấy, bây giờ có lẽ chẳng còn mấy ai nhớ nổi.

Một người bạn - vốn dân di cư năm 1954 - len lỏi vào đám bộ đội, hỏi han xem thử có ai cùng quê Thanh Hóa với anh không. Tôi đi theo, tò mò ngắm từng dung nhan của người chiến thắng. Tôi hỏi một bộ đội:

- Anh người Hà Nội?
- Không. Em quê ở Thanh Trì.
- Anh thấy Sài Gòn thế nào?
- Ôi, to "nớn" quá!
- Còn Hà Nội?
- Em đi B "nâu" rồi, chẳng biết bây giờ ra sao?

Tôi hỏi, rồi hỏi. Hết chuyện này đến chuyện khác. Cuối cùng, tôi có cảm giác những người lính miền Bắc - những người chiến thắng - ngây thơ, chất phác và ngơ ngác y như thể họ chẳng hề chiến thắng. Họ như chìm đi giữa một Sài Gòn đầy màu sắc và tiếng động.

*

Hà Nội. Đó đơn thuần chỉ là một tên gọi. Nhưng trong suốt một thời gian dài, đó là một hoài vọng, một ám ảnh không nguôi. Tôi còn nhớ, Hà Nội đến với tôi qua một điệu hát buồn thời thơ ấu: *"Buồn nhìn về xa xôi, Hà Nội ơi đã xa cách rồi. Mịt mùng nghìn trùng khơi, thành phố cũ lắng sau núi đồi."* Những người di cư bỏ Hà Nội. Hà Nội đã mất. Tưởng chừng như Hà Nội đã bốc thành khói bay vào hư vô. "Còn" và "mất", thực ra chỉ là một nỗi niềm, một ảo vọng. Đó là suy nghĩ về sau. Còn lúc đó, chưa hề đặt chân tới Hà Nội, tôi cũng có cảm giác như "Hà Nội của tôi" đã mất, mất hẳn rồi. Hà Nội đã vào tay "người khác." Như thế nghĩa là tôi mãi mãi không bao giờ đến được Hà Nội!

Hàng ngày, đứng nhìn những đoàn xe trên đường lộ chở hết đợt người này đến đợt người khác di cư vào Nam, đổ xuống các trường học, công viên, bến bãi và hàng đêm, nghe những tiếng khóc thiết tha của người già, trẻ em nơi trường học vọng lại, tôi hình dung một miền Bắc vỡ vụn, tang thương. Dẫu vậy, sau đó, tôi quên bẵng cái Hà Nội của chính trị mà đắm chìm trong một Hà Nội khác, bé nhỏ và thân thương hơn. Đó là Hà Nội của trời trở rét, của một ngọn gió, một bước chân, một buổi hẹn hò. Hà Nội của nắng thu, mưa xuân, của sương mù lãng đãng. Hà Nội của những mối tình dịu dàng, đằm thắm. Hà Nội của những chuyến tàu. Hà Nội của những anh sinh viên trường thuốc, anh học trò trường Bưởi, trường Bảo Hộ. Những cụ Tú, bà Án, thầy Phán, ông Huyện. Hà Nội của những người "tạo ra Hà Nội": Nhất Linh, Khái Hưng, Lưu Trọng Lư, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam...

Có lẽ tôi quá dài dòng. Nhưng đấy, Hà Nội của tôi, một chú học trò trung học ở miền Nam thời ấy. Đó là một Hà Nội của văn chương, mộng tưởng. Lạ lùng làm sao! Hà Nội như thể là quê tôi, như thể tôi đã từng sống, từng lớn lên, từng vui, từng buồn ở đó. Hà Nội mộng mị đó đeo đẳng tôi ngay cả về sau này, khi tôi chọn một thế đứng, nghĩa là khi mà Hà Nội (với tư cách một thủ đô của một chế độ) đối với tôi trở thành "một phía," "một phe," "một kẻ thù." Vận mệnh lịch sử đã đẩy con người đến những chọn lựa có tính

chất ác liệt,đau xót. Hà Nội trở thành sần sùi, nhọn và sắc. Hà Nội biến tính. Tôi cảm thấy sợ hãi Hà Nội và thậm chí muốn quên, muốn khước từ.

*

Qua khỏi trạm thuế Ngọc Hồi, đã 11 giờ đêm. Hà Nội ở đàng trước nhưng đang ngủ. Bóng đen và ánh sáng nhập nhòa. Tôi nhoài đầu ra cửa xe để nhìn. Nhà cửa, cây cối, quán xá và người. Không có gì khác lạ. Thật kỳ quặc! Thế mà tôi cứ tưởng phải khác đi kia chứ! Có lẽ trong tôi, tôi mang một Hà Nội khác chăng? Xe tải không vào thành phố được, phải đi vòng để về Hải Phòng. Hai ngày sau, tôi mới thực sự đến được Hà Nội - đến từ Hải Phòng, thành phố đầy hoa phượng đỏ.

Năm giờ chiều. Cầu Long Biên đầy cả người và xe cộ. Xe nhích từng chút. Sốt ruột, tôi nhảy xuống xe đi bộ qua cầu. Thế là tôi đặt chân mình xuống đất Hà Nội. *Đến Hà Nội rồi chết*! Tôi nhủ thầm như thế. Đến khoảng giữa cầu, tôi tìm một chỗ đứng, dựa vào thành cầu, nhìn quanh. Hà Nội, Hà Nội. Tôi nghe như có tiếng kêu vang vọng từ một nơi sâu thẳm nào đó. Hà Nội mộng tưởng ngày nào, bây giờ đang nằm trước mặt, sau lưng, đang bủa vây tôi. Tôi nôn nao, bội hồi. Sông Hồng khô cạn. Nước đục. Hai bờ cát dài. Một bóng người bước lẻ loi trên cát. Sông Hồng lặng lẽ, xấu xí. Nhưng đó là sông Hồng. Bỗng dưng, tôi nghe như có tiếng gươm khua, tiếng hò la, tiếng sóng. Người xưa đâu, mấy ai còn nhớ! Những vết bước lịch sử qua đi, lạnh lùng, tàn nhẫn.

Tôi đi vội qua cầu. Bước vòng vòng qua mấy lượt tầng cấp, tôi xuống đường. Tôi ghé vào quán nước, uống bát nước chè, mua mấy điếu thuốc "A Lào, , loại thuốc hiệu chữ A do một công ty ngoại quốc đầu tư ở Lào sản xuất. Sau đó, tôi bắt đầu đi. Hai bên đường đầy quán nước chè. Đường phố thì đầy xe đạp. Thỉnh thoảng xuất hiện vài chiếc "Honda Dame" hay "Honda 67" cũ kỹ, có lẽ mang ra từ miền Nam. Cách xa đâu khoảng 100 cây số mà Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng khác nhau một trời một vực. Đường phố Hải Phòng giàu có, tân thời. Xe gắn máy chạy đầy đường, toàn xe "cúp" đời mới của Nhật, đủ màu, đủ kiểu. Xe đạp không thiếu. Phần nhiều là loại Peugeot của Pháp hay Phượng Hoàng củaTrung Quốc mới choang. Nếu trên đường phố có một chiếc Honda Dame hay Honda 67, người ta biết ngay là từ Hà Nội về. Sau 75, cảng Hải Phòng là cửa khẩu duy nhất được nhập cảng đồ xa xỉ từ các nước tư bản. Bởi thế, dân mánh mung, con ông cháu cha qui tụ về đây buôn bán, ăn chơi.

Tôi đi vào chợ Bến Nứa, lộn trở ra và cứ thế gặp đường là tôi đi. Tôi chẳng quan tâm đường nào là đường nào và chẳng cần phải biết đi tới đâu. Đâu cũng là Hà Nội, đâu cũng là miền đất lạ và là miền đất "mộng tưởng" đối với tôi. Các quầy hàng thanh niên, quầy hàng phụ nữ, quầy hàng thiếu nhi, cửa hàng tổng hợp, cửa hàng bách hóa, các trụ sở ủy ban và... cờ xí, khẩu hiệu. Các ngã ba, ngã tư, ngã năm với tượng Lê Nin, tượng Hồ Chí Minh. Khẩu hiệu, tượng lãnh tụ và quầy hàng - phải chăng đó là đặc trưng của thành phố xã hội chủ nghĩa? Tôi còn nhớ lần đầu tiên đi ra miền Bắc trong một chuyến đi buôn, tôi ghé thành phố Hà Tĩnh. Cảm giác duy nhất của tôi là: sửng sốt. Đường phố chính vắng hoe, chỉ có dăm ba chiếc xe đạp với năm bảy quầy hàng lạc lõng. Còn lại, đều là khẩu hiệu, tượng và cờ. Có lẽ tôi đã quá quen với khái niệm về một thành phố tư bản chăng! Hà Nội khác hơn đôi chút. Vui hơn. Đông hơn. Và vô số xe đạp. Tiếng chuông xe đạp leng keng khắp chốn chừng như át cả tiếng người. Chen lẫn trong khối âm thanh hỗn tạp đó là tiếng kèn "bì bọp," "bì bọp" lạ tai của những người bán kem cây. Tôi nhìn quanh. Không biết có bao nhiêu người bán kem mà hướng nào cũng nghe "bì bọp," "bì bọp." Dường như Hà Nội thèm kem, thèm nước đá.

Lược bỏ hết những lớp mạ bên ngoài, tôi ghi nhận: Hà Nội thấp và cũ. Những ngôi nhà mới xây chỉ điểm xuyết thêm cho một thành phố chưa hề muốn mới. Cả thành phố đang nằm dưới sức đè nặng trĩu của một cơ chế. Gượng gạo, dè dặt và buồn. Tôi đi vào những phố hẹp: Hàng Hành, Hàng Trống, Hàng Buồm... Tưởng như đi vào quá khứ. Hầu hết nhà đều là kiểu nhà cũ, thấp, hẹp, vàng ố, rêu phong. Có nhà đề năm xây dựng là 1929, 1932, 1927. Vỉa hè lổn chổn. Tôi đang đi giữa Hà Nội của thời nào? Có người bác tôi ra thăm lại Hà Nội, cho biết, Hà Nội không khác xưa bao nhiêu. Xưa đây là vào khoảng 1940, lúc bác đang là sinh viên Hà Nội.

Lại bước đi. Cũng là cửa hàng, quầy hàng. Nhiều cái tên đọc nghe cũng vui: "Cửa hàng bán thịt tươi sống phụ nữ," "quầy hàng thanh niên thi đua xây dựng ao cá bác Hồ." Những tấm bảng viết bằng phấn "có phở" (đôi khi "có pở"), "có đá", "đổ đen đá", "ruộm" (tức là nhuộm), "A Lào" (thuốc lá hiệu chữ A), "bơ qui xốp" (bánh bít-

qui)... Trong công viên có nhiều người già ngồi. Chắc đó là các cán bộ hưu trí. Giữa đường thanh niên nam nữ đạp xe đạp đi hàng ba, hàng tư, hàng năm. Thỉnh thoảng bạn bè gặp nhau, dựng xe đạp ngay giữa lòng đường, trò chuyện. Tôi để ý "mốt" mới của tuổi trẻ Hà Nội: quần bò (tức quần jean), áo sơ mi cộc tay, tà ngắn bỏ ra ngoài quần, đầu đội mũ cối Trung Quốc, chân đi dép Lào (tức dép Thái Lan, chỉ có hai quai trước). Phụ nữ Hà Nội không mặc "đồ bộ" như ở miền Nam. Họ mặc quần tây hoặc quần đen, áo sơ mi. Không hề thấy bóng một chiếc áo dài trên đường phố.

Ảnh TN Thu Nga

Đến một ngã tư, tôi chợt có ý nghĩ: Thử tìm xem đặc điểm nổi bật nhất của Hà Nội hiện giờ là gì? Tôi tưởng tượng mình đang từ trên trời rơi xuống. Tôi cố gắng loại khỏi đầu óc những thành kiến, suy nghĩ, xúc động, ấn tượng. Tôi nhìn và nhìn. Nhưng cuối cùng đành chịu. Cái gì cũng có thể là riêng của Hà Nội mà cũng có thể là không riêng của Hà Nội: nhiều nón cối, nhiều xe đạp, nhiều ngã tư, nhiều dép Lào, nhiều công viên, nhiều khẩu hiệu, nhiều tượng. Tôi bật cười với ý nghĩ của mình. Tất nhiên là Hà Nội phải khác Sài Gòn, khác Huế. Nhưng khác cái gì? Chắc không phải là ở cái nhà, công viên, tượng đá. Thường thì một thành phố, người ta chọn một hình ảnh nào đó tượng trưng như Paris thì có tháp Eiffel, Moscow có điện Kremlin, Sài Gòn có chợ Bến Thành, Huế có cửa Ngọ Môn và Hà Nội có chùa Một Cột. Thực ra, đó là một cách chỉ danh, một tượng trưng. Để biết một thành phố phải đi vào những ngóc ngách của nó, những con hẽm, những lối đi tắt, những ẩn giấu. Và tất nhiên, phải sống với nó, cay đắng ngọt bùi. Tôi đang đứng ở một ngã tư Hà Nội, lạ lẫm, bồi hồi trong tâm trạng của một người khách, một kẻ đi tìm.

Một nét Hà Nội: chiếc tàu điện. Tôi leo lên tàu. Trả tiền vé xong, dựa thành tàu, đắm đuối nhìn ra. Tàu chạy chậm. Các toa thoáng mát, rộng rãi. Tàu qua các phố, chạy dưới những hàng cây um tùm cành lá. Hà Nội nhiều cây. Hà Nội nhiều biệt thự kiểu Pháp. Nắng quái buổi chiều xuyên qua vòm lá, đọng lại trên những mái ngói cổ kính, những bức tường rêu, rơi rớt trên vai những người Hà Nội đi bách bộ, lững thững, trầm ngâm. Có những đoạn đường luôn luôn nằm dưới bóng của cây lá, lặng lờ, yên ả. Ở Sài Gòn, người ta chạy. Ở Hà Nội, người ta bước, thậm chí dừng lại.

Đến ga Hàng Cỏ, tôi xuống tàu. Hà Nội lên đèn. Đột nhiên, trời đổ mưa, cơn mưa giông. Tôi đội mưa đi dọc theo đường ray tàu điện. Cả người tôi thấm mát nước mưa Hà Nội. Một người điên ở trần chạy dưới mưa ca hát. Tôi tự hỏi: một người Hà Nội thì điên như thế nào nhỉ? Đi miết một hồi thấy lạnh, tôi tạt vào lề đường chen tìm một chỗ tránh mưa, nhưng lề đường hẹp mà nhà bên đường lại không có mái nhô ra ngoài, nên vẫn ướt. Đến chỗ có chiếc dù che mưa khá lớn, tôi ghé vào. Đó là một sạp bán sách báo lẻ. Tôi lật từng cọc lên xem: Văn Nghệ, Nhân Dân, Hà Nội Mới, Phụ Nữ Hà Nội, Truyện Nhi Đồng, Kỹ Thuật Sửa Đài

Bán Dẫn, Thơ Tố Hữu, Tiếng Việt Lớp 6... Cô gái ngồi sau sạp nói:

- Chú mua báo đi chú.

Giọng Hà Nội nghe hay vô cùng. Tôi nhìn cô gái, cười:

- Sao lại "chú". Tôi thích gọi "anh" hơn.

Cô gái nói:

- Chúng em quen thế!

- Cô người Hà Nội?

- Vâng, chúng em ở Hà Nội.

- Giọng Hà Nội hay quá chừng!

- Chú ở miền Nam mới ra?

- Vâng, sao cô biết tài thế?

- Nhìn là biết ngay. Thoạt nhìn, chúng em phân biệt được ngay ai là người miền Nam tập kết, ai là người miền Nam thật, ai là người miền Nam "dỏm."

- Sao lại miền Nam "thật" với "dỏm"?

- Thật là ở trong Nam từ xưa tới giờ, "dỏm" là dân ở ngoài này mới vào vài ba năm rồi trở ra. Cái đám "dỏm" này khoác lác lắm, nhái dăm ba câu kiểu Sài Gòn mà làm y như mình là dân Nam chính gốc.

Cô gái trề môi, giễu cợt một nhân vật nào đó vắng mặt. Tôi nói:

- Dân Nam chính gốc toàn thứ "ngụy," hay ho gì.

Cô gái thành thật:

- Chúng em chỉ mong được đôi ba phần "ngụy", cũng đủ ấm cái thân, mà đâu có được.

Tôi hỏi:

- Cô trông tôi thật hay "dỏm"?

- Thật trăm phần trăm.

- Cô nghe giọng nói mà nhận ra?

- Không, em nhìn từ xa.

- Áo quần?

- Không hẳn thế.

- Cử chỉ?

- Không hẳn.

- Thế thì sao?

Cô gái ậm ừ không trả lời. Tôi nói:

- Chắc là thấy bọn tôi lang thang, lếch thếch, ngơ ngác giữa thủ đô chứ gì?

- Trời ơi, các chú mà lang thang, lếch thếch à! Các chú biết rành Hà Nội hơn chúng em nhiều.

Tôi im lặng. Tôi nghĩ chắc cô gái muốn nói "rành" là rành mánh mung, buôn bán, vì dân trong Nam ra Hà Nội thường là ra để đi buôn.

Tôi mua tờ Hà Nội Mới. Cô gái nói:

- Số này hay lắm. Có tường thuật đầy đủ về vụ chồng âm mưu giết vợ đầu năm rồi.

- Chồng giết vợ? Sao thế?

- Chú không rõ à? Chồng đi nghiên cứu sinh ở Liên xô, vợ ở nhà ngoại tình. Chồng về biết chuyện, khủng bố tinh thần vợ hàng ngày, hàng đêm để bà ta quẫn trí tự tử chết. Chú đọc thì rõ. Nhiều chi tiết ly kỳ lắm.

Tôi nhìn cô, cười:

- Lát nữa đọc. Còn giờ thì tôi hỏi cô thế này nhé: Nếu tôi chọn cô làm người yêu, cô có bằng lòng không?

Cô im lặng một lát, rồi nói:

- Các ông miền Nam trêu gì chúng em tội thế! Thiếu gì gái miền Nam giàu có, đẹp đẽ mà đi yêu bọn gái quê mùa chúng em.

Tôi nhìn cô, không nói, cười tủm tỉm. Nước mưa nhỏ giọt trên cánh tay cô. Cô cúi đầu. Tôi đi. Mưa còn rơi.

*

Tối đó, tôi về ngủ ở nhà ông anh họ, tập kết năm 1954, giờ làm ở ngân hàng.

Sáng hôm sau, khi hai chú cháu tôi - tôi và con gái ông anh - dắt xe đạp ra khỏi nhà, ông anh dặn với:

- Có vô hàng quán thì hỏi giá trước nhé. Nếu không, thấy chú ở miền Nam ra, họ tính giá cắt cổ đấy.

Tôi gật đầu. Ra đường, Hồng - cô cháu - hỏi:

- Giờ chú muốn đi đâu?

- Nói chung là chú muốn đi thăm Hà Nội. Nhưng cho chú đi ăn sáng và uống cà phê cái đã.

- Ở đây có phở Tràng Tiền nổi tiếng, còn cà phê thì cháu chẳng biết.

Chúng tôi đến tiệm phở Tràng Tiền. Đây là một tiệm phở quốc doanh. Buổi sáng, người khá đông. Bên ngoài, người ta bán lẻ bia và thuốc lá, tiếng người chào rộn ràng, đon đả. Bia và thuốc đây cũng từ trong cửa hàng tuồn ra ngoài, giá bán cao hơn, nhưng muốn bao nhiêu cũng được và có ngay. Vào cửa hàng thì phải mua vé và chờ đợi. Tôi mua hai tô phở lớn và cốc bia vại Trúc Bạch. Tô phở, thịt khá nhiều, nhưng chỉ có vài cọng rau sống, đặc biệt là tô nào cũng có một muỗng bột ngọt lớn để kèm. Nước xáo thì trong, không thấy mỡ màng gì. Tôi cố gắng ăn nhưng không hết.

Tôi nói:

- Phở Bắc Sài Gòn ngon hơn phở Bắc Hà Nội.

Hồng ăn hết tô phở một cách ngon lành, rồi nhìn tôi cười:

- Chú yếu quá, tô phở mà ăn không hết. Với

cháu, thế này là quá ngon. Chú thì cái gì cũng Sài Gòn, Sài Gòn.

Hai chú cháu đạp xe đi vòng vòng vèo vèo. Đường Thống Nhất. Bến xe Kim Liên. Chợ Mỏ. Khu Khâm Thiên. Bịnh viện Bạch Mai. Ngân hàng. Hồ Trúc Bạch. Bưu điện. Công viên Lê Nin... Tôi nói:

- Cháu biết Hà Nội ba mươi sáu phố phường?

- Sao không biết.

- Chú thấy có nhiều đường nhưng ít phố.

Hồng cười:

- Thì đường là đường, phố là phố.

- Chú nghĩ, phố là nơi có nhiều tiệm, quán xá, buôn bán sầm uất.

- Trời ơi, muốn có hàng hóa thì vào chợ Đồng Xuân hay cửa hàng bách hóa, thiếu gì.

- Hồi xưa, Hàng Trống bán đầy trống, Hàng Hành bán đầy hành...

- Xưa khác. Giờ ta sống văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Tôi cười:

- Cháu nói giọng tuyên truyền...

- Đâu có, chú. Thì chú xem, đất nước ta hôm nay giàu đẹp, hòa bình...

Tôi cắt ngang:

- Ừ, chú biết, chú nghe nhiều rồi. Hình như cháu chưa vào miền Nam lần nào?

- Chưa. Cháu thích vào thăm cho biết, nhưng bố cháu bảo đợi ra trường đã.

- Cháu học gì?

- Đại học kinh tế.

- Ra trường, về ngành thương nghiệp, giàu nhé.

- Theo cháu, thì ở đâu cũng được, miễn phục vụ tổ quốc cho tốt.

- Cháu không thích giàu?

- Không. Giàu là bóc lột.

- Nhiều cán bộ, đảng viên bây giờ giàu sụ.

- Những người thoái hóa, biến chất thời nào cũng có. Họ sẽ bị nhân dân lên án.

- Mà nghèo cũng buồn chớ.

- Chịu khó thôi chú à. Đất nước ta đã từng khó khăn bao nhiêu rồi, mà vượt qua được hết. Hồi nhỏ, đi sơ tán, học hành khổ lắm. Cháu phấn đấu...

- Phấn đấu vào đảng?

- Đâu có, hồi đó cháu còn nhỏ mà. Phấn đấu là chịu khó, chịu hi sinh. Lớn làm việc lớn, nhỏ làm việc nhỏ để đánh giặc, vừa đánh giặc vừa học. Trường cháu có anh hùng đó chú à. Chú biết không, anh ấy học lớp 7, hơn cháu hai lớp. Hôm đó, máy bay Mỹ đến bắn phá, anh ấy tình nguyện phụ giúp mấy cô chú dân quân, vừa đếm bom, vừa tải thương. Đang làm công tác, anh bị trúng miểng bom, ruột đổ ra ngoài. Thế mà anh ôm ruột, tiếp tục làm việc, rồi một mình đến trạm xá cấp cứu.

- Cháu không biết tên?

- Biết chứ. Anh hùng Nguyễn Trí.

- Giờ cháu còn gặp không?

- Ờ... ờ... đã lâu rồi không nghe nói đến, cháu cũng chẳng hề gặp. Chẳng biết bây giờ anh ấy ở đâu, làm gì?

- Anh hùng mà sao chóng quên thế?

Hồng cười trừ.

Hà Nội buổi sáng trông thưa người. Nắng loãng. Tôi giục Hồng đi kiếm một quán cà phê. Hồng bảo chịu, chẳng biết nơi nào có bán cà phê. Cuối cùng, chúng tôi ghé vào một quán nước có đề hai chữ "có đá". Tôi hỏi có cà phê không. Người đàn ông chủ quán bảo có. Tôi gọi một ly cà phê và một ly nước chanh. Lát sau, người đàn ông bưng ra hai cốc vại. Màu cà phê không sánh, nước đá thì là những cục lổ rổ tổ ong, chóng tan. Tôi uống thấy từa tựa nước gạo rang. Tôi hỏi xin thêm đá. Người đàn ông có vẻ lúng túng, đáp:

- Đá hiếm lắm chú, chú thông cảm.

- Cà phê này sản xuất ở đâu anh?

- Cà phê chính cống, nguyên chất của nông trường Thái Nguyên đấy.

Tôi nghĩ chắc anh ta nói đúng. Ở trong Nam, loại cà phê tôi thường uống đã trải qua một quá trình chế biến công phu, tạo nên một chất cà phê thơm, vị đăng đắng, màu đen sánh. Một cốc cà phê ngon, hợp khẩu vị, hẳn chỉ có vài mươi phần trăm cà phê nguyên chất. Cà phê ở đây "nguyên chất" quá, thành thử tôi chẳng thấy có chút vị cà phê nào cả. Tôi uống một hơi, bỏ ly xuống, nhìn cô cháu gái. Hồng trông chẳng khác gì mọi cô gái khác tôi gặp trên đường phố Hà Nội. Chiếc áo "sơ mi" trắng, vải thô, hàng nút màu mè, bó sát người làm nổi rõ cái yếm đỏ bên trong. Quần tây sẫm màu. Chân đi đôi dép nhựa Chợ Lớn. Hai cánh tay no tròn, mập mạp, cổ tay đeo hai ba cái vòng nhựa đỏ đỏ, xanh xanh. Tôi hỏi:

- Cháu biết đường Cổ Ngư không?

- Cổ Ngư? À... đổi tên lâu rồi. Hình như bây giờ là đường Thanh Niên. Sao chú biết tên đó?

- Có nhiều địa danh ở Hà Nội thân thiết với chú như ở trong quê mình vậy.

- Chú đọc báo?

- Không, truyện của Tự Lực văn đoàn.

- Tự Lực văn đoàn? Tên lạ quá cháu chẳng biết. Chắc thuộc thời phong kiến, địa chủ hả chú?

- Ừ, khoảng những năm 1930.

Hồng im lặng uống hết cốc nước. Mặt trời lên cao. Tôi cảm thấy người bứt rứt nóng. Tôi trả tiền, ra đi. Hai chú cháu đi vòng quanh hồ Hoàn Kiếm. Nắng chói chang trên mặt hồ. Tháp Rùa với lá cờ đỏ dựng trên đỉnh và câu khẩu hiệu treo chung quanh trông nhỏ hẳn đi. Vài người câu cá quanh bờ hồ. Đám trẻ con chạy nhảy, la hét quanh các ghế đá. Hồng hỏi tôi:

- Ở quê mình, người ta theo ngụy nhiều không chú?

- Nhiều. Hầu hết đều là ngụy.

- Sao lại hầu hết. Nhân dân ta mà theo ngụy được à. Chỉ có bọn Thiệu chứ. Cháu nghe nói bọn ngụy tàn ác lắm, sao lại có kẻ theo chúng nhỉ. Mà chú, sao ngụy lại ăn thịt người vậy chú?

Tôi quay nhìn Hồng:

- Ai nói với cháu vậy?

- Cháu biết.

- Như chú cũng ngụy mà chú có ăn thịt người đâu.

- Chắc chú lầm lỡ. Chú trông hiền lành, đàng hoàng thế mà ngụy gì!

Tôi cười:

- Cháu sách vở, kinh điển quá.

- Cháu chưa hiểu ý chú.

- Chú muốn nói cháu chỉ lập lại những điều cháu học trong sách vở. Cháu ít biết bên ngoài.

- Cháu đi thực tế luôn à.

- Thực tế ở đây, chứ ở miền Nam cháu đã biết gì đâu.

Cô gái cười, đôi má phúng phính, hồng lên trong nắng. Tôi lách xe đạp tránh một bà cụ băng qua đường. Hai chú cháu đi vào một đoạn đường đầy bóng mát. Tiếng ve kêu ồn ào trên các vòm cây. Hà Nội vào trưa, một buổi trưa hè.

Đó là năm 1983.

*

Tháng 9 năm 1990, tôi có dịp đi Hà Nội một lần nữa. Một cơn bão vừa tràn vào miền bắc Trung Bộ, hay Khu 4 cũ, theo cách loan báo của đài Hà Nội. Chuyến tàu chạy qua những cánh đồng ngập nước, lầm lũi dưới cơn mưa dai dẳng. Từ Thường Tín trở ra, trời trong, quang đãng. Vòm trời trong xanh. Nắng dịu. Đến Hà Nội, trời đã hoàng hôn. Ra khỏi ga Hàng Cỏ, tôi thấy Hà Nội có khác. Đèn sáng rực rỡ khắp nơi. Phố phường đông vui, đầy màu sắc và tiếng động. Hà Nội như mới mẻ, tinh tươm.

Tôi thuê một phòng trọ gần ga, uống mấy ly bia Trung Quốc, ngủ một giấc đã rồi thức dậy trông trời sáng. Mọi người thức dậy sớm. Có lẽ vì ở khu vực ga, tôi nghĩ thế. Nhưng không. Cả Hà Nội thức dậy sớm thực. Hà Nội bận bịu, đang chuẩn bị cho một ngày mới khác. Bảy năm trước, giờ này (chừng 5 giờ sáng), Hà Nội còn ngái ngủ. Bây giờ thì khác. Hình như suốt đêm, Hà Nội không yên giấc, thao thức trông trời sáng, để như tôi, xuống đường, ra đường và ở ngoài đường. Người đầu tiên tôi gặp sáng hôm sau khi bước xuống đường, là cô nhân viên khách sạn ngồi ở quầy. Đẹp và ăn diện "mốt", trông như một cô gái Sài Gòn nào đó. Tóc cột đuôi ngựa. Áo pull. Quần jean Thái Lan kiểu mới. Đồng hồ Seiko đời mới. Cô cười chào:

- Ông thức dậy đi đâu sớm thế?

- Tôi nóng lòng muốn nhìn Hà Nội.

- Ông mới ra lần đầu?

- Không, lần sau.

- Có gì mà vội thế.

- Hà Nội khác trước nhiều.

- Ờ, Hà Nội chạy đua cho bằng miền Nam các ông chứ.

- Sao lại "miền Nam các ông"? Đất nước thống nhất rồi.

- Ấy thế mà miền Nam ra miền Nam, miền Bắc ra miền Bắc ông ạ.

- Miền Nam sao, theo cô?

- Giàu hơn, giỏi hơn.

- Còn miền Bắc anh hùng hơn?

- Em sợ hai chữ anh hùng quá. Em thích có tiền.

Tôi hỏi:

- Mấy giờ cô thay ca?

- Dạ, 7 giờ.

- Cô dẫn tôi đi chơi Hà Nội nhé.

- Ờ... mà cũng được thôi.

Thế là tôi có một cô bạn đồng hành. Đường phố Hà Nội rộn ràng, tấp nập. Phải nói là Hà Nội tràn ra đường phố. Quán xá, tiệm ăn, tiệm kem, tủ thuốc, xe nước sinh tố, nước mía... xuất hiện đầy lòng lề đường. Xe cộ ngược xuôi. Mọi người trông vội vã, tất bật. Một Hà Nội đã khác đi, đã biến dạng, đã lạ.

Chúng tôi ghé vào một quán phở. Khách ngồi, khách đứng chen chúc. Nồi xúp bốc hơi nghi ngút. Một tô phở với đầy đủ rau, hành, nước tương, nước màu, thịt gân, thịt tái, thịt chín.

Cô gái, tên Minh Nguyệt, hỏi:

- Thế nào ông?

- Tuyệt. Hơn xa phở Tràng Tiền.

- Ồ, quốc doanh mà nói làm gì ông. Dân Hà Nội chán mọi thứ quốc doanh. Đi mua, mà còn

hơn đi xin nữa.

Chúng tôi đi bộ qua các đường phố. Đường nào cũng hiện lên cảnh buôn bán. Thấy các cửa hàng, quầy hàng với các bảng đen viết bằng phấn "có phở", "có đá". Hầu như đây đó chỉ toàn là các bảng hiệu, bảng quảng cáo đủ các màu sắc. Nhạc cũ, nhạc mới, nhạc hải ngoại vang vang. Tôi nói:

- Hà Nội giờ đông vui quá. Chả bù với lần trước tôi ra.

- Mới chừng khoảng một năm nay thôi ông ạ. Thấy người ta buôn buôn bán bán, em muốn hoa cả mắt.

- Cô không buôn bán cho vui?

- Không có vốn anh à. Với lại em cũng chẳng rành. Bọn bạn em, tụi nó nhảy hết ra chợ. Trước thì trông một chân cán bộ cho yên, giờ thì ai cũng một đòi ra, hai đòi ra.

Cô gái thở dài. Tôi nhìn cô, chẳng đoán ra được điều gì. Tiếng thở dài nhiều khi cũng lắm ý, đa đoan. Riêng hay chung. Buồn hay chán. Hay thở dài chỉ là... thở dài. Tôi hỏi:

- Cô có mấy con?

- Một.

- Chồng làm gì?

- Bộ đội phục viên.

- Đi với tôi thế này có sợ chồng rầy rà không?

- Không sao - Cô gái cười - Ông sợ à?

Chúng tôi đến hồ Hoàn Kiếm, ghé vào quán cà phê đầu đường. Tôi chọn cái bàn nhỏ, hai ghế kê sát lề đường, ngồi nhìn thẳng ra hồ. Ghế lót đệm êm, có chỗ dựa. Mặt bàn kiểu mới, làm bằng mica. Tủ kính sáng, đầy ắp bánh mì, bánh ngọt và thuốc lá đủ loại. Video chạy băng nhạc ngoại. Tôi nghe tiếng hát đầy sinh lực, trẻ trung và yêu đời của Sandra. Tôi gọi hai cốc cà phê sữa và bánh ngọt. Nếm thử, thấy rất ngon. Có thế chứ, - tôi nhủ thầm. Tôi hỏi Minh Nguyệt:

- Quán này là của tư nhân hay nhà nước?

- Tư nhân chứ. Đa phần hàng quán bây giờ là tư nhân ông à.

- Thế là tiến lên tư bản chủ nghĩa mất rồi.

- À, thì tư bản. Có sao đâu, phải không ông?

Tôi nhìn ra hồ. Một lớp mù mỏng mảnh, là đà phủ quanh hồ. Cũng không hẳn là mù. Tôi có cảm giác hồ hiện ra trước mắt tôi mơ mơ màng màng, như có như không. Mặt hồ gợn lăn tăn. Nghe như có gió mà chẳng phải gió. Những tia nắng sáng dịu dàng xuyên qua cành lá, rồi như chạm khẽ vào lớp mù, rơi lấp loáng trên mặt hồ. Phải rồi, nắng thu. Hà Nội vào thu. Mây vơ vẩn. Gió dịu. Nắng như lụa. Hồ Hoàn Kiếm hiện diện đó như thoát ra từ trong ký ức, mộng tưởng.

- Ông mơ gì thế?

Tôi cười:

- Tôi nhớ đến hồ Hoàn Kiếm mà tôi tưởng tượng ra khi còn ở trong Nam, nghĩa là khi tôi chưa đến Hà Nội lần nào. Lần trước, cách đây sáu bảy năm, tôi có đi dạo quanh đây với một cô cháu gái, bí thư chi đoàn trường Đại học Kinh tế. Hồi đó, tôi chẳng thấy hồ đẹp như bây giờ.

- Đúng là mấy ông lâu lâu đến thấy vậy. Chứ bọn em, hàng ngày đi qua đi về mấy lượt chẳng thấy gì hết.

- Thế chẳng có lúc nào cô thấy hồ đẹp?

Minh Nguyệt suy nghĩ một lát, rồi đáp:

- Có lẽ có. Lúc em viết thư.

- Lúc viết thư?

- Ừ, lúc viết thư cho ai đó đang ở xa Hà Nội, em thường tưởng tượng Hà Nội mình đẹp và em kể chỗ này, chỗ nọ, chuyện này, chuyện nọ về Hà Nội... Lúc đó thì hồ đẹp thật.

Ý tưởng chân thật của cô gái làm tôi bỗng có cảm giác chưng hửng. Có phải cái đẹp chỉ là sản phẩm của tưởng tượng? Cái đẹp chỉ là cái đã mất đi? Tôi chợt nhớ một bài hát cũ về Hà Nội *"Mưa hoàng hôn, trên thành phố buồn gió heo may vào hồn. Thoảng hương tóc em ngày qua. Ôi, người em hồ Gươm về nương chiều tà, liễu sầu úa thêm cũ nằm mơ hiền hoà. Thương màu áo ngà, thương mắt kiêu sa, hiền ngoan thiết tha.* Tôi nhìn ra hồ, hát nhỏ. Tháp Rùa nhỏ bé, rêu phong, nhẫn nhục. Bên kia hồ, thấp thoáng sau hàng cây là nhà Bưu Điện và một nhà lầu mới xây, đồ sộ, lạ mắt, có lẽ là trụ sở của một ủy ban lớn nào đó.

- Ông hát bài gì thế?

- Một bài hát về Hà Nội của một người Hà Nội mất Hà Nội.

- Sao lại mất Hà Nội. Hà Nội nằm đó, ai lấy mà mất.

- Vâng, không ai lấy, nhưng vẫn cứ mất cô à.

Tôi im lặng, đứng dậy. Minh Nguyệt cho biết cô phải về nhà. Trao đổi nhau một vài hứa hẹn bâng quơ, chúng tôi chia tay. Tiếp tục đi. Chung quanh hồ có nhiều người chụp ảnh màu. Ảnh màu quảng cáo dán đầy trên các tấm "pan-nô" dựng đây, đó. Đường phố nhan nhản xe cúp Nhật đời mới, bóp còi inh ỏi. Tôi cố gắng tìm xem thử có còn chiếc Honda Dame hay Honda 67 nào không, nhưng hầu như chẳng thấy. Hà Nội lạ đi nhiều. Đã thấy bóng những chiếc áo dài tha thướt. Đàn ông, thanh niên áo bỏ vào quần, giày vớ nghiêm chỉnh. Các bà, các cô - nhất là những người trong các cửa tiệm - ăn mặc sang trọng, má phấn môi

son, chào mời đon đả. Hàng hóa xếp đầy các quầy, các tủ. Đi ngang qua các *salon* bán xe gắn máy, các cửa hàng bán TV, cassertte, đồ điện tử, tôi có cảm giác như đang đi ở giữa đường Huỳnh Thúc Kháng, Sài Gòn. Hà Nội thay đổi da thịt. Hà Nội sôi nổi. Đặc biệt Hà Nội lúc này nhiều quán cơm. Đến giờ ăn, khách khứa ra vào tấp nập. Hà Nội thích ăn ngon, mặc đẹp và hưởng thụ.

Tôi hỏi một người đàn ông trung niên đi dạo quanh hồ:

- Chú làm ơn chỉ cho tôi đường lên lăng bác.

Người đàn ông dừng lại, nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi hỏi:

- Anh người miền Nam mới ra?

- Vâng.

- Anh muốn đi thăm mả ông Hồ?

Tôi sửng sốt nhìn thẳng mặt ông ta, xem thử ông ta là loại người nào, mà lại sử dụng chữ nghĩa một cách khác thường như vậy. Công an? Một tên bất mãn? Một anh chàng điên? Người đàn ông đưa tay chỉ phía tường bên kia:

- Anh đi lối này, gặp đường Nguyễn Chí Thanh cứ đi thẳng lên.

Tôi vội vã đi, đầu óc cứ vướng vất mấy chữ "mả ông Hồ" mà người đàn ông dùng. Chữ nghĩa thật lạ, âm thanh nghe cũng lạ. Từ lăng đến mả, từ bác Hồ đến ông Hồ. Sự khác biệt nằm ở đâu?

Quảng trường Ba Đình. Đây quả là một khu vực đẹp nhất của Hà Nội và có lẽ cũng của cả Việt Nam. Những hàng cây cao. Những ngôi nhà Pháp đẹp và sang. Bóng mát phủ đầy. Không khí trong lành. Những con đường sạch sẽ, vắng lặng. Tôi băng ngang quảng trường. Toàn bộ khu quảng trường đã rộng lại càng mênh mông hơn vì ít người qua lại. Chỉ thấy thấp thoáng bóng của những người công an ở các khu nhà chung quanh. Thỉnh thoảng mới có một chiếc xe đạp lẻ loi đi ngang hoặc vài khách tham quan tản bộ. Lăng Hồ Chí Minh to lớn thật. Có lẽ đây là công trình tốn kém nhất, tọa lạc ở một nơi đẹp đẽ nhất của đất nước và được bảo vệ cẩn mật nhất. Nghe nói có đến cả tiểu đoàn công an bảo vệ lăng. Nhìn thì không thấy ai, nhưng có lẽ họ đứng lẩn khuất đâu đó sau các ngôi nhà, các vòm cây và phía trong. Trước cổng, hai người ôm súng đứng như hai pho tượng. Cổng đóng kín. Yên lặng. Thỉnh thoảng, có tiếng hô, tiếng bồng súng lách cách hoặc nhịp bước đều của toán công an bảo vệ lăng vang lại đâu đó từ phía sau bức thành.

Tôi bước đi dọc theo thành, ngẫm nghĩ đến những lăng tẩm rêu phong, cổ kính ở Huế. Lăng tẩm Huế đều nằm trên núi, xa thành phố, ẩn khuất dưới bóng cây rừng. Lăng Hồ Chí Minh ở đây như một thách đố đối với thời gian, với lịch sử. Ông Hồ không muốn xây lăng, nhưng những người kế thừa lại muốn củng cố niềm tin trước mọi thăng trầm. Họ xây lăng cho ông Hồ, hay xây lăng cho họ? Nhìn lăng, tôi nghĩ đến những phiền hà mà thế hệ sau sẽ gặp phải trong cuộc phế hưng.

Tôi đi vòng ra phía sau lăng. Viện bảo tàng Hồ chí Minh nằm kế đó với kiểu kiến trúc hiện đại, mới mẻ, màu vôi mới tinh tươm nổi bật trên nền trời. Tôi hỏi một người công an:

- Chùa Một Cột ở đâu anh?

Người công an và một vài thanh niên đứng gần đấy cười phá lên. Tôi ngơ ngác, cảm thấy bối rối. Người công an chỉ vào phía trong, cười:

- Chùa Một Cột đó kìa.

Tôi nhìn theo tay chỉ, thì ra tôi đứng trước cổng đi vào chùa Một Cột. Tôi cười ngượng nghịu:

- Thế mà tôi tưởng ở đâu xa lắm.

Khu chùa Một Cột nằm lọt giữa một bên là lăng Hồ chí Minh, một bên là viện bảo tàng, trông nhỏ nhắn như một mảnh vườn nhà. Chùa Một Cột nằm trơ trọi giữa một hồ sen nhỏ. Đã quá mùa nên chẳng thấy bông sen. Chỉ còn những lá sen vàng úa, tàn tạ nằm lặng yên trên mặt nước. Tôi đi quanh hồ, ngắm nghía cái công trình kỳ lạ của người xưa. Lớn thì chẳng lớn, nhỏ thì chẳng nhỏ. Trong trí tưởng, tôi vẫn biết là chùa không lớn, nhưng giờ đứng ở đây, tôi không ngờ là nó lại nhỏ như thế này. Chùa đơn sơ, giản dị, xây dựng từ cả ngàn năm trước và được bảo vệ đến ngày nay. Người xưa đã ra đi, chỉ còn dấu tích. Tôi lượm một hòn đá ném xuống mặt hồ. Mặt hồ xao động. Có tiếng con chim hót đâu đó trong vòm cây. Tôi nhìn sang khu lăng. Cây cao, bóng mát, đất rộng. Đội công an tập dượt. Tiếng hô nghiêm, nghỉ, tiếng súng lách cách. Tôi nghĩ đến cái xưa và nay, cái cổ kính, cái hiện đại, cái lớn, cái nhỏ, cái có, cái không.

Tôi tìm một ghế đá, ngồi ngả lưng, châm một điếu thuốc, nhìn khói bay. Trong một thoáng nào đó, hình như tôi mơ màng thấy mình trở về làng Từ Sơn với võng lọng, ngựa xe, về ngôi chùa cổ tháp rêu phong để tìm lại kỷ niệm những ngày làm chú tiểu thời thơ ấu. Và giựt mình tỉnh dậy. Hóa ra tôi đang nhớ lại chàng tráng sĩ Từ Sơn trong một câu chuyện tôi đọc của ai thời nhỏ. Tráng sĩ Từ Sơn là Lý Công Uẩn, đang mưu chống lại vị bạo chúa nhà Tiền Lê (Lê Long Đĩnh) - mà

trực tiếp là chống lại Phạm Cự Lượng, viên dũng tướng cột trụ của triều đình. Điều oái oăm là cô em gái cưng của Phạm Cự Lượng lại yêu chàng tráng sĩ. Chàng tráng sĩ về sau làm vua, điều đó lạ mà không lạ, vì là lẽ phế hưng. Mối tình của cô gái, không lạ mà lạ, vì đó là cuộc đời!

Có tiếng người bảo vệ lăng:

- Anh ngủ đấy à!

Tôi vươn vai, cười:

- Không, tôi không ngủ, tôi nằm mơ.

Trên đường trở về nhà trọ, tôi đi ngang một đoạn đường có nhiều sứ quán và cơ quan nước ngoài. Tôi để ý một tòa nhà, kiểu hiện đại, cửa đóng kín, cột cờ để không. Tấm bảng lớn dựng trước cổng có để hàng chữ: Cộng Hoà... Đức. Giữa chữ Hòa và Đức có hai chữ bị xóa, tôi đoán là hai chữ Dân Chủ. Hóa ra đây là sứ quán của Cộng Hòa Dân Chủ Đức, một nước vừa bị xóa tên. Trên tấm bảng còn sót lại một số hình ảnh của nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức bị ố vàng. Tôi bỗng nghĩ đến các tòa đại sứ của Việt Nam Cộng Hòa sau ngày 30-4-75. Chắc là người ta phải thêm vào hai chữ Dân Chủ ở giữa. Một bên bớt, một bên thêm. Bớt hai chữ Dân Chủ một nước lại trở thành dân chủ, thêm hai chữ Dân Chủ một nước lại trở thành chuyên chế. Sự đời nghĩ cũng kỳ quặc! Một đám tang có xe công an hú còi dẫn đầu đi ngang và theo sau là xe nối xe, dài như vô tận. Tôi dừng lại, hỏi một người đứng xem.

- Đám tang ai mà lớn thế?

- Đám tang ông Lê Đức Thọ.

*

Tôi ra Hà Nội thêm một lần nữa, lần sau cùng trước khi đi xa. Tôi đứng trên cầu Thê Húc, chống hai tay trên thành cầu, nhìn tháp Rùa soi bóng nước, cảm thấy bùi ngùi. Tôi đọc mấy chữ Hán khắc vào gỗ ở chính giữa đoạn thành cầu: "Thê Húc kiều." "Thê" là đậu, "Húc" là ánh nắng buổi sáng, Thê Húc kiều là "Cầu nắng đậu." Nghe cũng nên thơ. Ở bên trên cổng vào đền Ngọc Sơn là "Vọng Nguyệt Lâu," Lầu ngắm trăng. Trong đền Ngọc Sơn có xác con rùa lớn để trong lồng kính. Theo lời giới thiệu đề trên tấm bảng, đây là một trong hai con rùa ở Hồ Hoàn Kiếm bị trúng mảnh bom, chết năm 1968. Khi mới vớt lên, con rùa nặng 200 kí lô, dài 2 m, rộng 1.2 m. Có người tin rằng đây là con rùa đã ngậm kiếm dâng vua Lê Lợi ngày xưa!

Chào Hà Nội, tôi đi.

Mỗi người có một Hà Nội cho riêng mình. Tôi đã viết về Hà Nội của tôi. Có điều không nên nói, nhưng đã nói rồi. Xin Hà Nội thứ lỗi. Tôi chẳng thể không mộng tưởng về Hà Nội, đã chẳng thể không đến Hà Nội, nhưng mà lại không muốn sống đến nơi, đến chốn với Hà Nội. Có người bạn sống lâu ở Hà Nội, nói với tôi, ông muốn biết rõ hơn về Hà Nội, nên đến những địa chỉ "đen". "Đen" là một Hà Nội khác, vốn vẫn tồn tại ngay cả những lúc ai cũng tưởng Hà Nội trong sáng nhất, nhân hậu nhất và hồn nhiên nhất. Đó là những ngóc ngách, những con đường hẽm, những hầm ngầm. Chúng nằm sau lưng thành phố, sau lưng tâm hồn, ở một cõi vô thức dị dạng nào đó của đời sống. Thú thật, tôi chẳng muốn đi xa hơn, chẳng muốn đi tìm những gì Hà Nội còn dấu diếm, còn che đậy, còn lẩn khuất đâu đó. Tôi muốn gìn giữ những ấn tượng thuần khiết, khôi nguyên, đằm thắm về Hà Nội.

Tôi có một anh bạn chưa từng đến Hà Nội, đã chuẩn bị cho anh một chuyến đi chu đáo. Anh đến Hà Nội với nhiều tài liệu, địa chỉ, ghi chú về Hà Nội xưa và nay. Anh cố sống hết mình với Hà Nội để đi tìm. Anh tìm Hà Nội của ký ức. Anh tìm đường Cổ Ngư, đường Quan Thánh, tòa soạn báo Phong Hóa, đê Yên Phụ, Trường Bưởi, Trường Cót... Anh đi tìm một Hà Nội của chính anh. Trên các phố phường của Hà Nội hôm nay, anh đi tìm lại nhân dáng của một người tình 50, 60 năm về trước: cô Loan của Đoạn Tuyệt.

Tôi cũng đến Hà Nội để tìm, tìm một mộng tưởng giữa sự thật, một vĩnh cửu giữa cuộc thăng trầm, một vết đọng giữa kiếp phù du, một cái tôi giữa phố phường đông đúc. Đi tìm Loan, tôi gặp cô bí thư chi đoàn cộng sản. Đi tìm Mai, tôi gặp cô nhân viên khách sạn. Đi tìm Trâm, tôi gặp cô nhân viên bán báo. Đi tìm Cổ Ngư, tôi vào công viên Lenin. Đi tìm Dũng, tôi vơ vẩn giữa quảng trường Ba Đình. Lên đê Yên Phụ, tôi thấy cỏ khô và đất. Có lẽ tôi cũng như anh chàng mang gươm qua sông ngày xưa: lặn lội tìm gươm nơi chỗ đã đánh dấu trên mạn thuyền. Rốt cuộc, Hà Nội cũng như Lô Sơn trong một bài cổ thi chăng?

Lô Sơn yên tỏa triết giang triều
Vị đáo sanh bình hận bất tiêu
Đáo đắc hoàn lai vô biệt sự
Lô Sơn yên tỏa triết giang triều

Tôi dịch ý:

Nghe nói bên trời mây khói xanh
Chưa qua lòng thấp thỏm không yên
Qua rồi chẳng có gì ghê gớm
Cũng chỉ bên trời mây khói xanh

(Huế, 4/1991, nhuận sắc lại 5/98 và 7/2003)

HÀ NỘI TRONG MẮT TÔI

PHẠM XUÂN ĐÀI

LTS. *Bài này tác giả viết năm 1989 khi còn ở Việt Nam. Đã được đăng trên báo Xuân Người Việt (Hoa Kỳ) năm 1990 và sau đó in trong cuốn tùy bút Hà Nội Trong Mắt Tôi, do Thế Kỷ (California) xuất bản năm 1994. Đây là cảnh tượng Hà Nội, tuy đã bước vào con đường "đổi mới" được mấy năm, vẫn còn mang nặng dấu ấn xã hội chủ nghĩa trước khi đón nhận các đổi thay đến từ các nước tư bản. Có thể xem bài này là một tài liệu chứng tích của một thời.*

Bài in dưới đây đã được lược bớt một số đoạn và thêm các tiểu tựa.

Ngày xưa khi Lãn Ông được Chúa Trịnh mời lên kinh đô chữa bịnh, lúc về có viết tập Thượng Kinh Ký Sự kể những điều mắt thấy tai nghe ở chốn kinh thành, nhất là cảnh trong phủ chúa. Nay tôi vì có việc riêng phải đi Hà Nội, cũng là một lần "thượng kinh," mà lại là lần đầu tiên nên lòng ngổn ngang cũng muốn ghi lại ít điều nghe thấy và cảm xúc, mặc dù hoàn toàn không dám so sánh với việc viết ký sự của Lãn Ông.

Bây giờ thì Hà Nội chẳng còn xa lạ đối với người miền Nam như mấy mươi năm trước nữa. Thế thì còn gì để mà nói nữa không? Có lẽ còn, có thể còn nhiều, tùy theo mỗi cá nhân đến với Hà Nội. Nếu Hà Nội chỉ là một thành phố - dù là thành phố thủ đô nữa - bình thường thì quả chẳng có gì đáng nói mấy nữa, thế nhưng đối với mỗi người Việt Nam, Hà Nội luôn luôn vượt quá khuôn khổ một đô thị mà thành một tượng trưng tinh thần, một loại quê hương cũ trong tâm thức.

Sau gần hai giờ bay từ Tân Sơn Nhất, máy bay nghiêng cánh vòng vào đất liền, cho thấy một vùng biển xanh nhuốm một mảng màu đỏ, bất giác tim tôi đập mạnh và tôi trải qua cảm xúc đầu tiên khi thấy dấu hiệu của ông Hồng. Bao nhiêu bài địa lý tôi đã học về con sông này như chỉ để chuẩn bị cho giây phút xúc động bàng hoàng vì màu đỏ tươi của nước sông hiện ra trước mắt. Hồi nhỏ khi đọc Anh Phải Sống của Khái Hưng thấy tác giả ví chiếc thuyền con đi vớt củi trên sông Hồng như "con muỗi mắt chết đuối trong nghiên son," tôi biết tác giả nói đến màu đỏ của nước sông, nhưng vẫn không hình dung nổi con sông đỏ là như thế nào. Máy bay càng vào sâu, mắt tôi không rời con sông đẹp đẽ màu đỏ sinh động ngoằn ngoèo trên một nền xanh lơ. Một khai tấu khúc thật đắt cho bản hòa tấu dạo chơi Hà Nội sắp tới.

Cảnh tượng thành phố

Hồ Gươm, một trong những điểm trông đợi nhất của một du khách lần đầu tới Hà Nội, đã hiện ra trước mắt tôi bất ngờ và dễ dàng hơn tôi tưởng rất nhiều. Xe của Hàng không đổ khách tại một nơi rất gần hồ, xuống xe mới quanh quẩn mấy bước ngõ ngàng đã tình cờ tới bờ hồ. Thăm những nơi danh tiếng, điều tôi ngại nhất là sự thất vọng; khi cảnh không đẹp và lạ như mình tưởng thì có vẻ như uổng phí cho bao nhiêu tưởng tượng đẹp đẽ mình đã dành cho nơi ấy. Thế nhưng Hồ Gươm không làm tôi thất vọng. Ấn tượng đầu tiên của tôi về Hà Nội là một ấn tượng tốt: hồ rộng và êm dịu như chờ đón để làm tôi khoẻ khoắn sau chuyến bay dài, giữa một buổi chiều hè. Đưa mắt lướt xa trên mặt nước xanh, nhìn dãy cây cối xum xuê viền quanh hồ một cách thanh lịch như lối trang điểm đúng mức của một cô gái con nhà và nền nã, tôi thấy rất bằng lòng thoát ra hẳn nỗi lo sợ thất vọng. Tôi biết rồi đây khi nhìn hồ từ nhiều phía khác nhau tôi còn sẽ bị chinh phục nhiều nữa. Ô nhưng cái gì thế kia? Trên đỉnh Tháp Rùa có một ngôi sao! Cái này ra ngoài dự kiến của tôi về cảnh trí ở đây. Tôi chợt hiểu và liên tưởng ngay đến các ngọn tháp chuông ở điện Cẩm Linh mà tôi thấy trên báo chí Liên Xô, trên mỗi tháp cũng có gắn một ngôi sao. Dấu hiệu của Cách Mạng. Chỉ tiếc khi nhìn ngôi sao trên đỉnh tháp Rùa thì trí tưởng tượng của tôi về câu chuyện con rùa đòi thanh gươm của Lê Lợi không thể nào hoạt động được, nó tê cứng như con chuột bị con rắn thôi miên vậy. Tôi tự hỏi có phải trong

trường hợp nào cũng cần phải đem cái hiện tại đè lên trên cái cổ truyền như thế không. Thỏa mãn một nhu cầu nhất thời có khi lại làm hại một sự thành tựu đã lâu đời. Và nếu "ý chí" muốn rằng cái nhất thời phải thành vĩnh viễn trong tương lai thì nên tạo ra một công trình mới, ở chỗ khác, chứ sao lại sống tầm gửi vào những gì đã thành lịch sử như thế.

Hà Nội quả là một thành phố đẹp. So với những thành phố khác mà người Pháp đã xây dựng trên nước ta như Sài Gòn, Đà Nẵng, Đà Lạt thì Hà Nội được xây dựng với một chủ đề văn hóa rõ rệt và công phu nhất. Họ xây dựng công thự, khu hành chánh, những "khu phố tây," nhưng đồng thời cũng trân trọng giữ lại phần Hà Nội cổ với gắng chứa đựng trong đó cả chiều dày đời sống tinh thần nghìn năm văn hiến của đất cố đô cùng cái rực rỡ của nền văn minh Pháp. Các biệt thự ẩn hiện sau các hàng cây rợp bóng ven đường thì mỗi cái có thể nói là một tác phẩm nghệ thuật, liên kết cùng nhau thành một tổng thể hòa hợp, duyên dáng đến làm mê lòng người. Sài Gòn rộng lớn hơn nhưng không hề có dấu vết của một sự cố công như thế, mọi cái ở đây rất loãng và thờ ơ trong khí hậu nắng nóng quanh năm và trong sinh hoạt chủ yếu về thương mại, kỹ nghệ. Phải nhận rằng người Pháp là những tay cự phách trong thiết kế đô thị. Quanh hồ Hoàn Kiếm, với Tháp Rùa và đền Ngọc Sơn nổi tiếng của lịch sử ta, họ đã không xây một tòa nhà nào cao quá hai tầng, như

Hà Nội đêm mưa (Ảnh Tôn Nữ Thu Nga)

khu buôn bán, khu cổ thành và các di tích. Có thể thấy rõ sự cố gắng của họ để cái mới và cái cũ cùng tồn tại cạnh nhau mà không làm hỏng nhau, và để đạt được điều đó, mỗi một kiến trúc mới của họ đều có một trình độ mỹ thuật cao và mang đầy tính văn hóa, tính cổ điển, sao cho phù hợp với quần thể kiến trúc sẵn có nơi kinh đô chính trị văn hóa nghìn năm của ta. Các tòa nhà như dinh toàn quyền, viện Bác Cổ, nhà Hát Lớn... đều được vẽ kiểu tráng lệ mà có một vẻ đẹp sâu thẳm như là một sự nghiêng mình kính cẩn tôn trọng những dấu vết của quá khứ; cũng nhờ đó hồ luôn luôn giữ được sự êm dịu, thoáng và đầy vẻ tôn kính vì không có những cái vượt cao đột biến, hỗn láo, kệch cỡm. Hiện nay bên hồ đã xuất hiện hai công trình cao trên ba tầng (có một cái đến năm sáu tầng) mới thực hiện, như vài nốt chõi lạc lõng trong một bản nhạc êm ái bậc thầy. Nhưng một vài thì còn khả dĩ chấp nhận được, nếu nhiều hơn thì cả cái hồn của vùng hồ Hoàn Kiếm ắt phải

thay đổi. Cái hồn đó tuy không cụ thể, cũng cần trân trọng vì đó chính là truyền thống, cũng cần coi như một di tích được xếp hạng.

Phần cũ của cố đô được giữ gìn cẩn thận. Khu buôn bán cũ đường hẹp, phố nhỏ, dọc ngang chằng chịt, lại mang nguyên tên những cái "hàng" xưa, gợi nhớ sinh hoạt phường hội ngày trước. Nhiều nhà vẫn giữ dáng vẻ của những thế kỷ trước, với kích thước phần nhiều rất hẹp, đôi cái hẹp đến độ đáng kinh ngạc, tôi thầm nhủ cao trên 1.70m như tôi chưa chắc đã có thể nằm ngang trong những cái nhà ấy. Thế nhưng chúng vẫn có mặt với phố phường, và vẫn là một đơn vị cửa hiệu. Ngoài những Hàng Buồm, Hàng Bạc, Hàng Đào... đã được nghe nhắc nhở trong sách vở, còn có rất nhiều hàng khác, lắm cái nghe rất lạ, khiến ta không ngờ ngày xưa các loại hàng hóa được phân chia khu vực buôn bán chi tiết đến thế. Về thực phẩm có Hàng Bún, Hàng Cá, Hàng Cháo, Hàng Chuối, Hàng Dầu, Hàng Mắm, Hàng Muối, Hàng Đường thậm chí có cả Hàng Rươi. Tiểu thủ công nghiệp có các Hàng: Bạc, Bài, Cót, Da, Điếu, Đồng, Mã, Giầy, Giấy, Nón, Vải, Trống, Phèn, Quạt, Vôi, Thiếc, Mành, Tre, Thùng, Cân; trong mục này có lẽ phải kể thêm phố Hỏa Lò vốn ngày xưa bán lò để nấu nướng, nhưng ngày nay Hỏa Lò gắn chặt với tên nhà tù nằm trên phố ấy nên ít ai tưởng tượng được rằng nguyên thủy đây chỉ là một nơi bán một vật dụng rất hiền lành cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày của dân chúng; thậm chí có người còn hiểu rằng Hỏa Lò là cái tên đích thực của nhà tù, nói lên tính chất chật chội, nóng bức, ngộp thở của nhà tù ấy. Một vài nơi để bán nông sản như Hàng Khoai, Hàng Gai, Hàng Đậu, Hàng Gà, lâm sản như Hàng Bè (ắt là nơi bán gỗ), Hàng Than, nhưng có một cái hàng rất lạc lõng chẳng biết bán gì, là Hàng Ngang - chắc chỉ là một phố nằm ngang, nhưng tại sao lại gọi là Hàng Ngang, thay vì phải gọi là Phố Ngang? Sự hình thành một cái tên gọi, trải qua nhiều thời gian, lắm khi trở thành một câu đố cho đời sau. (Một bà bạn của tôi, vốn dân Hà Nội cũ, đã nói đùa rằng Hàng Ngang là nơi bán... cua!). Đa số các hàng chỉ còn là cái tên gọi, còn hàng hóa thì đã "hiện đại hóa," phố nào cũng đầy quần áo giầy dép, hàng Trung Quốc và hàng Thái Lan. Hàng Mã có lẽ là nơi duy nhất giữ nguyên truyền thống, bán toàn đồ mã. Một vài hàng khác giữ được một phần, như Hàng Da thấy bán nhiều sản phẩm da và giả da hơn các nơi khác, và nếu tôi nhớ không lầm thì Hàng Bạc có nhiều hiệu kim hoàn. Ở các khu phố cổ này hình như không có quốc doanh, đó cũng là một nét giữ gìn được không khí cổ truyền. Chợ Đồng Xuân không gây được một ấn tượng đặc biệt nào cho tôi về buôn bán, ngoại trừ nghề móc túi, nếu có thể gọi đó là một nghề. Lý do đơn giản là tôi đã bị móc túi tại đó, mặc dầu cảnh giác tối đa.

Từ lâu trước khi đi thăm Hà Nội, các di tích của Hà Nội đã nằm trong tâm khảm của tôi. Có một cậu bé nào học văn học và lịch sử Việt Nam lại không gặp và nhớ mãi những cái tên mà cậu ta lờ mờ thấy đó là một phần quá khứ của mình: hồ Hoàn Kiếm, đền Ngọc Sơn, Đống Đa, năm cửa ô, đê Yên Phụ, v.v...? Trong nước có nhiều nơi thắng cảnh nổi tiếng, một học sinh từ bé có thể đã nghe nói đến nhiều lần như Nha Trang, Đà Lạt, Hà Tiên, Sa Pa, nhưng những cái tên này không bao giờ mang được một trọng lượng tình cảm như các địa danh của Hà Nội.

Kinh đô của Việt Nam đã đóng tại Hà Nội từ đời nhà Lý, và chỉ chính thức chuyển vào Huế từ đầu thế kỷ 19, thế mà tại Hà Nội không còn một đền đài cung điện nào của vua chúa, ngoại trừ một vài dấu vết mơ hồ như cột cờ, được xây nhiều tầng, mà tầng dưới cùng nghe nói được xây từ đời nhà Lý, và cái thành cổ. Thành này được đóng khung bởi các con đường Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Lý Nam Đế, Điện Biên Phủ và Trần Phú, nay là nơi đóng của Bộ Quốc Phòng, và dân Hà Nội gọi đùa là Lầu Năm Góc Việt Nam. Dân thường dĩ nhiên không được phép vào trong thành, và đi giáp vòng bên ngoài thì dấu tích có giá trị duy nhất là Cửa Bắc với một vết đạn đại bác bằng cái nón lá, do quân Pháp bắn lần tấn công thành mà tổng đốc Hoàng Diệu đã tuẫn tiết.

Tại Hà Nội công trình có tính cách quốc gia duy nhất xây dựng từ các triều đại trước còn lại nguyên vẹn cho đến ngày nay có lẽ là Văn Miếu. Các đền đài cung điện lăng tẩm ở Huế mặc dù hoàn chỉnh hơn, rực rỡ hơn vẫn không cho ta một cảm giác sâu thẳm về thời gian, niềm hãnh diện về văn hiến và tình cảm về tổ tiên mạnh mẽ như Văn Miếu. Di tích Huế chỉ mới như một kẻ vào độ tráng niên, trong khi Văn Miếu là một cụ già thông thái và hiền từ râu tóc bạc phơ đang mỉm cười với con cháu. Bước vào cổng tam quan đi dưới bóng cây cổ thụ um tùm, qua một lớp thành nữa, rồi đến hồ, bia đá và rùa đá sắp hàng, rồi một lần cổng, rồi sân đá rộng thênh thang, rồi đền thờ, cứ vào, vào mãi như đi vào cái hun hút của lịch sử, như lần đến vùng thông tuệ của tiền

nhân. Nói dân tộc Việt Nam là một dân tộc có văn hiến là một điều rất trừu tượng, nhưng đi vào Văn Miếu thì tức là đắm mình vào và hít thở chính cái văn hiến ấy. Tôi nghĩ không riêng người Việt Nam mà cả người ngoại quốc cũng có thể cảm thông điều ấy khi đi vào đây, giống như ta có thể sờ thấy nền văn minh cổ Hy Lạp khi thăm viếng các di tích Athènes vậy. Những nơi thật sự biểu hiệu cho một nền văn hóa và văn minh cao đều có thể gợi cho tất cả những con người văn minh trên quả đất này cảm tưởng bắt gặp một cái gì đó quen thuộc, thuộc vào một kho chung của nhân loại. Những con rùa đá kiên nhẫn đội những bia đá tiến sĩ hàng ngàn năm là để làm chứng rằng vào năm mão tháng mão của một triều đại có những con người đã vươn tới bậc thang cao nhất của trí tuệ vào thời đó. Làm chứng không phải để con cháu lấy đó làm chỗ ỷ lại mà luôn miệng rằng cha ông ta đã thế này thế khác, mà chỉ như ghi một cái mốc tiến bộ để đời sau phải vượt cao và xa hơn nữa. Nơi đâu trên trái đất loài người cũng mở mang dần từ thấp tới cao, cũng ghi dấu tiến lên như thế, và nếu gộp lại thì thành nền văn minh chung của hành tinh dù mỗi nơi vẫn có cái tiểu dị. Một nước dù tài giỏi đến đâu mà tách riêng ra khỏi cái chung ấy, đóng cửa lại để cứ ngắm nghía mình mà khen ngợi rồi thì sẽ cô độc ghê gớm, rồi sẽ xanh xao bệnh hoạn.

Tôi không ngờ Hà Nội là xứ có nhiều nước đến vậy, điều rất quí cho một đô thị. Ngoài con sông Hồng nước đỏ chảy xuôi ngay bên cạnh, Hà Nội còn có rất nhiều hồ nước xanh lặng lẽ như mặt gương. Được biết đến nhiều nhất dĩ nhiên là Hồ Hoàn Kiếm nằm ngay khu trung tâm, rồi đến hồ Thiền Quang, hồ Bảy Mẫu, hồ Trúc Bạch, hồ Tây và vô số các ao hồ không tên khác, nếu cộng tất cả diện tích mặt nước lại có lẽ sẽ lớn hơn một phần năm diện tích của bốn quận nội thành (là các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng). Hồ nào cũng đẹp và thơ mộng, cũng có vô số cây cối ven bờ soi mình dưới bóng nước. Đặc biệt hồ Tây rộng lớn như biển, lúc có gió lớn thì sóng cuồn cuộn làm lật thuyền như chơi. Có lẽ nhờ cái tính chất vừa hiền vừa dữ, vừa êm dịu, vừa mạnh mẽ đó mà hồ Tây đã là nơi phát sinh ra hai bài phú nổi tiếng Tụng Tây Hồ và Chiến Tụng Tây Hồ giữa một thời đất Bắc Hà trải qua những rung động lớn lao do thời cuộc chính trị phức tạp.

Cầu qua sông Hồng

Vì thủ đô nằm ngay bên hữu ngạn, tức bờ Nam của con sông Hồng nên cầu bắc qua sông Hồng là nhu cầu tối cần thiết để liên lạc với phần đất quan trọng nằm phía Bắc. Từ Hà Nội muốn đi Lào Cai, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hải Phòng đều phải qua sông Hồng. Ngày xưa Tôn Sĩ Nghị chiếm xong Thăng Long là làm ngay cầu phao qua sông Hồng - cái cầu chiến lược - nhờ thế mới thoát thân chạy kịp về Tàu, nhưng vẫn không tiên liệu được nhu cầu quá lớn của quân Thanh tranh nhau chạy qua cầu trước sức tấn công của vua Quang Trung nên mới có cảnh "lũ quân chàng Tôn sập cầu trôi đầy sông." Cầu Paul Doumer, nay là Long Biên, người Pháp làm đầu thế kỷ này, dưới mắt tôi là một công trình nghệ thuật hơn là một phương tiện giao thông huyết mạch, mặc dù qua chiến tranh cầu đã không còn được nguyên vẹn như xưa. Toàn ghép bằng sắt Eiffel, cây cầu uốn lượn nhấp nhô như các đợt sóng, nối hai bờ con sông đỏ, làm tôn vẻ đẹp kiêu kỳ của Hà Nội lên nhiều lắm. Từ lúc cất xong cho đến cuối cuộc chiến tranh vừa qua, đó là phương tiện đi lại duy nhất cho xe lửa, xe hơi, xe thô sơ và người đi bộ. Hiện nay đã có thêm hai cầu mới là Chương Dương và Thăng Long nên Long Biên chỉ còn dành cho xe lửa và người đi xe đạp. Cầu Chương Dương được cất song song và cách cầu Long Biên không xa, hiện đang gánh chịu hết trọng lượng của mọi loại xe có máy, từ xe vận tải khổng lồ đến chiếc Honda 50 phân khối, nhưng những thứ thô sơ như xe đạp, xe bò thì bị cấm. Cầu này là niềm hãnh diện của kỹ thuật xây cầu miền Bắc, niềm hãnh diện được truyền tụng trong nhiều giới Hà Nội như là một công trình "hoàn toàn Việt Nam." Xem kỹ thì đó quả là một cái cầu khá lớn bắc qua một con sông lớn, nhưng cũng chỉ là một cái cầu bình thường về nhiều phương diện, nhất là về mỹ thuật, và chắc là bất cứ hãng thầu làm cầu nào của miền Nam trước đây cũng có thể làm được. Ở Bắc hay có khuynh hướng "thần thoại hóa" nhiều cái thực ra chỉ là rất bình thường ở các nơi khác. Khuynh hướng ấy đang ngày càng bớt dần khi nhãn quan của người dân ngày càng được mở rộng.

Cầu Thăng Long do Liên Xô giúp xây dựng là một công trình lớn, một trong những cái cầu đặc sắc mà tôi đã từng thấy. Nằm tít trên mạn tây bắc thành phố, cách trung tâm Hà Nội dễ cũng gần 20km, cầu Thăng Long bắc qua sông Hồng gồm có hai tầng, tầng dưới là đường xe lửa và một lối cho xe thô sơ, tầng trên bằng bê tông rộng thênh thang dành cho xe hơi và xe gắn máy. Điều nghịch lý ở đây là tuy cầu có nhiều ưu điểm như thế nhưng xe cộ rất thưa thớt, xe lửa thì không chạy,

và đường dành cho xe thô sơ thì trống rỗng. Sau mười năm xây dựng, cầu Thăng Long chỉ mới được khánh thành khoảng vài năm nay và nó chứng tỏ không đáp ứng gì cho nhu cầu "qua sông" của Hà Nội và các nơi muốn về Hà Nội. Xe lửa vẫn qua cầu Long Biên và các loại xe khác thích dùng cầu Chương Dương hơn vì lý do giản dị là gần gụi và nhanh chóng. Muốn qua cầu Thăng Long, tàu lửa từ ga Hàng Cỏ phải đi xuống mạn nam, đâu như đến Phủ Lý mới bắt đầu vòng lên phía Bắc và lấy trớn để qua cầu, và từ các nơi bên kia sông dĩ nhiên cũng phải làm một vòng xa xôi như thế mới đến được ga Hàng Cỏ. Ngay xe của Hàng Không đi về sân bay Nội Bài, thuận đường với cầu Thăng Long, thế mà vẫn không dùng nó mà thích qua cầu Chương Dương. Người ta không thể tự hỏi: Thế thì xây cây cầu Thăng Long để làm gì? Luận chứng kinh tế ra sao? Tôi không có một tài liệu nào trong tay, cũng chưa nghe ai có thẩm quyền giải thích, nhưng có thể đoán ý đồ xây cầu là nhằm vào tương lai hơn là hiện tại. Đến một tương lai dự kiến nào đấy thành phố Hà Nội sẽ phát triển rộng lên vùng ngoại thành tây bắc chẳng hạn, và cây cầu Thăng Long sẽ đáp ứng nhu cầu đi lại lúc ấy. Chỉ có cái "lúc ấy" là lúc nào thì tôi không thể nhìn thấy được, vì với đà phát triển và kinh tế của Hà Nội như hiện nay thì tôi có cảm tưởng Hà Nội sẽ chẳng bao giờ lan rộng đến cây cầu ấy cả. Với nhiều cái khác, cây cầu cũng đang ở vào thời kỳ quá độ. Một thời kỳ vô tận. Còn một giả thuyết cuối cùng tôi mới nghĩ ra, nhưng chắc nhiều người đã nghĩ ra rồi, là cầu này được xây chẳng cần luận cứ gì cả, mà chỉ vì ý thích làm một cái gì lớn lao, thế thôi.

Người Hà Nội

Về người Hà Nội và nếp sống Hà Nội, từ nhỏ qua sách vở tôi hiểu là đồng nghĩa với thanh lịch: lời ăn tiếng nói bao giờ cũng văn vẻ và lễ độ; cử chỉ ân cần lịch thiệp; áo quần tề chỉnh, đẹp đẽ; món ăn thức uống ngon miệng, tinh tế; trẻ con ngoan ngoãn "con nhà"; còn các cô gái thì...phải chăng "con gái Hà Thành" đã là cái nổi tiếng nhất của Hà Nội xưa, các cô xinh đẹp kiêu sa mà tự nhiên cộng với một nền giáo dục gia đình và xã hội rất nền nếp, một thời là biểu trưng cho cái đẹp của Hà Nội. Có thể tôi đã tưởng tượng quá đáng, con người của Hà Nội tiền cách mạng có lẽ không hoàn hảo đến như vậy, nhưng cái xã hội mà tôi gặp bây giờ thì khác xa điều mà tôi đã tưởng từ trước.

Thanh lịch, đúng là chuyện thuộc về lịch sử, đó là thứ xa xỉ ngày nay. Đi quanh khu trung tâm đông đúc với những phố buôn bán sang trọng ngày xưa mà nay thay thế bằng cửa hàng mậu dịch quốc doanh, hầu như tôi không gặp một người nào ăn mặc đẹp đẽ một tí. Y phục phổ biến của đàn ông là đầu đội nón cối, quần áo bộ đội hoặc giống như bộ đội, nghĩa là sẫm màu và nhàu nát. Đàn bà thì hơi kiểu cách hơn, thường là quần tây, áo sơ mi, nhưng màu sắc rất khiêm tốn, lối may cắt đơn giản. Có thể nói ở thành phố này không có ý niệm về mặc đẹp, ít nhất là trong ngày thường (còn ngày lễ tết ra sao thì tôi chưa được gặp). Thỉnh thoảng cũng có thấy các cô các cậu thanh niên ăn mặc theo mốt mới, nhưng hầu hết không đạt được sự đồng nhất giữa áo quần và cốt cách. Hà Nội có nhiều cô gái đẹp, đẹp tự nhiên, không son phấn, nhưng tôi vẫn thấy không được "Hà Nội" lắm, có lẽ do phong cách của họ.

Lời ăn tiếng nói lễ độ cũng khó gặp, đừng nói gì đến văn vẻ. Mua một cái tem ở Bưu Điện, ăn một cốc kem bên bờ hồ đã được nghe những câu trả lời chỏng lỏn lạnh lùng, có khi thiếu lễ độ, như mình là người đến để làm phiền người ta vậy. Một cử chỉ ân cần, một thái độ tử tế là biểu hiện trực tiếp của một người có lòng ân cần, tử tế, và một sự hòa hợp mà xã hội tạo ra cho các thành viên của nó; đó là điều hiếm hoi ngày nay. Có lẽ vì thế mà điện ảnh Trần Văn Thủy mới bỏ tâm huyết làm hai cuốn phim *Hà Nội Trong Mắt Ai* và *Chuyện Tử Tế*, có tính cách cảnh tỉnh người Hà Nội. Thái độ lạnh lùng hoặc dữ dằn thô lỗ rất thường gặp, nhất là trong giới trẻ làm ăn. Tôi có ngỏ các nhận xét này với một người Hà Nội lớn tuổi khả kính, ông buồn rầu bảo tôi: "Quả có thế, tính cách người Hà Nội ngày nay đổi khác nhiều. Theo tôi có nhiều lý do: người Hà Nội gốc, đã một thời làm nên cái phong cách Hà Nội, hiện nay còn lại ở thành phố này không bao nhiêu, họ đã ra đi hầu hết qua các biến cố của lịch sử. Dân Hà Nội mà ngày nay ông thấy đông đúc đấy là từ các nơi đổ về sau 1954: ở miền Nam ra, từ vùng Thanh Nghệ đến, và từ hầu hết các tỉnh Bắc Bộ, họ thuộc nhiều nguồn gốc khác nhau, trình độ khác nhau và cùng nhau tạo nên một lớp 'dân Hà Nội' mới. Đâu phải một sớm một chiều mà có được một nền nếp như trước đây, thưa ông, phải nhiều thế kỷ, phải hàng nghìn năm! Mà phải là ở trong một môi trường văn hóa chính trị có văn hiến kia, mới được như thế. Còn Hà Nội mấy mươi năm qua thì chưa có được sự ổn định đó

đâu, nó sống trong một sự thay đổi tận gốc rễ, và luôn luôn ở trong tư thế đang thành hình một cái gì đó, nhưng cái sẽ đến thì chưa định hình, nghĩa là tất cả còn đang thử nghiệm, cho nên cả tính cách con người nó cũng trôi nổi lắm. Tôi có cảm tưởng tính cách đó chỉ là tập hợp một số phản ứng thông thường của con người với đời sống, có khi rất bản năng, chứ chưa bắt rễ vào một nền tảng vững chắc nào về tinh thần. Trong khi đó lại thêm chiến tranh, lại thêm nghèo cực, những thứ chẳng tốt lành gì cho một đời sống ổn định và tốt đẹp."

Phải là dân Hà Nội chính cống, rất ý thức về

"Diễn viên" múa rối nước (Ảnh Tôn Nữ Thu Nga)

bản thân mình và dõi mắt quan sát Hà Nội qua suốt cuộc đời của mình mới có được các nhận xét như thế. Tôi được biết tại Hà Nội bây giờ có một số gia đình nền nếp gia phong, mặc cho xã hội biến chuyển họ vẫn giữ niềm tin chắc chắn vào cái tốt đẹp của nền tảng gia đình, và có thể những năm trước họ bị phê phán là còn nặng tư tưởng phong kiến, nhưng càng ngày sự thật càng nghiêng về phía họ. Liệu con cái của họ có đủ sức đóng vai những tế bào lành mạnh còn sót lại và từ đó nhân ra để tái tạo sự lành mạnh cho cơ thể xã hội?

Người ta có thể dễ dàng gặp những câu nói khá tục tĩu từ cửa miệng nhiều người, kể cả các cô gái xinh xắn. Nhất là từ "đ..." thì đã đến lúc dùng phổ biến như một từ ngữ phủ định để thay thế cho tiếng "không". Một cô gái có thể nói oang oang giữa chợ với bạn: "Nó rủ tao đi nhưng tao đ... đi." Cái chữ tục khá cấm kỵ đó đã được đối đáp rộng rãi đến nỗi trong giới trí thức người ta đã đố nhau dịch ra chữ nước ngoài câu này: "Sáng nay mẹ mày qua xin lửa bố tao, bố tao đ... cho! Mẹ mày xin lửa bố tao đ... được." Thật là một trò chơi chữ gay go. Trong một câu mà chữ ấy vừa được hiểu như từ ngữ phủ định vừa như một động từ chỉ sự làm tình thì làm sao dịch ra một thứ tiếng nào được! Âu cũng là một tiếp nối truyền thống tiếu lâm của dân tộc giữa một biến đổi lớn về cốt cách và ngôn ngữ thông dụng trong quần chúng.

Không biết cái gì đã dẫn dắt rất nhiều người đến cái tâm lý mà tôi cho là bệnh hoạn: người ta có thể thản nhiên phá hoại nhiều cái rất quý của xã hội chỉ để thủ cho mình một cái lợi rất nhỏ. Ví dụ một người đã phá vỡ một cái ống nước để chỉ cốt hứng mấy xô nước. Hà Nội thiếu nước trầm trọng. Một nước phương Tây đang giúp xây dựng một hệ thống nước máy, nhưng mới làm được một nửa thì họ phải ngưng vì cái nửa vừa lắp đặt xong ống sao mà tiêu thụ nước dữ quá, ra ngoài mọi dự kiến cung cấp nước của họ. Họ đâu có biết là bao nhiêu người đã đập vỡ ống nước mới đặt xong chỉ cốt để lấy nước cho gia đình mình, rồi sau đó

bỏ mặc cho nước tha hồ chảy 24 trên 24 tiếng! Ăn cắp nước chỉ là chuyện vặt, mà thái độ thản nhiên phá hoại như thế thì đúng là tội ác. Người ta có thể kể vô số những việc tương tự xảy ra hằng ngày trong xã hội.

Một cái gì đó đã phá vỡ lòng tin của con người rằng xã hội luôn luôn cố gắng đem lại sự tốt đẹp cho mình, và chính mình có bổn phận phải gìn giữ các công trình xã hội để mình và mọi người cùng hưởng. Người ta thẳng tay cắt dây điện để bán lấy chút ít tiền, có thể đốt hết một kho hàng hóa để phi tang cho một vật ăn cắp không đáng là bao, ngay cả một xí nghiệp của nhà nước có thể chỉ vì tiện lợi cho việc xây cất của xí nghiệp mình, phá hỏng cả một hệ thống đường cống khiến cho cả một vùng bị ngập lụt mỗi khi trời mưa. Đấy là đối với của cải vật chất. Đối với mạng người cũng có một sự thản nhiên không kém để tàn hại nhau. Một người kể với tôi rằng một hôm trên đường đi làm về bà ta thấy một kẻ nọ đang cầm búa phá ống nước, xót quá bèn can ngăn, thì được trả lời rất lạnh: "Đi đi, muốn cho một búa không?"

Các nhà xã hội học và đạo đức học có lẽ phải nhức đầu tìm cho ra nguyên do phức tạp nào dẫn đến sự băng hoại con người đến như thế, mà theo tôi kinh tế là động lực quan trọng nhưng không phải là tất cả, còn phải kể đến tình trạng luật pháp, về hệ thống giáo dục, về quan niệm nhân đạo, và xa xỉ một chút, cả tình hình tôn giáo trong một xã hội nữa. Nhưng có lẽ ai cũng đồng ý điều rõ rệt này là con người đối xử với xã hội thô bạo như vậy chỉ vì xã hội đã đối xử với họ tệ quá. Anh tốt lành với tôi thì cớ gì tôi lại phá nát anh ra như vậy? Chỉ vì anh tước đoạt của tôi mọi thứ, anh chèn ép tôi nghẹt thở, anh không cho tôi sống ra con người thì đến phiên tôi, tôi cho anh biết tay! Giữa anh và tôi không còn tình nghĩa gì, chẳng còn mối tương quan tốt đẹp nào, thôi đó cũng là luật gieo gì thì gặt nấy vậy.

Thời gian ở Hà Nội tôi được đi xem vở kịch Trái Tim Chó trình diễn tại nhà hát lớn. Vở kịch này do một nhà viết kịch Liên Xô viết từ năm 1925, và đã bị cấm tại quê hương của nó từ bấy đến thời kỳ đổi mới gần đây mới được xuất hiện trước công chúng. Đó là một câu chuyện nửa khoa học viễn tưởng, nửa ẩn dụ, mượn cớ một thành tựu khoa học lạ lùng để báo động về sự suy vi của con người trong một thời đại. Một người bị tai nạn vừa mới chết, được một giáo sư bác sĩ thay cho một trái tim chó và được cứu sống, nhưng sau đó với tính cách nửa chó nửa người, kẻ ấy đã thâu thái tất cả những cái kệch cỡm, vô giáo dục, vô nhân đạo đã một thời là nét nổi bật của xã hội chung quanh và thành một "người" không thể nào chịu nổi, đến nỗi cuối cùng vị bác sĩ đã quyết định giải phẫu vứt bỏ trái tim chó kia đi và tuyên bố: đã có các bà mẹ tạo ra con người, khoa học không được làm chuyện ấy. Các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội mới tiến bộ có chút xíu, con người đã có ảo tưởng mình đã nắm được mọi thứ qui luật, và đã có thể "thế thiên hành đạo," và thế là sa vào tai họa, như vị giáo sư kia đã làm. Các nghệ sĩ sân khấu Hà Nội đã nhanh nhạy nắm bắt được sự liên quan giữa tình hình con người ở đây, bây giờ và cái con người vong thân do vị bác sĩ tạo nên trong vở kịch, đưa ra trình diễn vở Trái Tim Chó rất sớm sủa như một mũi tên bắn trúng đích.

Nếp sống Hà Nội

Nếp sống của dân Hà Nội ngày nay không phải là nếp sống đô thị đích thực. Ngoại trừ các khu phố tây xưa còn giữ một phần nào cốt cách vì đây là nơi đóng các cơ quan cao cấp của nhà nước và các đại sứ quán, cùng là nơi ở của các nhân vật quan trọng, các nơi khác trong thành phố rất luộm thuộm, nửa tỉnh nửa quê. Hầu hết những ngôi nhà mà dáng vẻ của chúng cho thấy xưa kia là những biệt thự đẹp và bề thế nay đều tiều tụy với những tấm tôn che tạm, những tấm cót thay cho cửa kính bể, khói ám khắp nơi vì nhiều hộ ở chung đun nấu, tường mấy mươi năm chẳng hề quét vôi, cống rãnh lênh láng...

Chỗ nào cũng thấy chắp vá, như dựng thêm một chái nhô ra lề đường để buôn bán, làm thêm nhà phụ bằng vật liệu thô sơ, v.v... chứng có chẳng có luật lệ gì về thiết kế và thẩm mỹ đô thị, hoặc có mà chẳng ai theo, vì mọi người ai cũng chật vật và luộm thuộm như ai, từ người giữ luật cho đến dân thường. Càng đi xa khu trung tâm nhà cửa càng buồn tẻ. Những cái cất đã xưa thì cũ kỹ, cái cũ kỹ nhếch nhác chứ không phải có giá trị như một món đồ cổ như nhà cửa ở Huế, những cái mới thì xây cất tùy tiện, kiểu mẫu tự do, phần nhiều là đơn sơ và thô kệch. Người nơi khác đến đây thấy rất rõ là ở đây không có ý niệm về đời sống của một đô thị văn minh. Rất nhiều ngã tư có trang bị hệ thống đèn giao thông nhưng không nơi nào dùng cả. Heo gà nuôi trong nhà là điều phổ biến. Các mảnh sân, vườn nếu có đều được trồng rau thay vì trồng hoa. Sáng sáng có những

người dáng dấp thôn quê đạp xe có hai cái sọt phủ lá kín cột phía sau: họ đi chở phân người, chắc hẳn lấy ở một cầu tiêu tập thể nào đấy. Có thể nói đây là một môi trường sống độc đáo trong đó hai yếu tố thành thị và nông thôn trộn lẫn với nhau một cách "nhuần nhuyễn" đến nỗi người ta không cảm thấy cái này làm khó chịu cho cái kia. Một hình ảnh đã thành cổ điển của thôn quê Việt Nam, đặc biệt là các làng ở Bắc Bộ, là quán nước chè: dưới tấm liếp che tạm, một nồi nước chè, ít cái bánh kẹo, mấy cái bát úp trên cái chõng tre, một cái điếu cày... Lạ thay, ở Hà Nội, chốn kinh kỳ, loại quán nước như thế này lại rất nhiều, vỉa hè nào cũng có. Nó gọn nhẹ và tân tiến hơn ở thôn quê một tí: nước đựng trong bình tích, uống bằng cốc, một cái đèn hột vịt vặn nhỏ, bên cạnh cái điếu cày có thể có thêm vài gói Hero, Craven "A"... nhưng cốt lõi thì không khác quán nước thôn quê. Và nếu tạ nhìn vào các chợ như Chợ Hôm, Chợ Mơ... thì sẽ thấy một số đông người buôn bán rau quả, trứng và các đặc sản khác của thôn quê đều là người mang trực tiếp sản phẩm của mình từ quê lên. Sài Gòn, với hệ thống thu mua và phân phối chặt chẽ thành nề nếp đã lâu - cái gì cũng có "vựa" - làm sao có thể có cảnh một cô bé mang tới chợ một rổ lá mùng tơi nho nhỏ hái ở vườn nhà, hay một thiếu phụ đạp xe từ làng quê xa lắc mang một giỏ trứng đến bày hàng trên vỉa hè ngay ngoài cổng chợ! Cách bán hàng ở các chợ cũng rất xưa, rất nông thôn. Người đi chợ phải nhớ mang theo cái đựng những thức mình sẽ mua, từ trái cà muối đến con cá, miếng thịt, chứ người ta không gói hàng cho khách, mà thảng hoặc có gói cũng tượng trưng bằng một mảnh lá chuối, lá bàng và quấn sơ sài bằng một sợi lạt. Có một ông già về hưu một hôm đi phố tình cờ thấy cửa hàng quốc doanh có bán muối - ý hẳn giá có rẻ chút đỉnh so với thị trường tự do - ông bèn vào mua. Vì tình cờ nên

TRẦN CÔNG NGHỊ

GỞI DÒNG SÔNG HOÀI

phố có xưa nhưng lòng bao giờ cổ
cùng thời gian soi bóng sông hoài
tìm trở lại thời hồng hoang cổ độ
trăng vườn ai thành quách cũ lẻ loi

có một bận ta về thăm chốn ấy
nghe mang mang hồn ngói cũ khơi dòng
giữa phố đông người lòng sao ái ngại
một thời qua tìm lại chỉ hoài mong

trong lặng lẽ bóng chiều vừa sắp tắt
chân bước đi như một kẻ lạc loài
chiêm động ngày xưa giờ đây vắng ngắt
dáng xiêm y còn lại những tàn phai

rồi từ đó tháng ngày như mệt mỏi
thả trôi đi trên sông nước cuộc đời
giây phút chạnh lòng nếu ai chợt hỏi
quay lưng đi như chẳng nhớ gì thôi

nơi phố cũ, dòng sông hoài vẫn chảy
phương trời xa hơi giá buốt căm căm
vẫn ước mơ mong một ngày trở lại
một lần xa là nhớ mãi trăm năm

20/4/2003

ông không mang theo đồ đựng, cuối cùng ông phải "sáng tạo" lấy vạt áo sơ mi túm ký muối đem về nhà.

Các chúng cư được xây cất khá nhiều để giải quyết chỗ ở cho cán bộ nhà nước. Vì chúng cư là con đẻ của vấn đề nhà ở tại các đô thị văn minh nên tại đây nó càng làm nổi bật tính chất... phi độ thị của số người sử dụng nó. Họ nông thôn hóa đời sống *apartment*: lại chăn nuôi trong ấy, lại lấn chiếm xây cất thêm, lại trồng rau - lại rau! - tại những mảnh đất đáng lẽ có thể tạo thành một công viên nho nhỏ để mọi người trong chung cư, nhất là trẻ em, hưởng chung. Công thức sống tại thành phố này là: tôi là trung tâm, cái gì không phải tôi chỉ là phụ. Mọi cái xoay chung quanh là để phục vụ cho tôi, tôi tìm mọi cách khai thác cho mình tất cả những gì có thể khai thác được trong tầm tay. (Đây là tôi nói về tinh thần cốt lõi của cuộc sống, chứ không nói những gì người ta phát biểu. Lời phát biểu, nhất là trong các buổi họp, thường thì ngược lại, rất vị tha. Đó là một thói quen. Đã từ lâu, sự dùng mỹ từ đã thành một cái nếp quen thuộc trên mọi lãnh vực trong đời sống công cộng ở đây). Còn nếu cố tìm một chữ để diễn tả chung lối sinh hoạt của dân Hà Nội thì tôi thấy không chữ nào hơn là chữ "tùy tiện." Từ việc lưu thông trên đường, đến mua bán, đến lấy nước, tắm giặt... tất cả đều theo một nguyên tắc: làm theo cách nào tiện lợi cho mình nhất thì làm. (Khi ống dẫn nước vừa được đặt đi qua gần nhà mình thì cách tiện nhất để lấy nước là đập vỡ nó ra, chẳng hạn như vậy.)

Tình hình ăn uống

Món ăn ngon cũng là một thành tựu văn hóa của con người, giống như mặc đẹp và cử chỉ lịch sự vậy. Khi sự thanh lịch của Hà Thành biến mất thì cái ngon truyền thống chắc cũng phải mất theo. Tôi đoan chắc không ai có lòng dạ nào để mà rình rang chuẩn bị cho đến đầu đến đũa một món ăn ngon khi bên hàng xóm đang rình rập để báo cáo, hoặc tìm được một "bát phở Nguyễn Tuân" trong bất cứ một tiệm phở quốc doanh nào. Cái ngon của Hà Nội đã mất đi là vì thế, và nay đang lúc hồi phục lại, nhưng chắc còn lâu mới đạt được phong vị cũ. Thực ra tôi đã "sành" món ăn Bắc từ hồi mười mấy tuổi kia khi khám phá ra cái tài hoa của Thạch Lam trong Hà Nội Băm Sáu Phố Phường, và thưởng thức hết món này đến món khác qua văn chương. Trễ hơn về sau, bài Phở của Nguyễn Tuân đã thực sự cho tôi một bài học thế nào là phở. Đợt di cư năm 1954 người Bắc đã du nhập vào Sài Gòn gần như tất cả món ngon Hà Nội cũng như nhiều mặt khác của đời sống, mà một cộng đồng người có văn hóa cao hơn thường ảnh hưởng lên một cộng đồng khác. (Trường hợp năm 1975 thì hoàn toàn khác hẳn, và ở đây không đề cập tới). Tôi dần dần nếm được các món ăn Hà Nội vốn trước kia chỉ là hàm thụ. Sự khác biệt của khí hậu và thiếu một vài thứ sản phẩm, gia vị chỉ có thể tìm thấy ở miền Bắc có thể hạn chế một phần nào các món Bắc *made in Saigon*, nhưng theo tôi người ta đã thể hiện được đặc tính chung, đó là cái ngon rất tinh tế trong các món xem ra giản dị. Không đạt tới một trình độ cao trong nghệ thuật ăn uống, người Bắc đã chẳng hãnh diện với câu "ăn Bắc mặc Kinh."

Có lẽ không thể một sớm một chiều mà có thể thưởng thức hết cái ý nhị của món ngon một xứ, nhất là các món dân gian. Phải quen với khí hậu, phong thổ, cách sống xứ ấy mới nắm bắt được cái "thần" của món ăn. Trước, tôi đã biết nhiều món Hà Nội nhưng chưa ăn chúng tại đất Hà Nội như lần này: Bánh tôm Hồ Trúc Bạch, bún riêu chợ Đồng Xuân, phở Bùi Thị Xuân, mì, vằn thắn Mai Hắc Đế, cháo tim cật chợ Mơ, chả cá Lã Vọng, bún chả, bún ốc, bún bung, thậm chí xôi lúa, bánh dầy tôi đều chịu khó nếm qua để thưởng thức hương vị chốn kinh đô. Có món tôi thích thú, có món tôi thất vọng, nhưng quả là có một cái gì đó rất sâu lắng, có khi là một dáng vẻ tình cảm và tinh thần hơn là hương vị cụ thể của món ăn khiến tôi lúc thì cảm động, lúc lại nghẹn ngào. Có lẽ khó so sánh hơn thua giữa một tộ bún ốc bà Ba Bủng ở cửa Bắc chợ Bến Thành trước đây với tô bún ốc ở một ngõ phố Tràng Tiền Hà Nội bây giờ, có thể chúng đều ngon như nhau khi tạo cho tôi những thích thú về khẩu vị, nhưng ăn ở Hà Nội thú hơn, vì "đúng gốc." Vừa nhai miếng bánh tôm bột rất xốp dòn tan trong miệng vừa nhìn ra hồ Trúc Bạch gió nhẹ sóng lăn tăn mà tưởng ra rằng loại bánh này đã được chế ra từ nhiều thế kỷ trước và cũng đã được bán cho khách nhàn tản bên hồ như bây giờ thì cái bánh tôm ở hẻm Casino Sàigòn ồn ào um khói làm sao mà có thể sánh được!

Lại còn chả cá Lã Vọng. Một căn nhà cũ kỹ ở phố Chả Cá, trước cửa có trưng bày tượng một lão ngư ông cầm cần câu; lão già lắm, như đã ngồi đó từ đời xửa đời xưa. Vào trong nhà khung cảnh càng cổ hơn; một cái bàn thờ tổ tiên nghi

ngút khói hương, những cây cột và bàn ghế đen mun, cầu thang lên gác kêu cọt kẹt, cái gác gỗ khum khum ám khói vẫn giữ một cốt cách lịch sự xưa cũ. Chủ nhân cũng thế, lịch sự một cách xưa cũ, nghĩa là vồn vã, lễ độ, chân tình, với cái hãnh diện kín đáo mình là chủ nhân thừa kế thật sự của một món ăn gia truyền nổi tiếng, một cung cách đã một thời biến mất tại đất kinh độ ngàn năm văn vật. Đó là một thiếu phụ khoảng tuổi bốn mươi, với vẻ trân trọng coi khách như là chỗ thân tình, vừa bày biện món ăn vừa kể cho khách nghe lịch sử thăng trầm của quán Lã Vọng: Chính tại địa điểm này quán được thành lập đã hơn một trăm năm nay, trải năm đời gia tộc họ Đoàn, nổi tiếng đến nỗi dãy phố có quán này đã mang tên là phố Chả Cá. Nơi đây một thế kỷ qua đã tiếp bao tao nhân mặc khách. Sau khi chính quyền Cách mạng về Hà Nội một thời gian, quán đóng cửa khi cả xã hội đi vào con đường làm ăn tập thể và chỉ mới mở cửa lại vài ba năm nay theo yêu cầu của chính quyền thành phố, có lẽ để gây lại một chút hương vị Hà Nội cũ nhân dịp đổi mới tư duy. Người chủ quán kể với một giọng nhỏ nhẹ nhưng đầy tự tin của một kẽ biết rõ giá trị của mình. Các bí truyền xưa của nghề làm chả cá trong gia đình họ Đoàn lại được đem ra thi thố cùng thiên hạ với lời nhấn mạnh "chỉ có một nhà hàng Chả Cá Lã Vọng duy nhất ở Việt Nam" và khách các nơi nghe tiếng lại kéo về, kể cả khách nước ngoài và Việt kiều. Ngồi ăn trên căn gác nhuốm sẫm màu thời gian, tôi cứ nhìn quanh mường tượng những hình bóng đã qua: Thạch Lam ngày xưa thường ngồi chỗ nào nhỉ, Thế Lữ, Nhất Linh chắc hẳn đã nhiều lần đánh chén ở đây với các bạn làng văn?... Thật là một chỗ thích hợp cho một cây bút như Bình Nguyên Lộc viết về Hồn Ma Cũ... Trong khi các lát cá cắt vuông vức đang xèo xèo trên cái quánh mỡ, chủ nhân vẫn giọng thân mật đều đều: "Hình như ông ở miền Nam mới ra? Món này ăn tận gốc mới ngon. Ông dùng được mắm tôm chứ ạ?... Vâng, có cà cuống, ông dùng loại giọt hay loại băm nhỏ? Dạ, loại cá này chúng tôi phải đặt mua tận ngã ba sông Đà, chỉ ở đấy cá này mới nổi tiếng ngon..." Cung cách ân cần và tín cẩn của chủ nhân cũng là một nét gia truyền, và chính nó hình như cũng là một phần cái ngon của món chả cá này. Cái ngon thật sự không thể tách rời với một trình độ văn hóa nào đó được.

Những quán lề đường thức ăn hơi thô thiển, dường như mới gượng lấy lại phong thái cũ sau một thời gian dài xuống cấp hoặc biến mất. Một món như bún chả chẳng hạn, chắc là chưa đến nỗi thất truyền, nhưng khi ăn tôi không cảm thấy hài lòng vì nó thua hẳn cũng món này di cư vào Nam, và hẳn càng thua món bún chả Hà Nội xưa mà Thạch Lam đã tả, hấp dẫn đến nỗi đã khiến cho một ông đồ cuồng chữ từ quê lên xuất khẩu hai câu thơ:

Nghìn năm văn vật đất Thăng Long
Bún chả là đây có phải không?

Các món có nước như phở, mì, cháo, người ta đã dùng bột ngọt đến một mức độ mà tôi phải nói là "kinh khiếp." Những món này của Sài Gòn ngày trước và ngay bây giờ nữa nếu dùng bột ngọt một cách lộ liễu sẽ bị khách hàng chê ngay, thế nhưng ở Hà Nội, cô hàng cháo lòng chẳng hạn, có thể xúc hai muỗng cà phê bột ngọt bỏ vào tô, ngay trước mặt khách, trước khi múc cháo vào, và hình như cô hàng lấy làm hãnh diện mình đã dùng mì chính một cách hào phóng như vậy để "phục vụ" khách. Mặc dù hoàn toàn không đồng tình với cái "ngon" như thế, tôi vẫn thấy đây là chuyện tế nhị nên không có ý kiến gì với người bán cũng như với người Hà Nội. Đây không phải là một cái gu ăn uống, mà chỉ là sự lạm dụng hóa chất một cách quá đáng để đánh lừa vị giác, bắt nguồn từ một thời kỳ thiếu thốn trong quá khứ và có lẽ ảnh hưởng của nó đến ngày nay cũng chưa hết hẳn. Một nền nấu nướng chân chính vốn dựa vào sản phẩm thiên nhiên dành cho con người là thịt cá, rau quả và các loại hạt để cho con người sự ngon miệng và bổ dưỡng, ắt phải hổ thẹn với một sự lạm dụng có mục đích đánh lừa như vậy.

Nhưng tôi vẫn luôn luôn cảm động với những món quà có gốc gác thôn quê như xôi lúa, bánh tro, bánh gai, bánh khúc, các loại bánh nếp, bánh tẻ gói bằng lá chuối... vì tôi gặp ở đấy sinh hoạt ngàn đời của nông thôn, sự cần mẫn và sự sáng tạo của con người Việt Nam. Từ những sản phẩm gặt hái từ đồng ruộng, họ đã đem lại cho cuộc sống thêm một chút thơm ngon, một chút tinh tế giữa thiên nhiên thô nhám. Tạo từ hột nếp, hột đậu, tấm lá thành cái bánh chưng vuông vắn ngon lành cũng là đi từ cuộc sống man dã đến chỗ có văn hóa. Vị ngon lành của những món quà mộc mạc luôn luôn ẩn một nét khôn ngoan và sắc cạnh của những người chế ra chúng, những người đã đạt được trình độ cao một cách kín đáo trong việc

tổng hợp các hương và vị. Nhờ có được một phong vị giá trị thực sự, các món quà ấy đã đứng vững giữa thời đại mới, và chắc còn đứng lâu. Xôi lúa chẳng hạn, cách biến chế có lẽ vào hạn giản dị bậc nhất - bắp bung và ít đậu xanh hầm - nhưng theo tôi nó đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật phối hợp các hương vị tự nhiên của đồng nội để cho ta cảm giác ngầy ngậy bùi bùi rất là ưa miệng. Trong việc làm món ăn, sự cầu kỳ tất nhiên có giá trị của nó, vì đó là công trình phân tích và tổng hợp chi li đặc tính của các loại thực phẩm nhằm tạo hiệu quả ngon miệng tối đa. Thế nhưng đúng như người ta thường nói, cái lớn lao bao giờ cũng giản dị, chính những món ăn gần hương vị thiên nhiên của nó nhất là có cái ngon lâu bền nhất. Chính vì thế mà những thức quà của thôn quê tuy mộc mạc lại được người ta yêu mến lâu đời. Một nét đáng yêu của Hà Nội ngày nay là các thức ăn như vậy còn rất nhiều.

Kết

Tôi đã đề cập một cách khá tản mạn nhiều mặt của cuộc sống Hà Nội, nhưng có một "cuộc sống" u trầm hơn, có lẽ quan trọng nhất của Hà Nội mà tôi chưa nói đến, đó là các di tích. Các di tích chính là cái làm cho Hà Nội là Hà Nội, đó là hồn xưa của đất cố đô, tôi không muốn viết trong dịp này, chung với những cái khác. Tôi không thích không khí tôn nghiêm ấy ở bên cạnh mùi khói chả nướng hay những cái tạp nhạp đáng buồn của đời sống hôm nay. Những rung động và cảm nghĩ mà những đền Trấn Võ, chùa Trấn Quốc, đền thờ Hai Bà Trưng, gò Đống Đa hay thành Cổ Loa mang lại cho tôi, tôi sẽ viết riêng vào một dịp khác.

Tất nhiên tôi đã đến Hà Nội với một hình ảnh Hà Nội có sẵn trong tôi, nhưng tôi không ngờ hình ảnh đó lại sâu đậm, lại mến yêu đối với tôi đến thế, đến nỗi tôi gần như giận lẫy khi thấy những cái không đúng ý mình. Khi mới lớn đã từng mê Hà Nội qua câu hát:

Hà Nội ơi
Hướng về thành phố xa xôi
Ánh đèn giăng mắc muôn nơi
Áo màu tung gió chơi vơi (1)

mà bây giờ đi mãi quanh hồ Gươm không thấy một cái áo màu nào tung gió cả, tôi thấy tiếc như bị mất một cái gì rất đẹp, mặc dù tôi thừa biết trước rằng ngày nay chẳng làm gì còn cảnh ấy, rằng sự vật phải biến đổi, không thể bắt một hình ảnh của cuộc sống ba bốn chục năm trước phải tồn tại tới bây giờ. Nhưng tôi vẫn có "Hà Nội của tôi," lý luận thì ăn thua gì ở đây? Sự thanh lịch (trong đó có cả áo dài tung gió), cảnh đẹp, không khí cổ, món ăn ngon, đã ám ảnh tôi từ nhỏ, và bây giờ cứ thế tôi đi tìm. Tôi đã thấy được cảnh trí, nhưng không tìm được con người, nghĩa là tôi bị mất mát nhiều lắm, vì cảnh không người là cảnh chết. Tiếc nuối như tôi có phải là quá hoài cổ không, có phải là "vớ vẩn" không? Tôi chẳng biết. Chỉ biết rằng một cái đẹp mất đi mà thay vào đó không phải là cái đẹp khác thì tôi tiếc, thế thôi.

Khi máy bay lượn vòng trên Hà Nội một buổi sớm tinh sương để lấy hướng về nam, tôi lại bồi hồi nhìn bao quát thành phố để từ biệt, và mới nhận thấy mình biết về thành phố này còn ít quá. Không phải du khách nào cũng được ở Hà Nội lâu đến ba mươi ngày như tôi và lại được hướng dẫn đi lục lọi mọi ngõ ngách. Nhưng cái biết hãy còn ít và hời hợt. Qua kính máy bay, sông Hồng lượn khúc như ôm lấy thành phố xinh đẹp mờ mờ trong làn sương sớm như còn che giấu nhiều điều bí ẩn. Có lẽ tôi đã đến Hà Nội với nhiều lý sự và định kiến có sẵn quá. Nhưng giờ đây, từ trên cao nhìn xuống, thu hình ảnh bao la vào tâm trí trong một chốc lát ngắn ngủi, tôi chỉ thấy một tình cảm thương mến rất rộng rãi nhẹ nhàng, dường như có sẵn trong tôi đã lâu rồi. Đã có từ trước khi có tôi và sẽ tiếp tục tồn tại sau này khi tôi không còn nữa. Dường như trong phút chốc tôi hòa nhập vào một cái gì vĩnh viễn.

Mảnh đất dưới kia quả là "nghìn năm vượng khí nơi đô hội," như một bài thơ xưa vịnh Hà Nội đã nói. Dòng sông Hồng vẫn trôi, khối nước vĩnh cửu trườn mình về phía đông, trên mặt sông bao nhiêu bọt bèo trôi theo chỉ là cái phù phiếm nhất thời. Bên cạnh sông Hồng, Hà Nội cũng thế, suốt lịch sử đã chứng kiến bao cuộc bể dâu của các triều đại, mỗi thời mỗi kiểu, nhưng những cái đó cũng chỉ là bèo bọt phù phiếm trên mặt sóng, còn sức sống thật của Hà Nội là một khối bền vững, luôn biến động như dòng sông, nhưng luôn luôn nó vẫn là nó, toát lên cái vượng khí ngàn năm.

Tôi đến Hà Nội như một du khách, nhưng rời Hà Nội như một người đang phải rời bỏ một quê hương xưa, xưa lắm của mình.

Sài Gòn, mùa thu 1989

(1) Hướng về Hà Nội, nhạc phẩm của Hoàng Dương.

GIÁ TRỊ CHÍNH YẾU CỦA TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

THÁI TUẤN

Tôi nhìn thằng cháu đang tập viết. Những ngón tay bé nhỏ nắm chặt cây bút, môi nó mím lại theo nét bút, cố sức nắn nót cho đúng với những chữ mẫu ở cuốn tập đồ. Nó không thể biết, còn bao nhiêu mẫu mực đang chờ sẵn nó, từ gia đình đến trường học và cả trong cuộc sống xã hội.

Nếu tất cả mọi khuôn mẫu có thể tạo thành những gì giống nhau thì cái gọi là cá tính lại làm ra những cá nhân khác nhau.

Cá tính hiện ra ở nét bút khác nhau. Có nét bút vội vàng nóng nảy, có nét bút thanh thả điềm đạm. Có nét bút dối trá ba hoa và những nét bút thật thà trung thực.

Những nét bút trong bức họa cũng đã nói về tư chất, phong cách của người họa sĩ.

Nét bút cũng chính là tiếng nói của tiềm thức, vô thức đã vượt khỏi sự kiểm soát của trí óc, của ý muốn cá nhân.

Những nhà phê bình nghệ thuật cũng thường tìm hiểu đời sống, tiểu sử của họa sĩ, để đối chiếu với tiếng nói của nét bút trong tác phẩm.

Người Tàu có câu: "Một nét bút đã phân biệt người quân tử, kẻ tiểu nhân." Tôi được nghe ý kiến cho rằng: "Quân tử hay tiểu nhân thì dính dáng gì đến vẻ đẹp bức họa."

Song một tác phẩm nghệ thuật đâu phải là sản phẩm của kỹ nghệ chế tạo hàng loạt, chỉ cần cái tốt, cái đẹp.

Cái đẹp sản phẩm của kỹ thuật chưa phải là cái đẹp ở tác phẩm nghệ thuật. Cái đẹp ở phạm vi nghệ thuật bao gồm nhiều giá trị phản ảnh con người cá nhân họa sĩ.

Beranson là một nhà phê bình lỗi lạc. Ông chuyên về những bức họa ở thời kỳ Phục Hưng ở nước Ý. Từ Hoa Kỳ, ông đến sống ngay ở tỉnh thành Florence miền bắc Ý.

Ông đã từng nói: "Trong nét bút cá nhân chứa dựng cả một nền văn hóa mà cá nhân đã được nuôi dưỡng. Tôi thấy cần sống ở Florence để tiện tìm hiểu nền văn hóa nơi này hầu sự đánh giá tác phẩm đỡ sai lầm."

Tác phẩm nghệ thuật toàn thế giới xuất phát từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Các nhà phê bình Tây phương thường chú trọng đến những tác phẩm thuộc vùng văn hóa mà họ am tường. Sự biện hộ thường sao lãng với những vùng văn hóa Đông phương cũng là chuyện bình thường.

Sự ưu ái tự hào về những tác phẩm nghệ thuật xây dựng từ nền văn hóa của dân tộc mình là điều chính đáng. Quốc gia nào cũng tìm cách ngăn ngừa sự thất thoát những tài sản nghệ thuật của đất nước ra bên ngoài. Quốc gia nào cũng cần đến một Tàng Viện Quốc Gia để bảo tồn gìn giữ những tác phẩm nghệ thuật của đất nước.

Tuy nhiên công việc trước hết là phải có sự đánh giá đúng đắn, nghiêm chỉnh. Ở nước ta sinh hoạt nghệ thuật, có phần giống với các dân tộc Đông phương, chỉ chú trọng đến công việc sáng tác mà coi nhẹ công việc phê bình.

Việc khám phá ra những tài năng chỉ trông đợi vào cặp mắt xanh của các nhà phê bình phương Tây. Đối với họ việc khám phá ra những tài năng thuộc vùng văn hóa Âu châu cũng không mấy khó khăn. Tuy nhiều nền văn hóa khác nhau song dân tộc châu Âu cùng chung một cội nguồn từ lâu đời. Những bậc tài danh như Van Gogh, Modigliani, Picasso hay Chagall, trước khi những nhà phê bình của Pháp ở Paris biết đến họ thì tài năng của họ đã được giới văn học nghệ thuật nơi xứ sở họ nhận ra và phần đông dân chúng trong nước đã bị chinh phục bởi sự rung cảm từ tác phẩm. Chính vì vậy mà các nhà phê bình ở Paris mới lưu tâm tìm hiểu.

Thực ra Paris mệnh danh là kinh đô nghệ thuật cũng chỉ là nơi chốn thụ phong nhiều người biết đến.

Trường hợp của các bậc danh họa nước ta như Phan Chánh, Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Bùi Xuân Phái v.v... cũng ở trường hợp tương tự. Mặc dầu họ làm việc ở trong nước nhưng tiếng chuông của họ đủ lớn, vang vọng tới tận Paris, gợi sự chú ý cho các nhà phê bình nước ngoài.

Hiện nay chủ trương toàn cầu hóa đang được sự tán thành của hầu hết các quốc gia. Song khi sự toàn cầu hóa về tổ chức kinh tế, chính trị đã đến giai đoạn hoàn tất, cái quan trọng còn lại vẫn là tính chất đặc thù của các nền văn hóa.

Mỗi dân tộc chỉ còn lại nền văn hóa đặc thù để tự hào.

Tác phẩm văn chương là ký ức tập thể của mỗi dân tộc đã ký gửi vào đó nền văn hóa của mình. Cũng do đó, khi tác phẩm chưa tạo được sự cảm thông, ưu ái của giới làm nghệ thuật trong nước và những người thưởng ngoạn cùng chung một nền văn hóa thì sự "thụ phong" của những nhà chuyên môn phê bình ở những nơi xa lạ cũng không mấy hãnh diện cho người nghệ sĩ.

Tôi nhìn ngắm những nét bút của thằng cháu. Những nét bút non nớt vụng về. Nó còn quá bé nhỏ. Khối óc tâm hồn còn trong veo. Mẫu mực còn chưa đạt được. Nói chi đến văn hóa.

Paris Mai 2002

NGUYỄN VĂN TƯỜNG CÓ TƯ THÔNG VỚI BÀ HỌC PHI VÀ GIẾT VUA KIẾN PHÚC KHÔNG?

NGUYỄN QUỐC TRỊ

(Tiếp theo và hết)

IV. Sự phổ biến tin đồn qua các sử sách thông dụng của Việt Nam

Trong khuôn khổ chiến dịch này của nhóm Hà Nội, việc ông Độ, theo lệnh của Silvestre, đã gởi thơ nói trên cho de Courcy để ám hại NVT, trong đó có chuyện vua Kiến Phúc chết vì uất ức, không có gì lạ. Rồi từ đó, tin đồn này được tiếp diễn dưới không biết bao nhiêu hình thức, tùy theo trí tưởng tượng của mỗi người viết sử.

A. Sử gia Trần Trọng Kim

Trong một cuốn sử ảnh hưởng sâu đậm nhất vào hai ba thế hệ người Việt Nam cho đến ngày nay, ông Trần Trọng Kim viết: *"Có chuyện nói rằng: khi vua Kiến Phúc se mình, nằm trong điện, đêm thấy Nguyễn Văn Tường vào trong cung, ngài có quở mắng. Đến ngày hôm sau, thì ngài ngộ thuốc mà mất."* (*Việt Nam Sử Lược*, Sài gòn, Bộ Giáo Dục xuất bản, 1971, 224, *ct.* 175). Tác giả không cho biết tin này lấy từ đâu. Rồi trong cuốn *Hạnh Thục Ca* của Nguyễn Nhược Thị, do ông phiên âm và chú thích, mặc dầu tác giả Nguyễn Nhược Thị không đả động gì đến câu chuyện này, sử gia Kim cũng ghi dài thêm một chút: *"Vua Kiến Phúc mất, có một điều rất bí ẩn, là người ta nói rằng: ngài mắc bệnh đậu mùa, nằm trong điện, đêm nghe tiếng giày đi. Ngài hỏi ai đi đó, thì thấy Nguyễn văn Tường tâu rằng: "Tôi." Ngài quở rằng: "Đêm hôm thầy vào làm gì trong cung?" Tường không nói gì, rồi sáng hôm sau thì vua Kiến Phúc mất. Người ta nghi là Tường cho thuốc độc giết vua. Việc này chưa rõ thực hư thế nào, nhưng cũng ghi vào đây làm một chuyện đáng ngờ."* (Nguyễn Nhược Thị, *Hạnh Thục Ca.* Sài Gòn, Tân Việt, 1950, t. 31, ct. 1)

B. Sử gia Phạm Văn Sơn

Sử gia Phạm Văn Sơn thì đi xa hơn một chút nữa trong cuốn *Việt Sử Toàn Thư*, (Sài gòn: Khai Trí, 1960). Ở trang 460, chú thích 121, tác giả nói đó là tin đồn, nhưng ông có vẻ coi như là tin thiệt, vì dựa theo đó ông cho rằng vua chết không phải vì lý do chính trị, như một số sử gia khác đã nói: *"... Theo dư luận ở Huế nhà vua bị đầu độc do tay bà Học Phi và Nguyễn Văn Tường. Hai người này tư thông với nhau. Nhà vua biết được đang sẽ trừng trị việc thông gian thì Tường ra tay trước. Cái chết của vua Kiến Phúc như vậy không phải là vì chính trị."* Rồi cũng trong sách đó, đến trang 465, thì tác giả mặc nhiên cho tin đó là thật, chớ không phải là tin đồn nữa, vì bây giờ ông lại nói: "Vua Kiến Phúc ở ngôi được hơn sáu tháng và mất ngày mồng 7 tháng 4 năm Giáp Thân [1884] trong một trường hợp vô cùng thê thảm như trên đã kể."

C. Sử gia Phan Khoang

Sử gia Phan Khoang, thận trọng hơn, và có vẻ có thiện cảm hơn với NVT: "Vua Kiến Phúc chết vẫn còn bí mật. *Có người nói Nguyễn Văn Tường bỏ thuốc độc giết vua để làm mất vị Quốc-trưởng đã lập hòa ước Giáp Thân với Pháp; có người nói là bà Học-phi Nguyễn-thị [vợ vua Tự-đức] là mẹ nuôi của vua Kiến-phúc có tư tình với Nguyễn Văn Tường, một hôm, nhân vua đau, Tường vào thăm có trò chuyện với bà, vua nghe và có hăm dọa, Tường thấy nguy, xuống Thái-y-viện bốc một thang thuốc để dâng vua uống, ngày hôm sau thì vua băng. **Nhưng phần đông đều cho là vua chết vì bệnh.**"* (*Việt-Nam Pháp-thuộc-sử.* Sài gòn: Phủ Quốc-vụ-khanh đặc trách văn hóa, 1971, trang đầu của Chương Mười, ct. 1, NQT nhấn mạnh)

V. Sự tiểu thuyết hóa, hay tiếu lâm hóa, lịch sử Thực dân

Dần dà với thời gian, những tin đồn và suy diễn của các tác giả Pháp thực dân đã nghiễm nhiên trở thành sự thật ngày nay.

A. "Cụ Phó Bảng Cư" và "Cô Yến" ở bến Vân Trình

Mới đây, năm 1996, theo một học giả xứ Huế, câu chuyện đã được tường thuật với nhiều tình tiết được thi vị hóa:

"Cụ Phó Bản Cư .... kể lại cho tôi nghe rằng:

sinh tiền, Vua Tự Đức ưa đi thăm dân ...

*Đến làng Vân Trình ... Phong Điền. Ngài từ Phá Tam Giang đi ngược lên gặp mưa to gió lớn, bèn ra lệnh ghé bến Vân Trình, thì vừa thấy trên bờ sông một thiếu nữ kiều diễm đang núp mưa dưới lùm tre. Vua rất lấy làm vừa ý, liền hạ lệnh tuyển vào Cung, phong là 'tài nhơn,' về sau được phong 'tam giai phi.' Bà này tên Yến, tức là bà Học Phi trong sử sách. Sự việc này đã khiến cho dân làng Vân Trình đặt câu phong dao: [...] Trời xui có trận mưa giông, Khiến con chim én vào trong đền vàng. [...] **Về sau này có sự cấu kết giữa Nguyễn Văn Tường và bà Học Phi là người đã đưa chén thuốc [nấu theo toa của Nguyễn Văn Tường và tự y đã thêm chất hồng hoàng vào] ép vua Kiến Phúc uống, rồi sáng hôm sau thì vua chết!"*** (Thái Văn Kiểm, 'Nước loạn canh tàn khóc bể dâu' *Nhớ Huế*, số 8, 1996, 91-2; NQT nhấn mạnh).

Với sử gia miền Sông Hương Núi Ngự này, ta thấy thêm một bước tiến nữa, là NVT đã "thêm chất hồng hoàng vào." Rất tiếc là về việc tố cáo một đại thần bỏ thuốc độc giết vua, là một việc quan trọng như vậy, mà tác giả không cho biết rõ xuất xứ từ đâu, ngoài "Cụ Phó Bảng Cư." Tuy nhiên, mặc dù bài viết không có thư tịch, không chú thích nguồn gốc tài liệu [trừ một vài chỗ], và chắp nối đoạn này mâu thuẫn với đoạn kia [xem trang 81 và trang 102 về cái chết của Trần Tiễn Thành], nó đã được đăng lại với đôi chút sửa đổi về hình thức và bỏ bớt một đoạn sau, vào cuốn sử mới hoàn thành năm 2002 của LS Hoàng Cơ Thụy, với tư cách là một bài "Sưu khảo" (*Việt sử khảo luận Từ Thái Cổ đến Hiện Đại*. Paris, Hội Văn hóa Hải ngoại, t. 1889-97). Ngoài ra, chuyện NVT và bà Học Phi cũng được LS Thụy nhắc đi nhắc lại, lúc hư lúc thực, trong bộ sử đồ sộ của mình. (ví dụ, Op. *cit.*, t. 1271-2, 1327).

B. Mối tình lãng mạn giữa một ông vua già và một cô gái quê

Mới đây, năm 2001, một sử gia miền Quảng Trị, trong một cuốn sách tự xuất bản, đã cho thêm vài chi tiết đáng chú ý, mà vị học giả xứ Huế nói trên có lẽ chỉ ám chỉ thôi, như:

*"... Bà Học Phi, một người trẻ đẹp. **Tự Đức đã gặp Bà khi ông ngoài 50 tuổi, mối tình lãng mạn giữa một ông vua già và cô gái quê mới 15, 16 tuổi.**"* (Nguyễn Lý Tưởng, *Thuyền Ai Đợi Bến Vân Lâu*. Hoa Kỳ, 8-2001, 277); và bà "tên là Yến, người họ Nguyễn ở làng Vân Trình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên." (t. 278); và NVT, sau khi "lấy thuốc đã pha chế sẵn, gia giảm chút ít rồi đưa cho Bà Học Phi để chính tay Bà trao cho vua uống. *Kiến Phước được bà Học Phi nuôi khi còn nhỏ, thương yêu như con ruột. Vua cũng thương bà như mẹ đẻ vì bà vừa trẻ đẹp, vừa khôn khéo... rất được lòng vua. **Chính tay mẹ trao thuốc cho con uống thì còn nghi ngờ gì nữa.**"* (*t.* 279, NQT nhấn mạnh)

VI. Mức độ khả tín nội tại của nguồn tin vua Kiến Phúc bị đầu độc

Mặc dầu câu chuyện phát xuất từ một tin đồn với ác ý do thực dân tung ra để hạ uy tín của một vị đại thần chống Pháp, nhưng vì nó lưu truyền dai dẳng trong lịch sử cho đến hiện tại, tưởng cũng nên mổ xẻ, phân tích xem nó có dựa trên một cơ sở nào vững chắc không. Một nhận xét đầu tiên, là người vô danh đã bịa đặt ra câu chuyện tỏ ra không thông hiểu gì về lịch sử Việt Nam, về sự quan trọng đặc biệt của nghi lễ trong việc cai trị nói chung, cũng như các qui tắc, thủ tục liên quan đến các hoạt động hằng ngày, công hay tư, của vua. Các nghi thức này được sửa đổi, cải tiến qua kinh nghiệm sống để bảo vệ sự trường tồn của triều đại và tính mạng của vua. Bộ Lễ là một bộ quan trọng vào bậc nhất, và cùng với Đô sát viện, có nhiệm vụ đốc xuất sự áp dụng đúng đắn và chặt chẽ các nghi lễ của triều đình. Chính sử nhà Nguyễn đã ghi lại không biết bao nhiêu trường hợp các quan lớn nhỏ bị trừng phạt nặng nhẹ vì đã vi phạm nghi lễ, như không cất mũ khi đi vào, hoặc ngang qua, một cung điện, dinh thự nào:

*"Đổng lý tang nghi là Nguyễn Khoa Luận nhân vì trời mưa, đội nón đi vào dưới thềm cửa Khiêm Cung. **Trực thần khoa đạo tâu lên tham hặc, Luận phải giáng [2 cấp] đổi đi nơi khác.**" (ĐNTL, XXXV, 230-1, NQT nhấn mạnh)*

Ngồi trên thuyền riêng của mình mà không tỏ vẻ cung kính khi gặp thuyền vua đi qua cũng bị phạt nặng:

*".... thống chế tạm giữ Trung quân là Đinh Hội, sung vào hành doanh, **vì can tội bất kính [thuyền của Hội chợt gần với thuyền vua ngự, Hội ngồi nghiêm chỉnh đàng sau thuyền, không có giáng cung kính], án xử phải cách chức.** Thượng thư là Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường dâng sớ tâu: Đinh Hội xuất thân là cử vũ, theo làm việc ở hàng ngũ, khoảng 40 năm nay, cũng gọi là khó nhọc, nay đã 72 tuổi phải cách về, không khác gì dân thường tình cũng đáng thương. [ ] Vua bảo rằng:*

*Hội là cố ý phạm tội, hai thuyền rất sát gần nhau, há lại không biết, thế mà nghiễm nhiên ngồi cao, như không để vào trong mắt, lòng hắn thực không thể biết được. Trẫm giao đình thần xét nghĩ, thực đã cẩn thận về hình phạt, vốn không phải lấy sự nhầm nhỡ mà bắt tội người. Bèn giao đình thần bàn nghĩ lại tội. **Đình thần xin theo chỉ trước, để tỏ rõ lễ phép của kẻ làm tôi, không trừng phạt không được: cho giáng làm phó vệ úy quân Cấm binh, do bộ xét bổ.**" (ĐNTL, XXXIV, 259, NQT nhấn mạnh)*

Qui luật chặt chẽ nhứt là nơi vua và các bà vợ vua ở là cấm địa tuyệt đối, và chỉ có nữ quan và giám quan có nhiệm vụ mới được lai vãng mà thôi. Ngay những chỗ vua đi dạo chơi đều là cấm địa, mà chính anh em ruột thịt của vua cũng không được lui tới. Dưới thời Thiệu Trị, chẳng hạn,

*"... Vua đi chơi vườn Cơ hạ, triệu quân túc vệ diễn tập hàng ngũ. **Các hoàng đệ là Miên Định, Miên Thẩm, Miên Trinh, Miên Tống, Miên Thanh bỗng vào hầu.** Vua giận, nói rằng: 'Đây không phải là nơi thường chầu hầu, không tuyên triệu thì không được vào, nếu đường đột thì phải tội, và không biết ngăn lại cũng phải tội, đem ngay quân vệ là bọn Nguyễn Huyên, Nguyễn Tuấn phạt trượng, các hoàng đệ và biến binh giữ cửa đều bị giao cho bộ Hình, hội đồng với viện Đô sát nghị xử. **Các công đều phải phạt bổng 5 năm; ba người canh cửa phải tội giảo giam hậu.** Các quan khoa đạo là bọn Vũ Duy Ninh ... 10 người, cho là xử tội rất nặng, tâu xin xét lại. Vua quở rằng: 'Tự tiện vào chỗ vua ngự, thì phải tội thắt cổ; quan canh cửa cố ý cho vào, cũng phải tội như thế, có điều luật rõ ràng. Không biết bọn khoa đạo có ý kiến gì dám bác lời bàn của nhiều người mà bênh vực kẻ canh cửa?' Bèn sai bộ Lại đòi tất cả đến ngoài cửa đại cung xét hỏi. Bọn Duy Ninh đều cúi đầu nhận tội." (ĐNTL, XXVI, 54-5, NQT nhấn mạnh)*

Với việc ấn định và áp dụng các nghi thức về việc vua ăn uống, giải trí, uống thuốc, tiếp kiến các quan thảy đều chặt chẽ như vậy, không làm gì có thể xảy ra việc NVT đầu độc vua, và việc NVT cùng bà Học Phi cùng ở trong một phòng với vua, như người ta tưởng tượng xảy ra như ngày nay được.

A. Thủ tục vua uống thuốc và chữa bệnh

Sau đây là thủ tục dâng thuốc lên vua, trích trong *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ* (Huế, Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1992-3), tập XV, quyển 258 nói về viện Thái Y:

*"... **viện thái y chọn thuốc dâng lên vua dùng, do các viên viện sứ, ngự y, viện phán cùng với thị vệ thần, viên ngoại lang ty cẩn tín, đến phủ Nội vụ hội đồng bốn nha, chiếu từng hạng các vị thuốc chọn lấy thứ tốt thượng hạng, đáng dùng làm thuốc vua uống, thì kính cẩn xem xét chia hạng đem về sở ngự dược, hội đồng với xứ thị vệ đem bào chế đúng phép.** Những người làm việc ấy chuyên do các viên viện sứ ngự y, viện phán cùng y chính, y phó viện ấy chính mình xét làm cho tinh khiết, khi ấy nếu thiếu người làm việc thì do thị vệ thần phái thị vệ các bậc đến làm phụ. Từ nay có bào chế thuốc vua dùng, đều phái thuộc viên đến xem xét. Nếu thấy thuốc không tốt thì cho đem việc ấy tâu lên hạch rất nghiêm." (t. 427-8, NQT nhấn mạnh)*

Ở viện Thái y luôn luôn có các quan ngự y túc trực, và có việc gì phải hội với nhau lại mà làm:

*"... Viện Thái y nguyên là chỗ cẩn mật ... Nay cho lấy hiên bên tả nhà dưỡng chính đường cũ làm sở ngự dược [thuốc vua dùng]. **Ngự y cùng các viên kiêm quản viện Thái y đều túc trực ở đây.** Còn nhân viên thuộc viện đều túc trực ở viện cũ, cho có phân biệt. Gặp có việc công cần làm, cho hội lại mà làm." (t. 427, NQT nhấn mạnh).*

Việc xem mạch cho vua cũng được ấn định rất cẩn trọng. Chỉ những ngự y có tên tuổi và được chỉ định đích danh mới được ban bài ngà để vào cung xem mạch. (t. 428) Thủ tục bốc thuốc cho vua, do một học giả tóm lược, căn cứ vào tài liệu của ông Bửu Kế và quan ngự y Nguyễn Duy thời Tự Đức, cũng phù hợp với những gì nói trên:

*"Chẩn mạch xem bệnh xong, viên viện sứ và ngự y phải họp hội đồng quan ngự y lại. Hai ông trình bày bệnh trạng của vua, khi mọi người đều đồng ý, lúc đó mới ra phái với chữ ký của tất cả những người đến tham dự. Nếu bệnh nhẹ thì bỏ vào một phong bì vàng, trên đề tên các vị thuốc, cân lượng, và cách thức sắc nấu. **Phong thuốc đưa cho thái giám dâng lên cho vua. Một Cung nga lấy thang thuốc ấy đổ ra để nấu trước mặt một viên thị vệ.** Gặp trường hợp vua bị bệnh nặng, thuốc vẫn đưa lên cho vua xem, nhưng sắc nấu tại Thái Y Viện trước mặt một hội đồng có quan cơ mật, một ông của viện Đô sát, một của Nội Các và một của Thái Y Viện. **Trường hợp vua vì uống xong mà chết thì ông ngự y bị giam lại.**"* (Triệu Vân, *"Bổ túc và đính chính sử liệu về ông Nguyễn Văn Tường."* Người Việt, 8-12-1995, 4-5, NQT nhấn mạnh).

Thủ tục vua uống thuốc chặt chẽ như vậy thì

làm sao mà NVT có thể xuống Thái y viện tự ý bỏ thêm chất hồng hoàng đầu độc vua mà câu chuyện không bị vỡ lỡ và chính sử nhà Nguyễn nêu ra, nhứt là khi bộ sử này được soạn dưới thời Pháp thuộc, và không thể có thiện cảm với NVT được?

B. Vấn đề quan đến gần vua

Ngoài ra, chuyện NVT vào phòng ngủ của vua và gặp bà Học Phi ba người với nhau mà thôi cũng không thể nào xảy ra được, vì nghi lễ không bao giờ cho phép như vậy. Các quan, dù cao cấp đến đâu, cũng chỉ liên lạc với vua bằng hai cách chính: trước sân rồng khi thiết triều, hoặc qua tấu sớ. Sử gia Trần Trọng Kim đã mô tả việc vua Tự Đức và các quan làm việc như sau:

*"Thường ngài ngự triều tại điện Văn Minh... Khi ngài đã ngự ra, thì thái giám tuyên triệu các quan vào chầu. Các quan đều mặc áo rộng xanh, đeo thẻ bài đi vào, quan văn bên hữu, quan võ bên tả. [...] bộ nào có việc gì tâu thì đến chỗ tấu sự quỳ tâu. Như bộ nào có tâu việc gì thì các quan ấn quan trong bộ ấy đều quỳ chỗ tấu sự, rồi ông nào tâu, thì đọc bài diện tấu. Một bên các quan tấu sự lại có một ông quan nội các và một ông ngự sử đều quỳ. Quan nội các để biên lời ngài ban; quan ngự sử để đàn hạch các quan phạm phép. [...] Ngài thường làm việc ở chái đông điện Cần Chánh ... Ngài làm việc một mình, vài tên thị nữ đứng hầu để mài son, thắp thuốc hay là đi truyền việc. [ ] Lệ nước ta xưa nay các quan không được vào chỗ ngài ngự tọa làm giúp việc cho vua, cho nên việc lớn, việc nhỏ, ngài phải xem cả. [ ] Phiến sớ các nơi đều gởi về nội các. **Nội các đề trong tráp tấu sự, đưa cho giám, giám đưa cho***

NGUYỄN NAM AN

Ru Giấc Cồn Mây

Tôi biết đi đâu cũng...
không trốn được ánh mắt em,
lúc buồn

Ngủ yên tôi giấc cồn mây
Sớm mai thức dậy mới hay tình vừa...
Qua ngày ngó núi quên chưa
Hay em là nắng vẫn thừa chứa chan

Ngủ yên chi, giấc chiều sang
Dặm ngàn thung lũng, dặm bàng hoàng vương
Lên non tưởng dễ quên buồn
Nào hay em vẫn về nương bên đời

Đêm lửa trại cháy buồn tôi
Nhánh tươi xông khói đỏ rồi mắt ai
Đêm lửa trại chút tình phai
Bập bùng theo gió dậy hoài vết thương

Ngủ yên tôi những bình thường
Cồn mây khuya gối cuối đường đã tan
Từ em chi thúy hoang mang
Đến đi để lại tôi hàng cây nghiêng

Ngủ yên, em nhỏ, mùa riêng
Tôi lên non tưởng buồn quên ai ngờ
Giữa trời hong nỗi sầu ngơ
Ngát lên mắt đỏ tôi vờ khói cay.

nữ quan dâng lên ngài. Ngài xem rồi giao nội các. Nội các giữ bản chính có châu điểm, châu phê, lục bản phó ra cho các bộ nha." (Trần Trọng Kim, *op. cit.*, 195; xem thêm *Mục Lục Châu bản Triều Nguyễn*, Tập II Năm Minh Mạng 6 [1825] và 7[1826], Nhà Xuất bản Văn hóa Hà Nội, 1998,, xvi, xvii).

Chính tác giả Nguyễn Lý Tưởng, người tố cáo NVT về việc nói trên, cũng đồng ý về điểm này, và nói: "*Thông thường, các quan không được vào khu nội cấm, lính thị vệ cũng phải ở ngoài, chỉ có thái giám mới được vào đó mà thôi. Nếu có lệnh triệu hồi, cũng phải giữ đúng lễ, hai bên phải đứng cách xa nhau, các quan không được nhìn mặt vua, hoàng hậu ... Vua và hoàng hậu ngồi trên ngai, các quan phải đứng dưới ba cấp và cách xa một khoảng theo luật định vì lý do an ninh của bậc Đế Vương.*" (Nguyễn Lý Tưởng, *op. cit.*, 279)

C. Tại sao vua uống thuốc do một người đồng phạm trao?

Ngoài ra, cho dù việc ba người có ở chung một phòng như câu chuyện đã dựng ra vì NVT đã lạm dụng quyền thế, vi phạm thể lệ mà không bị đàn hặc hoặc chính sử ghi lại, độc giả vẫn còn một vài thắc mắc khó lòng đả thông được: Nếu vua Kiến Phúc đã để ý thấy những cử chỉ thân mật giữa NVT và bà Học Phi nhiều lần, và có bắt quả tang một lần và hét lên đòi chém ba họ NVT thì tại sao vua không đòi chém luôn ba họ bà Học Phi là người đồng phạm, mà còm dám uống thuốc do bà cho uống? Tác giả Delvaux thì nói vua uống theo lời khuyên của Bà, tác giả Thái Văn Kiểm thì nói bà ép vua Kiến Phúc uống, tác giả Nguyễn Lý Tưởng thì nói "Chính tay mẹ trao thuốc cho con uống thì còn nghi ngờ gì nữa." (xin xem lại các trích dẫn đã nói trên) Nếu ngoan hơn thì các tác giả này nên sửa lại câu chuyện là NVT đã bị bà Học Phi tố cáo là xâm phạm tiết hạnh, hay hiếp dâm bà, thì vua mới không trị tội bà, mà còn tin tưởng bà và uống thuốc do bà trao.

D. Vấn đề trung thực trí thức

Hơn nữa lối viết sử của các vị nói trên có phần đặc biệt và khó hiểu. Một tác giả nói NVT thêm vào thang thuốc chất hồng hoàng, được hiểu như là độc dược, để giết vua mà chả cho biết xuất xứ từ đâu (xin xem trích dẫn ở trên): từ "Cụ Phó Bảng Cư," hay từ Delvaux, hay do chính tác giả tưởng tượng ra?; một tác giả thì viện dẫn LM Delvaux, nhưng lại kể không giống những gì Delvaux đã nói, như sau:

"*Theo tài liệu của A. Delvaux trong 'Quelques precisions sur une periode troublée de l'Empire d'Annam' [Vài sự thật về một giai đoạn khủng hoảng của triều đình Huế] thì Tường đã vấn một điếu thuốc lá trao cho Bà Học Phi, vừa lúc vua tỉnh cơn sốt mê man, mở mắt ra và chứng kiến cảnh đó. Vua đã giận dữ nói rằng: 'Tao lành rồi, tao sẽ chặt đầu ba họ nhà mi.' Các tác giả khác thì giải thích rằng: vua biết Tường có ý gian nên giả vờ mê man bất tỉnh để nghe câu chuyện trao đổi giữa hai người...*" (Nguyễn Lý Tưởng, *op. cit.*, 278).

Người viết xin trích dẫn sau đây nguyên văn bằng tiếng Pháp của Delvaux, đã được dịch ở trên, để độc giả dễ bề nhận thức sự sai biệt: "*Le roi avait remarqué plusieurs fois que le Régent avait passé sa cigarette allumée à sa mère adoptive; mais il n'en fit aucune remarque. Une nuit que le Roi semblait assoupi, il put suivre une conversation entre eux. Après avoir laissé Tường parler quelque temps, il s'écria tout à coup: 'Tao lành...'.*" (Delvaux, *Ibid.*, 251).

Ngoài ra, tác giả nói "Theo tài liệu của Delvaux," mà trong lúc Delvaux nói chuyện xảy ra là do người ta đồn [les mauvaises langues ...] như đã dẫn ở trên, thì tác giả lại nói chuyện Delvaux kể như là chuyện thật. Còn về tiểu sử của bà Học Phi thì tác giả dựa "*Theo Tôn Thất Hứa* [trong tuyển tập *Nhớ Huế*] '*nàng có tên là Yến ... ở làng Vân Trình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên...' một chuyện mà tác giả Hứa có lẽ đã phỏng theo học giả Kiểm trong bài 'Nước loạn canh tàn...' đã kể, và chính tác giả Hứa, trong bài khảo cứu tương đối khá vô tư về NVT đó, đã nghi ngờ mực độ khả tín của nó.*" (*Nhớ Huế*, số 6, 1994-1995, 134-5, 143, 126-143). Rồi tác giả *Thuyền Ai Đậu Bến Vân Lâu* lại nói thêm "Theo Trần Gia Phụng [*Những Cuộc Đảo Chánh Cung Đình*, trang 316] Bà Học Phi tên là Nguyễn Thị Hương, người tỉnh Vĩnh Long, Nam Kỳ." (t.278) Tác giả cũng không buồn cho độc giả biết lập trường của mình là tin nào đúng, tin nào sai, hay cả hai đều đúng, hay đều sai. Dù sao, tưởng cũng nên tìm xem thử bà Học Phi là ai.

VII. Bà Học Phi là ai?

A. Quê bà ở Bến Vân Trình hay Vĩnh Long?

Theo chính sử nhà Nguyễn, bà Học Phi tên là Nguyễn Văn Thị Chuyên, quê quán ở Vĩnh Long.

Năm Tự Đức thứ 23 [1870), bà đã được tấn phong từ Lượng Tần lên hàm Khiêm Phi; (ĐNTL, XXXII, 9) và đến năm Tự Đức thứ 27 [1874] được tấn phong từ Khiêm Phi lên hàm Học Phi. (ĐNTL, XXXIII, 40). Năm 1870, Công tử Ưng Đăng [vua Kiến Phúc sau này], con thứ hai của vợ thứ Kiên quốc công, mới hai tuổi, được Vua Tự Đức chọn làm con nuôi, sung làm hoàng thiếu tử ở trong cung, và giao cho bà Học Phi, lúc đó là Khiêm Phi, chuyên lo việc nuôi dưỡng. (ĐNTL, XXXI I, 10; XXXVI, 18) Sau khi lên ngôi, Vua Kiến Phúc:

"Ra ơn ban tiền cho người ngoại thích là Nguyễn Văn Lữ và thôn An Đức có thứ bậc. [Nguyên quán của Học Phi ở thôn An Đức tỉnh Vĩnh Long. Nay Văn Đức là cháu đích tôn phụng sự từ đường, ngụ ở xã Dương Xuân, phủ Thừa Thiên, cho Nguyễn Văn Lữ 200 chuỗi, thôn An Đức 100, sau đó hỏi người thôn ấy hiện không có ai ở kinh đô, tiền thưởng bèn để lại đợi.]" (Ibid., 32, NQT nhấn mạnh)

Theo gia phả họ Nguyễn Phúc thì bà tên là Nguyễn Thị Hương, quê ở Vĩnh Long, nhưng lai lịch không rõ. (Thế Phả, 348, 383) Có thể Nguyễn Thị Hương là cái tên thứ hai của bà, nhưng quê bà ở Vĩnh Long là chắc chắn, chứ không phải ở làng Vân Trình, Thừa Thiên, như các tác giả trên đã nói. Dù sao, theo sử liệu trên thì trong họ của bà có người cháu đích tôn là Nguyễn Văn Đức, ngụ ở Dương Xuân, thì cũng có thể bà đã ở đây, tức ở Thừa Thiên. Dương Xuân ở huyện Hương Trà là một cái làng khá tiếng tăm ở đất Thần Kinh, vì đó là nơi tọa lạc của sở thợ xây lăng Tự Đức, [nơi xuất phát Giặc Chày Vôi], của lăng Tự Đức và cung điện làm chỗ ở của các bà vợ vua. *(ĐNTL, XXXI, 27, 32, 48, 53, 107, 127]).* Đó cũng một nơi long mạch của nhà Nguyễn, và chính là chỗ mà ông Rheinart, vị sứ Pháp đầu tiên ở Huế, đến dẫy đất đòi xây tòa sứ, làm cho Thương bạc đại thần NVT và một số quan lại bị vua Tự Đức trừng phạt. (ĐNTL, XXXIII, 232) Chính bà Học Phi và hoàng tử Dưỡng Thiện [Kiến Phúc] đã ở nơi đây khi Vua Kiến Phúc được triều thần đến thỉnh lên ngôi. (ĐNTL, XXXV, 257) Làng Dương Xuân cách xa làng Vân Trình độ mươi cây số. Làng Vân Trình ở gần phía Quảng Trị, và quả thật vua Tự Đức có du hành nơi đây. Chính sử đã kể rằng vào mùa xuân năm nhâm thân, Tự Đức thứ 25 [1872]:

"Vua ngự ra chơi xã Kim Đôi, Vân Trình [thuộc phủ Thừa Thiên] thấy dòng sông thẳng suốt đến sông Vĩnh Định tỉnh Quảng Trị, trong đó có chỗ bồi nông, thuyền bè đi lại không tiện, ruộng ở hai bên sông lại khô, sai quan ở phủ và đạo ấy đào khơi ra." (ĐNTL, XXXII, 180*).*

Câu phong dao "Trời xui có trận mưa giông, Khiến con chim én vào trong đền vàng" của "Cụ Phó Bảng Cư," qua lời học giả họ Thái, nghe cũng khá bùi tai và hấp dẫn. Vậy nên kiên nhẫn chấp nhận đi theo các tác giả cho đến cùng, là có thể vì một lý do nào đó, ví dụ: Cô Yến, tuy gốc ở Vĩnh Long, nhưng thực ra cư ngụ ở Thừa Thiên, và từ Dương Xuân đi ra Vân Trình để thăm bà con, nên gặp vua Tự Đức ở đó; hoặc từ thôn An Đức cô đi thuyền lên tỉnh lỵ Vĩnh Long, rồi hãy cho như Cô dùng những phương tiện di chuyển như ngày nay, đi xe đò lên Sài gòn, rồi đáp máy bay Air Vietnam ra Huế, về Dương Xuân rồi đi Vân Trình, núp mưa, và gặp vua, vì trời xui như thế. Ta hãy tạm chấp nhận như vậy, để cô Yến có thể có mặt ở Vân Trình, như hai sử gia đã nói, và xét đến việc Cô Yến biến thành bà Học Phi như thế nào.

B. Cô Yến có lớn kịp để thành bà Học Phi không?

Sử gia họ Nguyễn đã soi sáng độc giả về điểm này. Quả thật, mối tình giữa một ông vua già và một cô bé ở bến Vân Trình, do "Phó Bảng Cư" kể cho học giả Thái Văn Kiểm, đã được sử gia này bồi bổ thêm một số chi tiết khá chính xác, như "Tự Đức đã gặp Bà khi ông ngoài 50 tuổi, mối tình lãng mạn giữa một ông vua già và cô gái quê mới 15, 16 tuổi." (Tưởng, op. *cit.*, . 277). Đó là một dữ kiện quí giá giúp ta tính xem, theo các tuổi này thì hai người gặp nhau, và Cô Yến trở thành bà Học Phi, vào lúc nào. Vua Tự Đức sinh ngày 22-9-1829 và mất ngày 19-7-1883 lúc gần 54 tuổi tây.*(Thế Phả,* 341*)* Lúc vua ngoài 50 tuổi, cho đi ít nhứt là 51 tuổi, tức là vào năm 1880 [1883 trừ 3], thì vua gặp Cô Yến, 16 tuổi ở bến Vân Trình. Như vậy tức là Cô Yến phải sinh vào năm 1864 [1880 trừ đi16]. Đến năm 1870, lúc vua Tự Đức giao cho bà Học Phi nuôi Công tử Ưng Đăng sau trở thành vua Kiến Phúc (ĐNTL, XXXII, 8; XXXVI, 9), Cô Yến mới được *sáu tuổi*, và trở thành bà Học Phi, theo sử gia họ Nguyễn! Có lẽ vì vậy mà lúc học giả Kiểm nói khi về cung, vua phong cho bà làm "tài nhân" rồi về sau "tam giai phi," thì sử gia Tưởng lại sửa lại là vua "ra lệnh đưa nàng về cung và từ đó nàng đã trở thành Đệ Tam Giai Phi, được vua sũng ái." (t. 278) Vua, hay tác giả Tưởng, phong liền như vậy

mà bà vẫn không lớn cho kịp để làm mẹ nuôi vua Kiến Phúc vào 1870.

Học giả Kiểm có thể trách cứ sử gia Tưởng về sự thêu dệt thêm thắt tuổi tác của cặp tình nhân vương giả, làm sai lạc câu chuyện đứng đắn của "Cụ Phó Bảng Cư" của mình. Vậy nên bỏ vấn đề già trẻ chỉ làm thêm rắc rối khó khăn, thử giản dị hóa bằng cách xét xem vua Tự Đức gặp bà Học Phi tương lai vào thời điểm nào. Như trên đã nói, "Vua ngự ra chơi xã Kim Đôi, Vân Trình" vào mùa xuân năm Tự Đức thứ 25, 1872. Duyệt bộ chính sử chỉ thấy nói Vua đi Vân Trình vào lúc đó mà thôi, và nếu có đến nơi này vào một dịp khác nữa thì Quốc sử quán bắt buộc phải ghi lại, vì một trong những qui tắc viết sử mà các sử quan bó buộc phải tuân theo, và ghi rõ trong "Phàm lệ về Đại Nam Thực Lục Chính Biên Đệ Tứ Kỷ" [thời Tự Đức] là:

*"Khi phụng xa giá đi chơi xem duyệt quân thủy và phụng xa giá thái hậu đi nghỉ mát, thì phải chép đủ. **Còn bất thần tuần ngự chỗ nào, nhân có việc mới chép thôi."** (ĐNTL, XXVII,* 18, NQT nhấn mạnh).

Áp dụng thể lệ viết sử này, trường hợp nào Vua có đi chơi Vân Trình mà có gặp Cô Yến đều phải được sử ghi lại: Đi có trù liệu, chương trình thì phải chép đầy đủ; đi bất thần tùy hứng mà "nhân có việc," tức gặp người mà về sau trở thành bà vợ thứ ba của Vua là một việc khá quan trọng, cũng cần phải chép lại. Vậy, theo "Cụ Phó Bảng Cư" thì vua Tự Đức đã phải gặp Cô Yến vào năm 1872. Tuy nhiên, hai năm trước đó vào năm 1870, Vua đã ủy thác cho Bà Học Phi nuôi Công Tử Ưng Đăng, tức vua Kiến

LÊ THỊ KIM

Đắc Đạo

Anh như tháp cổ cao ngợp núi
Đứng cô đơn lạnh giá giữa cuộc đời
Màu thời gian trầm đục tiếng chuông rơi

Không cứu nổi linh hồn anh bặt thiếp
Không tươi nổi trái tim anh rũ liệt
Đứng cheo leo ngửa cổ uống mây trời

Em bé bỏng bâng quơ hồn dã thảo
Trốn mưa tuôn nép dưới tháp chuông cằn
Lòng thảng thốt thương gác chuông vắng lặng
Có ngờ đâu động được tiếng chuông ngân
Anh cúi lượm
trái tim mình
gắn lại
Tung lên trời
mời gọi
gió bao la
Nghìn sông hồ
núi thẳm
sẽ băng qua
Ta trụ lại
giữa lòng nhau
đắc đạo.

Phúc sau này rồi, chưa kể việc bà đã được thăng cấp từ Lượng Tần lên Khiêm Phi cũng vào năm đó rồi. Tóm lại, dù cho chuyện Cô Yến có thật đi nữa, cũng không có cách nào cô trở thành Bà Học Phi được cả!

C. Bà Học Phi và Thực dân Pháp

Đi xa hơn chút nữa, chính bà Học Phi cũng đã bị người Pháp thực dân và phe Việt theo Pháp không ưa và cố ý bôi lọ, vì bà là mẹ nuôi vua Kiến Phúc, một ông vua trẻ, rất có tư cách, và chống Pháp. Hơn nữa, bà đã là người, với tư cách hoàng mẫu, triệu tập triều thần để thông báo di ngôn của vua Kiến Phúc truyền ngôi lại cho vua Hàm Nghi, cũng là một ông vua trẻ chống Pháp, như lịch sử đã chứng minh. Về điểm đó, LM Delvaux có viện dẫn tác giả Silvestre kể rằng:

"Hoàng-Thái Phi, vợ thứ 3 của Tự-Đức và mẹ nuôi của Kiến Phúc và Hàm Nghi, đã đóng góp lớn vào việc ngăn chận, đến cả hai lần, sự lên ngôi của Mệ Tríu [vua Đồng Khánh, NQT ct.] ... *Người ta quả quyết rằng từ khi Tự Đức mất có sự liên lạc bất chính giữa bà và phụ chính Tường, và Nguyễn Hữu Độ đã mạnh mẽ tìm cách thiết lập bằng chứng, nhờ ở người chỉ huy giám quan bị Tường giam giữ." (P.J. Silvestre, La politique francaise en Indochine, Annales de l'Ecole des Sciences Politiques, Xi, 743, do Delvaux dẫn, "Quelques précisions... " Ibid.,* 251, ct. 2).

Như đã nói trên, Silvestre, người viết những giòng này, là giám đốc chính trị và dân sự vụ của phía Pháp thời đó, và là một thủ lãnh của "nhóm Hà Nội" đã kể trên, một nhóm trong đó có Đức Cha Puginier và Tướng Brière de L'Isle và chủ trương tiêu diệt triều đình Huế, nhứt là hai phụ chính và vua Hàm Nghi, và thay họ bằng những con bài của Pháp là vua Đồng Khánh và các ông Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình. (Phillippe Devillers, *Francais et Annamites, partenaires ou ennemis? 1856-1902.* Destins Croisés, 1998, 281-4, 294-5, 303-6; Charles Fourniau, Vietnam, Domination coloniale et résistance nationale, 1858-1914. Paris, Indes savantes, 2002, 368 et seq.) Theo Delvaux thì Silvestre là một sử gia Pháp đã cung cấp nhiều tư liệu nhứt về NVT (Delvaux, Ibid., 226-7, ct. 3), và lẽ tất nhiên là người bôi lọ ông nhiều nhất, vì mục đích chính trị.

Người "giám quan bị Tường giam giữ" mà, theo Silvestre, ông Độ muốn dùng để điều tra vụ "thông gian và đầu độc vua" này là ai? Vào lúc Vua Hiệp Hòa bị truất phế, có một câu chuyện, hiện nay còn thường được nhắc nhở đây đó trong sử sách, là Vua Hiệp Hòa có sai một thái giám đưa bản tấu của ông Hồng Sâm xin giết NVT cho Đệ Nhứt Phụ Chánh Trần Tiễn Thành để thi hành; NVT bắt được và giam giữ rồi toan tính xử tử giám quan này. Học giả Đào Duy Anh đã ghi lại hai nguồn tin khác nhau về câu chuyện này, đều là tin dựa vào nhân chứng vô danh thời đó, nghĩa là một loại tin đồn, không hơn không kém. Theo nguồn tin thứ nhất, dựa vào "một vài người đương thời" [d'après certains contemporains] thì Vua Hiệp Hòa, đọc xong tờ tấu xin giết NVT trong đó nói là đã có ý kiến của Phụ Chánh Thành, phê "chuyển cho Trần Tiễn Thành" và sai giám quan Phạm Tác giao cho ông Hồng Phì. Nhưng ông Phạm Tác đưa lộn cho Thượng Thư Phạm Như Xương. Vua nhận được tờ tấu trả lại từ ông Xương, nổi giận, phạt đánh Phạm Tác 30 roi mây. Trừng phạt này khiến ông Tác làm phản, báo cho NVT biết. Theo nguồn tin thứ hai, dựavào "một nhân chứng khác" [D'après un autre témoignage], thì sau khi duyệt phê, vua sai giám quan Trần Đạt mang bản sớ đến cho chính Phụ Chánh Thành. Khi ông Đạt mang sớ ra cửa "Nhật-Tinh" thì gặp NVT đi vào. Thấy cử chỉ bối rối của giám quan Đạt, NVT nghi ngờ và bắt ép ông Đạt đưa bản tráp đựng sớ có khẳn và tự tiện mở ra xem bản án tử hình của mình. Rồi NVT lập tức đến gặp ông Thuyết tiến hành ngay việc phế lập Vua Hiệp Hòa. (Đào Duy Anh, "Les grandes familles de l'Annam: Son Excellence Tran-Tiên-Thanh." *BAVH, số 2, 1944, 148, ct.* 1) Như vậy, người giám quan thù nghịch với NVT có thể là Trần Đạt, mà sử sách thực dân về sau bênh vực, để bôi lọ NVT. Học giả họ Đào, một học giả khả kính, nhưng không đủ tài liệu và bị áp lực của thời thế, sau khi tường thuật các tin trên, đã bình luận :

"Ta hãy nói để giải oan cho Thái giám Trần Đạt rằng ông ta không thể đã báo tin cho Nguyễn Văn Tường về sự hiện hữu của bức thư, nếu quả bức thư này có thật, bởi vì viên thái giám đó, mà lòng ngay chính ai cũng đều biết, được hai ông phụ chính coi như là kẻ thù. ***Sau khi vua Kiến Phúc trị vì ít lâu, các ông xử tử viên thái giám, nhưng vị vua con phản đối với tất cả năng lực mà tuổi trẻ của ngài cho phép. Vua cũng chống đối việc đày viên thái giám đi Lao Bão, và dàn xếp cho ông này được đi đày ở thành Quảng Trị mà thôi."*** *(Ibid.,* 150, NQT dịch và nhấn mạnh)

So với các tin đồn nói trên, sử chính thức của

nhà Nguyễn nói khác và ngược hẳn. Theo chính sử, Thái giám Trần Đạt là người đã được Vua Hiệp Hòa sai mang chiếu thoái vị của mình cho hai ông Phụ Chánh Tường và Thuyết. (ĐNTL, XXXV, 258). Chuyện Thái giám Đạt đưa thơ bảo giết NVT chỉ là tin bịa đặt, không hề được chính sử xác nhận. Vua Hiệp Hòa và các hoàng thân Hồng Sâm, Hồng Phì đi thẳng với Pháp để toan tính hãm hại hai ông Tường Thuyết. (Xem bài "NVT và sách lược..." trong *Thế Kỷ 21*, số 169, 170, 171). Phụ Chánh Thành không có liên can gì đến việc này, như sẽ được trình bày trong một dịp khác. Hơn nữa, thay vì xử tử Thái giám Trần Đạt, NVT là ân nhân cứu ông Đạt bằng cách xin Vua Kiến Phúc giảm tội cho ông Đạt, sau khi ông này phạm tội trộm đồ đoàn trong nội và bị xử chém. Thật vậy, theo chính sử thì:

"Thái giám Trần Đạt có tội xử chém bêu đầu, ân giảm làm trảm giam hậu. Trước đây Đạt ngầm lấy đồ dùng ở trong nội đình [nồi hộp các thứ] thái hóa các hạng [dầu lụa, vân vân] đem về nhà dùng riêng. Bộ Hình đã chiếu theo lệ lấy cắp trộm tài vật trọng khoản trong cung điện. [. .] Xử tội chém ngay, bêu đầu để bảo quần chúng. ***Phụ chính phúc duyệt cho rằng Đạt là đầy tớ cũ của triều vua trước, chầu chực nhiều năm, xin gia ơn đổi làm giam hậu.*** *... tâu dâng, chuẩn cho đều như phúc duyệt, tống giam Đạt xuống nhà ngục phủ Thừa Thiên giam giữ, rồi phát giao cho nha Sơn phòng Quảng Trị, để hiệu lực sai phái." (ĐNTL, XXXVI,* 142-3, NQT nhấn mạnh).

Tóm lại, LM Delvaux nhắc lại chuyện, nói trong sách của Silvestre, là ông Nguyễn Hữu Độ cố tình thu thập bằng chứng về việc NVT tư thông với Học Phi qua viên thái giám bị NVT bỏ tù, và không nói kết quả cuộc điều tra ra sao mà chấm dứt chỗ đó, là cốt để gây cho độc giả cái cảm tưởng là chuyện có thật nên ông Độ mới điều tra. Như đã nói trên, Silvestre là một thành viên nòng cốt của một nhóm mà các sử gia Pháp gọi là "Nhóm Hà Nội." Nhóm này đã tìm cách ám hại hai ông Tường, Thuyết bằng mọi cách, kể cả sự ngụy tạo văn kiện, như dùng một văn kiện trưng thu gạo có dấu ấn của Triều đình để báo cáo với Tổng Trú sứ Lemaire rằng đó là văn kiện của hai ông mật thông với quân Tàu như đã nói trên. (S.O.M. A0 [72] 2/1885, dẫn do Fourniau, *Annam*, 29, ct. 31), có lẽ vì tin rằng người Pháp không ai biết đọc chữ nho. Do đó, những tin tức bịa đặt, xuyên tạc, bóp méo, vô căn cứ như chuyện kể trên tràn ngập sử sách, hoàn toàn biến đổi lịch sử Việt Nam, và sẽ được bàn trong một dịp khác.

D. Bà Học Phi và vua Đồng Khánh

Nếu người Pháp chống đối bà mẹ nuôi của Vua Kiến Phúc, thì sau khi lên ngôi, vua Đồng Khánh tất nhiên là không ưa bà nên: "*Chuẩn cho đình huy hiệu hoàng thái phi, còn bổng lộc chiếu vị thứ học phi chi cấp; tiết Diên-xuân và tên húy đều đình cả. Đình thần cho việc tấn tôn ấy là tự quyền thần, không phải là di mệnh của tiên triều." (ĐNTL, XXXVII,* 39). Dưới triều Đồng Khánh thì ông Độ hầu như nắm toàn quyền dưới sự điều động của người Pháp. Cả hai người và các quan cai trị Pháp lúc đó đều thâm thù NVT và tìm cách ám hại ông. Họ đã đày vị đại thần này đi Côn Đảo rồi Tahiti, chỉ với bộ đồ mặc trên người. Họ đã "tước hết quan tước và tịch thu gia sản" của ông (ĐNTL, XXXVII, 35), nhưng theo lời Gosselin thì sự tịch thu này, "được thi hành lúc ông bị bắt, đã gây ra trên toàn thể nước Nam một hậu quả tai hại, và tạo nên nhiều hận thù đối với chúng ta" (Capitaine Ch. Gosselin, *L'Empire d'Annam*. Paris, Perrin, 1904, 220); và theo LM Delvaux thì lệnh tịch thu này, vì vậy, đã bị thu hồi. (Adolphe Delvaux, "La mort de Nguyen-Van-Tuong, Ancien Régent d'Annam." *BAVH,* số 4, 1923, 429, ct. 2). Vì chính sử không nói gì về lệnh thu hồi này, mà về sau còn có một, hai quyết định tịch thu một số ruộng của NVT [có thể là lộc điền kèm theo tước bá và tước công] để thờ cúng vua Dục Đức và Ôn nghị Kiên vương (ĐNTL, XXXVII, 62-3, 109), thì sự thi hành lệnh có thể đã được đình chỉ trong thực tế, để trấn an dư luận đôi chút. Điểm đáng lưu ý, là NVT bị họ buộc tội là "*... từng đã chống cự nước ấy thực đã nhiều năm. Từ khi cùng với Tôn Thất Thuyết sung làm phụ chánh, chỉn lại đổng suất quan quân nổi dậy công kích quan binh nước ấy..." (ĐNTL, XXXVI,* 247) chứ không buộc tội NVTđã thông đồng với bà Học Phi để giết vua Kiến Phúc gì cả. Chuyện này lúc đó có lẽ không "ăn khách" lắm thời đó, và chỉ được hệ thống tuyên truyền của thực dân nhấn mạnh sau này hầu thực hiện một cuộc "ám sát tư cách" [character assassination] của nhân vật lịch sử NVT.

Tóm lại, bà Học Phi đã hết lòng làm bổn phận của một người vợ và mẹ vua trong một hoàn cảnh đau thương của đất nước, trung kiên với triều đại và xã tắc, thủ tiết thờ chồng. Thay vì được tôn vinh thì, vì lý do chính trị, bà lại đã bị liên lụy, tai tiếng, xuyên tạc, hiểu lầm. Bà đã khóc từ biệt

vua Hàm Nghi lần cuối ngày 9-7-1885 tại hành cung Quảng Trị, sống ẩn dật từ lúc ấy, và mất năm 1893. (Gosselin, op. *cit.*, 214) Nói về bà, cuốn gia phả kể trên của nhà Nguyễn chỉ ghi vỏn vẹn là bà tên Nguyễn Thị Hương, người Vĩnh Long, lai lịch không rõ, và được vua Tự Đức sai nuôi Ưng Đăng lúc hai tuổi. (*Thế Phả*, 348). Ngoài ra, cuốn *Thế Phả* cũng có ghi chuyện nghi án bà "có tư tình với Nguyễn Văn Tường." (Op. *cit.*, 384) Thiết tưởng sử gia và Hoàng tộc có bổn phận nghiên cứu nhiều hơn về bà, đề cao những đóng góp của bà vào sự tồn vong của nhà Nguyễn cũng như công cuộc chống Pháp, và vinh danh bà, thay vì khinh miệt bà vì một chuyện tiếu lâm, không đâu vào đâu, do thực dân bịa ra, rồi đặt thành nghi vấn muôn đời của lịch sử, để ám hại những kẻ không chịu khuất phục trước ý đồ xâm lược của họ.

Sau hết, chuyện một đại thần tư thông với mẹ vua, bị vua bắt được tại trận và hăm giết, nên hai người cùng nhau đầu độc vua là một tội quá trọng đại Triều đình không thể bỏ qua mà không truy tố. Nếu quả câu chuyện có xảy ra thật, thì tại sao các kẻ thù không đội trời chung với NVT như Tướng De Courcy và các ông Silvestre, Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình không nắm ngay cơ hội để trả thù, cho điều tra xử tội NVT, một việc có thể làm dễ dàng, vì tội phạm mới xảy ra trước khi các ông này lên cầm quyền chỉ trên dưới một năm?

Kết luận: Một chuyện Tiếu Lâm

Chung qui, sử học Việt Nam đã bỏ bao nhiêu giấy mực để ghi lại một chuyện tiếu lâm như chuyện này, và biết bao chuyện tiếu lâm tương tự khác. Bài này cũng đã phải đi theo cái chiều hướng tiêu cực đó, để bạch hóa hồ sơ của một nhân vật lịch sử, và đồng thời để cho thấy lịch sử Việt Nam đã bị hệ thống tuyên truyền của giới thực dân Pháp chi phối như thế nào từ xưa mãi cho đến ngày nay. Hệ thống tuyên truyền đó đã biến đổi hẳn lịch sử Việt Nam bằng những chuyện bịa đặt, xuyên tạc, thổi phồng, bóp méo, gây ra một ấn tượng hết sức rất xấu xa về các vua quan Việt Nam, cũng như về xã hội Việt Nam, nói chung. Việc viết lại một bộ sử quốc gia trung thực về giai đoạn tiếp xúc với người Pháp là một công tác hết sức nặng nề và quan trọng cho tiền đồ của quốc gia dân tộc, đang chờ đợi sử gia Việt Nam. Bài này mong đóng góp một viên đá vào công tác to lớn đó./.

HAPPY CAR RENTAL
TRUNG TÂM CHO THUÊ XE

* Thành thật * Phục vụ vui vẻ
* Bảo đảm giá rẻ nhất cho quý đồng hương

Mở cửa từ thứ Hai - thứ Bảy
9:00 AM - 6:30 PM

Chuyên cho thuê: Xe 4 cửa và các loại xe Van đời mới

8041 Bolsa Ave., Midway City, CA. 92655
(Gần góc đường Beach, bên cạnh Cali Auto Sale)

Auto Wax: * Rửa xe, đánh bóng
* Detail cho các loại xe

* Có phục vụ mướn xe miễn phí trong lúc chờ đợi.

Tel: (714) 269-2915 or (714) 892-5158 * Fax: (714) 892-3739

UNG THƯ VÚ VÀ VẤN ĐỀ THÔNG TIN Y KHOA

NGUYỄN VĂN TUẤN

(Tiếp theo và hết)

Ung thư vú có phải là bệnh đáng sợ nhất?

Không ai muốn mang bệnh. Nhưng trong các bệnh, ung thư vú là bệnh làm cho phụ nữ sợ nhất, vì nó dính dáng đến cái biểu tượng đẹp của người phụ nữ. Không ai muốn bị cắt bỏ vú. Không ai muốn chết vì ung thư vú. Có lẽ lợi dụng vào tâm lí này, mà giới truyền thông thường tô vẽ ung thư vú như là một căn bệnh nguy hiểm nhất cho người phụ nữ. Nhưng trong thực tế thì không hẳn như thế. Căn bệnh gây ra nhiều tử vong nhất trong các nước Tây phương không phải là ung thư, và càng không phải là ung thư vú, mà là bệnh tim mạch. Theo thống kê của Trung tâm Phòng chống bệnh (Centers for Disease Control and Prevention) ở Mỹ, trong tổng số tử vong hàng năm, 36.3% là do các bệnh tim mạch gây ra, theo sau là các bệnh ung thư (22.5%). Tổng số phụ nữ chết vì ung thư vú chiếm khoảng 4% trong tổng số tử vong [20]. Nói một cách khác, số phụ nữ chết vì bệnh tim mạch cao gần chín lần so với số phụ nữ chết vì ung thư vú.

Tuy nhiên, những thông tin đó ít khi nào đến với công chúng; ngược lại, người ta thường hay nghe những phát biểu đại khái như "Breast cancer is one of the leading causes of deaths in women ..." (tạm dịch: "trong phụ nữ ung thư vú là một trong những nguyên nhân tử vong hàng đầu ..."). Trong một cuộc thăm dò ý kiến trong người Mỹ do Hiệp hội nghiên cứu bệnh tim mạch tiến hành cho thấy chỉ có 8% phụ nữ biết được sự thật này. Tương tự, một nghiên cứu khác do Hội đồng Người cao tuổi (Mỹ) cũng cho thấy rất ít phụ nữ (chỉ 9%) xem bệnh tim mạch nguy hiểm, so với 61% sợ bệnh ung thư, nhất là ung thư vú. Ngay cả trong bệnh ung thư, ung thư phổi gây ra nhiều tử vong cho phụ nữ hơn là ung thư vú. Và, chỉ có 25% phụ nữ biết được sự thật quan trọng này [21].

Ở các nước Tây phương, ung thư tuyến tiền liệt (prostate cancer) trong đàn ông phổ biến còn hơn ung thư vú trong phụ nữ. Ung thư tuyến tiền liệt còn là nguyên nhân của nhiều cái chết hơn ung thư vú. Nhưng đàn ông có vẻ chẳng mấy lo ngại đến ung thư tuyền tiền liệt so với những sự sợ hãi ở giới phụ nữ về ung thư vú. Một điều đáng nói khác là giới truyền thông mô tả ung thư tuyến tiền liệt như là một căn bệnh của người già, dù trong thực tế độ tuổi trung bình đàn ông bị ung thư tuyến tiền liệt tương đương với độ tuổi trung bình trong phụ nữ bị ung thư vú [22-23]. Ung thư ruột, cũng như ung thư phổi, cũng là một loại ung thư phổ biến trong phụ nữ, nhưng ít khi nào căn bệnh này trở thành một cái tít của các tờ báo. Giới báo chí có thể biện minh rằng họ chỉ đáp ứng quần chúng. Nhưng có lẽ họ quên rằng chức năng của truyền thông là nói lên sự thật.

Con số "1 trong 10"

Cách đây vài năm, trên Tạp chí *Time* (một tạp chí thời sự nổi tiếng thế giới) có đăng một loạt bài viết về ung thư vú (xem số báo 137 năm 1991, trang 42-49), mà trong đó họ đề cập đến tỉ lệ "1 trong 10" phụ nữ Mỹ bị ung thư vú. Con số "1 trong 10" hay có khi "1 trong 9" có lẽ đã trở thành một "câu kinh" được giới truyền thông tụng niệm rất nhiều lần. Chẳng chỉ riêng trong giới truyền thông, mà ngay cả giới bác sĩ cũng hay đề cập đến con số này như là một cảnh báo cho người phụ nữ. Có lần, người viết bài này bàn về tỉ lệ và nguy cơ ung thư vú với một vài bác sĩ gia đình người Việt, và đại đa số các bác sĩ này đều đồng ý rằng cứ 10 người phụ nữ da trắng thì có một người bị ung thư vú. Có vị bác sĩ còn khẳng định như đinh đóng cột rằng chẳng có gì phải bàn cãi về con số này. Nhưng đây là một hiểu lầm nghiêm trọng.

Con số "1 trong 10" đề cập đến xác suất lũy tích (cumulative chance) mà một phụ nữ sẽ bị ung thư vú nếu phụ nữ này sống đến tuổi 85. Cố

nhiên, nhiều phụ nữ chết trước độ tuổi 85 vì các chứng bệnh khác. Con số "1 trong 10" không đề cập đến, và dứt khoát không có nghĩa là, cứ 10 phụ nữ da trắng thì có một người bị ung thư vú. Diễn dịch như thế là sai và rất nguy hiểm. Nó càng không thể áp dụng cho người Việt Nam, vì nguy cơ bị ung thư vú trong phụ nữ người Việt thấp hơn so với người Mỹ (sẽ đề cập đến trong phần sau đây).

Thế thì con số "1 trong 10" đến từ đâu? Bảng thống kê sau đây hi vọng sẽ giải thích cho bạn đọc biết nguồn gốc của con số "1 trong 10", và có thể so sánh con số này với các bệnh khác như bệnh tim mạch. Trong bảng thống kê này [24] với một dân số tưởng tượng 1000 người được theo dõi từ lúc mới sinh cho đến khi chết, có bốn phụ nữ sẽ bị ung thư vú vào độ tuổi 30, và 13 người bị bệnh vào độ tuổi 40s. Đến tuổi 85, tổng số người bị ung thư vú là 99 trường hợp, và do đó, tương đương với 10%.

Bảng 1: Nguy cơ bị ung thư vú và bệnh tim mạch trong 1000 phụ nữ người da trắng.

Tuổi	Số người còn sống lúc đầu	Số người bị ung thư vú	Số người chết vì ung thư vú	Số người chết vì bệnh tim mạch	Số người chết vì các bệnh khác
0-9	1000	0	0	0	7
10-19	993	0	0	0	2
20-29	991	0	0	0	3
30-34	988	1	0	0	2
35-39	986	3	0	0	3
40-44	983	5	1	1	4
45-49	977	8	2	1	6
50-54	968	11	3	2	11
55-59	952	12	3	5	15
60-64	929	12	3	9	25
65-69	892	14	4	16	36
70-74	836	13	5	28	51
75-79	752	11	6	52	70
80-84	624	9	6	89	95
85+	434	5	7	224	203

Qua bảng thống kê này, chúng ta thấy phần lớn những phụ nữ bị ung thư vú không chết vì ung thư vú; chỉ ba trong số 100 người sẽ chết vì ung thư vú vào tuổi 85. Và, chúng ta cũng thấy con số phụ nữ chết vì bệnh tim mạch cao gấp sáu lần so với con số chết vì ung thư vú.

Dĩ nhiên, những con số trong bảng thống kê trên đây có thể khác biệt giữa các sắc dân. Nhưng mục tiêu của người viết là muốn làm sáng tỏ con số "1 trong 10" mà giới truyền thông và thậm chí bác sĩ đã hiểu lầm quá nhiều và quá lâu.

Trong quá khứ có quá nhiều hiểu lầm về nguy cơ ung thư vú. Trong một nghiên cứu về sự hiểu biết của phụ nữ (tuổi từ 40 đến 49) về con số "1 trong 10", các nhà nghiên cứu trình bày một dân số gồm 1000 phụ nữ cùng độ tuổi với họ, và hỏi trong 10 năm tới có bao nhiêu người sẽ chết vì ung thư vú? Câu trả lời thông thường nhất là 100 (tức 10%, hay 1 trong 10) [25]. Như vậy, con số "1 trong 10" được hiểu là 10% tử vong! Nhưng trong thực tế, như trình bày trong bảng thống kê trên, trong số 1000 phụ nữ đến độ tuổi trung bình 45, chỉ có 5 (hay 0.05%) — chứ không phải 100 — người chết vì ung thư vú. Nói một cách khác, các phụ nữ này đã ước đoán nguy cơ chết cao hơn thực tế đến 20 lần. Chính vì hiểu lầm này, bệnh ung thư vú được giới truyền thông phóng đại lên thành một căn bệnh khủng khiếp nhất trong giới phụ nữ.

Bao nhiêu phụ nữ Việt Nam bị ung thư vú?

Theo thống kê của Viện ung thư quốc gia Mỹ (National Cancer Institute), trong thời gian từ 1996 đến 2000, tỉ suất phát hiện ung thư vú trong các phụ nữ da trắng là 141 trên 100,000 phụ nữ, tức 0.014 phần trăm (hay trong 10 ngàn phụ nữ, có 14 người bị phát hiện ung thư vú hàng năm) [26].

Còn trong cộng đồng người Việt ở Mỹ thì sao? Gần đây, có người cho rằng tỉ lệ phụ nữ người Việt bị ung thư vú chẳng kém gì người Mỹ da trắng. Nhưng cơ sở của phát biểu này chưa mấy rõ ràng. Thực ra, một nghiên cứu do các nhà nghiên cứu thuộc Đại học Yale công bố mới đây cho thấy ở San Francisco hay vùng phụ cận, tỉ lệ ung thư vú trong người Việt thấp hơn nhiều so với người da trắng. Theo nghiên cứu này [27], tính từ 1988 đến 1992,

tỉ lệ ung thư vú trong phụ nữ Việt Nam là 35 trên 100,000 phụ nữ. Tức là tỉ lệ xác suất bị ung thư vú trong phụ nữ Việt Nam chỉ bằng 1 phần 4 xác suất trong phụ nữ người Mỹ da trắng. Tuy nhiên, trong các loại ung thư, ung thư vú vẫn là một trong hai ung thư hàng đầu trong phụ nữ Việt ở hải ngoại cũng như ở trong nước [28-29]. (Loại ung thư khác thường thấy trong phụ nữ Việt là ung thư cổ tử cung).

Tỉ lệ mắc bệnh ung thư vú thấp trong phụ nữ Việt Nam là một an ủi, một tin vui. Nhưng tỉ lệ thấp có một mặt trái của nó: đó là vấn đề chẩn đoán. Nếu phụ nữ Việt đi khám ung thư vú bằng quang tuyến X, thì tỉ lệ dương tính giả sẽ cao hơn trong người da trắng. Giả dụ như tỉ lệ dương tính thật và âm tính thật là 99% (tức chẩn đoán chỉ sai sót 1%), và nếu trong một cộng đồng với 100,000 phụ nữ, thì có 35 người bị ung thư vú. Nhưng vì tỉ lệ sai sót 1%, nên trong số 99,965 phụ nữ không bị ung thư vú, vẫn có khoảng 1000 người có kết quả dương tính. Vì thế, tỉ lệ dương tính giả có thể lên đến 97%! Nói một cách khác, **nếu một phụ nữ Việt Nam đi khám nghiệm ung thư vú bằng máy X-quang tuyến và có kết quả dương tính, thì xác suất mà phụ nữ này thực sự bị ung thư vú có thể chỉ 3%.** Đó là một sự bất định mà bất cứ phụ nữ nào cũng cần phải biết.

Cắt bỏ vú quá nhiều

Năm 2002, Tập san y học *Western Medical Journal* công bố một công trình nghiên cứu về đặc tính ung thư vú trong cộng đồng người Việt Nam ở vùng Bắc California [27], và kết quả rất đáng lo ngại. Nghiên cứu này cho thấy tỉ lệ ung thư vú trong phụ nữ Việt Nam thấp hơn so với các phụ nữ gốc Trung Quốc, Nhật, Phi Luật Tân, và người Mỹ da trắng. Dù tỉ lệ thấp, phụ nữ Việt Nam thường bị ung thư vú ở độ tuổi tương đối trẻ so với các sắc dân trên. Gần phân nửa (49.6%) phụ nữ Việt Nam bị ung thư vú ở độ tuổi dưới 50; trong khi đó, tỉ lệ này chỉ 22.5% trong phụ nữ Mỹ da trắng, và 35% trong phụ nữ gốc Trung Quốc. Tính trung bình, độ tuổi mà phụ nữ Việt Nam bị ung thư vú là 51 tuổi; trẻ hơn khoảng 11 tuổi so với người Mỹ da trắng (độ tuổi trung bình là 62), và trẻ hơn 6 tuổi so với người Trung Quốc (57 tuổi).

Hiện nay, có nhiều phương pháp trị liệu ung thư vú, từ giải phẫu nghiêm trọng như cắt bỏ toàn bộ vú (masterectomy), đến giải phẫu bảo tồn vú (breast-conserving surgery, như chỉ cắt bỏ bướu ở vú, còn gọi là lumpectomy), hay các biện pháp như quang tuyến trị liệu (radiotherapy) và hóa học trị liệu (chemotherapy), v.v... Tùy theo trường hợp cá nhân cụ thể, nhưng nói chung, có nhiều ý kiến và bằng chứng nghiên cứu cho thấy nếu ung thư chỉ ở dạng "nhẹ" như in situ và localised (tức chưa lan rộng sang các mô khác) thì giải phẫu bảo tồn vú có hiệu nghiệm tương đương với giải phẫu cắt bỏ toàn bộ vú.

Công trình nghiên cứu trên cho thấy tỉ lệ ung thư dạng in situ và localised trong các phụ nữ Việt Nam (chiếm khoảng 68% trong tổng số trường hợp bị ung thư vú) rất tương đương với tỉ lệ trong các sắc dân khác. Tuy nhiên, một điều rất ngạc nhiên là trong số những phụ nữ Việt Nam bị loại ung thư "nhẹ" này, có đến 61% giải phẫu cắt bỏ vú, so với chỉ 46% trong các phụ nữ người Mỹ da trắng và 52% các phụ nữ người Trung Quốc! Tính chung tất cả loại ung thư, tỉ lệ cắt bỏ vú trong phụ nữ Việt Nam vẫn rất cao (64%), so với 50% trong các phụ nữ người Mỹ da trắng, hay 56% trong các phụ nữ người Trung Quốc.

Các nhà nghiên cứu bày tỏ ngạc nhiên về sự chênh lệch quan trọng trên đây, và tỏ ý muốn nghiên cứu thêm để biết tường tận vấn đề. Trong quá khứ đã có nhiều nghiên cứu cho thấy tỉ lệ cắt bỏ vú thường tùy thuộc vào: (i) thành phần bệnh nhân (người nghèo khó trong xã hội thường chọn/bị cắt bỏ vú); (ii) thành phần bác sĩ; và (iii) kinh nghiệm nghề nghiệp của bác sĩ. Công trình nghiên cứu trên đây không xem xét đến ba yếu tố này, nên chúng ta chưa biết tại sao phụ nữ Việt Nam lại bị nhiều giải phẫu như thế.

Có bao nhiêu người đã bị (hay chọn) cắt bỏ vú một cách không cần thiết? Tại sao họ chọn/bị cắt bỏ vú? Trước khi giải phẫu họ có nhận đủ thông tin về lợi và hại của giải phẫu hay không? Bao nhiêu người có kết quả chẩn đoán dương tính giả và quyết định sai? Hậu quả tâm lí ra sao? Cuộc sống của họ ra sao sau khi nhận được kết quả dương tính (hay âm tính)? Không ai biết chuyện gì đã xảy ra cho hàng trăm phụ nữ Việt Nam trong công trình nghiên cứu trên. Có thể đặt ra một giả thuyết là phụ nữ Việt Nam thiếu thông tin liên quan đến vấn đề ung thư vú. Như đề cập đến trong phần đầu của bài viết, chỉ có 1 phần 3 phụ nữ Việt Nam có hiểu biết đầy đủ về ung thư vú. Tình trạng thiếu hiểu biết là hậu quả của vấn đề thiếu thông tin. Thực vậy, thông tin về lợi và hại ung thư trong việc khám nghiệm cũng như điều trị ung thư vú trong cộng đồng còn quá ít, và có

khi không thích hợp. Nhưng nếu thông tin không đầy đủ, họ có thể đi đến những quyết định không sáng suốt.

Vấn đề thông tin y khoa và kiến thức

Rất nhiều phụ nữ tin rằng khám nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X làm giảm tỉ lệ phát bệnh (incidence) ung thư vú. Nhưng họ nhầm lẫn giữa phát hiện sớm và phòng ngừa. Khám nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X không làm giảm tỉ lệ phát bệnh, nhưng có thể làm giảm tử vong do ung thư vú gây ra (dù lợi ích này chỉ được ghi nhận trong các phụ nữ trên 50 tuổi, với một mức độ rất khiêm tốn: 4 trong 1000 người).

Thực ra, nhiều nghiên cứu tâm lí trong phụ nữ cho thấy phần lớn, nếu không muốn nói là đại đa số, tin rằng quang tuyến X là một phương tiện kì diệu có khả năng cứu phụ nữ, thậm chí làm cho họ khỏi bệnh! Họ có được cảm nhận này từ đâu? Cũng như các thành viên khác trong xã hội, phụ nữ dựa vào hệ thống truyền thông như báo chí, radio, truyền hình, internet, bác sĩ, các tổ chức y tế, v.v... để có thông tin. Ở đây, chúng ta hãy xem xét những thông tin về ung thư vú được các tổ chức y tế trình bày như thế nào. Thông thường, những thông tin này thường được bộ y tế, hay các hiệp hội ung thư, hay viện nghiên cứu trình bày dưới dạng truyền đơn (leaflet, brochure, booklet, v.v...) Năm 1997, hai nhà nghiên cứu người Úc phân tích tất cả những tờ truyền đơn liên quan đến ung thư vú được lưu truyền trong công chúng [30], và phát hiện của họ có thể tóm lược như sau:

Bảng số 2. Thông tin được trình bày trong các tờ truyền đơn liên quan đến ung thư vú ở Úc.

Loại thông tin	Số truyền đơn đề cập đến (%)
Nguy cơ bị bệnh ung thư vú	60%
Nguy cơ chết vì ung thư vú	2%
Khả năng sống sót trong các trường hợp ung thư vú	5%
Chỉ số nguy cơ tương đối về tỉ lệ tử vong do ung thư vú gây ra	22%
Chỉ số nguy cơ tuyệt đối về tỉ lệ tử vong do ung thư vú gây ra	không bao giờ
Số người phải khám nghiệm để giảm một trường hợp tử vong do ung thư vú gây ra	không bao giờ
Số lần tái khám nghiệm	14%
Tỉ lệ âm tính giả	26%
Tỉ lệ dương tính giả	không bao giờ

Như bảng thống kê trên đây cho thấy, cái thông tin phổ thông nhất mà giới y tế truyền đạt cho người phụ nữ là tỉ lệ phát bệnh. 60% các tờ truyền đơn đề cập đến tỉ lệ phát bệnh, nhưng chỉ có 2% truyền đơn đề cập đến tử vong. Và khi tử vong được đề cập đến, họ thường dùng chỉ số nguy cơ tương đối (relative risk, 22%) và không bao giờ dùng chỉ số nguy cơ tuyệt đối (absolute risk). Điều khá thú vị là trong khi 26% truyền đơn nói về tỉ lệ âm tính giả, nhưng không truyền đơn nào nói đến vấn đề dương tính giả của việc thử nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X!

Đó là thông tin bằng tiếng Anh. Thông tin bằng tiếng Việt, chẳng những rất ít, mà hàm lượng thông tin còn hạn chế hơn nữa. Người viết bài này chỉ tìm được năm tài liệu (brochure) liên quan đến ung thư vú (được viết bằng tiếng Việt) do các cơ quan y tế thuộc chính phủ hay tổ chức bất vụ lợi ở Mỹ và Úc soạn thảo. Tất cả các tài liệu này đều được chuyển ngữ từ tiếng Anh và dùng số liệu trong người Mỹ hay Úc da trắng; do đó, có nhiều thông tin không thích hợp cho người Việt. Chẳng hạn như những con số "1 trong 10", hay tỉ lệ phát bệnh, v.v... trong người da trắng không thể ứng dụng và diễn dịch cho trường hợp người Việt. Ngoài ra, người chuyển ngữ lại có khuynh hướng rút gọn thông tin gốc, và hậu quả là tất cả các thông tin về tác hại, những nguy cơ liên quan đến việc khám nghiệm bằng quang tuyến X không bao giờ được đề cập đến.

Đả thông vấn đề

Kiến thức về mục đích của việc kiểm tra ung thư vú trong công chúng nói chung, do đó, rất nghèo nàn. Trong một cuộc thăm dò ở Mỹ, hơn một phần ba phụ nữ Mỹ ở bang Florida và một phần ba phụ nữ gốc Mễ Tây Cơ ở bang Washington cho biết họ chưa bao giờ nghe đến việc kiểm tra ung thư vú hay X-quang tuyến vú. Ở Úc, bốn trong năm người [đàn ông và đàn bà] được hỏi trả lời rằng họ không biết rằng kiểm tra ung thư vú là chỉ dành cho những người không có triệu chứng ung thư vú [31]. Trong số những điểm hiểu lầm, có năm điểm quan trọng cần phải được đả thông như sau:

Khám nghiệm ung thư vú dành cho những người đã có triệu chứng? Không đúng. Khám

nghiệm ung thư vú dành cho những người chưa/ không có triệu chứng. Mục đích của việc khám nghiệm là nhằm phát hiện sớm căn bệnh.

Khám nghiệm ung thư vú làm giảm tỉ lệ phát bệnh ung thư vú? Không đúng. Phát hiện sớm không có nghĩa là sẽ phòng chống được bệnh.

Phát hiện ung thư vú sớm cứu sống bệnh nhân và làm giảm tỉ lệ tử vong? Không hẳn như thế. Phát hiện ung thư vú sớm có thể, nhưng không chắc chắn, dẫn đến việc giảm tỉ lệ tử vong. Chẳng hạn như nếu không có một thuật chữa trị hiệu quả nào, việc phát hiện ung thư sớm chẳng có ảnh hưởng gì đến việc cứu sống bệnh nhân, hay kéo dài tuổi thọ, mà chỉ kéo dài thời gian bệnh nhân phải sống với ung thư.

Tất cả các loại ung thư đều di căn (phát triển, lan sang các tế bào khác)? Không đúng. X-quang tuyến vú có thể phát hiện một dạng ung thư vú gọi là "ductal carcinoma in situ" (hay nói nôm na là loại ung thư đứng tại chỗ). Phần lớn các dạng ung thư được phát hiện trong những phụ nữ trẻ tuổi là ở dạng này. Chưa ai biết quá trình lâm sàng của dạng ung thư này, nhưng phân nửa (hay cao hơn) các trường hợp bướu có vẻ không phát triển.

Phát hiện ung thư sớm luôn đem lại lợi ích cho bệnh nhân? Không hẳn. Chẳng hạn như ung thư không di căn, hay chỉ phát triển một cách rất chậm chạp (và chẳng ảnh hưởng gì đến cuộc sống của bệnh nhân), phát hiện sớm chẳng những không đem lại lợi ích nào, mà còn gây ra tác hại cho bệnh nhân. Có thể người phụ nữ, khi bị phát hiện ung thư vú (bất kể nhẹ hay nặng), được bác sĩ khuyên đi điều trị bằng giải phẫu, hay các thuật chữa trị mang tính "xâm nhập" như cắt bỏ vú hay quang tuyến trị liệu, và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân sẽ giảm trầm trọng.

Tạm kết

Ung thư vú là một căn bệnh khó chẩn đoán. Một số bướu phát triển rất nhanh, nhưng một số khác chẳng gây nên triệu chứng nào đáng để ý, và lại có một số bướu nằm trong hai loại trên. Khi quyết định tham gia vào một cuộc khám nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X, người phụ nữ đứng trước một tình thế mà trong đó ảo tưởng về sự tuyệt đối của y khoa và khả năng xử lí thông tin số liệu ảnh hưởng một cách sâu sắc. Ảo tưởng về sự kì diệu của y khoa thường được giới y tế, kể cả bác sĩ, dung dưỡng bằng cách trình bày những thông tin mang tính áp lực cho người bệnh phải chọn giữa hai thái cực về sự chắc chắn và nguy hiểm. Nhưng trong thực tế, sự lựa chọn nằm trong chỉ hai cái nguy hiểm: nguy hiểm khi đi khám, và nguy hiểm khi không đi khám bằng quang tuyến X. Cái ảo tưởng về sự chắc chắn của y khoa còn được gò ép qua những tờ truyền đơn do các cơ quan y tế cung cấp, mà trong đó lợi ích được trình bày một cách thổi phồng (có khả năng lừa dối công chúng), trong khi các tác hại thì lại được mô tả bằng một ngôn ngữ hời hợt, thậm chí còn dấu luôn cả những thông tin quan trọng như tỉ lệ dương tính giả trong các thử nghiệm ung thư vú. Ngoài ra, các thông tin về khám nghiệm bằng quang tuyến X thường được trình bày dưới dạng xác suất, mà ngay cả bác sĩ còn cảm thấy khó hiểu, khó diễn dịch, huống chi là người bệnh không quen với các khái niệm về xác suất. Thành ra, kiến thức về lợi ích và tác hại của việc khám nghiệm ung thư vú bằng quang tuyến X trong phụ nữ cực kì thấp.

Trong cộng đồng người Việt vấn đề thiếu thông tin còn trầm trọng hơn, và hậu quả là phần lớn đồng hương không nghe đến hay biết gì về quang tuyến X và ung thư vú. Có lẽ thiếu thông tin là một yếu tố dẫn đến tỉ lệ giải phẫu cắt bỏ vú quá cao trong phụ nữ Việt Nam ở Bắc California. Hiện nay, đang có nhiều nỗ lực cung cấp thông tin cho đồng hương do các nhóm bất vụ lợi trong cộng đồng chủ trương, nhưng nội dung vẫn còn khiêm tốn. Phần lớn thông tin vẫn được diễn đạt bằng những danh từ chuyên môn, khó hiểu, mà lại "hi sinh" những thông tin về tác hại (hay tiềm năng tác hại) của việc điều tra và chữa trị ung thư vú.

Thiếu thông tin, và khó khăn trong việc xử lí thông tin chỉ là một yếu tố trong tình trạng đáng trách hiện nay trong thế giới y học hiện đại. Nhưng các yếu tố mang tính "thể chế", như bác sĩ cố tìm cách tránh bị kiện cáo, những xung đột, mâu thuẫn giữa các tổ chức muốn truyền đạt thông tin đến phụ nữ và các tổ chức muốn tuyển mộ phụ nữ vào các công trình nghiên cứu và thử nghiệm lâm sàng. Một yếu tố quan trọng khác là lí do cảm tính, như bệnh nhân ưa thích được bình an, được yên tâm, hơn là phải đương đầu với những thông tin thực.

Trong những phương tiện có khả năng làm thay đổi tình trạng hiện nay, phương pháp thông tin có lẽ là đơn giản nhất và có thể đem lại lợi ích cao nhất. Phương pháp này bao gồm việc diễn đạt

tình trạng hiểm nguy một cách rõ ràng và đầy đủ, và giải hóa những thông tin sai lạc đang làm cho công chúng càng lúc càng khó hiểu và gây hoang mang một cách không cần thiết. Một khi công chúng được cung cấp những thông tin chính xác và đầy đủ thì quyết định và thỏa thuận của họ mới được xem là sáng suốt, và có thể góp phần giảm thiểu những vấn nạn cá nhân.

Tài liệu tham khảo và chú thích

[20] Tài liệu "National Vital Statistics Reports," Volume 51, No. 5, ngày 14 tháng Ba, năm 2003, do Department of Health and Human Services, National Center for Health Statistics, và Centers for Disease Control and Prevention soạn thảo và ấn hành.

[21] Cresanta JL. *Epidemiology of cancer in the United States. Primary Care* 1992;19:419-41.

[22] Hanks GE, Scardino PT. *Does screening for prostate cancer make sense?* Scientific American 1996; 275:114-5.

[23] Wingo PA, Ries LA, Rosenberg HM, Miller DS, Edwards BK. Cancer incidence and mortality, 1973-1995: a report card for the U.S. Cancer 1998; 82:1197-207.

[24] Bảng thống kê này do tôi trình bày lại bằng cách dùng số liệu của bài báo sau đây: Phillips KA, Glendon G, Knight JA. *Putting the risk of breast cancer in perspective.* New England Journal of Medicine 1999;340:141-4.

[25] Black WC, Nease RF Jr, Tosteson AN. Perceptions of breast cancer risk and screening effectiveness in women younger than 50 years of age. Journal of the National Cancer Institute 1995; 87:720-31.

[26] Tài liệu "SEER Cancer Statistics Review 1975-2000" (Bảng thống kê số I-5) do National Cancer Institute ấn hành, năm 2001. Tỉ suất (140.8 trên 100,000 dân số) được tính từ năm 1996 đến năm 2000.

[27] Lin SS, Phan JC, Lin AY. *Breast cancer characteristics of Vietnamese women in the Greater San Francisco Bay Area.* West J Med 2002; 176:87-91.

[28] Nguyen MQ, Nguyen CH, Parkin DM. *Cancer incidence in Ho Chi Minh City,* Vietnam, 1995-1998. British Journal of Cancer 1998; 76:472-479.

[29] Anh PTH, Parkin DM, Hanh TN, Du NB. *Camcer in the population of Hanoi, Vietnam 1988-1990.* British Journal of Cancer 1993; 88:1236-42.

[30] Slaytor EK, Ward JE. How risks of breast cancer and benefits of screening are communicated to women: analysis of 58 pamphlets. British Journal of Medicine 1998;317:263-4.

[31] Cockburn J, Redman S, Hill D và Henry E. Public understanding of medical screening. Journal of Medical Screening 1995; 2:224-227.

Tìm đọc

Giòng Sông Thanh Thủy

của Nhất Linh

do Văn Mới tái bản

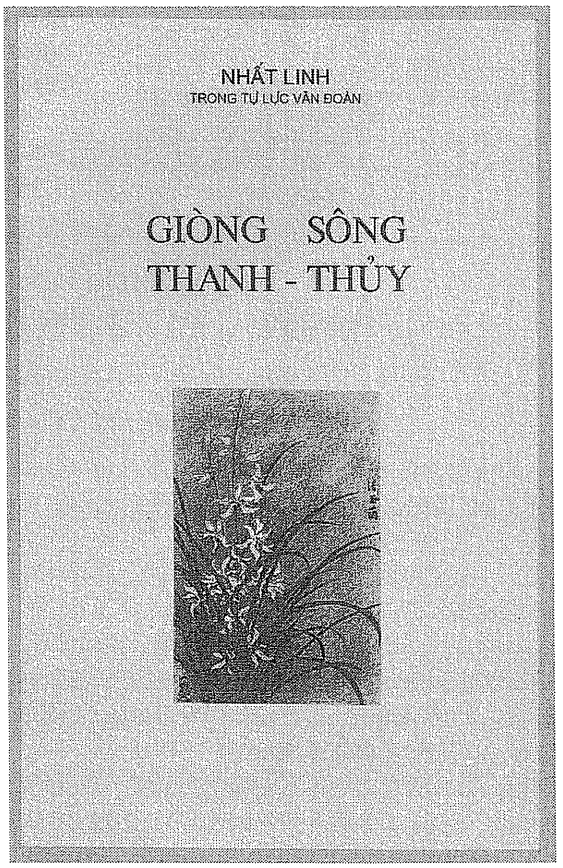

Tìm đọc

Tuyển tập truyện ngắn

"HAI THẾ HỆ"

tác phẩm viết chung của

PHAN VY, TRẦN QUÁN NIỆM

và NGUYỄN LÝ TƯỞNG

1- Cụ **Phan Vỹ**, năm nay 80 tuổi, minh mẫn và khỏe mạnh, suốt đời tranh đấu chống Cộng. Sau 1975 ở tù CS13 năm. Nghị lực rất cao. Trong tù Cụ tịnh khẩu 6 tháng 8 ngày. Trong hai năm qua Cụ trì tụng bộ Đại Bát Nhã Ba La Mật 600 quyển, mỗi ngày từ 4 đến 6 tiếng đồng hồ, gồm 600 cassets, ngày 31 tháng 8, 2003 sẽ hoàn kinh. Ăn chay trường từ năm 1977 đến nay. Tám truyện cụ viết, gửi gấm nỗi lòng cho thế hệ kế tiếp và những kinh nghiệm xương máu trên đường tranh đấu. Cụ đã xuất bản sáu tác phẩm.

2- **Nguyễn Lý Tưởng**, đã viết văn trước 75, cựu Dân Biểu VNCH. Tù Cộng Sản 14 năm. Đã xuất bản 9 tác phẩm thơ văn, biên khảo. Hiện là Tổng Thư Ký Nguyệt San Hiệp Nhất tại Trung Tâm Công Giáo VN, Orange County. Trong tuyển tập này có 5 truyện về tù đầy CS và các đề tài khác.

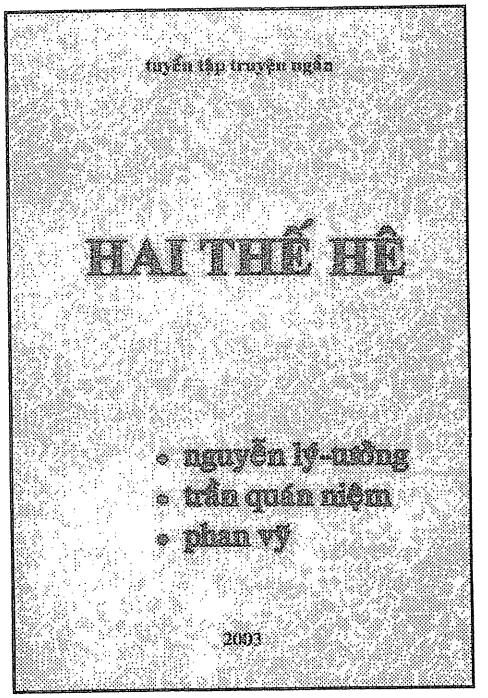

3- **Trần Quán Niệm** có 6 truyện về các mối tình hải hồ của đời lính hải quân, về tâm lý thiếu nữ Việt tại Hoa Kỳ, về hoàn cảnh nghiệt ngã tại miền Nam sau 75... Đã xuất bản 5 tác phẩm thơ văn.

Sách dầy 320 trang. Giá $15 kể luôn cước phí, gửi đến tận nhà với triện son và chữ ký của tác giả Trần Quán Niệm.

Tuyển tập thơ văn

"NỐI LẠI NGHÌN XƯA"

Gồm thơ và văn của nhiều tác giả,

trong đó có thơ tình của TRẦN QUÁN NIỆM

Đặc biệt có hình và những bài tiêu biểu của các tác giả: Bà Tùng Long, Bà Lan Phương, Bàng Bá Lân, Bình Nguyên Lộc, Bùi Giáng, Chế Lan Viên, Đinh Hùng, Dương Thiệu Tước, Hàn Mặc Tử, Hoàng Cầm, Hoàng Đạo, Hoàng Quý, Hồ DZếnh, Huy Cận, Hữu Loan, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, Nguyễn Tuân, Phạm Thiên Thư, Quang Dũng, Tản Đà, Thâm Tâm, Thế Lữ, Ưng Bình Thúc Gia Thị, Vũ Bằng, Xuân Diệu, Phùng Quán, Trần Dần, Hemingway, Picasso, Khổng Tử, Nguyễn Nhược Pháp,Thanh Tịnh, Beethoven, Solzhenitsyn.

Và dĩ nhiên có hình và bài của 40 tác giả hải ngoại góp bài trong tuyển tập.

Sách dày 350 trang, giá $15 kể cả cước phí. Gửi đến tận nhà với triện son và chữ ký của tác giả Trần Quán Niệm.

Giá đặc biệt $25/2 quyển. Ngân phiếu đề Cúc Trần

Liên lạc: **Cúc Trần 3 Coventry Circle East - Marlton NJ 08053 (856) 296-9355**

TranQuanNiem@aol.com (trên subject nhớ đề order sách)

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo
Không kẹt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An:** *(714) 891-6742*

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

HÙNG SƠN

DIAMONDS CENTER

Jewelry

Diamonds and Beauty are Forever

G.I.A CERTIFICATE DIAMONDS

9200 Bolsa Ave. # 128 Westminster. CA 92683

Tel: 714-897-6600

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim